

**LUẬT SU VŨ TRỌNG KHÁNH,  
BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP ĐẦU TIÊN**

Nhiều tác giả

**LUẬT SƯ VŨ TRỌNG KHÁNH,  
BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP  
ĐẦU TIÊN**

Nhóm sưu tầm và biên soạn là con và cháu của cố luật sư Vũ Trọng Khánh, gồm:

- Vũ Trọng Hùng
- Vũ Trọng Khải
- Nguyễn Hữu Nghĩa
- Nguyễn Hồng Anh

**NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC**

## Mục lục

Vài lời phi lộ	11
Lời giới thiệu	13
<b>Luật sư Vũ Trọng Khánh tự thuật</b>	25
Ôn lại lý lịch và quá trình hoạt động của Vũ Trọng Khánh.	25
Phần I: Nguồn gốc và quá trình hình thành gia đình tôi.	25
Phần II: Thành tích của Vũ Trọng Tống, em út tôi:	28
Phần III: Quá trình hoạt động của Vũ Trọng Khánh.	30
Phần IV: Kết luận: Ngẫm lại cuộc đời mình.	45
Chính quyền ở Hải Phòng tan rã...	48

### **LUẬT SƯ VŨ TRỌNG KHÁNH, BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP ĐẦU TIÊN** || Nhiều tác giả

© 2015 Ông Vũ Trọng Khải. Nhà xuất bản xuất bản theo giấy  
chấp thuận xuất bản của ông Vũ Trọng Khải.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản,  
sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử mà  
không có sự cho phép của NXB Tri thức là vi phạm luật pháp.

LUẬT SƯ VŨ TRỌNG KHÁNH...

<b>Cuộc tranh luận về vấn đề tư pháp trên báo <i>Sự thật</i> trong các năm 1948 và 1949 giữa ông Vũ Trọng Khánh và ông Quang Đạm</b>	65
I/ Tư pháp là một khí cụ riêng của tập đoàn chính trị	74
II/ Phân quyền và độc lập	79
III/ Nhiệm vụ tư pháp Việt Nam	87
IV/ Kết luận	99
<b>Những bài viết của người đương thời về luật sư Vũ Trọng Khánh</b>	101
Vũ Trọng Khánh - Ôn hòa khôn khéo bảo vệ chính nghĩa.	
<b>Vũ Đình Hòe</b>	101
Luật sư Vũ Trọng Khánh, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đầu tiên.	
<b>Phan Đăng Thanh, Trương Thị Hòa</b>	111
Vị Bộ trưởng Bộ Tư pháp đầu tiên - người đặt nền móng cho nền tư pháp vì công lý.	
<b>Thạc sĩ Nguyễn Xuân Tùng</b>	128
Danh tài họ Vũ: luật sư Vũ Trọng Khánh – Nhà trí thức họ Vũ yêu nước.	
<b>Ngô Đăng Lợi</b>	137

Ngày 23-8-1945 giành chính quyền ở thành phố Hải Phòng.	
<b>Nguyễn Hùng Phong</b>	149
Nét chữ, tính người.	
<b>Vũ Trọng Tống</b>	155
Nhớ về luật sư Vũ Trọng Khánh một nhân vật tiêu biểu của giới luật gia Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh.	
<b>GS. Luật sư Lưu Văn Đạt</b>	160
Chuyện về lá thư riêng của Bác Hồ.	
<b>Trần Quân Ngọc</b>	167
Phong cách luật sư Vũ Trọng Khánh ngoài đời và trong gia đình.	
<b>Nguyễn Hữu Nghĩa</b>	175
Những ấn tượng không bao giờ nhạt phai.	
<b>Nữ nhà giáo Đàm Lê Đức</b>	189
Tiểu ban vận trù học và luật sư Vũ Trọng Khánh.	
<b>Nguyễn Vũ Phong</b>	195
Vài ký ức về ba tôi.	
<b>Vũ Trọng Khải</b>	200
Niên biểu Vũ Trọng Khánh	218

LUẬT SƯ VŨ TRỌNG KHÁNH...

<b>Phụ lục</b>	221
Danh mục những sắc lệnh do Bộ trưởng Vũ Trọng Khánh trình chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký, Bộ trưởng Vũ Trọng Khánh tiếp ký.	221
Nội dung một số sắc lệnh quan trọng nhất	225



Luật sư Vũ Trọng Khánh  
(1912-1996)

## Vài lời phi lộ

Năm 2015, Việt Nam kỷ niệm nhiều ngày lễ lớn: 70 năm Cách mạng tháng Tám và quốc khánh 2-9, ngày thành lập Bộ Tư pháp 28-8, ngày truyền thống luật sư Việt Nam 10-10. Đồng thời, năm nay còn có ngày giỗ lần thứ 20 cố luật sư Vũ Trọng Khánh, vị Bộ trưởng Bộ Tư pháp đầu tiên, mừng 3 tháng chạp, năm Ất Mùi (âm lịch). Chúng tôi là con, cháu của cố luật sư Vũ Trọng Khánh, đã sưu tầm và biên soạn cuốn sách này như là một nén hương thắp lên để tưởng niệm và biết ơn cố luật sư Vũ Trọng Khánh, người đã có nhiều đóng góp trí tuệ, tâm huyết cho công việc xây dựng thể chế Việt Nam dân chủ cộng hòa trong những ngày lịch sử giành chính quyền về tay nhân dân, xóa bỏ ách nô lệ, kháng chiến chống thực dân Pháp, bảo vệ nền độc lập dân tộc và kiến quốc...

Chúng tôi xin cảm ơn các quý vị đã viết bài và giúp cho việc sưu tầm tư liệu cho cuốn sách này.

## LUẬT SƯ VŨ TRỌNG KHÁNH...

Chúng tôi có lời xin lỗi đến một số vị có bài viết được in trong cuốn sách mà chúng tôi không biết làm cách nào để liên hệ và xin phép...

Chắc chắn cuốn sách này không tránh khỏi những sai sót. Xin quý bạn đọc lượng thứ và chỉ giáo.

Nhóm biên soạn

## Lời giới thiệu

GS. Trần Đình Bút

*“Ôn cố nhi tri tân, khả dĩ vi sự hĩ”,* có nghĩa là *“xem việc đời xưa mà hiểu việc đời nay, thì có thể làm thầy vậy”*. Người xưa đã nói vậy. Ôn cố không phải là nhớ và hiểu về quá khứ của một con người hay một dân tộc, một cộng đồng dân cư, để thỏa mãn trí tò mò, mà điều quan trọng hơn nhiều là để tìm ra những bài học bổ ích từ lịch sử nhằm phát huy những kinh nghiệm quý báu, tránh những khiếm khuyết, sai lầm của quá khứ, giúp cho tiến trình phát triển hôm nay và ngày mai của mỗi cá nhân, cộng đồng hay mỗi dân tộc đạt hiệu quả cao hơn trước. Trong tiến trình phát triển, mỗi người, mỗi dân tộc cần và có thể rút kinh nghiệm từ những bài học thất bại, thành công trong lịch sử không chỉ của chính mình mà còn của người khác, dân tộc khác. Sự kiện lịch sử chỉ xảy ra duy nhất một lần, nhưng người ta lại có thể có nhiều cách viết thể hiện những quan điểm, nhận thức khác nhau về cùng một

sự kiện, tùy theo góc nhìn của người viết. Do vậy, người ta cũng có những nhận thức khác nhau khi rút ra những bài học từ cùng một sự kiện lịch sử.

Trên căn bản nhận thức như vậy, nhóm tác giả đã sưu tầm, biên soạn cuốn sách: **“Luật sư Vũ Trọng Khánh, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đầu tiên”**.

Cuốn sách bao gồm hai phần lớn: Ngoài lời giới thiệu, **phần 1** là những bài viết tự thuật của luật sư Vũ Trọng Khánh về lý lịch gia đình, quá trình hoạt động xã hội của luật sư từ thuở thiếu thời đến những ngày tháng cuối đời; các bài viết tranh luận về vấn đề tư pháp với ông Quang Đạm trên báo *Sự thật* trong những năm tháng đầu của thể chế Việt Nam dân chủ cộng hòa; **phần 2** là những bài viết của những người đương thời về luật sư Vũ Trọng Khánh. Họ là những đồng môn, đồng nghiệp, những người thân, người bạn, hay học trò của luật sư.

Lịch sử đã chứng minh rằng, đất nước trong thời kỳ thịnh vượng bao giờ cũng đều do những người thuộc tầng lớp tinh hoa nhất của dân tộc lãnh đạo, quản lý, từ cấp cao nhất đến cấp cơ sở. Trong chế độ quân chủ, độc tài, đất nước thịnh trị nhờ có minh quân và giới sĩ phu, trí thức do minh quân quy tụ xung quanh mình để cai trị. Theo đó, dân tộc chỉ có thể trông chờ vào sự may mắn của sự xuất hiện minh quân. Và theo truyền thống cha truyền con nối, thường là những kẻ cai trị càng về sau càng suy thoái

cả về tri thức và nhân cách, khiến cho dân tộc điêu tàn, thậm chí rơi vào ách đô hộ của ngoại bang, chìm đắm trong đêm trường nô lệ. Ví như thời hậu Lê, Lê Thái Tổ, Lê Thánh Tông là hai vị minh quân, nhưng truyền ngôi đến Lê Chiêu Thống, thì y lại là một tên hôn quân, sươn hèn và bán nước.

Còn trong chế độ cộng hòa, dân chủ, tình trạng trên dễ được khắc phục. Bởi nhân dân là người duy nhất có quyền chọn và thuê những người thuộc tầng lớp tinh hoa làm nhiệm vụ quản lý đất nước cho mình. Nếu trong thời điểm nào đó, nhân dân chọn lầm người lãnh đạo, họ có quyền phế truất theo luật định. Bởi *“nhân dân có quyền đuổi chính phủ”* (lời Chủ tịch Hồ Chí Minh). Chứ không phải là Quốc hội do dân bầu nên Quốc hội làm luật sai thì dân phải chịu, không thể ký luật được ai (!).

Vậy những người thuộc tầng lớp tinh hoa trong mỗi thời kỳ lịch sử của đất nước sinh ra từ đâu? Ba yếu tố gia đình (gene di truyền, truyền thống văn hoá gia tộc), học đường và xã hội đương thời kết tạo nên những con người, xét trên các khía cạnh trí tuệ, sức khoẻ, tư chất và nhân cách.

Trong hồi ký của mình, luật sư Vũ Trọng Khánh tự nhận là người *“không ham mê quyền lợi riêng tư, danh vọng, địa vị... sống nhường nhịn, nhũn nhặn, ẩn lánh”* nhưng *“ch chuộng lẽ phải, say mê khoa học, kỹ thuật, văn học, ham tiến bộ...”*. Nguyên nhân tạo nên tính cách ấy

*“trước tiên là tính nết bố mẹ tôi hiền lành, làm ăn một cách bình thường..., sẵn lòng chịu đựng thiếu thốn, vất vả để tôi chủ động trong trường thành”. Trong 12 năm học ở trường Lycée Albert Sarraut, ông “được hưởng chính sự giáo dục đào tạo các trẻ em Pháp. Các bà giáo, ông giáo là người Pháp đều giỏi... giảng dạy với ý thức trau dồi kiến thức... đối xử công minh, không phân biệt trẻ Pháp và trẻ Việt Nam”. Có thầy giáo còn khen: “Khánh học để hiểu biết, chứ không vì điểm”. Còn khi học đại học Luật Hà Nội, một phân hiệu của trường đại học Paris, “không phải là sản phẩm của thuộc địa... Các thầy giáo từ Paris sang giảng dạy và chấm thi, trình độ quốc tế, đảm bảo chất lượng khoa học, không sợ chính quyền thuộc địa kìm hãm” ... “tổ chức thi đảm bảo trình độ và công minh”. Quyền tự chủ của trường đại học là một nguyên nhân đảm bảo chất lượng đào tạo cao.*

Trong nửa đầu thế kỷ 20, giới tinh hoa Việt Nam được hình thành nhờ nền giáo dục của văn minh và văn hoá Pháp, không phụ thuộc vào chính sách cai trị phản động của chế độ thực dân, đồng thời nhờ truyền thống yêu nước, khát khao độc lập dân tộc, nên luôn luôn nung nấu ý chí tìm đường đấu tranh để Việt Nam thoát khỏi ách nô lệ của thực dân Pháp. Họ đã thử nhiều con đường, cuối cùng gặp trào lưu mác-xít đang nở rộ trên thế giới ở giữa thế kỷ 20. Có thể nói lòng yêu nước nồng nàn, ý chí độc lập dân tộc đã dẫn họ đến với Đảng Cộng sản, Mặt trận Việt Minh và nhà yêu

nước Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, để cùng với giới cần lao làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám, giành chính quyền từ phát-xít Nhật và Chính phủ Trần Trọng Kim mà họ cho rằng thân Nhật, theo thuyết Đại Đông Á. Và phần lớn những bộ trưởng, công chức trong Chính phủ Trần Trọng Kim, thuộc tầng lớp tinh hoa của dân tộc, sau Cách mạng tháng Tám, đã đi theo Việt Minh và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Điều đó dường như là một định mệnh lịch sử của dân tộc. Luật sư Vũ Trọng Khánh là một trong số người đó.

Khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập, dưới sự chỉ huy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, họ hồ hởi tham gia kiến quốc bằng tất cả trí tuệ và tâm huyết của mình, để Việt Nam có thể sớm *“sánh vai với các cường quốc năm châu”* (lời Hồ Chí Minh).

Riêng giới luật gia, bằng kiến thức chuyên môn được đào tạo bài bản, đạt trình độ quốc tế, tiếp thu nền văn minh và văn hoá Âu châu, họ hồ hởi bắt tay vào xây dựng thể chế “Việt Nam dân chủ cộng hòa”, một kiểu nhà nước pháp quyền. Vì thế, trên cương vị Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa, ông Vũ Trọng Khánh (lúc này không còn là luật sư nữa) đã tích cực mang hết tâm huyết và trí tuệ tham gia xây dựng *“nền đđ”* (theo Vũ Trọng Khánh) của nhà nước pháp quyền, nói chung và hệ thống tư pháp dân chủ cộng hòa, nói riêng. Chỉ trong 181 ngày trên cương vị Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

ông đã soạn thảo khoảng 30 sắc lệnh trình Chính phủ “*thỏa thuận*” (thuật ngữ thời đó) rồi được Chủ tịch Chính phủ Hồ Chí Minh ký và ông tiếp ký, đóng dấu để ban hành. Như vậy, bình quân 6 ngày, ông soạn thảo 1 sắc lệnh. Cũng cần mở ngoặc một chút ở đây là, khi chưa có Quốc hội (Nghị viện) nên chưa có luật và Chính phủ phải quản lý đất nước bằng sắc lệnh. Bộ trưởng nào có trách nhiệm soạn thảo và thực thi nội dung của sắc lệnh nào thì phải và có quyền “tiếp ký” và đóng dấu của Bộ đó sau chữ ký của Chủ tịch Chính phủ. Điều đó thể hiện trách nhiệm và quyền hạn của Bộ trưởng trong việc soạn thảo và thực thi sắc lệnh đó trước Chính phủ và trước quốc dân (chứ không phải chỉ ký “nháy” hay ký “ruồi” như bây giờ).

Ông Vũ Trọng Khánh đã bộc bạch là khi soạn thảo các sắc lệnh này cũng như khi thực thi công vụ, ông đã dựa vào kinh nghiệm tổ chức nhà nước của Pháp, khoa học pháp lý và kinh nghiệm hành nghề luật sư. Ông nhận thức rằng không thể bê nguyên xi “cây luật pháp” của nước ngoài vào “trồng” ở Việt Nam, mà phải biết chọn “những nhánh cây” phù hợp với khí hậu nước ta. Mặt khác, Việt Nam cũng là một phần của nhân loại cùng chung xu hướng xã hội như các nước, nên phải thừa kế những cái chung của thế giới. Nhân mạnh thái quá cái riêng sẽ làm cho Việt Nam đứng ngoài nhân loại văn minh. Khi tranh luận với ông Quang Đạm, ông viết “tôi tưởng nhiều cây chính trị

mọc trong vườn ta thuộc cùng một loại với các cây ở vườn *nước* khác, bởi vì không lý nào ta lại gạt bỏ những kinh nghiệm của nước bạn, nó là kho tàng chung của nhân loại chứ không riêng gì của một nước. Chỗ khó là hiểu được cái gì hợp, cái gì không hợp với hoàn cảnh nước ta”. Chính vì thế, ngày 10-10-1945, ông đã trình Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành Sắc lệnh số 47 quy định việc “Tạm thời giữ nguyên như cũ luật lệ ở Bắc, Trung, Nam bộ cho đến khi ban hành những bộ luật pháp duy nhất cho toàn cõi Việt Nam, nếu những luật ấy không trái với những điều thay đổi trong sắc lệnh này”. Những bộ luật hiện hành ấy bao gồm luật hộ, luật thương mại, luật hình, luật tố tụng, chi phối điều chỉnh hầu hết các hành vi của người dân và các tổ chức của quốc gia. Đồng thời, sắc lệnh còn ghi rõ ở điều 12: “Những điều khoản trong các luật lệ cũ được tạm giữ lại với sắc lệnh này, chỉ thi hành khi nào không trái với nền độc lập của nước Việt Nam và chính thể dân chủ cộng hòa”. Ngày 20-10-1945, một sắc lệnh quan trọng khác được ban hành là Sắc lệnh số 53 quy định về quốc tịch Việt Nam. Có thể nói hai sắc lệnh này quan trọng và sớm được ban hành vì nó chi phối hầu hết các hoạt động kinh tế - xã hội của quốc gia theo chế độ pháp trị dân chủ, cộng hòa.

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân và các tổ chức, trừng trị kẻ xấu, vi phạm pháp luật một cách công minh, nhân bản và tránh oan sai, ngăn chặn sự

lộ hành của “*quan cách mạng*” (lời Hồ Chí Minh), ba sắc lệnh làm nền tảng của hệ thống tư pháp dân chủ cộng hòa cũng đã sớm được ban hành. Đó là Sắc lệnh 46 ngày 10-10-1945 quy định các tổ chức các đoàn thể luật sư của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa; Sắc lệnh số 13 ngày 24-01-1946 quy định cách tổ chức tòa án và các ngạch thẩm phán trong nước gồm 114 điều; Sắc lệnh số 21 ngày 14-02-1946 về tổ chức tòa án quân sự.

Bây giờ chúng ta đang bàn về cải cách của luật pháp nói chung để xây dựng nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp nói riêng, thiết nghĩ những kinh nghiệm về pháp lý từ những năm đầu của thể chế Việt Nam dân chủ cộng hòa vẫn còn có giá trị thời sự. Tháng 5-2015, Quốc hội Việt Nam bàn luận về việc có hay không ghi vào luật rằng tòa án và thẩm phán không có quyền từ chối xét xử những vụ việc chưa có luật điều chỉnh. Còn trong Sắc lệnh số 13 ngày 24-01-1946, điều 80 đã ghi rất rõ ràng là “*các thẩm phán không thể lấy cớ gì, ngoài trường hợp cáo tị và hồi tị* (nghĩa là vắng mặt theo từ dùng thời đó), *mà từ chối, không xét xử một việc nào*”. Chính vì có quy định này, án lệ mới nảy sinh trên căn bản đạo lý, lương tâm, kinh nghiệm, bản lĩnh của thẩm phán. Điều đó đảm bảo công lý cho mọi người, mọi tổ chức.

“*Ôn hòa trong xử sự những việc cụ thể, nhưng không thỏa hiệp trong những vấn đề nguyên tắc*” (lời Vũ Đình Hòe). Cho nên ở khu 10, khi ông Vũ Trọng Khánh làm

giám đốc tư pháp trong các năm 1947 và 1948, sự xung đột giữa tư pháp (tòa án) và hành pháp (Ủy ban kháng chiến hành chính) trong khi xử lý các vụ việc đã không xảy ra gay gắt như các đơn vị hành chính khác. Còn trong tranh luận về tư pháp với ông Quang Đạm trên báo *Sự thật* năm 1948 và 1949, luật sư Vũ Trọng Khánh đã kiên quyết sắc sảo bảo vệ quan điểm của mình. Trong hồi ký của mình, ông Vũ Đình Hòe còn viết: “*Chính ông Quang Đạm, bốn chục năm sau đã thừa nhận rằng quan điểm pháp lý của ông lúc ấy (năm 1948 và 1949 khi tranh luận với ông Vũ Trọng Khánh) về lý thuyết có phần đơn giản và siêu hình...*”.

Tháng 4-1961, ở tuổi 49 đang còn đầy sức sống và năng lực, ông Vũ Trọng Khánh không còn giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính Thành phố Hải Phòng, nghĩa là không còn điều kiện tham gia vào việc quản lý ở tầm vĩ mô để tiếp tục xây dựng thể chế dân chủ cộng hòa. Nhưng ông không ngừng nghỉ làm việc cống hiến, không từ những việc nhỏ và khó khăn, miễn là nó đem lại lợi ích thiết thực cho người dân. Thế rồi chiến tranh phá hoại ác liệt bằng không quân của Mỹ ngày càng mở rộng ra khắp miền Bắc, và chế độ quản lý bao cấp, tập trung quan liêu ăn sâu, bám rễ vào mọi mặt đời sống kinh tế, xã hội. Khó khăn muôn vàn, nhưng ông vẫn cố tìm cách để làm những việc có ích. Ông trở lại làm luật sư (không phải hành nghề luật sư), chỉ làm bào chữa viên không được nhận thù lao từ

thân chủ, mà chỉ nhận phụ cấp từ tòa án, trả theo đơn giá do Bộ Tài chính quy định (giống như tiền thù lao làm thêm giờ của công chức). Bằng uy tín và tài năng, tâm huyết của mình, ông đã bào chữa cứu được một số dân oan. Mặt khác, ông nhận thấy môn vận trù học (toán kinh tế), mang lại lợi ích thiết thực trong công tác quản lý, cần và có thể áp dụng ở các đơn vị cơ sở, như xí nghiệp, hợp tác xã. Không nề hà, ông sáng lập và nhận chức Trưởng tiểu ban Vận trù học, thuộc Hội Phổ biến Khoa học Kỹ thuật, sau đó thuộc Ban Khoa học Kỹ thuật thành phố Hải Phòng (tiền thân của Sở Khoa học Công nghệ ngày nay). Chỉ có ông mới đủ uy tín, khả năng tập hợp và tổ chức một số giáo viên toán và thuyết phục những nhà quản lý xí nghiệp, hợp tác xã áp dụng vận trù học.

Thế là ông đã từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố Hải Phòng đến Trưởng tiểu ban Vận trù học thuộc Ban Khoa học Kỹ thuật thành phố Hải Phòng (tương đương cấp trưởng phòng của một sở của thành phố). Ở cương vị nào, luật sư Vũ Trọng Khánh cũng đều cống hiến hết mình cho sự nghiệp phát triển đất nước. Điều đó không chỉ nói lên tâm huyết, trí tuệ mà còn thể hiện năng lực tổ chức thực hiện của ông, từ việc ở tầm quốc gia (vĩ mô) đến những việc ở tầm đơn vị cơ sở, xí nghiệp, hợp tác xã, phường, xã (vi mô).

Cụ Vũ Đình Hòe kết luận: *“Dưới ánh sáng của công cuộc đổi mới hôm nay mà Đảng lãnh đạo, khởi xướng năm 1986 và vẫn đang phấn đấu thực hiện, quan điểm của luật sư Vũ Trọng Khánh không phải là “pháp lý tư sản” mà là chân lý và vẫn đang nóng bỏng tính thời sự”*. Còn trong điện chia buồn khi luật sư Vũ Trọng Khánh từ trần, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết *“... Anh đã hết lòng phục vụ nhân dân, có cống hiến xứng đáng với sự nghiệp đoàn kết toàn dân và xây dựng nền luật học của nước ta”*. (Trần Đình Bút nhân mạnh). Có thể nói đó là nền luật học làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng và hoàn thiện không ngừng hệ thống pháp luật của thể chế dân chủ, cộng hòa, với ba bộ phận cấu thành là nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, kinh tế thị trường và xã hội dân sự.

*Ôn cố nhi tri tân, khả dĩ vi sự hĩ* là vậy.



Tuyên thệ luật sư tại tòa Thượng Thẩm Hà Nội ngày 26-11-1941

## LUẬT SƯ VŨ TRỌNG KHÁNH TỰ THUẬT

### Ôn lại lý lịch và quá trình hoạt động của Vũ Trọng Khánh

#### Phần I: Nguồn gốc và quá trình hình thành gia đình tôi

Mẹ tôi, Phương Thị Thăng, có cửa hàng ở Hà Nội bán đường, mít, chè, miến... nuôi cả gia đình, nhà ở phố Phúc Kiến (đầu Hàng Ngang, Hàng Buồm) số nhà 21 sau chuyển sang số 15 rồi số 19. Bố tôi đi làm cho Pháp, cãi nhau với Pháp rồi bỏ về ở nhà vợ nuôi, không làm gì nữa, nhưng biết bỏ chơi bời, giám nghiệm hút và rất lo việc học hành cho con trai.

Bố xin cho tôi vào trường trẻ con Tây Lycée Albert Sarraut từ lớp 11 (năm 1920). Tôi học đến lớp Nhất, đỗ tú tài phần thứ nhất rồi học lớp Triết học, đỗ nốt tú tài phần hai năm 1932 (Baccalauréat Philosophie). Các giáo sư người Pháp đều giỏi và tận tình, không phân biệt trẻ Pháp và trẻ Việt. Bà giáo sư Gauthier, thạc sĩ

văn học Pháp coi tôi là giỏi văn học Pháp thứ nhì trong lớp, giáo sư Sử Địa nhận xét: “*Khánh học không vì điểm mà để hiểu biết*”. Giáo sư Toán học thường gọi tôi lên bảng giải bài toán khó trước cả lớp. Giáo sư Khoa học tự nhiên Gillet luôn cho tôi điểm 16/20, một hôm tôi ốm không thuộc bài, ông chấm bài viết của tôi thấy tên là ghi điểm 16, sau xem lại hạ xuống 6!. Tôi giải trí bằng thể dục thể thao, đá bóng, chơi với bè bạn người Việt đứng đầu: Nguyễn An Gi, Bùi Huy Đổ, Bùi Đình Chu, Đinh Khắc Chung, Phạm Gia Huỳnh, Vi Văn Bích... có một bạn Pháp rất thân là Wiliam Caux.

Đỗ tú tài xong năm 1932, tôi vào trường đại học Luật ở Hà Nội do các giáo sư thạc sĩ (professeurs agrégés) từ Paris sang giảng. Thạc sĩ là bằng chuyên môn cao nhất, cấp cho những nhà giáo đại học có trình độ khoa học sâu sắc, rộng rãi, đã đỗ trong kỳ sát hạch giữa các nhà chuyên môn giỏi.

Tháng 7-1932, tôi lấy vợ là Trịnh Ngọc Lan (cưới chạy tang ông bố vợ mất) em ruột luật sư Trịnh Đình Thảo nổi tiếng ở Sài Gòn. Đỗ cử nhân luật năm 1936 xong, tôi không ưa làm quan tri huyện, tri phủ nên xuống Hải Phòng ngày 27-2-1938 xin làm thư ký cho Văn phòng luật sư Laubiès ở số nhà 32 đường Chavassieux (nay là đường Quang Trung). Tuy thư ký chỉ làm việc thu xếp giữ gìn các giấy tờ, tôi tự động tranh thủ nghiên cứu hồ sơ các vụ kiện, trao đổi nội dung công việc với khách và dự thảo bài cãi để sẵn

trong hồ sơ, dần dần được chủ nhiệm Laubiès tín nhiệm trình độ của tôi và nhận cho làm luật sư tập sự thay ông Stalter hết hạn tập sự ở Văn phòng Laubiès xin chuyển vào Sài Gòn.

Tôi tuyên thệ Luật sư trước Tòa thượng thẩm Hà Nội ngày 26-11-1941. Nhanh chóng Luật sư Laubiès giao cho tôi điều khiển tất cả văn phòng. Danh tiếng tôi là một luật sư người Việt giỏi lan lên Tòa thượng thẩm Hà Nội được các đồng nghiệp người Pháp trọng nể (vì là người Việt cãi bằng tiếng Pháp thành thạo).

Vào những năm khủng hoảng kinh tế ở nước ta (1929-1935) bố mẹ tôi đóng cửa hàng ở Hà Nội không buôn bán nữa, xuống Hải Phòng sống với tôi trên gác ngôi nhà tôi thuê ở số 110 phố Paul Doumer (Cầu Đất).

Bố tôi là Vũ Thế Vinh chết năm 1941, chôn ở Hải Phòng đến 1945 tôi mới bốc mộ mang về quê Cự Đà (tỉnh Hà Đông).

Mẹ tôi Phương Thị Thăng lâm bệnh, tôi ở bên Pháp dự Hội nghị Fontainebleau về, bèn đưa vào Bệnh viện Saint Paul Hà Nội, sau đưa về quê Cự Đà thì cụ mất ngày 19-12-1946 và chôn ở quê.

Bố mẹ tôi sinh được bốn người con:

1. Vũ Thị Thảo, con gái cả, đã chết, chồng là Đinh Văn Chừng cùng các con đều đã lập gia đình, hiện sống ở Vũng Tàu (Nam bộ).
2. Vũ Trọng Khánh, luật sư, đang cùng gia đình ở Hải Phòng.

3. Vũ Thị Mậu con gái và chồng là Cửu đã chết cả, để lại một con trai sinh sống với vợ con ở miền Nam.
4. Vũ Trọng Tổng, cán bộ quân đội ở Hà Nội với vợ và ba con.

## Phần II: Thành tích của Vũ Trọng Tổng, em út tôi

### **Quá trình công tác:**

- Hoạt động trong Đoàn thanh niên Cứu quốc Hải Phòng, làm nhiệm vụ tuyên truyền cổ động nhân dân theo Việt Minh chống Nhật, Pháp và tham gia tổ chức giành chính quyền Hải Phòng (10-1943 – 10-1945).
- Học trường quân sự ở Hà Nội do Mặt trận Việt Minh cử, sau khi giành được chính quyền Hải Phòng (12-1945 – 2-1946).
- Đại đội trưởng lên Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn trưởng chỉ huy chiến đấu trên địa bàn Hà Nội và Sơn Tây, Hà Nam Ninh (12-1946 – 10-1950); ở Hà Nội án ngữ ô Yên Phụ, bảo vệ đường tiếp tế và đường rút lui của Trung đoàn Thủ đô, chiến đấu trong nội thành Hà Nội.
- Tốt nghiệp Trường sĩ quan lục quân, lớp cán bộ chỉ huy trung cấp. Ra trường, nhận nhiệm vụ tham mưu trưởng trung đoàn, tham gia các chiến dịch ở Sư đoàn 308, sau chiến dịch Điện Biên Phủ, chuyển

- sang pháo binh đi học Trường pháo binh cao cấp Thẩm Dương Trung Quốc (10-1956 – 12-1957).
- Tốt nghiệp Trường pháo binh Trung Quốc loại ưu, về nước giữ chức vụ Tham mưu trưởng Tư lệnh pháo binh Sư đoàn 320 (4-1958 – 12-1960).
  - Sau chuyển về Bộ tổng tham mưu công tác, làm nhiệm vụ tổ chức đào tạo sĩ quan cho toàn quân và làm phái viên của Bộ tham mưu trên chiến trường miền Nam và Campuchia (1-1961 – 3-1982).
  - Về hưu với quân hàm Thượng tá, sau 42 năm công tác liên tục trong quân đội (4-1982).

### **Huân chương:**

- Quân công hạng II.
- Chiến công hạng III.
- Quân kỳ quyết thắng hạng II.
- Chiến thắng hạng II.
- Chiến sĩ vẻ vang hạng I, II, III.
- Huân chương Độc lập hạng III.
- Lão thành cách mạng (theo quyết định của Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 11-11-1982).

### **Huy hiệu:**

- 40 năm tuổi Đảng.
- Chiến sĩ Điện Biên Phủ.
- Chiến sĩ giỏi 1958.

- Chiến thắng 1968.
- Chiến thắng 1972.
- Toàn thắng xuân 1975.

### Phần III: Quá trình hoạt động của Vũ Trọng Khánh

Theo giấy khai sinh: tôi ra đời ngày 3-11-1913 tại Hà Nội.

Thực tế, tôi được sinh ra ngày 13-3-1912 hồi 10 giờ 30 phút sáng (tuổi Nhâm Tý 25 tháng Giêng ta).

Dân tộc: Kinh – không tôn giáo.

Nguyên quán: thôn Cự Đà, xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, Hà Tây.

Địa chỉ thường trú: xưa kia ở Hà Nội, nhà bố mẹ ở phố Phúc Kiến, nay ở Hải Phòng, đường Lạch Tray số 40, đã chuyển xuống số 5 ngõ Lâm Tường, trên đường Tô Hiệu.

#### **A – Hoạt động trước Cách mạng tháng Tám.**

**Năm 1936**, hồi Mặt trận Bình dân, tôi đang là sinh viên đại học Luật ở Hà Nội, đã có quan hệ với báo *Le Travail* của Đảng Cộng sản, đã viết cho báo tập "*Phong trào công nhân thế giới*"; đã dự cuộc mít tinh đón Godard do Đảng tổ chức tại Hà Nội. Godard là một cán bộ Công đoàn nước Pháp sang Việt Nam kiểm tra tình hình cai trị của chính quyền Pháp tại thuộc địa của

Pháp. Tôi tham dự tổ nghiên cứu mác-xít do anh Nguyễn Thế Dục và Phan Tử Nghĩa tổ chức. Trước đó, tôi đã quen anh Nguyễn Thế Dục là người đã bí mật đi học ở Nga về, nên tôi đã có xu hướng mác-xít. Tôi đã tham gia tổ chức một tổ thanh niên dân chủ và được bầu làm tổ trưởng do anh Đào Duy Kỳ chỉ đạo. Tổ này họp được hai lần thì có lệnh rút vào bí mật.

Sau đó tôi tiếp tục học Trường đại học Luật (anh Võ Nguyên Giáp hồi đó cũng học luật trên tôi một lớp và đã được giáo sư thạc sĩ về kinh tế chính trị học Khérian khen). Tốt nghiệp cử nhân Luật, tôi về Hải Phòng làm luật sư, tôi đã tuyên thệ luật sư trước Tòa Thượng thẩm Hà Nội ngày 26-12-1941.

**Năm 1943-1945** ở Hải Phòng, trong khi tôi làm luật sư:

- Ba anh thủy thủ hoạt động cách mạng: Phùng Bá Sắc, Hiền và Huỳnh bị mật thám truy nã đến hỏi việc luật sư, tôi đã giúp đỡ không lấy thù lao.
- Hoàng Minh Chính, cán bộ Việt Minh (bạn của em Vũ Trọng Tổng) hoạt động bí mật ở Hải Phòng thường qua lại nhà tôi, tôi đã chứa chấp và giúp anh mua vũ khí của dân Tàu đi biển khi họ cập bến Hải Phòng buôn bán. Hồi đó em Vũ Trọng Tổng tôi ở trong tổ chức Hướng đạo sinh của anh Hoàng Đạo Thúy, đã chuyển sang hoạt động Việt Minh, thường mang tài liệu tuyên truyền về cho nhà đọc, tuy em tôi không nói ra hoạt động của

mình. Hiện nay em Tổng tôi là Thượng tá Quân đội nhân dân về hưu, ở tại Khu tập thể bộ đội 28 Điện Biên Phủ, Hà Nội.

- Mấy tháng tiền khởi nghĩa, tôi lên Hà Nội tìm Hoàng Minh Chính để xin đi chiến khu nhưng chưa kịp thực hiện thì Cách mạng tháng Tám đã nổ ra.

**Tháng 7-1945**, hai bạn tôi là Vũ Văn Hiền và Phan Anh là hai bộ trưởng trong Chính phủ Trần Trọng Kim rủ tôi ra làm thị trưởng Hải Phòng. Tôi lên Hà Nội hỏi ý kiến anh Vũ Đình Huỳnh, cán bộ Việt Minh, nhưng chưa được trả lời, tôi đã nhận làm Thị trưởng Hải Phòng của Chính phủ Trần Trọng Kim từ 25-7-1945, với dụng tâm giúp cách mạng, bảo vệ Việt Minh. Tôi đã hành động như sau:

- Chiếm lĩnh ngân hàng và các công sở của Pháp, cử người Việt Nam chỉ huy.
- Một nhóm Việt Minh in và rải truyền đơn trong nội thành bị cảnh sát bắt mất anh Ích và một anh khác. Tôi đã ra lệnh cho cảnh sát thả ra.
- Khi hai tên lính Nhật cầm gươm đến gặp tôi, đòi trả khoản tiền làm phà quân sự cho chính quyền Pháp, tôi đã dùng luật bác bỏ, bắt chấp đe dọa.
- Hiến binh Nhật bắt giam một số người, trong đó có nhà văn Lê Đại Thanh, tôi đã can thiệp để người nhà được tiếp cơm, để anh em không bị hành hạ, rồi tôi đã yêu cầu thả, nhưng không được.

- Sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh thì hai tàu chiến Pháp Crayssac và Frizoul tiến vào bến cảng Hải Phòng, thả neo giữa sông, giao thiệp với Nhật xin đổ bộ để lên Hà Nội liên lạc với đoàn Sainteny của Chính phủ Pháp. Để chống lại, tôi trưng dụng các nhà máy để sản xuất vũ khí, giao cho anh Nguyễn Văn Xuân và Vũ Văn Huyền (cán bộ Tòa án Hải Phòng) tổ chức tự vệ ở các khu phố, các đội tập dượt ngày đêm sôi nổi để chuẩn bị chống Pháp đổ bộ (tôi đoán Việt Minh ngầm huy động bên trong nhưng không nói ra), bản thân tôi tập hợp lực lượng vũ trang của chính quyền thành phố: Cảnh sát, hải quan, lính khổ xanh và liên lạc với thiếu úy Hóa chỉ huy một đơn vị lính Việt Nam của bọn Nhật tuyển mộ và tôi lệnh cho khắp nơi từ nội thành đến Đồ Sơn canh gác phát hiện địch đổ bộ...
- Mặt khác, tôi sang Thủy Nguyên gặp anh Nguyễn Bình, Tư lệnh Đệ tứ Chiến khu, bàn kế hoạch phối hợp đánh tàu chiến Pháp. Nguyễn Bình chốt một chốt, tiếp tôi giản dị, thân mật trong một ngôi chùa có du kích canh phòng... Sau đó tôi đến Hiến binh Nhật kích thích tinh thần độc lập dân tộc của Đông Nam Á để xin họ cấp vũ khí..., tên chỉ huy xúc động chạy ra vùi máy vổ nước mát vào mặt nhưng nó không dám cho tôi vũ khí. Tôi liền dọa nếu chúng để cho Pháp đổ bộ thì nhân dân Hải Phòng sẽ đánh, sẽ chết vì không có súng, nhưng trước khi

hy sinh thì sẽ giết hết thường dân Pháp trú ngụ trong thành phố, Nhật sẽ bị trách nhiệm với Đồng minh. Sau đó Nhật đặt hai khẩu liên thanh trên bờ sông chĩa vào hai tàu Pháp, khiến tàu Pháp phải rút đi mất.

- Bọn Pháp kiêu bị Nhật giam giữ trong trại giam khi đảo chính, nay đòi ra, tôi can thiệp để Nhật không thả; có phối hợp với cán bộ Việt Minh vận động nhân dân chống lại việc thả người Pháp, khi ô tô của tôi tới trại giam thì nhân dân tụ tập ở bờ sông trước trại giam, cán bộ Việt Minh vất khăn mặt trên cánh tay làm ám hiệu.
- Bọn người Việt tay sai của Nhật định dựa vào thế hiển binh Nhật mở sòng bạc, tôi cấm không cho mở.
- Tôi từ chối không quan hệ với bọn Việt Nam Quốc dân đảng và bọn Đại Việt.

Trái lại, tôi quan hệ bí mật với cán bộ Việt Minh (trong đó có anh Nguyễn Mạnh Ái sau này là đại tá, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Hải Phòng đã về hưu và anh Tế là anh ruột của Ái) vừa để biết tình hình, phối hợp hành động khi cần, vừa để trợ giúp anh em (cấp tiền, xe đạp).

- Anh Vũ Quốc Uy, cán bộ trên Hà Nội xuống Hải Phòng chuẩn bị cướp chính quyền, đã đến nhà tôi ở ngõ Thuận Thái, số 9, bàn với tôi một đêm về kế hoạch. Tôi báo cáo tình hình Nhật, tình hình vũ khí nguy quyền và chuyển giao quyền hành. Tôi

nhận nhiệm vụ giao thiệp với Nhật để chúng đứng trung lập không can thiệp, chúng nhận lời. Khi thấy ta triển khai lực lượng quần chúng rầm rộ, chúng e sợ chạy đến tìm tôi, tôi phải ổn định tư tưởng cho chúng bằng cách giải thích và bảo đảm với chúng.

Về mặt quân sự, lực lượng Nhật hùng hậu đóng ở Hải Phòng còn nguyên vẹn. Một buổi chiều tối, tôi tiếp đoàn đại diện Chiến khu Đông Triều, tôi nhớ rõ anh Hùng Phong rất trẻ, mặc quần ngắn, ngồi trao đổi với tôi. Anh Hùng Phong khảng khái như một tráng sĩ nói: *"Cướp chính quyền có cần lực lượng vũ trang chúng tôi sẽ đưa vào..."* Tôi cho biết bọn Nhật đồng ý trung lập và yêu cầu ta không mang vũ khí... Sau đó tôi giới thiệu đoàn anh Vũ Quốc Uy và trao đổi với đoàn anh Hùng Phong.

Ngày 23-8-1945, mít tinh trước Nhà hát thành phố, tuyên bố thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng Hải Phòng, trong đó tôi được cử giữ chức vụ Ủy viên hành chính. Đang mít tinh, thì đội quân du kích từ bến Bính tiến vào, Nguyễn Bình đeo kiếm dài, đi bộ trước con ngựa cao... Tôi bố trí đội quân vào đóng ở trại Bảo An binh (tức Thành đội bây giờ ở đầu đường Lạch Tray).

Vài hôm sau, tôi được điện của anh Võ Nguyên Giáp gọi lên Hà Nội nhận chức vụ Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong Chính phủ lâm thời.

Thế là tôi đã làm thị trưởng Hải Phòng được một tháng: 25-7-1945 đến 23-8-1945.

**B – Từ Cách mạng tháng Tám đến nay:** Tôi đã trải qua các nhiệm vụ sau:

**1/ Bộ trưởng Bộ Tư pháp Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa:**

Tham gia cướp chính quyền ở Hải Phòng xong thì được điện của anh Võ Nguyên Giáp, tôi lên Hà Nội ngày 26-8-1945 nhậm chức Bộ trưởng Bộ Tư pháp Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Lúc bấy giờ các quan chức Pháp đã bị quân Nhật giam trong cuộc đảo chính Pháp ngày 9-3-1945. Đến 14-8-1945 Nhật đầu hàng Đồng minh. Quân Trung Quốc cử Lư Hán vào Việt Nam giải giáp quân Nhật: một lũ quân dốt theo cả vợ con lê thê lêch thếch gồng gánh vào Bắc kỳ kiếm ăn vì đói.

**Ngày 2-9-1945**, Chính phủ lâm thời Việt Nam họp mít tinh tại quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập đi vào lòng dân từ Bắc chí Nam, đập vào bọn quân đang xâm nhập Việt Nam: quân Tàu ở miền Bắc, Pháp ở miền Nam và truyền ra thế giới.

Trong tình hình rối ren lúc bấy giờ, tôi bắt tay vào xây dựng Bộ Tư pháp trên tinh thần cảnh giác đối với bọn Tàu trắng (quân Lư Hán) và bọn Pháp (Sainteny); Không để chúng lấn áp mình (bọn Pháp đã dựa vào thể Đồng minh nhẩy dù xuống Bắc bộ Việt Nam). Một hôm, một anh Pháp dẫn một lính Tàu đến gặp tôi đòi thả các công chức Pháp đang bị giam. Tôi từ chối, họ

phải ra về. Tôi giao du với Vĩnh Thụy (tức vua Bảo Đại đã từ chức) để ổn định tư tưởng cho ông ta: lúc đó Vĩnh Thụy đã rời Huế ra Hà Nội nhận danh nghĩa cố vấn Chính phủ cách mạng.

Tôi đã **xây dựng 4 sắc lệnh Tổ chức Tư pháp** được Hồ Chủ tịch ký và tôi tiếp ký. Dựa vào kinh nghiệm tổ chức nhà nước của Pháp và khoa học pháp lý, bốn sắc lệnh đã được cấu tạo nhằm dựng lên một chính quyền mới thành lập mà có điều kiện để tự duy trì và phát triển.

**a/ Sắc lệnh số 46 ngày 10-10-1945** (Công báo số 4 ngày 20-10-1945) tổ chức các đoàn Luật sư. Tổ chức luật sư được tạm giữ như cũ theo Sắc lệnh 25-5-1930 của thời Pháp thuộc, với những sửa đổi sau:

**Điều 2:** Luật sư có quyền bào chữa trước các Tòa án tỉnh trở lên và trước các Tòa án quân sự (chứ không bị hạn chế ở một số Tòa án như dưới thời Pháp).

**Điều 3:** Điều kiện làm luật sư không hạn chế như dưới thời Pháp thuộc mà chỉ đòi hỏi:

- Có quốc tịch Việt Nam, bất kể nam hay nữ.
- Có bằng cử nhân Luật.
- Đã tập sự thành công trong ba năm.

**Điều 4:** Hạnh kiểm tốt:

**b/ Sắc lệnh số 53 ngày 20-10-1945** (Công báo số 7 ngày 16-2-1946) quy định quốc tịch Việt Nam, trong khi chờ Bộ Dân luật của nước Việt Nam.

**c/ Sắc lệnh số 13 ngày 24-1-1946** (Công báo số 7) tổ chức các Tòa án và ngạch thẩm phán gồm 114 điều.

**d/ Sắc lệnh số 21 ngày 14-2-1946** (*Công báo số 9* ngày 2-3-1946) tổ chức Tòa án quân sự.

**đ/ Bản dự thảo Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa** đã được Hồ Chủ tịch ký và tôi tiếp ký.

Bốn sắc lệnh kể trên và bản dự thảo Hiến pháp là nền đá đầu tiên xây dựng nhà nước Việt Nam độc lập, tự chủ một cách thiết thực cụ thể.

Sắc lệnh 53 về quốc tịch Việt Nam ấn định rõ ai là công dân Việt Nam, có quyền lợi, nghĩa vụ cụ thể.

Sắc lệnh số 46 tổ chức đoàn Luật sư là những nhà chuyên môn về pháp luật để làm cố vấn, để bênh vực quyền lợi cho đương sự. Nghiệp vụ luật sư không bị hạn chế như thời Pháp thuộc.

Sắc lệnh số 13 dựng nên các Tòa án xét xử trong chế độ mới.

Sắc lệnh số 21 quy định về Tòa án quân sự.

Bản dự thảo Hiến pháp xác định tư thế của nước Việt Nam độc lập, tự do và mối quan hệ với các nước trên thế giới.

Trong tình hình rối ren, mới mẻ, lúc có nhiều ý kiến khác nhau, lúc không có ý kiến của các anh em, các tổ chức không chuyên về pháp luật trong nước và quốc tế, tôi đã chịu trách nhiệm thảo ra các quy định cơ bản kể trên được Hồ Chủ tịch và Trung ương chấp nhận, những quy định có giá trị lịch sử của thời kỳ đó và giá trị khoa học mang lại hiệu quả trong thực tế.

**Ngày 6-1-1946**, ở Hà Nội, anh Vũ Đình Hòe, anh Cù Huy Cận vận động tôi vào Đảng Dân chủ. Tôi không nhận vì nguyện vọng tôi hướng vào Đảng Cộng sản.

Một buổi trưa anh Võ Nguyên Giáp tự nhiên đến phòng tôi nằm nghỉ trên giường, tôi hơi ngạc nhiên liền sang chơi phòng khác để anh Giáp được yên tĩnh. Về sau mới biết rằng hồi đó có một sự phân bố chức vụ Bộ trưởng cho các đảng phái. Bộ Tư pháp phân cho Đảng Dân chủ và tôi mới hiểu sơ dĩ mời tôi vào Đảng Dân chủ là để giao cho phụ trách Bộ Tư pháp. Tiếc rằng các anh không nói rõ ý đồ, anh Giáp thì không kịp nói gì với tôi, nên tôi không đảm nhiệm Bộ trưởng Bộ Tư pháp và chức vụ đó được giao cho anh Vũ Đình Hòe, đảng viên Đảng Dân chủ, có học luật. Anh Vũ Đình Hòe đến mời tôi làm Thứ trưởng Bộ Tư pháp để cộng tác với anh. Tôi không nhận nên anh Trần Công Tường được giao nhiệm vụ đó.

Về sau tôi nhận làm Chương lý Tòa Thượng thẩm Bắc bộ với dụng tâm sẽ bắt tay trực tiếp xây dựng cụ thể các Tòa án theo Sắc lệnh 13 “của tôi”.

## **2/ Hội nghị Fontainebleau**

Đầu tháng 7-1946, anh Võ Nguyên Giáp cử tôi sang Pháp mang tài liệu trình Bác Hồ rồi dự hội nghị Fontainebleau trong phái đoàn Phạm Văn Đồng.

Hội nghị Fontainebleau đình chỉ, phái đoàn ta rời nước Pháp. Tôi theo đoàn Phạm Văn Đồng đi tàu hỏa

từ Paris xuống Marseille để xuống tàu thủy về Việt Nam. Bà mẹ của một gia đình Pháp mà tôi làm quen thân thiết nói với tôi: *“không biết chúng có để các ông về đến nhà không?”*

Một mình Bác Hồ ở lại Paris, tìm gặp bằng được Bộ trưởng Ngoại giao Pháp Marius Moutet, đến tận nhà lúc đêm khuya để lấy chữ ký vào Tạm ước 14-9-1946 và hứa hẹn sẽ tiếp tục gặp nhau để điều đình. Tôi nghĩ đây là thủ đoạn ngoại giao tài ba để đảm bảo cho phái đoàn ta và Bác Hồ về nước an toàn.

Bác về Việt Nam trên một tàu chiến nhỏ của Pháp có gương cờ Việt Nam. Ở dưới tàu, Bác sinh hoạt trò chuyện giản dị, thân mật, khiến các chỉ huy và thủy thủ tàu Pháp ngạc nhiên rồi quý trọng Bác, quý mến cả đất nước Việt Nam mà họ được đi thăm Hải Phòng, Hà Nội đến mức về sau (tôi nghe nói) họ không chịu theo quân đội Pháp gây chiến với Việt Nam.

**3/ Kháng chiến bùng nổ ngày 19-12-1946**, sau khi hội nghị Fontainebleau đình chỉ.

Tôi nhận chức vụ **Giám đốc tư pháp Chiến khu 10** gồm sáu tỉnh: Vĩnh Yên, Phúc Yên, Phú Thọ, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, từ tháng 12-1946 đến tháng 12-1948.

Lúc đầu toàn chiến khu chỉ có ba Tòa án tỉnh. Trong năm 1947, tôi tích cực thành lập Tòa án các tỉnh khác và đại bộ phận các huyện, chú ý lấy thẩm phán

người thiếu số ở vùng núi cao. Những đề nghị tổ chức của tôi đều được Ủy ban Kháng chiến khu và Bộ Tư pháp chấp thuận. Các Tòa án đã thu dụng được một số anh em trí thức hoặc công chức cũ mà đại bộ phận đã theo kháng chiến và trở nên cán bộ tốt.

Tòa án là cơ quan quyền lực xét xử theo pháp luật, có quyền tha, quyền bắt từ tội cho đến cả tử hình.

Anh em cán bộ chính trị thời đó chỉ quen kiểm điểm, phê bình nội bộ và phục tùng cấp ủy trong mọi việc. Khi một bản án không hợp ý cấp ủy thì bị coi là vô tổ chức nên xảy ra một sự xung đột, bên Đảng cho rằng Tòa án giữ độc lập bất chấp quyền lãnh đạo của Đảng, khiến đã có đề nghị xóa bỏ Bộ Tư pháp!.

Trong Chiến khu 10 của tôi, sự xung đột không đến nỗi trầm trọng vì tôi là người chỉ huy được tin nhiệm của cả hai bên, bên thẩm phán và bên chính trị. Tôi gỡ dần những hiểu lầm để đi đến nhất trí. Có những vụ án quan trọng, trước khi đưa ra xét xử tôi khuyên bên Tòa án trao đổi với bên chính trị, và với cấp ủy trước khi ra tòa.

**Từ 1949 đến 1954** tôi về Bộ Tư pháp làm Trưởng ban nghiên cứu pháp lý (1949 – 12-1951) rồi Giám đốc Vụ hành chính tư pháp của Bộ (1951-1954).

Suốt thời gian kháng chiến tôi làm công tác tư pháp, giúp vào việc tổ chức Tòa án, phổ biến tư tưởng pháp lý mới, đúc kinh nghiệm, nghiên cứu chính sách, đào tạo cán bộ.

Tôi bước đi kháng chiến không chút do dự và trải qua những năm kháng chiến không lúc nào dao động có ý tưởng bỏ hàng ngũ.

**Tháng 10-1954** tôi đi tiếp quản Hà Nội.

**4/ Tháng 5-1955** tôi đang làm **Vụ trưởng tại Bộ Tư pháp** ở Thủ đô, tôi tình nguyện xuống **tiếp quản Hải Phòng** vì ham muốn hoạt động trong thực tế thiết thực.

**Từ tháng 8-1955 đến tháng 12-1956** tôi làm ủy viên Ủy ban hành chính Hải Phòng do Sắc lệnh số 234 ngày 5-8-1955. Tôi tổ chức văn phòng, giảng luật hành chính, luyện cách viết công văn.

**Từ tháng 12-1956 đến tháng 4-1961** tôi làm **Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính Hải Phòng** do Sắc lệnh 250 ngày 10-12-1956. Tôi giữ nhiệm vụ thường trực, quản lý hành chính, văn hóa, xã hội, nhà đất; đã đấu tranh pháp lý đòi Pháp trả lại nhà số 1 Bến Bính và để nắm quyền quản lý nhà của Công giáo; về đối ngoại, tôi tiếp chuyên gia và khách nước ngoài, đón Việt kiều về nước...

**Ngày 19-3-1957** tôi làm đơn xin gia nhập Đảng Lao động Việt Nam. Sau khi thành thị Trung ương, đồng chí Bí thư thành ủy Hoàng Hữu Nhân cho biết ý kiến Hồ Chủ tịch là Phan Anh, Nguyễn Văn Huyền, Vũ Trọng Khánh để ở ngoài Đảng có lợi cho cách mạng hơn.

**5/ Ngoài công tác Ủy ban hành chính Hải Phòng, tôi đã qua các công tác sau:**

- Từ tháng 11-1957 đến 1977: Đại biểu Hội đồng nhân dân.
- Từ 1955: Chủ tịch Ủy ban bảo vệ hòa bình Hải Phòng.
- Từ tháng 4-1960: Hội trưởng Hội phổ biến khoa học kỹ thuật Hải Phòng cho đến ngày giải tán lạng lế; tôi tổ chức tuyên truyền hướng dẫn rộng rãi về khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất công, nông nghiệp và đời sống; được tin nhiệm ở nội thành và nông thôn.
- Từ 1961: Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Hải Phòng qua ba đại hội 26-5-1961; 14-8-1963; 26-10-1971.
- Từ tháng 1-1972 đến 6-1977: Trưởng tiểu ban vận trù học (Toán kinh tế) thuộc Ban khoa học kỹ thuật Hải Phòng (tiền thân của Sở Khoa học và Công nghệ ngày nay).
- Tôi tham gia Đoàn luật sư và bào chữa viên Hải Phòng góp phần bồi dưỡng anh chị em tập sự và đứng bào chữa những vụ cần thiết, trong thời gian dài.
- Tôi hoạt động Hội luật gia Việt Nam từ năm thành lập 1955, liên tục là ủy viên Ban chấp hành trung ương Hội, Chủ tịch Thành hội luật gia Hải Phòng từ ngày thành lập, đến 1987, tôi xin rút chức Chủ

tịch, nhận làm cố vấn Ban chấp hành Hội luật gia Hải Phòng khóa IV từ tháng 6-1987.

- Tôi tham gia nghiên cứu đổi mới tư duy trong pháp luật phục vụ cải tổ, đi vào quản lý kinh tế, xã hội, hành chính, đưa pháp luật xuống cơ sở: phường và xí nghiệp.

6/ Ngày 13-10-1977 tôi nhận quyết định về hưu.

**C – Khen thưởng:**

1. **Huân chương kháng chiến hạng nhất** thưởng ông Vũ Trọng Khánh; Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính Hải Phòng, đã có công lao trong cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của dân tộc.

Hà Nội 21-4-1961, do Chủ tịch nước Hồ Chí Minh ký.

2. **Huân chương kháng chiến hạng Nhất** tặng ông Vũ Trọng Khánh đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Hà Nội 20-12-1986, do Chủ tịch Hội đồng nhà nước Trường Chinh ký.

3. **Bằng khen hạng Nhất** tặng ông Vũ Trọng Khánh ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố, Chủ tịch hội luật gia Hải Phòng đã có thành tích xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam.

Hà Nội 5-11-1986, do Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Huỳnh Tấn Phát ký.

4. **Huy chương vì sự nghiệp Đại đoàn kết toàn dân** tặng ông Vũ Trọng Khánh nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hải Phòng.

Hà Nội 12-5-1990, do ông Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ký.

5. **Huân chương Hồ Chí Minh** tặng Luật sư Vũ Trọng Khánh đã có nhiều công lao góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

Hà Nội 31-3-1994, do Chủ tịch nước Lê Đức Anh ký.

6. **Được công nhận là lão thành cách mạng**, cán bộ hoạt động cách mạng trước năm 1945 (theo quyết định số 310/QĐ – TU ngày 6-10-1992 của Thành ủy Hải Phòng).

**Phần IV: Kết luận: Ngẫm lại cuộc đời mình**

Cuối đời, tôi ngẫm lại đức tính mình trong cuộc sống đã trải qua, ở gia đình và ngoài xã hội.

Tôi không ham mê quyền lợi riêng tư, danh vọng, địa vị trong xã hội Việt Nam mình, càng không thể nghĩ đến danh tiếng ra ngoài nước, không ham vợ vét cho mình, nhất là lại làm hại người khác, tôi sẵn sàng sống nhường nhịn, nhún nhường, ẩn lánh.

Điều tôi mong muốn là làm được việc tốt, có ích cho đời sống của gia đình mình, của nước mình và

đóng góp cho xã hội loài người, nếu có thể. Tôi rất hứng thú đã được đi tham quan tìm hiểu các nước Liên Xô, Trung Quốc, nước Pháp, Ấn Độ, Ai Cập, Bắc Phi,...

Từ nhỏ tôi đã chuộng lẽ phải, say mê khoa học, kỹ thuật, văn học, ham tiến bộ cho mình, cho nước nhà, cho thế giới... cho nên tôi có hứng thú trau dồi kiến thức khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội..., tán thành ngay chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, góp sức đấu tranh cho tiến bộ loài người... Tôi lấy làm hạnh phúc được sống trong thời đại có những chủ nghĩa, những phong trào mưu cầu chính nghĩa, mưu cầu hạnh phúc cho quốc gia, cho toàn cầu...

Cần nhắc nguyên nhân đã tạo ra hệ tư tưởng của đầu óc tôi, tôi thấy trước tiên là tính nết bố mẹ tôi hiền lành, làm ăn một cách bình thường để đủ sống bình thường, sẵn lòng chịu đựng thiếu thốn, vất vả để tôi được chủ động trong tương thành. Bố tôi rất muốn tôi ra làm quan, tôi không tán thành, bố tôi đành chịu.

Rồi đến nhà trường và bè bạn. Tôi theo học trường Trung học Lycée Albert Sarraut của trẻ con Pháp ở Hà Nội trong 12 năm, được hưởng chính sự giáo dục đào tạo các trẻ em Pháp. Các bà giáo, ông giáo là người Pháp đều giỏi, có bằng cử nhân, tiến sĩ, bà Gauthier là thạc sĩ giảng dạy với ý thức trau dồi kiến thức văn học, đối xử công minh, không phân biệt trẻ Pháp, trẻ Việt Nam.

Đến các phong trào yêu nước của dân tộc ta: trường Bưởi bãi khóa, xí nghiệp lãn công, các đảng chính trị dấy lên từ nhỏ đến lớn... Một số bạn ở trường Bưởi đến trao đổi với tôi, tôi theo dõi nhưng không tham gia vì không tin tưởng ở thành công và cảm thấy mình còn non nớt không có gì giục mình hy sinh.

Đỗ tú tài Pháp xong tôi không ra làm quan tri huyện, tri phủ như ý muốn của bố tôi, vì các quan ta là kẻ hầu nhục nhã của quan Pháp (Công sứ, Thống sứ, Toàn quyền...)

Tôi vào Trường Đại học Luật Hà Nội là một phân hiệu Trường Đại học Paris (thủ đô nước Pháp), không phải là sản phẩm của thuộc địa. Thầy giáo là những thạc sĩ (professeurs agrégés) từ Paris sang giảng và chấm thi, trình độ quốc tế, bảo đảm chất lượng khoa học, không sợ chính quyền thuộc địa kìm hãm. Cứ cuối năm học thì Paris cử một giáo sư cao cấp sang tổ chức chấm thi bảo đảm trình độ và công minh.

Tôi đã vượt nhiều khó khăn để ra làm luật sư, một nghề tự do đòi hỏi trình độ thật sự và bản lĩnh tự tôn tự trọng. Nghề tự do, tự chủ đó giúp tôi có điều kiện tìm và theo phong trào cách mạng chân chính cho đến ngày nay.

*Viết tại Hải Phòng, tháng 11 năm 1994*

**Khánh**



Luật sư Vũ Trọng Khánh và Chủ tịch Hồ Chí Minh  
ở Paris - Hè 1946

## Chính quyền ở Hải Phòng tan rã...

### Những hồi tưởng của luật sư Vũ Trọng Khánh

#### Chính quyền thực dân Pháp suy sụp

Hải Phòng trước kia là nhượng địa, thuộc quyền cai trị trực tiếp của Pháp. Một quan Đốc lý Pháp đứng đầu thành phố, bên cạnh có một Hội đồng tư vấn, gồm đa số người Pháp kinh doanh trên đất cảng và một số người Việt cũng là những nhà kinh doanh, thêm vài ba bác sĩ, luật sư (lúc đó là tôi)..., công chức Pháp chỉ huy các cơ quan, các ngành.

Một nhà đá lớn làm trại giam đứng sừng sững bên đầu cầu Ca-rông, cạnh một bệnh viện lè tè cho người bản xứ. Ty mật thám, Ty cảnh sát, trại lính khổ xanh, doanh trại quân đội Pháp, Ty Hải quan là dấu hiệu quyền lực thực dân. Sông Lấp đen bản nằm giữa khu vực ồn ào dân bản xứ, những người lao động lấm láp, những tiểu thương xung quanh chợ Sắt, tách biệt với khu các biệt thự người Pháp sạch sẽ, thoáng mát, yên tĩnh. Một Nhà hát thành phố chỉ đón những đoàn Pháp diễn cho người Pháp, nhìn ra một vườn hoa, ở đó viên Đốc lý cuối cùng Lucciani đã dựng lên năm quán bán hoa kiểu Á Đông duyên dáng, hiện nay vẫn còn di tích.

Chính quyền Pháp nhàn nhã quản lý bến cảng Hải Phòng làm đầu mối giao thông giữa Bắc kỳ với chính

quốc, cho đến ngày chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ ở châu Âu, chụp xuống Hải Phòng những ngọn đèn phòng không lơ mờ. Hải Phòng và Đông Dương xa mầu quốc... dân Pháp ở đây lặng lẽ theo dõi các trận rút lui liên tiếp của quân đội Pháp trước tiến công của Hitler cho đến tin Thống chế Pétain nhanh chóng đầu hàng ngày 17-6-1940.

Nước Pháp quỳ gối là sự kiện đánh một đòn đầu tiên vào uy thế của nước Đại Pháp sang khai hóa dân An-nam lạc hậu. Dân Pháp trên đất Cảng ngày càng im lìm, thì thầm với nhau... quyền bính họ vẫn nắm, thái độ đối xử của họ khôn khéo hơn đối với công chức, họ phân phối thực phẩm, đường sữa cho dân Pháp và tầng lớp trên người An-nam để xoa dịu những lo âu bất mãn.

Nhật đổ bộ vào Hải Phòng tháng 9 năm 1940 là đòn thứ hai hạ uy thế của chính quyền thực dân Pháp. Bộ binh Nhật rầm rập đi qua đường Belgique (Lê Lợi) thu hút thanh niên và trẻ em Việt Nam ta chạy theo, không reo hò, vẻ mặt vừa ngạc nhiên vừa vui vui... Người lớn ta không bộc lộ gì, nhưng không khỏi suy nghĩ làm sao chính quyền Pháp, quân đội cai trị Pháp nuốt được mối nhục này? Sang năm 1941, quân Nhật chiếm đóng toàn cõi Đông Dương rồi xâm nhập dần vào các lĩnh vực cai trị của Pháp.

18 giờ chiều mùng 9-3-1945, quân Nhật triển khai... chiếm các vị trí trong thành phố Hải Phòng, một lính

Nhật sầm sập chạy từ hè bên kia đường sang đóng sập cửa Tòa Đốc lý (lúc đó sơ tán đến ngôi nhà của hãng Descours et Cabaud nay là Bách hóa Minh Khai). Các công sở đã đóng cửa. Nhân dân ở yên trong nhà mình nghe ngóng tiếng súng thưa thớt suốt đêm, sáng hôm sau ủa ra phố... Nhật đã đảo chính Pháp, các quan chức Pháp bị cầm tù, chỉ có vài dân Pháp bị bắn chết... Chính quyền thực dân Pháp đã chấm dứt, một chính quyền tỏ ra yếu hèn trước thử thách.

### **Những tháng giao thời ngắn ngủi (tháng 3 đến tháng 8-1945)**

Mùng 9 tháng 3 năm 1945 Nhật đảo chính Pháp: Ngày 14-8-1945, Nhật đầu hàng Đồng minh.

Bây giờ ai cũng biết những ngày tháng đó, Trung ương Đảng ta lãnh đạo cuộc cách mạng Việt Nam đã tiên đoán về "Nhật Pháp đánh nhau" và đã làm chủ thời cuộc một cách vững vàng như thế nào, khiến những nhà nghiên cứu lịch sử, kể cả chuyên gia Mỹ về sau phải ngạc nhiên và khâm phục. Nhưng chủ trương, nghị quyết của Đảng đâu có phổ biến đến tất cả mọi người cho nên tôi, một người ngoài Đảng, lúc đó sống giữa nhân dân chỉ hiểu biết, hồi hộp, lo âu, vui mừng như nhân dân.

Riêng mình có suy nghĩ trong thâm tâm về trách nhiệm người trí thức đối với đất nước, về ván cờ tuy ngày càng rõ thắng, bại, nhưng vẫn rất tế nhị để tính ra nước đi có lợi nhất cho Tổ quốc mình.

Dân tình lúc đó không đếm xỉa đến bọn quan chức Pháp nữa, cũng chẳng thương hại khi thấy quan Phó Đốc lý Pháp đẩy xe bò dưới sự áp tải của lính Nhật. Nhưng khi Nhật đầu hàng thì ta phải cảnh giác bọn Pháp sẽ ngóc đầu dậy.

Nhân dân căm ghét bọn quân phiệt Nhật đã cướp thóc làm bà con mình chết đói la liệt và cảm thấy họa cai trị của Nhật sẽ vô cùng khốc hại. Không cần nói đến bọn Đại Việt thân Nhật lằng xằng tập hợp nhau chẳng ra trò trống gì!

Tất cả lòng dân đều thu hút vào phong trào Việt Minh, vào những thần thoại lan truyền về các hoạt động táo bạo khắp nơi, phá kho thóc cứu đói, diệt phản động, về các lãnh tụ tài ba, về kỷ luật thép và đức độ thương dân quý dân của người cách mạng. Tất cả các tầng lớp, trước hết là giai cấp công nhân, bà con nông dân rồi đến anh em trí thức, các công chức, nhiều nhà tư sản (như Nguyễn Sơn Hà) cả quan lại (như tri phủ Tạo đã đón Nguyễn Bình – Tư lệnh đệ tứ Chiến khu Đông Triều về đặt bàn doanh ở ngay phủ Thủy Nguyên của mình)... tất cả hướng về Việt Minh như nguồn cứu thế của mình, của dân tộc. Giữa nội thành Hải Phòng, lực lượng quân đội Nhật còn nguyên vẹn và luôn luôn có thái độ chống cộng tàn bạo, thế mà truyền đơn Việt Minh vẫn rải rác, tên phiên dịch của Nhật: Đỗ Đức Phin, dựa thế Nhật làm hại dân đã bị hạ sát tại phố Bonnal (Nguyễn Đức Cảnh) là một hành

động táo bạo cảnh cáo bọn Việt gian, làm cho bà con mình kính phục (sau này được biết đó là thành tích của anh Văn Cao).

Không ai tin thuyết Đại Đông Á của Nhật. Chính phủ Trần Trọng Kim được vua Bảo Đại thành lập dưới cái ô Đại Đông Á, nhân dân lặng thinh theo dõi một cách dè dặt. Dư luận thấy tên nhiều nhân vật có danh tiếng, có học thức tham gia chính phủ đó, nhiều người đánh giá họ cũng có tâm huyết dân tộc, không phải là kẻ phản bội. Nhưng dư luận không thể tin cậy ở tài năng chính trị và trí dũng cảm bất khuất của họ vì họ không có quá trình đấu tranh cách mạng, chưa có từng trải gian nan sinh tử, nhất là họ không có lực lượng tinh thần và vật chất nào trong tay. Có người suy tính xem có thể lợi dụng thuyết Đại Đông Á của Nhật làm lợi cho công cuộc giải phóng dân tộc được không?

Ví như Luật sư Trịnh Đình Thảo đi từ Sài Gòn ra Huế nhận chức Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong nội các Trần Trọng Kim đã xục vào các trại giam ở dọc đường thả hết các chiến sĩ cộng sản bị cầm tù - trong đó một số về sau trở thành cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước - bất chấp sự phản đối gắt của sĩ quan Nhật (xem hồi ký của luật sư).

Tôi đứng trong chiều hướng nhận thức đó cho nên đã nhận chức Thị trưởng Hải Phòng.

Khi còn thanh niên, tôi đã gặp và mến anh Nguyễn Thế Dục, một cán bộ đào tạo ở Nga về. Khi

đang học trường đại học Luật tôi có tham gia hoạt động Mặt trận Bình dân, đã dự nhóm nghiên cứu mácxít của anh Phan Tử Nghĩa, đã theo anh Đào Duy Kỳ thành lập tổ thanh niên dân chủ và được bầu làm tổ trưởng, đã quen anh Võ Nguyên Giáp sinh viên trường Luật và giáo viên trường Thăng Long. Thời kỳ làm luật sư ở Hải Phòng, lúc tiền khởi nghĩa, tôi đã chứa cán bộ Việt Minh và giúp mua súng đạn (anh Hoàng Minh Chính); đã lên Hà Nội gặp cán bộ Việt Minh trao đổi về Hội nghị Tân Trào, theo dõi phong trào sinh viên, hỏi han tình hình chính trị. Xu hướng theo chủ nghĩa mácxít của tôi đã hình thành cho nên tôi không tin tưởng Chính phủ Trần Trọng Kim. Khi anh Vũ Văn Hiến, Bộ trưởng Kinh tế của chính phủ đó mời tôi ra làm Thị trưởng Hải Phòng, tôi lên Hà Nội gặp cán bộ Việt Minh (anh Vũ Đình Huỳnh) để xin ý kiến Tổng bộ. Nhưng chưa được trả lời tôi đã nhận chức Thị trưởng Hải Phòng vào giữa tháng 7-1945, với ý đồ rõ rệt là lợi dụng ưu thế nắm lấy địa bàn Hải Phòng, chiếm lĩnh bộ máy chính quyền, bảo vệ dân, bảo vệ Việt Minh, rồi giao lại thành phố cho Việt Minh được toàn vẹn nhất.

Chiến thuật là nhân danh chính quyền Trần Trọng Kim, tức thân Nhật, để có chức có quyền hành động công khai trước mặt bọn Nhật, nhưng khi cần thì nài danh nghĩa là nước độc lập trong khối Đại Đông Á để không theo đuôi Nhật, mặt trong ngầm dựa vào lực lượng Việt Minh để có thể và lực ủng hộ vững chắc,

rộng rãi. Hai bên, chính quyền và Việt Minh, không ra mặt quan hệ với nhau, không hội họp đi lại bàn bạc; nhiều việc hai bên cùng làm riêng rẽ mà hiểu ngầm với nhau: tôi dựa vào thực lực Việt Minh, Việt Minh nấp sau danh nghĩa chính quyền đang chức của tôi. Chiến thuật đó thực hiện ngay trong nhà tôi.

Em trai tôi, Vũ Trọng Tổng là cán bộ Việt Minh, ban ngày nằm ngủ trong nhà thị trưởng, tối thì cầm súng lục của thị trưởng đi tuyên truyền xung phong, sáng mang tài liệu Việt Minh về cho bà thị trưởng đọc, dạy các cháu hát bài Tiếng gọi thanh niên, Tiến quân ca... không lúc nào nói chuyện công tác của mình với Thị trưởng (vì nguyên tắc hoạt động bí mật). Chiến thuật đó không do một sự suy nghĩ sáng suốt vạch ra mà đã nảy ra một cách tự nhiên từ hoàn cảnh lúc đó, mọi sự đều nhập nhằng, tranh tối tranh sáng, có thể lợi dụng được.

Lý do cấp bách tôi phải nhận làm thị trưởng là sau khi Nhật đảo chính Pháp, thành phố như con ngựa đứt cương: công chức và nhân dân tụ tập, bàn tán, nghe ngóng, không ai cầm đầu. Viên lãnh sự Nhật Nômi chịu trách nhiệm hành chính, thực ra chẳng biết làm gì, quân đội và hiến binh Nhật nắm chặt an ninh. Những tên Việt gian tống tiền; dịch vụ hót rác, đồ thùng phân đình trệ, nước điện chập chờn... Không có người lương thiện ra nắm quyền chỉ huy thì kẻ bất lương chạy chọt sẽ nhảy vào ghế thị trưởng để dựa vào Nhật làm hại dân. Nhất thiết tôi phải nắm ngay ghế thị trưởng.

Sau lễ nhậm chức đơn giản, trước sự chứng kiến của anh Vũ Văn Hiền, Bộ trưởng Kinh tế trong Chính phủ Trần Trọng Kim, việc đầu tiên của tôi là chiếm lĩnh các cơ quan, đặt người Việt làm thủ trưởng, đôn đốc điện, nước, vệ sinh rác rưởi, hổ tiêu, không cho phép làm kém thời Pháp thuộc.

Rồi chiếm lĩnh ngân hàng, nắm lấy cảnh sát, trại giam, bảo an binh, hải quan, phô trương lực lượng để bảo đảm trật tự an ninh, ngăn cản bọn thân Nhật mở sòng bạc... Quản lý hành chính không có gì khó đối với tôi là luật sư, nhất là trong điều kiện chính trị hết sức thuận lợi. Những tư tưởng yêu nước giành độc lập của Việt Minh lan truyền từng đợt sóng ngầm vào lòng mọi tầng lớp nhân dân, kể cả các anh chị em công chức mà lòng tin và phục chủ Pháp không còn nữa. Nay người đứng đầu thành phố, người đứng đầu cơ quan là người mình, trình độ có thừa, thì anh chị em hào hứng làm việc. Tôi biết mình là người đứng mũi chịu sào với danh nghĩa công khai là thị trưởng, còn nền tảng bí mật bên trong là tinh thần cách mạng đã được Việt Minh nhen lên trong lòng dân và nuôi dưỡng thành sức mạnh mà kẻ thù phải e sợ.

Một hôm, một sĩ quan hậu cần Nhật đeo gươm vào gặp thị trưởng đòi thanh toán hợp đồng đóng phà quân sự cho Pháp, tôi viện luật bác bỏ. Tên phiên dịch người Nhật nói: “Ông Khánh không yêu người Pháp

cũng không thích người Nhật”! Về sau mật thám Nhật báo tin cho tôi: “Ông bị nghi là người của Việt Minh!”.

Trong khi đó một số dư luận lại coi tôi là thân Nhật! Tôi cảm thấy hai mũi dao chĩa vào mình trong tình thế mọi việc đều tiến hành bí mật, không có chỗ nào để thanh minh. Lúc đó tôi chẳng có tổ chức nào bảo vệ an toàn cho cá nhân thị trưởng.

*Tôi bình tĩnh làm việc trong cái thế cân bằng mà tôi cảm thấy giữa sự chấp nhận của Nhật, sự đồng tình của Việt Minh và lòng mến trọng của nhân dân thành phố coi tôi là nhân vật có điều kiện tốt nhất để gánh vác trách nhiệm, lúc đó chẳng nghĩ đến lương bổng. Kế hoạch tự bảo vệ khá gây thơ của thị trưởng chỉ là chuẩn bị một chỗ trốn trên trần nhà!*

Rồi các sự kiện xảy ra dồn dập căng thẳng. Bọn quan chức Pháp bị giam trong nhà tù được tin Nhật hoàng đã đầu hàng Đồng minh liền đòi được thả. Cán bộ Việt Minh bàn với thị trưởng: Một bên huy động nhân dân phản đối, một bên dọa quân đội Nhật nếu thả ra thì bọn Pháp sẽ bị nhân dân sát hại. Sự phối hợp lạng lẽ mà hiệu quả: Công khai ô tô của thị trưởng đến cửa trại giam thị sát, bí mật thì cán bộ Việt Minh vắt khăn mặt trên cánh tay làm ám hiệu đứng giữa đám đông để điều khiển biểu tình. Kết quả: bọn Pháp không được thả.

Nhóm anh Ích in và rải truyền đơn Việt Minh bị cảnh sát bắt giam. Được Việt Minh báo tin, tôi ra lệnh thả tức khắc.

Sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh ngày 14-8-1945, hai tàu chiến nhỏ của Pháp Crayssac và Frizoul tiến vào đậu trước cảng, rồi sĩ quan Pháp lên yết kiến Tư lệnh Nhật xin đổ bộ (sau này ta biết họ được lệnh của Sainteny gấp rút từ ngoài khơi vào để đi Hà Nội bắt liên lạc với Sainteny âm mưu chiếm lại Đông Dương). Thị trưởng công khai cử anh Vũ Văn Huyền và Nguyễn Văn Xuân, hai cán bộ tòa án, tổ chức các đội tự vệ đường phố tập dượt ngày đêm, đồng thời phát lệnh trưng dụng các xí nghiệp như Combel để sản xuất vũ khí thô sơ. Cứ mỗi khi có tàu Pháp dập dinh sán vào bến thì đường phố tập hợp sôi sục: chính quyền thành phố công khai động viên, ngấm ngấm thì Việt Minh chỉ đạo. Những ngày căng thẳng ấy dân phố và cán bộ cùng thị trưởng nhiều đêm thức trắng. Một chiều, thị trưởng được tin một tàu Pháp tiến vào Đồ Sơn có tên râu xồm đứng trên boong! Các lực lượng của ta túc trực sẵn sàng. Một giờ khuya, điện báo lại: đó là tàu đánh cá của ta!

Một đoàn công chức đến bàn giấy chất vấn thị trưởng tại sao lại để hai tàu chiến của Pháp đậu ở cảng? Thị trưởng đành phải báo cáo kế hoạch đã định là sẽ cho hai xuồng sắt cảm tử trôi theo dòng húc vào chúng... Kế hoạch đó thế là bị tiết lộ, phải bị bãi bỏ. Tôi liền sang Thủy Nguyên gặp anh Nguyễn Bình, Tư lệnh đệ tứ Chiến khu Đông Triều bàn kế hoạch phối hợp quân sự. Tôi biết tri phủ Thủy Nguyên là Nguyễn Văn

Tạo đã để Nguyễn Bình đóng tại phủ của mình nên tôi cử anh Vũ Văn Huyền đi tiền trạm sang Thủy Nguyên, nhờ anh Tạo nói với Nguyễn Bình cho tôi gặp và hẹn ngày. Ô tô của thị trưởng đi qua các trạm gác của những thanh niên cầm súng ẩn trong bụi cây rồi đến một ngôi đình, anh Nguyễn Bình tiếp tôi giản dị thân mật, hai anh em trao đổi tình hình và anh Nguyễn Bình nhận lời hỗ trợ nội thành.

Trong nội thành, tôi tập hợp lực lượng vũ trang của cảnh sát, liên phóng, bảo an binh, hải quan và đơn vị lính Việt Nam mà Nhật tuyển mộ do thiếu úy Hóa chỉ huy. Lúc đó không biết lập một ban chỉ huy quân sự như thế nào, tôi chỉ tính nếu có xung đột thì thị trưởng không thể lánh mặt dù có nguy hiểm.

Sau cùng tôi gặp hiến binh Nhật, kích thích tinh thần đấu tranh giải phóng dân tộc chống thực dân da trắng để xin súng đạn... Tên chỉ huy hiến binh xúc động chạy ra vòi máy võ nước vào mặt nhưng không dám tự tiện chuyển vũ khí cho ta. Tôi liền dọa nếu để Pháp đổ bộ, dân Việt Nam sẽ đánh, sẽ chết vì không có súng, nhưng trước khi hy sinh sẽ giết hết dân Pháp trú ngụ trong thành phố, Nhật sẽ bị trách nhiệm trước Đồng minh.

Sau đó, quân đội Nhật bắc hai ổ súng liên thanh chĩa vào tàu chiến Pháp... tàu Pháp rút sang phía Ninh Giang thì bị du kích trên bờ sông nổ súng khiến chúng phải tháo chạy ra khơi. Thế là thực dân Pháp vỡ mộng,

tưởng rằng chúng cặp bến sẽ được dân An-nam đón mừng, không ngờ lại bị đánh đuổi khắp nơi.

### **Chính quyền cách mạng thành lập**

Ngày 19-8-1945, Hà Nội tiến công Phủ Khâm sai cướp chính quyền. Tin báo về Hải Phòng làm nô nức lòng dân! Việt Minh ở Hải Phòng mở trụ sở công khai ở đường Cát Dài số nhà 14, quần chúng đến tiếp xúc tấp nập, tôi không giao thiệp, chỉ ngầm viện trợ tiền và xe đạp. Bọn Nhật đâm chiêu theo dõi dân tình, cố thủ trong doanh trại để tránh va chạm.

Đêm 21-8-1945, anh Vũ Quốc Uy, cán bộ Việt Minh phụ trách Hải Phòng đến nhà tôi ở số 9 ngõ Thuận Thái (đường Cát Dài) làm việc đến 3 giờ sáng, bàn kế hoạch chuyển giao chính quyền, nghe tôi báo cáo về thái độ Nhật, lực lượng vũ trang; số người và vũ khí của chính quyền cũ, rồi phân công tôi gặp Tư lệnh Nhật vừa thuyết phục vừa áp lực để giữ họ trung lập, không can thiệp vào cuộc mít tinh thành lập chính quyền cách mạng Việt Nam.

Ngày 22-8 tôi gặp Tư lệnh Nhật. Họ nhận lời và ra đầu kiện ta không được mang vũ khí. Cùng ngày, một thanh niên hoạt bát xuất hiện như một tráng sĩ đến gặp thị trưởng và anh Vũ Quốc Uy ở nhà tôi bàn về mặt quân sự: đó là anh Nguyễn Hùng Phong, người của anh Nguyễn Hải Thanh, Bí thư Ủy ban quân sự cách mạng của Chiến khu Đông Triều, cử về Hải Phòng thu xếp kế hoạch đưa quân giải phóng từ chiến

khu về tham gia giành chính quyền ở Hải Phòng và Đồ Sơn, nếu cần sẽ sử dụng vũ lực. Nhưng chiêu hướng là sẽ không phải đổ máu.

Dân phố may cờ suốt đêm, vợ tôi và các con loay hoay tính mãi cách cắt ngôi sao vàng năm cánh! Dân phố tập dượt, đội ngũ rầm rập chuẩn bị mít tinh, sĩ quan Nhật theo dõi không khỏi lo âu, tìm gặp thị trưởng hỏi tình hình, tôi giải thích và bảo đảm cho họ yên tâm.

Sáng 23-8-1945, cuộc mít tinh trước thềm Nhà hát lớn thành phố, lá cờ oanh liệt màu đỏ sao vàng bay phần phật, đồng điệu với lòng dân phơi phới dâng cao như sóng biển. Lời tuyên bố thành lập ủy ban nhân dân cách mạng thành phố vang lên chấm dứt chính quyền cũ, thành lập chính quyền mới mà đông đảo bà con thấy là của mình, vì mình. Cán bộ được sắp xếp để thay mặt nhân dân làm chủ và phục vụ nhân dân. Thị trưởng cũ được giao chức vụ ủy viên hành chính, đứng chính sách mặt trận. Cũng sáng hôm đó, bộ đội Việt Minh, từ hai ngả Đông Triều và Thủy Nguyên tiến vào, trẻ măng, có nữ có nam, binh phục du kích đủ kiểu... Tư lệnh Nguyễn Bình đi ủng, thanh kiếm Nhật cạnh sườn, một mắt bịt khăn (anh chột mắt trái) từng bước đi giữa đội hình... Nhân dân vệ đường nhìn thấy chính con em mình trong đó, cả trai cả gái... thì ra đây là những con người thần thoại xuất quỷ nhập thần đã khiến quân thiện chiến của Nhật hoàng phải bó tay...

đấy chính là con em mình... kiêu hãnh quá! Lúc đó không ngờ được rằng 30 năm sau đội ngũ ấy trở thành quân đội nhân dân Việt Nam lừng danh thế giới!

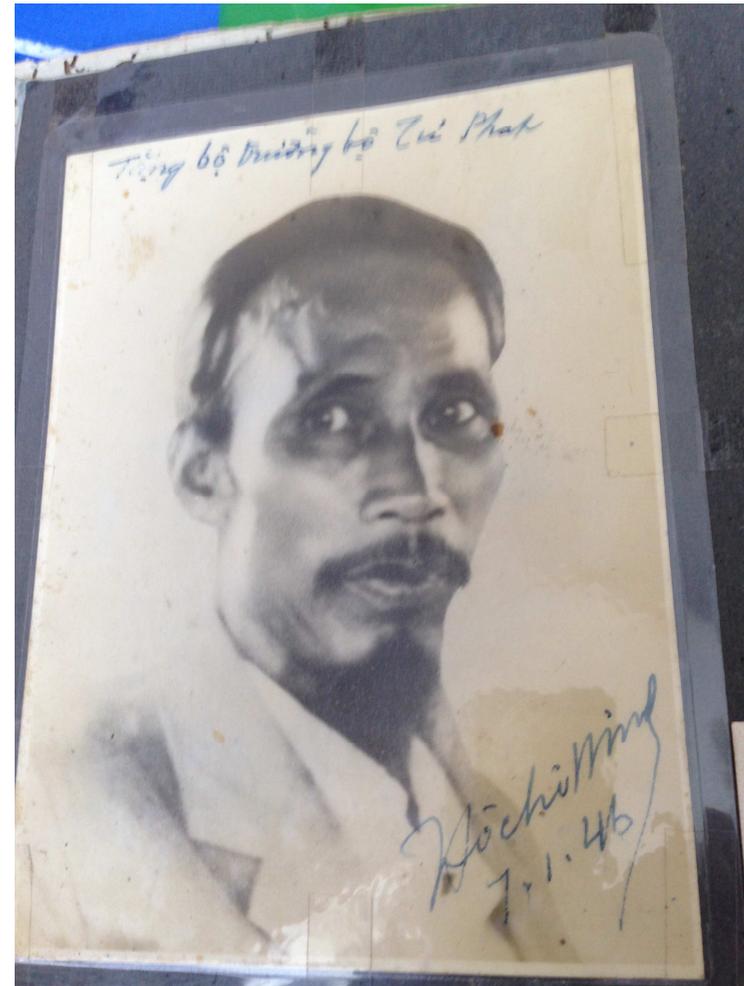
Từ giờ phút này, chính quyền thực dân, chính quyền phong kiến, chính quyền bù nhìn vĩnh viễn chìm vào dĩ vãng.

Tâm hồn tôi lồng lộng gió mới, chan hòa niềm sung sướng của dân tộc. Tôi chạy đến với các chiến sĩ của Nguyễn Bình đóng ở trại Thành đội bây giờ, chạy đi khắp nơi chia vui cùng anh chị em công chức, cùng bà con đường phố!

Ba hôm sau tôi nhận được điện của anh Võ Nguyên Giáp mời tôi lên Thủ đô nhận chức Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Đêm nào Hội đồng Chính phủ cũng họp khuya dưới quyền chủ tọa của anh Võ Nguyên Giáp. Rồi một tối, từ đêm dày của hoạt động cách mạng, từ đám đông nhân dân cần lao quần nâu áo vải, Bác Hồ xuất hiện như một lão nông khăng khiu, vầng trán rộng, râu tóc lơ thơ, quần cộc áo cánh nâu, khăn mặt vắt vai,... Bác chủ tọa phiên họp, huấn thị những lời cần kiệm liêm chính, chí công vô tư... Chính quyền cách mạng Trung ương được thành lập rồi vượt muôn vàn khó khăn để lớn lên với đất nước, với thời đại...

Hải Phòng, tháng 7 năm 1994

**KHÁNH**



# CUỘC TRANH LUẬN VỀ VẤN ĐỀ TƯ PHÁP TRÊN BÁO *SỰ THẬT* TRONG CÁC NĂM 1948 VÀ 1949 GIỮA ÔNG VŨ TRỌNG KHÁNH VÀ ÔNG QUANG ĐẠM

## Vấn đề tư pháp

**L.T.S:** Sau bài về tư pháp đăng trên báo *Sự thật* số 91 và 93, không chờ bạn Quang Đạm trình bày hết ý kiến, các bạn đọc, nhất là những bạn trong giới tư pháp đã gửi qua chúng tôi nhiều bài hoặc tán thành, hoặc phản đối những điểm bạn Quang Đạm nêu ra, đó là một triệu chứng chỉ rằng dư luận của quốc dân ta đã chú trọng đến vấn đề tư pháp, một trong những vấn đề cần phải cải tạo và phát triển dưới chế độ dân chủ cộng hòa. Chúng tôi nhiệt liệt hoan nghênh tất cả các ý kiến của các bạn. Luôn luôn trung thành với nguyên tắc tự do ngôn luận và nguyên tắc phê bình để tiến bộ, chúng tôi lần lượt đăng từ số này những bài bạn đọc gửi đến. Bạn Quang Đạm sẽ thảo luận trên báo này với các bạn về những điểm cần thiết để

mở rộng tư tưởng pháp lý dân chủ của nước nhà. Và chúng tôi cũng xin các bạn hiểu cho rằng sở dĩ trong các số trước chúng tôi chưa đăng được những bài gửi sớm, là do khuôn khổ tờ báo chật hẹp và chúng tôi cần phải dành chỗ đăng những bài về những vấn đề bức thiết hơn.

### Dưới đây là nguyên văn bài của ông Vũ Trọng Khánh

Sở dĩ một số anh em có trách nhiệm về Tư pháp ủy cho tôi trả lời bài “Tư pháp với Nhà nước” là vì bài ấy có hại về chính trị. Trong lúc các người phụ trách về hành chính và tư pháp mới bắt đầu điều hòa được các Tòa án và Ủy ban, nhất là ở cấp huyện, bằng cách giải thích cho bên nọ hiểu rõ nhiệm vụ và cách tổ chức của bên kia, thì ông Quang Đạm lại nhắc lại những ý kiến chỉ trích rất tầm thường khiến cho những mầm hiểu nhầm và chia rẽ giữa các Ủy ban với Thẩm phán lại có thể nhóm lên. Ông quên rằng tư pháp cũng là một cơ quan chính quyền do Chính phủ dân chủ cộng hòa thiết lập đồng thời với các Ủy ban hành chính, vậy thì khi ta không được vạch lên báo những khuyết điểm của Ủy ban hành chính, sợ mất uy tín của chính quyền, ta cũng nên dè dặt trong lời chỉ trích tư pháp trên mặt báo, nhất là trên tờ báo *Sự thật*.

Tôi nói ý kiến của ông Quang Đạm rất tầm thường và sẵn sàng nhận một cuộc tranh luận công khai với

ông trong một Hội nghị hay một buổi diễn thuyết nào, vì tranh luận bằng lời viết, sợ không nói đủ và thiếu thì giờ.

Dưới đây tôi chỉ nhắc từng lý lẽ của ông Quang Đạm rồi trả lời rất vắn tắt:

1/ “**Từ khi xã hội chia thành giai cấp**, tư pháp xuất hiện để bảo vệ thể lực kẻ thống trị và đàn áp đối phương”.

Tôi muốn nói khi điều 712 Dân luật bắt kẻ nào làm thiệt hại đến người khác phải bồi thường cho người ấy, và bộ Hình luật làm tội những kẻ đánh nhau hay giết người không phải vì cơ chính trị thì là bảo vệ ai và đàn áp giai cấp nào?

2/ “**Trên tiền đồ tiến bộ sau này**, một khi xã hội loài người đã xóa hết dấu vết giai cấp, bộ máy Nhà nước được cất vào viện bảo tàng, thời tư pháp cũng chỉ còn giá trị một món đồ cổ mà thôi”.

Ta cũng mong rằng tư pháp, hành chính và quân sự cũng được xếp vào kho đồ cổ đi.

Nhưng thời kỳ ấy còn xa lắm thay: Hiện nay ta vẫn còn cần đến quân sự, hành chính và tư pháp. Hiện nay nước Nga vẫn còn có luật pháp và Tòa án. Và lại theo đúng biện chứng pháp, chưa chắc cái xã hội cộng sản đã lại không chứa những mâu thuẫn khiến cho nó lại phải biến chuyển đi nữa. Thái độ khoa học hơn cả là nghĩ rằng ta chưa có thể nhận định được xã hội cộng sản sẽ chứa những động cơ gì, vậy ta cũng chưa nên

hấp tấp nói rằng lúc ấy quân sự, hành chính, tư pháp sẽ mất hẳn. Có khi nó chỉ biến hình thức, biến cách tổ chức mà thôi. Dù sao tranh luận về điểm này cũng như đi tìm quả đất ở đâu sinh ra và sẽ đi đến đâu.

3/ **“Bộ hình của Gia-Long** không giống bộ hình của Hồng-Đức. Bộ máy tư pháp dân chủ cộng hòa Việt Nam không thể y như bộ phận tư pháp trước ngày 2-9-1945”.

Luật pháp là những thể lệ linh hoạt như sự sống của quần chúng, sự sống ấy thay đổi thì luật pháp mới thay đổi. Luật pháp nếu lùi lại hay tiến lên xa quá với mức văn hóa của quần chúng thì chỉ là những thể lệ chết.

Bởi vậy không phải là sáng hôm 3-9-1945, bưng mắt dậy là thấy luật pháp thay đổi như phong cảnh rạp hát: Luật pháp chỉ có thể thay đổi hẳn đi khi chính thể mới đã tạo được ra một đời sống mới của nhân dân khác hẳn xưa. Thí dụ: Luật pháp chỉ tuyên bố chế độ độc thê khi phong tục dư luận, điều kiện kinh tế ở các thôn quê đã chín để bài trừ chế độ đa thê.

4/ **“Ông Quang Đạm nêu lên thuyết phân quyền của Mông-tê-tê-ki-ơ** rồi cho rằng độc lập, phân quyền, tự do, bình đẳng, bác ái là một luận điệu duy tâm”.

Thú thực rằng các anh em tư pháp quên cái thuyết Mông-tê-tê-ki-ơ từ ngày còn đi học rồi và bây giờ mới nghe thấy nhắc lại như một tiếng hoài cổ. Lúc đặt cơ sở mới cho nền tư pháp Việt Nam, các anh em đã nghĩ

đến những lý do thực tế, những kinh nghiệm thiết thực, chứ không mất thời giờ vào những lý thuyết xa xôi. Còn duy tâm với duy vật, nếu ông xét về mặt duy tâm thì danh từ độc lập, phân quyền, tự do, bình đẳng, bác ái kia hóa ra duy tâm; nếu ông xét về phương diện lịch sử hay duy vật thì lại thấy những danh từ ấy duy vật ngay.

5/ **“Độc lập đưa đến phản tiến hóa...** ở bên Pháp vô tư và độc lập của tư pháp chỉ là một sự giả vờ, chúng có là những vụ án áp chế đại chúng cần lao, ở Việt Nam cũng thế, sau cuộc đại chiến thứ nhất; thực dân Pháp đưa ra chế độ phân quyền giữa hành chính với tư pháp và trưng bày tư pháp độc lập nhưng hàng ngàn vụ án thảm khốc chống cách mạng...”.

**Trước hết**, ông Quang Đạm tưởng rằng công việc Tòa án chỉ là xử mấy vụ án chính trị mà thôi.

**Sau nữa**, ông không phân biệt được luật pháp và Tòa án, và không có ý niệm về chữ tư pháp.

Luật pháp là những thể lệ do cơ quan chính trị như Quốc hội, Chính phủ đặt ra. Tòa án chỉ là những cơ quan áp dụng các luật pháp ấy. Nếu luật pháp cấm bãi công, cấm lập nghiệp đoàn thì Tòa án sẽ trừng trị những kẻ làm reo, vào nghiệp đoàn. Một khi luật pháp cho phép bãi công, biểu tình, lập nghiệp đoàn, thì dù ai kiện những người bãi công, đi mít tinh, vào nghiệp đoàn đi nữa, Tòa án cũng tha bổng, không sợ ai uy hiếp hay để ai mua chuộc.

Tính cách vô tư và độc lập của Chính phủ ta muốn đào tạo cho các Thẩm phán là thế: Hễ luật bảo đen thì Tòa án xử đen, dù có trái ý một cá nhân, một đoàn thể, một quyền hành nào đi chăng nữa, Tòa cũng không xử trắng.

Mà nếu luật pháp lạc hậu thiên vị về một giai cấp này, hay giai cấp khác thì tức là trách nhiệm của cơ quan lập pháp, trách nhiệm của những nhà chính trị đã được dân bầu vào những cơ quan ấy. Các vị đó không thay đổi luật pháp cho kịp thời để Tòa án áp dụng cho kịp thời là lỗi của họ, chứ không phải lỗi của Tòa án.

Công việc tư pháp và công việc hành chính giao cho hai cơ quan khác nhau, và cầm cơ quan nọ không được len vào cơ quan kia là một điều kiện bảo đảm cho người công dân khỏi bị nhà cầm quyền ức hiếp, trong bất cứ chính thể dân chủ nào.

Hễ hai công việc ấy giao cho một cơ quan là có sự lạm dụng, lợi cho kẻ cầm quyền và hại cho người dân.

Cũng vì thế mà thực dân Pháp trước kia không chịu để tư pháp biệt lập với hành chính mà lại tập trung hai quyền ấy vào tay các viên công sứ người Pháp không lúc nào chịu phân quyền hành chính và tư pháp để cho tư pháp độc lập, như ông Quang Đạm nói, đây là một điều nhằm lẫn nặng nề của ông.

6/ **“Nhiều phần tử trí thức giành tự do cá nhân, độc lập bộ phận và quyền thế về chức vụ, thất bại trước nhà nước cũ, họ toàn chiến thắng nhà nước mới”.**

Thực ra, ở dưới nhà nước cũ họ đã được thấy những điều khốc hại cho nên tầng nhà nước mới, họ tranh đấu để tránh những điều khốc hại ấy để cùng với mọi người tạo nên một xã hội tốt đẹp mà thôi.

7/ **Sau khi nói rằng: “Cách mạng tháng Tám bùng nổ, các phần tử trí thức được bổ dụng”** ông Quang Đạm gán cho các phần tử ấy một ít đức tính “tốt đẹp”, buộc tội rằng họ đã ngăn trở “công việc tiêu diệt các lực lượng phản động” rồi hô to “không thể như thế được”.

Thực ra cả ông và tôi đều không có quyền phán xử. Chỉ nhân dân là được quyết đoán. Vậy xin ông hỏi nhân dân xem có nên giao quyền tư pháp cho các Ủy ban hành chính như ở chế độ ủy viên tư pháp lúc đầu tiên không? Có nên bãi bỏ Tòa án đi không? Có nên hợp nhất quyền hành chính và tư pháp như khi còn ở chế độ Pháp bảo hộ không? Tư pháp có thể dung túng các lực lượng phản động không? Sự bất bố và làm tội rất thận trọng và có phương pháp của Tòa án còn gọi là ngăn trở công việc tiêu diệt phản động không? Các phụ thẩm nhân dân (lấy cả ở trong các tỉnh bộ và trong các đoàn thể cứu quốc) có công nhận rằng thẩm phán xử một cách thực vô tư và độc lập không?

8/ **“Trạng thái độc lập chuyển thành trạng thái đối lập, thủ tục phân quyền hóa ra thủ tục độc quyền”.**

Khi một người nào muốn ra lệnh cho Tòa án phải xử thế này thế khác mà Tòa án không nghe theo thì chúng tôi cho rằng đây là giữ quyền độc lập.

Nếu ông Quang Đạm cho như thế là một thái độ đối lập thì tôi muốn hỏi khi các thẩm phán can thiệp vào việc hành chính hay chính trị, các Ủy ban sẽ cư xử như thế nào để cho khỏi thành ra “đối lập”?

Ông Quang Đạm trách Tòa án có thủ đoạn độc quyền tuy rằng Chính phủ chỉ đặt ra thủ tục phân quyền. Có lẽ ông muốn trách rằng khi nhà nước giao việc hành chính cho Ủy ban và việc tư pháp cho Tòa án: tại làm sao Tòa án lúc xử án lại cứ khư khư làm một mình, cũng như Ủy ban lúc làm việc hành chính và chính trị lại không sang thảo luận với Tòa án.

**9/ Ông Quang Đạm khuyên rằng: “Tư pháp phải kết hợp với Nhà nước mà đối lập với các lực lượng phá hoại chính quyền. Không một bộ phận nào được tách mình ra khỏi khối đoàn kết”.**

Đáp lại lời kỳ quặc ấy, tôi chỉ hỏi: Các thẩm phán đứng trong hàng ngũ kháng chiến từ trước đến nay gọi là ở trong hay ở ngoài khối đoàn kết? Khi tư pháp trừng trị những kẻ bắt người trái phép, tha bổng cho những kẻ bị bắt vô chứng cứ thì là phá hoại chính quyền hay củng cố chính quyền? Khi tư pháp phản đối những sự giam cầm vô tổ chức có phải là đi ngược quyền lợi của nhân dân, làm giảm uy tín nhà nước nhân dân không?

**10/ Ông Quang Đạm còn khuyên: “phân quyền phải phối hợp với tập quyền nghĩa là phân quyền theo**

lối phân công phụ trách trong phạm vi chuyên môn dưới sự chỉ huy tập đoàn về nguyên tắc căn bản”.

Tôi lại phải hỏi ông hai điều:

**Một là** theo ý ông hiểu thì có lẽ khi nào xử án, ông Chánh án phải bàn về nguyên tắc với Ủy ban hành chính rồi mới ra Tòa ngồi xử, vậy khi làm các việc hành chính và chính trị thì các Ủy ban có sang bàn với ông Chánh án trước đã rồi mới về thi hành không?

**Hai là**, khi ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp ngồi trong Chính phủ để cùng cả Hội đồng bàn định những chính sách thì có gọi được là: “Một sự chỉ huy tập đoàn về nguyên tắc căn bản không?”. Rồi sau khi Chính phủ giao việc hành chính cho các Ủy ban, việc tư pháp cho các Tòa án thì có gọi được là: “phân quyền theo lối phân công phụ trách trong phạm vi chuyên môn không?”.

Nếu được thì chính là cách tổ chức chính quyền hiện giờ. Vậy ông bắt tất phải đặt thành vấn đề.

Thực ra, những ý kiến của ông Quang Đạm không làm cho người dân nghi ngờ sự ích lợi thiết thực của Tòa án, không làm cho các anh em hành chính quên rằng các tòa án đã giúp cho anh em rất nhiều. Bên hành chính biết rằng Tòa án đã giúp nhiều trong việc bắt mọi người phải tôn trọng thể lệ của bên hành chính đặt ra, trừng trị những kẻ làm rối cuộc trị an, không tuân lệnh của Chính phủ, tóm lại đã giúp cho sự củng cố chính

quyền một cách đặc lực. Ở nhiều nơi, Ủy ban và Tòa án đã hiểu rằng uy tín của chính quyền là trách nhiệm chung tất cả, chứ không phải rằng khi uy tín của một bên bị thương tổn là làm tăng thể lực của bên kia đâu.

VŨ TRỌNG KHÁNH  
 Báo *Sự thật* số 98 (19-8-1948)  
 và số 99 (2-9-1948)

## Vấn đề tư pháp

### I/ Tư pháp là một khí cụ riêng của tập đoàn chính trị

**L.T.S** – Dưới đây là nguyên văn bài của ông Vũ Trọng Khánh gửi đến góp thêm vào cuộc tranh luận về vấn đề tư pháp.

Ông Quang Đạm trình bày lý thuyết của Các Mác về nhà nước là một khí cụ của tập đoàn thống trị, phụng sự tập đoàn ấy, đối lập với giai cấp bị trị và mang tính chất của tập đoàn cầm quyền.

Tôi tưởng thuyết này bây giờ không còn ai phản đối nữa, vì nó nhận rõ một điều dĩ nhiên: một chính phủ phát-xít lấy sức mạnh lên cầm quyền hay một chính phủ dân chủ được đa số dân bầu lên cầm quyền thì tất nhiên sẽ cai trị và tổ chức nhà nước theo chính kiến và quyền lợi của đảng mình hay của đa số đã bầu mình, không lẽ phản lại. Những chính kiến ấy phát biểu thành những đạo luật mà các cơ quan hành chính,

tư pháp, công an, quân đội... có nhiệm vụ áp dụng. Kê bị trị cho rằng tư pháp là khí cụ đối lập và áp bức nhất, vì chỉ thấy cơ quan ấy tuyên án mà không nhìn thấy rằng sức mạnh đều ở cả trong tay hành chính, công an, quân đội; không nhìn thấy là vì hành chính lúc nào cũng hòa hoãn, phủ dụ, công an thì hành động bí mật và quân đội chỉ can thiệp khi nguy kịch đặc biệt.

Cái quan niệm ấy về nhà nước đã giúp cho người cách mạng biết rằng một khi đã lập chính quyền thì phải phá tất cả các khí cụ quân đội, công an, hành chính, tư pháp và đào hết rễ cả cái “hệ thống tư tưởng cũ” (luật pháp, đạo đức, tôn giáo, triết học). Vì thế nên khi vừa thành lập, chính phủ ta đã hủy bỏ ngay tất cả các tổ chức quan lại, liên phóng, lính khổ xanh, khổ đỏ cũ.

Nhưng đến khi kiến thiết lại những khí cụ mới thì quan niệm ấy không đủ nữa vì nó chỉ nhìn rõ “điều căn bản xã hội của toàn thể chế độ” mà không bao quát được tất cả các mục đích khác của mỗi khí cụ nhà nước.

Cho nên, có thể trả lời ông Quang Đạm rằng, nếu như chỉ xét tính chất nền tư pháp một nước hay một thời đại, để mưu đồ một cuộc cách mạng chiếm chính quyền mà thôi, thì chỉ cần “nhìn rõ nội dung toàn thể, và căn bản xã hội của nền tư pháp ấy” là đủ, bởi vì khi ấy chỉ phá hủy cái cũ thì chỉ cần nhằm cho đúng đường lối đại cương mà đi tới, không cần để ý đến những cái đổ vỡ về chi tiết. Nhưng đến khi – như chúng ta hiện giờ – kiến thiết một xã hội mới lên trên cái cũ thì chỉ

nhìn có thể không đủ nữa, còn đồng thời phải xem cả “hình thức, bộ phận” vào mọi mục đích thiết thực khác của nền tư pháp, mới nắm được đủ yếu tố để xây dựng một bộ máy thỏa mãn được nhu cầu của xã hội mới. Bởi vì trong lúc kiến thiết, chế độ mình đặt ra không những phải có xu hướng đại cương là đi đến chủ nghĩa xã hội mà còn phải xếp đặt được cái đời sống hàng ngày rất phiền phức, tỉ mỉ của một quần chúng đông đảo còn chứa nhiều cái cũ chưa biến mất, lẫn cái cũ chưa thành hình. Trong bài trước (*Sự thật* số 98) tôi đưa ra hai điều luật riêng biệt, là cố ý để tỏ rằng lý luận của ông Quang Đạm đúng một mặt, còn thiếu sót một mặt.

Muốn tới mục đích kiến thiết vừa nói, ta phải nhận định bao quát nhiều mặt, rằng pháp luật là những thể lệ đặt ra để giữ trật tự trong xã hội thì xã hội mới sống được. Trật tự ấy có xu hướng chính là bênh vực quyền lợi cho tập đoàn thống trị (đúng ý ông Quang Đạm) cũng có chỗ vô tư và có chỗ bênh vực kẻ yếu chống kẻ mạnh (ông Quang Đạm thiếu hai chỗ này) như một trọng tài có uy lực – vô tư nghĩa là không phân biệt phe thống trị hay bị trị, giàu hay nghèo.

#### Xin dẫn giải:

Ở trong một xã hội phong kiến, tư bản chủ nghĩa có mâu thuẫn lớn giữa hai giai cấp, nhưng cũng có

mâu thuẫn nhỏ giữa những người cùng một giai cấp như hai hạng tư bản cạnh tranh nhau hay hai người nghèo đánh nhau, hoặc những xung đột hàng ngày giữa một người giàu với một người nghèo. Khi ấy ai có lỗi, dù là giai cấp nào, cũng phải phạt hay bồi thường. Ở trước tòa án, những kẻ có quyền thế hay giàu có mà thua kiện không phải là hiếm, những vụ mà người lao động thắng ông chủ cũng không phải là không có bao giờ. Có thể trả lời ông Quang Đạm rằng “trong một xã hội phong kiến hay tư bản mà nhà nước để cho ai muốn giết ai cũng được, thì những kẻ ngày thường bóc lột bằng kinh tế và áp bức về chính trị “sẵn có trong tay tiền tài và vũ lực sẽ đánh giết người vô sản như đời thượng cổ bọn quý tộc hành hạ đám nô lệ (esclaves)”. “Nếu tưởng tượng trong một xã hội như thế mà người làm thiệt hại kẻ khác không phải bồi thường” thì chính dân nghèo khổ bị thiệt hại trước tiên. Thí dụ người thợ bị chủ đánh gãy tay, người nghèo bị ô-tô đâm mà không được bồi thường.

Vậy thì xin nhắc lại, đứng về phía phương diện tổ chức một xã hội chứ không phải phương diện cách mạng chính trị trong một xã hội có giai cấp đấu tranh, vẫn có được những điều luật vô tư, vẫn có được khái niệm “công lý ngoài đảng phái”. Một là vì những điều luật và khái niệm ấy cần thiết để thu xếp giữa những người cùng một giai cấp mà có xung đột chi tiết, tuy có đoàn kết đại cương để che chở những người có sức

mạnh khi đứng trong giai cấp, mà yếu hèn khi đứng một mình. Thí dụ hai người nông dân tranh nhau một bờ ruộng, thí dụ đạo luật bênh vực người đàn bà có con mà bị tình nhân bỏ, bênh vực đứa trẻ mồ côi hay vị thành niên khi bị người lớn lừa dối. Hai là vì khái niệm “vô tư” và “công lý” đều là tương đối như mọi sự ở đời: điều mà ta cho rằng không vô tư, không công bằng khi ta nhìn đại cương trong một thời gian xa để lý luận cách mạng, điều ấy có thể coi là vô tư và công bằng khi ta nhìn chi tiết trong một thời gian ngắn mà lý luận để kiến thiết.

Một đảng, tin một cách tuyệt đối rằng có một thứ luật pháp và một thứ công lý chung cho cả mọi người không bao giờ thay đổi và ở trên hết mọi tầng lớp đấu tranh là sai, bởi vì luật pháp và ý thức công lý trong một xã hội là phản ánh của đời sống, tất nhiên cùng một khuynh hướng, một tính chất với xã hội ấy. Một đảng khác, nói rằng tất cả luật pháp và công lý đều hoàn toàn thiên vị về giai cấp thống trị thì cũng không đúng vì trong sự sống hàng ngày không phải chỉ có cuộc tranh đấu giai cấp mà thôi, còn có những xung đột nhỏ khác nữa. Thực ra hai đảng bỏ khuyết cho nhau tựa như nước sông lớn đều chảy xuôi xuống bể, nhưng trong từng quãng có những dòng chảy ngang, chảy ngược, hay đọng lại. Có quan niệm được cùng một lúc các mâu thuẫn nhỏ nằm trong cái xu hướng chung thì mới hình dung được sự sống hàng ngày và kiến thiết được hợp với thực tế. Ngay trong một nước

xã hội chủ nghĩa tương lai mà “không còn giai cấp đấu tranh nữa, kinh tế dồi dào thừa thãi” cũng còn cần phải có luật pháp. Nếu không thì sao? Thì ô tô chạy đường, muốn đi bên phải, bên trái, ban đêm không đèn cũng được, rồi đâm vào nhau xảy ra tai nạn tha hồ, thì ghen nhau hay tức khí nhau không phải vì kinh tế mà vì tình, hay vì đánh ván cờ rồi tha hồ ấu đả.

Ông Quang Đạm tin rằng về tương lai, luật pháp sẽ “hóa ra vô dụng”. Nhưng thôi, hãy quay về hiện tại thì tóm lại, luật pháp Việt Nam phải có xu hướng chung là bênh vực quyền lợi của nhân dân, mà trong bộ phận và hình thức sẽ vô tư và công bằng.

VŨ TRỌNG KHÁNH

Báo Sự thật số 114, ngày 20-06-1949

(còn nữa)

## II/ Phân quyền và độc lập

Về vấn đề phân quyền, tôi không thấy rõ được ý kiến của ông Quang Đạm. Ông vừa nói rằng thời Pháp thuộc có phân quyền vừa nhận rằng đó chỉ là nhân hiệu trái hẵn thực tế. Ông vừa nói rằng phân quyền, giúp cho bọn tư sản thống trị dễ phản động, dễ chuyên chính thêm, vừa nhận rằng phải thi hành quyền tư pháp phân lập...

Nhưng cứ cách đặt vấn đề của ông thì thấy rằng:

- 1.- Ông công nhận sự phân lập của tư pháp. Chúng tôi đồng ý, vì trong quan niệm của chúng tôi: phân lập, phân quyền hay biệt lập cũng chỉ có nghĩa là giao việc xử án, việc hành chính, công an, quân đội, v.v... mỗi việc cho một cơ quan riêng biệt.
- 2.- Ông muốn rằng tư pháp phải phụng sự kháng chiến, phụng sự nhân dân và thẳng tay tiêu diệt mọi hành động có hại cho cuộc giải phóng dân tộc. Thực ra thì dù muốn hay không muốn thế cũng không được, là vì tập đoàn thống trị hiện nay là nhân dân kháng chiến diệt giặc và diệt gián, thì tư pháp cũng theo khuynh hướng ấy một cách tất nhiên và chưa hề có một thẩm phán nào lại nghĩ trái lại, tôi không biết tại sao ông Quang Đạm lại đặt thành vấn đề, và về sau ông cứ nhắc đi nhắc lại vấn đề, hình như các thẩm phán đều là người Pháp hay Việt gian cả!

Độc lập và Độc lập – Ông Quang Đạm xét vấn đề theo quan điểm đại cương và chính trị. Thì cố nhiên, triết học thường thức cho ta biết rằng quan niệm và ý thức con người là “sản phẩm chung của giai cấp, hoàn cảnh vật chất, quyền lợi kinh tế và điều kiện giáo dục”. Nhưng đến lúc tổ chức trong thực tế là một bộ máy xử án hàng trăm nghìn việc xảy ra trong sự sống hàng ngày, khi những tư tưởng đại cương và chính trị không đủ, bởi vì mọi việc phức tạp không phải đều là chính

trị cả và không cần phải có triết học đại cương hay thuộc vào một đảng mới xét được điều phải trái.

Điều 112 của hiến pháp Xít-ta-lin nói rằng: “Quan tòa đều độc lập và chỉ biết có pháp luật”. Hiến pháp Việt Nam điều 69: “Trong khi xét xử, các thẩm phán chỉ theo pháp luật, các cơ quan khác không được can thiệp” và điều 50 của sắc lệnh số 13 ngày 24-1-1946 tổ chức các tòa án Việt Nam định rằng: “Thẩm phán xử án quyết định theo pháp luật và lương tâm mình. Không quyền lực nào được can thiệp trực tiếp hay gián tiếp vào công việc xử án.”

Quan niệm độc lập ở đây không có gì là triết lý chính trị cao xa. Các thẩm phán không hề tưởng rằng mình là hạng người độc lập bất khả xâm phạm và ở trên các đảng phái, trên các cơ quan như một số anh em chính trị hiểu lầm, hóa ra mất cảm tình dân.

Chữ độc lập chỉ có một ý nghĩa hết sức thiết thực như sau này:

Tìm sự thật trong một vụ kiện khó và mất thì giờ cũng như bất cứ một việc chuyên môn nào. Cần phải giao cho một hạng người chuyên trí nào đấy gọi là thẩm phán. Thẩm phán ngồi đọc từng tờ giấy trong hồ sơ, cân nhắc từng dòng trong biên bản, hỏi bị can, người chứng, căn vặn, đối chất người nọ với người kia, so sánh lời khai với tang vật... đoán sự thực trên nét mặt hay trong lời nói với cả kinh nghiệm của mình như thầy thuốc đoán bệnh, xét hoàn cảnh bị can, ảnh hưởng trong xã hội... Rồi

ngiên cứu luật lệ của Nhà nước xem việc xảy ra, có bị phạt hay được bênh vực không? Rồi tổng kết cả một thời gian điều tra, cả một cuộc thẩm cứu trước tòa và một cuộc bàn bạc trong phòng luận tội với các thẩm phán khác và các phụ thẩm nhân dân, ông Chánh án tuyên án.

Nếu ông Chánh án nghĩ rằng anh Mỗ đòi gia tài là trái hay anh Ích đã phạm lỗi thật mà một người hay một cơ quan khác hay công chúng không hề nghiên cứu hồ sơ, không hề nghe bên nguyên, bị, lại nghĩ trái lại thì tất nhiên phải cho ông Chánh án có quyền xử theo ý mình, nếu bắt theo mệnh lệnh người ngoài hay cơ quan kia thì thà giao ngay quyền xử án cho người ấy hay cơ quan ấy. Người thẩm phán xử án phải gánh một trách nhiệm, nhiều khi ghê gớm, trước lương tâm mình, trước dư luận, trước cấp trên và Chính phủ thì cũng phải được quyền xử theo trí phán đoán của mình, chứ không bắt buộc phải nghe người khác. Vì thế, nên người ngoài hay cơ quan khác không thể can thiệp vào. Ngay trong nội bộ tư pháp, mỗi thẩm phán phát biểu ý kiến riêng của mình chứ không chịu ảnh hưởng của một người thẩm phán khác, dù cao cấp hơn.

Trong vụ án Ta-na-da-ri-vơ xử các nhà cách mạng Mã-đảo cũng như trong các vụ án chính trị xử tại Hội đồng đề hình ở nước ta xưa kia, quan tòa không được độc lập là vì đã chịu mệnh lệnh ngầm của cơ quan hành chính hay chính trị. Trong các trường hợp ấy, Tòa án đã bị một sức mạnh biến thành cái máy đàn áp. Ở nước ta,

chắc hẳn nhân dân sẽ che chở cho tòa án khỏi bị uy hiếp như thế. Dù sao, ta cũng không thể căn cứ vào những vụ án chính trị để mà kết luận rằng không thể để cho thẩm phán độc lập được. Bởi vì, các vụ chính trị là một loại án bất thường, biểu lộ cuộc tranh đấu giai cấp, ngoài ra còn các vụ án dân sự, thương sự, thường phạm, chiếm đa số mà các tòa xử xa những cơn khủng hoảng chính trị. Bởi vì, hiện nay ở nước ta, tất cả các vụ án chính trị đều giao độc quyền cho Tòa án quân sự; vậy tôi muốn hỏi: các ý kiến của ông Quang Đạm có áp dụng cho các Tòa án quân sự không?

*Tập đoàn chỉ đạo* - Ông Quang Đạm đã giảng chữ tập đoàn chỉ đạo một cách bất ngờ; tôi cố lĩnh hội để xem có áp dụng được trong việc tổ chức tư pháp không, mà thấy khó hiểu lắm.

Theo ông Quang Đạm thì "tập đoàn" là mọi tầng lớp nhân dân đang đuổi giặc dựng nước, "chịu sự chỉ đạo", là nghe theo ý kiến, nguyện vọng của nhân dân, mà nhân dân ở khắp nơi trong nước chứ không phải chỉ ở cạnh Chính phủ trung ương. Tôi đang tìm một phương pháp để biết rõ ý kiến của nhân dân toàn quốc mà theo, đang nghĩ đến Quốc hội hay Chính phủ trung ương là hai cơ quan đại diện cho toàn quốc thì ông Quang Đạm bảo rằng chính quyền địa phương mới gần dân nhất. Thế thì có lẽ phải đến hỏi từng Ủy ban xã từ Nam chí Bắc và, nếu một nửa bảo rẽ bên phải, một nửa bảo rẽ bên trái, thì ta cứ đứng giữa!

Ông Quang Đạm nói mỗi khi có vấn đề lớn thì bao giờ, nhân dân cũng tỏ rõ ý kiến và thái độ hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp. Tôi đang nghĩ rằng nhân dân tỏ bằng khẩu hiệu dán ở các nơi hay bằng mít tinh thì ông Quang Đạm bảo phải theo đường lối do những người thông minh nhất, anh dũng nhất của nhân dân vạch ra. Tất nhiên những người ấy đã vạch ra sau khi "theo đúng ý kiến và thái độ nhân dân, vì ai không theo nhất định sẽ lầm đường lạc lối", như ông Quang Đạm nói. Tôi phân vân vì nghĩ đến cái ngày mà Hồ Chủ tịch đứng trên bao lơn Nhà hát lớn Hà Nội hỏi dân chúng nên đánh hay nên ký hiệp định. Dân chúng đều hô "**đánh**", nhưng hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946 vẫn được ký và Hồ Chủ tịch vẫn đi đúng đường.

Nói thế không phải là khinh nhờn đại chúng, khinh nhờn dư luận đâu. Nhưng theo kinh nghiệm về tâm lý quần chúng của tôi thì, đại chúng chỉ có một ý niệm đại khái về các vấn đề chung, cho nên các cơ quan thăm dò dư luận như Ga-lốp (Institut Gallup) chỉ đặt những câu hỏi rất giản dị để công chúng giả lời cũng rất giản dị mà thôi. Đại chúng không tính toán xa xôi được, chỉ cảm thấy được những quyền lợi đang trực tiếp chạm đến mình mà thôi, quyền lợi ấy đang hưởng thì hoan hô, đang bị giày xéo thì phản kháng. Tính toán trước cơ sự là nhiệm vụ của kẻ lãnh đạo vì là người thông minh nhất và đủ tài liệu nhất để xét đoán. Kẻ lãnh đạo có khi phải giữ kín bài tính của mình nên

có khi không được dư luận hiểu ngay; về sau, nếu cách giải quyết của mình đúng thì giữ vững được địa vị, nếu nhầm thì bị đổ không thương sót. Vậy tôn trọng đại chúng chỉ là hành động cho hợp quyền lợi của nhân dân. Còn đối với dư luận thì cần nhất là phải biết giải thích để khỏi bị chết như Ga-li-lê (Gallilée) vì đã bảo quả đất tròn khi quần chúng tin rằng quả đất vuông!

Nhưng đây là toàn bản về chính trị đại cương! Về tư pháp, ông Quang Đạm chỉ đặt một nguyên tắc rõ ràng là "quan tòa phải chú trọng đến dư luận chung quanh và không chịu theo ý chí của quần chúng thì nhất định quan tòa không thể làm việc có lợi cho nhân dân"! Ông Quang Đạm không bảo cho các thẩm phán biết cách trưng cầu ý kiến của dư luận địa phương và cách xử trí khi "óc địa phương" muốn đi trái với đạo luật do Quốc hội là đại biểu của toàn quốc làm ra, hoặc khi dư luận một nửa bảo phải, một nửa bảo trái thì phải xử thế nào hay không xử nữa? Tôi còn nhớ một vụ án quan trọng ở Hà Nội: Chương lý buộc tội xong thì công chúng thì ào ào là bị can đáng tội, khi luật sư cãi xong thì công chúng lại thấy bị can bị oan, đến khi tuyên án xong thì một phần cho là xử nhẹ, một phần cho là xử nặng, một phần cho là xử vừa đúng.

(Còn nữa)

**VŨ TRỌNG KHÁNH**

Báo *Sự thật* số 115, ngày 10-07-1949

**Đính chính**

Vì nhà in sơ xuất, nên lời nói đầu của ông Vũ Trọng Khánh trong bài *Tư pháp không đăng trong số trước*. Chúng tôi xin đăng nguyên văn những lời đó như sau:

**Vấn đề tư pháp**

Các anh em tư pháp lấy làm cảm ơn báo *Sự thật* đã đăng các bài trả lời ông Quang Đạm, để dư luận có thể nghe được nhiều tiếng chuông.

Tiếp theo bài của ông Quang Đạm trong *Sự thật số 102, 103, 104*, ở đây tôi sẽ trình bày lý lẽ một cách điềm đạm và cụ thể, cố tránh lối văn hùng hồn và trừu tượng, nó chỉ kêu gọi cảm tình mà không làm cho người ta hiểu được rõ, cũng cố tránh những lời châm biếm, nó chỉ sượng mồm kể nói, mất lòng người nghe mà chẳng giúp thêm lý lẽ cho trí phán đoán của độc giả.

Trước tiên, hãy bàn đến hai thành kiến nghe đã nhiều. Ông Quang Đạm than rằng "*đến năm dân chủ cộng hòa thứ IV mà vẫn còn nhiều ảnh hưởng của lý luận thực dân trước kia*" và chê rằng "*những người do chính phủ bổ nhiệm chính là cán bộ tư pháp do thực dân Pháp đào tạo ra trước kia*". Thực ra, lý luận thực dân Pháp có cái dở đáng bỏ, cũng có cái hay đáng theo; quanh ta nhiều nơi vẫn theo lẽ lối cũ của bọn Pháp mà không phải là thoái bộ. Các anh em tư pháp ngày nay đúng là những

người do thực dân Pháp đào tạo ra cũng như ở những ngành chuyên môn khác và một số đồng các anh em chính trị đã qua học các trường của Pháp; cũng như là tất cả dân tộc Việt Nam đã bị bọn Pháp uốn nắn, đào tạo trong 80 năm trời nô lệ. Nhưng đám dân ấy đã biết đứng dậy, các người chuyên môn và chính trị kia đã biết phá xiềng xích vật chất và tư tưởng cũ, thì ta cũng chớ tách anh em tư pháp ra khỏi khối dân tộc như những quái vật. Những thành kiến kia đã đè trĩu vào chúng tôi từ ngày khởi nghĩa, đã theo đuổi chúng tôi một thời gian sau khi tác chiến. Tôi tưởng thái độ và hoạt động kháng chiến của tất cả các nhân viên tư pháp từ bấy đến nay đã đủ để người ta đừng nhắc đến những thành kiến ấy. Nếu chúng tôi có điều đáng chỉ trích thì ông Quang Đạm cứ mang từng việc cụ thể ra và cứ tranh đấu với chúng tôi bằng lý luận - đúng như tư cách một người mác-xít chân chính - để mà khuất phục chúng tôi bằng lẽ phải thì hơn.

Sau đây tôi bàn luận theo các mục mà ông Quang Đạm chia ra:

**III/ Nhiệm vụ tư pháp Việt Nam**

Ông Quang Đạm trình bày "một vài nguyện vọng của nhân dân rất thiết tha chính đáng mà đến nay vẫn chưa được thỏa mãn".

Tôi không biết ông Quang Đạm đã tìm thấy những nguyện vọng ấy bằng cách nào.

Về phần các anh em tư pháp, trái với ý nghĩ của một số người, chúng tôi cũng lo lắng đến dư luận và cũng biết sống giữa đại chúng luôn luôn: vừa thăm hỏi ý kiến của nhân sĩ và các giới, nhất là trong chính giới (ngay từ năm đầu tiên của chính thể dân chủ cộng hòa chứ không phải chờ đến năm nay), vừa có thẩm phán trò chuyện với các dân quê, tiếp xúc với các xã, cơ quan, đoàn thể... Chúng tôi cũng được biết những lời phê bình đúng hay không đúng về chúng tôi và cả những điều mà riêng chúng tôi được nghe thổ lộ.

Tiếc rằng ở nước ta chưa có một tổ chức trưng cầu ý kiến nhân dân một cách khoa học như Ga-lốp (Gallup) để xem những ý chí nhân dân mà chúng tôi và ông Quang Đạm cùng ghi nhớ có giống nhau không?

Những nhiệm vụ mà ông Quang Đạm vạch ra cho tư pháp Việt Nam chia ra hai loại: chính trị và chuyên môn.

**1/ Loại chính trị:** - "Tuyệt đối trung thành với nhân dân, phụng sự ý chí nhân dân, tập trung mũi dùi tranh đấu vào bọn thực dân và lũ Việt gian, lấy quyền lợi của chế độ dân chủ và của nhân dân làm tiêu chuẩn để xét xử, hiểu thấu tinh thần chế độ dân chủ cộng hòa, lý luận của bộ phận tư pháp phải phối hợp với lý luận chung của toàn bộ chính quyền".

Tôi tưởng không một thẩm phán nào đang thi hành phận sự trong hàng ngũ kháng chiến lúc này lại phủ nhận những điều thông thường ấy, mà người công dân nào cũng biết, mà các thẩm phán thực hiện hàng ngày bằng cách hiểu thấu và áp dụng khiến cho mọi người đều phải tôn trọng tất cả các luật pháp của chính thể dân chủ cộng hòa, vì mọi quyền lợi của nhân dân, mọi lý luận, mọi phương pháp chống giặc trừ gian (không thuộc về binh bị) đều đúc lại trong các sắc lệnh của nội vụ, tài chính, kinh tế, tư pháp, v.v...

Một điều khuyên của ông Quang Đạm không thuộc phạm vi các thẩm phán là "tích cực nâng cao quyền lợi kinh tế và xã hội dân chủ của nhân dân". Và một điều đáng chú ý và đáng tán thành là "góp sức vào công cuộc giáo dục nhân dân vì một đặc điểm của tư pháp nhân dân là có tính cách giáo dục", điều này các thẩm phán vẫn thực hiện bằng cách giảng trong các lớp huấn luyện hay giải thích luật pháp trước công chúng.

**2/ Loại chuyên môn.** Phải có một lý luận về tư pháp hoàn toàn Việt Nam (xem *Sự thật* số 104, trang 12). Đồng ý rằng Việt Nam không phải là Nga, Anh, Mỹ cho nên ta phải có những lý thuyết pháp lý, những tổ chức tư pháp hoàn toàn Việt Nam chứ không nhắm mắt bắt chước. Nhưng Việt Nam cũng là một phần tử của nhân loại, cũng cùng một loài người như Anh, Mỹ, Pháp, cũng có một xu hướng xã hội như Nga, Tiệp,

Bảo, Nam-Tur hay Ba-Lan, nên cũng có chỗ giống các nước Âu (thí dụ về nguyên tắc tư pháp đại cương như ông Lưu Anh đã trình bày), và có chỗ hay của nước khác mà ta bắt chước được. Trả lời ông Quang Đạm: dưỡng khí vừa giống cả lửa lẫn nước, vì nó cháy thành lửa mà nó hợp với khinh khí thì thành ra nước (H<sub>2</sub>O). Ta không bung được cả gốc cây tư pháp Liên Xô về trồng ở nước ta nhưng cũng có thể chiết một cành nào nếu hợp với kiến trúc và khí hậu nước ta. Tôi tưởng nhiều cây chính trị mọc ở trong vườn ta thuộc cùng một loại với các cây ở vườn nước khác, bởi vì không có lý nào ta lại gạt bỏ những kinh nghiệm của các nước bạn, nó là kho tàng chung của nhân loại chứ không riêng gì của một nước. Chỗ khó là hiểu được cái gì hợp, cái gì không hợp với hoàn cảnh nước ta.

*Có các bộ luật Việt Nam dân chủ cộng hòa.* - Đây là sự mong mỏi của tất cả mọi người và sự cầu ước thiết tha của riêng giới tư pháp. Một điều nhằm thông thường là tưởng rằng làm các bộ luật ấy là trách nhiệm của tư pháp.

Không phải. Các bộ luật là ý chí của nhân dân toàn quốc, những nguyên tắc lớn phải được bàn cãi thăm dò ở khắp ba kỳ. Nộp những thuế gì? Kinh tế chỉ huy hay tự do? Có tổ chức lại quyền tư hữu tài sản không? Vấn giữ hay bỏ chế độ đa thê? Chế độ lao tù sửa đổi thế nào cho nhân đạo và giáo hóa được phạm nhân? Các quyền tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, tự do đi lại, tự do hội họp, bãi công phải sử dụng thế nào? v.v...

Vậy nhiệm vụ trước tiên thuộc về các nhà chính trị của ba kỳ phải suy nghĩ mà định rõ xu hướng chung của pho luật, những nét lớn của các tổ chức để thực hiện được xu hướng ấy. Các nhà chính trị phải dò hỏi nhân dân rồi khi họp thành Quốc hội thì biểu quyết các bộ luật.

Quyền làm thành luật như thế, quốc dân giao riêng cho Quốc hội là đại biểu của toàn quốc. Chính phủ cũng không có quyền ấy, hưởng chỉ các Tòa án. Quan niệm tách quyền "lập quyền" và quyền "hành pháp" có một căn cứ chính trị thiết yếu như thế, chứ không phải là sai.

Trong việc làm luật, các Tòa án và các nhà luật học tất nhiên sẽ trình bày những kinh nghiệm, những nhận xét của mình đã lượm trong bài thi hành và nghiên cứu pháp luật. Nhưng chỉ là giúp ý kiến mà thôi. Nói thế không phải là giảm sự quan trọng của những nhà chuyên môn về luật trong công cuộc làm luật. Họ có ngòi bút tả rõ và ngắn những điều luật họ quen nhìn thấy những kết quả hợp lý về xã hội (conséquences logiques) mà người khác không ngờ, của một điều luật, họ có kinh nghiệm để nghĩ ra những tổ chức có thể thực hiện trong thực tế những nguyên tắc đã được Quốc hội biểu quyết (xin lỗi, nếu hơi chủ quan).

Ta thấy rõ rằng luật pháp là phía mặt chuyên môn của chính trị, cho nên sự kết hợp giữa những nhà chính trị và luật gia là một điều càng trở về hòa bình càng thấy cần thiết.

Về *cán bộ tư pháp*, ông Quang Đạm muốn cho thẩm phán có quyền sửa đổi cả luật pháp.

Ông nói rằng quan tòa phải đứng vào lập trường nhân dân mà phân biệt màu sắc trắng đen của luật pháp. Tôi thấy bị giam trong một vòng luẩn quẩn. Quốc hội là đại biểu trực tiếp của nhân dân, đã đứng vào lập trường nhân dân mà định trong pháp luật rằng việc này thì đen việc kia thì trắng. Quan tòa sử dụng như luật định là tôn trọng ý chí của nhân dân rồi còn gì nữa; quan tòa lại còn xét lại điều luật như thế nào nữa?

Xử đúng luật pháp không phải là bỏ rơi thực tế, bởi vì luật pháp không máy móc chặt hẹp, luật pháp định một giới hạn rộng rãi (thí dụ phạt từ 1 năm đến 5 năm), trong ấy quan tòa có thể định liệu để áp dụng điều luật cho đúng thực tế phức tạp và linh động (thí dụ cũng một tội ấy mà người này thì bị phạt 3 năm, người kia thì một năm hay cho án treo). Một khi điều luật đã lạc hậu hay trái ngược với thực tế thì quan tòa chỉ có thể trình lên Quốc hội để xin thay đổi mà thôi. Nếu Quốc hội không đồng ý hay sửa đổi quá chậm thì sẽ chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Ông Quang Đạm viện giáo sư Lơ Bờ-ra, nói rằng: “Tòa án Liên Xô hoàn thành sự nghiệp cách mạng, nghĩa là chú trọng về việc tìm hiểu tinh thần chung của chế độ hơn việc giải thích luật pháp theo mặt chữ, nhìn nhận nghĩa đen của luật pháp”, “Quan tòa Liên Xô

thường theo từng điều kiện thực tế mà áp dụng luật pháp cho mềm dẻo. Có khi phạt nhẹ một việc mà luật định phạt nặng, có khi không xử phạt một việc mà luật có định phạt...”.

Ông Quang Đạm quả quyết rằng “nhân dân Việt Nam chỉ mong có nhiều quan tòa như thế mà thôi”. Tôi e rằng ông đang muốn bê một gốc cây Liên Xô về nhà, mà lại gán cho nhân dân. Bởi vì đây là một vấn đề kỹ thuật pháp lý tế nhị (*problème de technique juridique délicat*) mà nhân dân chắc cũng chưa xét đến.

Tôi không được đọc Lơ Bờ-ra, còn quyển *Luật pháp và tư pháp* của Giăng Phong-tên mà tôi có trong tay thì quá sơ sài, nên tôi chưa nghiên cứu được hẳn hoi vấn đề và sẽ không hấp tấp kết luận. Tôi chỉ vạch qua mấy điểm sau này về tư pháp của ta:

Khi áp dụng một đạo luật tối nghĩa, Tòa án nào cũng phải tìm hiểu tinh thần đạo luật, nghĩa là ý tứ của cơ quan lập pháp.

Đời sống biến chuyển nên khi áp dụng luật pháp tất nhiên phải mềm dẻo. Nhưng sự mềm dẻo này không phải là được tự do muốn bác đạo luật đi cũng được, mà chỉ là có thể định liệu lên xuống trong một giới hạn mà luật cho phép, nghĩa là vẫn ở trong vòng pháp luật. Khi sắc lệnh số 168 phạt cờ bạc từ một năm đến ba năm và không cho hưởng án treo thì Tòa án dù gặp trường hợp đáng khoan hồng đến đâu cũng chịu không thể tha hay phạt tù dưới một năm được.

Nguyên tắc tổ chức tư pháp này dựa vào một căn bản chính trị thiết yếu. Luật pháp có thể phạm tới tính mệnh, tài sản, quyền tự do của người công dân, cho nên chỉ có quốc hội là 400 đại biểu của toàn quốc mới có quyền làm ra luật mà thôi. Khi luật pháp đã ban hành thì mọi người đều phải tôn trọng, không thể lấy một cơ gì để bác đi.

Xem quyền của Giăng Phong-tên: “Chỉ có kẻ thù của nhân dân, lời của nghị sĩ Bu-ka-nốp nói, mới viển những lẽ tùy cơ mềm dẻo gì ấy để đối chọi với luật pháp. Luật pháp của Nhà nước là ý chí của nhân dân...”

Ông Xít-ta-lin nói: “Sự vững vàng của luật pháp, bây giờ cần hơn bao giờ hết”. (Seuls les ennemis du peuple, dit le député Boukanov, pourraient opposer à la loi, je ne sais quelles considérations d’opportunité! Les lois adoptées par l’Etat socialiste expriment la volonté du peuple de l’Union soviétique ... La stabilité des lois est nécessaire maintenant plus que jamais, dit Staline).

Ai không theo pháp luật thì phải mang ra tòa án. Nhiệm vụ chính yếu của tòa án là làm cho mọi người phải tuân theo pháp luật. Khi Quốc hội xét thấy một việc có hại cho quyền lợi nhân dân mà ra một đạo luật phạt nặng, nếu quan tòa lại không xử phạt thì tức là chính mình không tôn trọng pháp luật, đã đi trái với 400 đại biểu nhân dân, cản trở ý chí của Quốc hội là cơ quan cao nhất trong nước.

Nếu quan tòa Liên Xô có thể “không xử phạt một việc mà luật pháp định, nếu xét ra làm thế là có lợi cho nhân dân Liên Xô, và phụng sự lý tưởng cách mạng”, thì chắc có một đạo luật nào của Liên Xô cho phép như thế với những điều kiện rõ ràng. Đứng trước trường hợp như thế, tổ chức tư pháp của ta dùng một kỹ thuật pháp lý khác là cho quyền công tố viên được xếp bỏ không truy tố.

*Câu chuyện trừng phạt những kẻ bắt người trái phép.* – Ông Quang Đạm biện bạch cho những người “có lòng vì nước đã sốt sắng bắt bọn Việt gian xảo trá, mà vì không hiểu thế lệ hay hoàn cảnh kháng chiến đã không làm được hoàn toàn đúng phép”.

Tôi chưa thấy Tòa án đã khép tội một người nào ở trong trường hợp mà ông Quang Đạm đã nêu ra. Nếu ông Quang Đạm ở trong chính quyền thì ông sẽ biết công tố viên và án lệ đã nhân nhượng đến thế nào về những vi phạm do sự không biết luật hay do việc luật pháp không công bố được đầy đủ mà gây ra. Ông sẽ lại biết nhiều vụ bắt giam mà không vì công tâm hay vì trừ gian tỵ nào và cái tình trạng bắt người bừa bãi lúc đầu đã được chấm dứt vì Tòa án đã cương quyết truy tố. Nhất là ông sẽ thấy rằng không phải chỉ bên tư pháp mà cả những cấp chỉ đạo bên kháng chiến, công an cũng đồng ý đối phó cương quyết, và áp dụng cho được sắc lệnh số 40 về bảo đảm tự do cá nhân là hợp với ý nguyện của nhân dân.

Ai lại không sốt sắng trừ khử lũ Việt gian, nhưng tất cả vấn đề là làm thế nào để kẻ vô tội khỏi bị bắt nhầm, nhất là bị giam giữ kín đáo trong một thời gian... Vấn đề ấy đã được giải quyết bằng những sắc lệnh đặt một thủ tục phải theo khi muốn bắt một người công dân. Tòa án và các Ủy ban Kháng chiến Hành chính đòi áp dụng các sắc lệnh ấy chỉ là tuân theo Chính phủ kháng chiến và bênh vực quyền lợi của người dân. Tôi không biết ông đã có dịp nào được nghe người dân thổ ra những ý kiến về vấn đề này chưa?

Sự cộng tác chặt chẽ giữa tư pháp và kháng chiến hành chính: Đọc ông Quang Đạm ở quãng này, tôi tưởng như tư pháp là một bọn giặc đang giao chiến với kháng chiến hành chính và sắp đưa ra trước búa rìu của quốc dân.

May thay, Chính phủ không hiểu như thế và sự thực cũng không thế. Lúc đầu tiên, khi hành chính kiêm cả tư pháp, chính ý nguyện của nhân dân và của các Ủy ban hành chính là đòi thiết lập Tòa án chuyên môn. Sở dĩ từ bấy đến nay, các Tòa án đứng vững và tăng tiến được là vì đã xứng với lòng tin nhiệm của nhân dân. Một lần nữa, tôi không hiểu tại sao ông Quang Đạm lại khuyên đi khuyên lại rằng “Tư pháp phải đứng trên lập trường nhân dân mà đấu tranh chống kẻ thù chung”.

Những sự đụng chạm giữa hành chính và tư pháp cũng như giữa hành chính và các cơ quan khác chỉ là

điều tất nhiên, nhất là trong lúc chúng ta đang lắp bộ máy Nhà nước. Ông Quang Đạm đừng nên dùng những lời quá đáng để nhắc lại không được đúng ý kiến của ông Vũ Đình Hòe, và của tôi trong bài trước, những lời như thế chỉ gây ác cảm giữa kháng chiến hành chính và tư pháp và làm cho người ta tưởng tượng tư pháp có thể “khinh rẻ ý chí nhân dân và bỏ rơi quyền lợi nhân dân”.

“Sự phân phối quyền hạn giữa kháng chiến hành chính và tư pháp chỉ là một sự phân công phụ trách để làm cho khoa học”. Chẳng ai chối cãi được một điều rõ ràng như thế. Nhưng để làm cho khoa học nghĩa là gì? Nghĩa là:

- Giao mỗi loại việc cho một cơ quan chuyên trách thì làm việc được nhanh và thạo hơn.
- Mỗi quyền hành giao cho một cơ quan thì sử dụng được đúng và bộ máy nhà nước trong toàn cục chạy đều hơn. Một là vì cơ quan nọ sẽ kiểm soát cơ quan kia, thí dụ công an sẽ khiến tư pháp không ăn tiền, tư pháp sẽ khiến công an không bắt nạt dân. Hai là tránh những sự lạm dụng, bởi vì kinh nghiệm bao nhiêu năm ở các nước và ở ngay nước ta cho biết rằng nhiều quyền tập trung vào một cơ quan thì ắt sẽ xảy ra lạm quyền, phân phối cho nhiều cơ quan thì giảm được rất nhiều các hành vi quá lạm. Thí dụ: một ủy ban đánh thuế quá mức hay trưng dụng vô lý, người công

dân phản đối mà vụ kiện lại đưa cho chính ủy ban ấy xử thì tất nhiên phải thiên lệch, giao cho Tòa án là một cơ quan không bao giờ được dính dáng đến việc thu thuế hay trưng dụng, tất nhiên được vô tư hơn.

Chính nhờ ở cách phân quyền ấy mà đã nhiều lần người công dân bị một cơ quan áp bức đã có thể cầu cứu ở một cơ quan khác.

Kháng chiến hành chính và tư pháp đều phụng sự quyền lợi của nhân dân, tuy thế, vẫn phải phân quyền giữa hai bên thì mới bảo đảm được cho người dân lè loi khỏi có khi bị đè nén. Kinh nghiệm thực tế cho ta biết thế, mà điều này không có gì là trái ngược cả.

Ông Quang Đạm lý luận rằng hễ tư pháp và kháng chiến hành chính cùng đại diện cho nhân dân thì “còn ai lộng quyền với ai”, “người đa nghi đến đâu cũng không lo ngại rằng nhân dân lại lộng quyền với nhân dân được”.

Thật là một bài thơ. Trong một quả trứng còn có mâu thuẫn, giữa hai vợ chồng còn có sự lộng quyền, trong nội bộ một cơ quan còn có sự xung đột được thì những đại biểu của nhân dân có thể mâu thuẫn với nhau hay với nhân dân được. Bởi thế, mới có quyền bãi miễn.

#### IV- Kết luận

Ôn lại các lời phê bình của ông Quang Đạm thì thấy rằng, về hình thức, ông đã có những lời, hay ý gay gắt đối với anh em tư pháp và nguyên nhân là những điều hiểu lầm của một số anh em chính trị về các cán bộ tư pháp. Thực ra, nếu hai bên có nhiều dịp gặp nhau thì sẽ thấy rằng không xa nhau đến như người ta tưởng và những điều chứa chất trong lòng là vô căn cứ.

Về nội dung, ông Quang Đạm đã trình bày một quan niệm có tính cách đại cương và chính trị về cơ quan tư pháp, có thể tóm lại trong một câu: “Tư pháp là một cơ quan của tập đoàn thống trị, hay tập đoàn ấy là nhân dân đang kháng chiến thì tư pháp cũng phải bên vực nhân dân và phụng sự kháng chiến”. Quan niệm này đại cương như một khẩu hiệu chính trị, không cho ta thấy một kế hoạch cụ thể để giúp vào việc kiến thiết, cũng không đạt được việc tổ chức tư pháp cho thiết thực và trúng cách.

(Trong quan niệm của ông Quang Đạm, giá thay chữ tư pháp bằng tên một cơ quan khác thì cũng cứ được như thường).

Ở đây, ta nhận thấy một nhược điểm của chúng ta là người nào đã chuyên về chính trị thì lãng bỏ hay khinh rẻ chuyên môn, thành ra đến lúc muốn áp dụng

## LUẬT SƯ VŨ TRỌNG KHÁNH...

các lý thuyết chính trị để giải quyết một vấn đề chuyên môn nào, thì không có đủ tài liệu. Trái lại, người chuyên môn không nghiên cứu chính trị sinh ra hẹp hòi trong tư tưởng và thủ cựu trong phương pháp làm việc.

Lý tưởng, như một luật gia xã hội Pháp nói, là có được nhiều nhà chính trị có luật học và nhiều nhà luật học làm chính trị.

Muốn thế thì để bắt đầu trong các lớp giảng luật của ta, phải dạy chính trị và trong các lớp cán bộ chính trị phải học cả pháp lý.

VŨ TRỌNG KHÁNH  
Báo Sự thật số 116 ngày 1-8-1949

## NHỮNG BÀI VIẾT CỦA NGƯỜI ĐƯƠNG THỜI VỀ LUẬT SƯ VŨ TRỌNG KHÁNH

**Vũ Trọng Khánh - Ôn hòa khôn khéo bảo vệ chính nghĩa.**

Vũ Đình Hòe

(Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong Chính phủ  
Việt Nam dân chủ cộng hòa từ 1946 đến 1960)

*Sinh năm 1912, xuất thân gia đình tiểu thương ở làng Cự Đà, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, nay thuộc Hà Nội. Ông học trường Albert Sarraut, sau khi đỗ tú tài Tây, vào Luật khoa Đại học Đông Dương. Trong những năm học ở đây, ông làm quen với đảng viên cộng sản Nguyễn Thế Rục, hoạt động trong Tổng hội sinh viên, tham gia nhóm nghiên cứu chủ nghĩa Mác, làm tổ trưởng tổ Thanh niên Dân chủ. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, ông nhận lời mời của Chính phủ Trần Trọng Kim đảm đương chức vụ Đốc lý (như Thị trưởng) thành phố Hải Phòng. Sau Cách mạng*

*tháng Tám năm 1945 ông được cử làm Bộ trưởng Tư pháp trong Chính phủ Nhân dân lâm thời, rồi Chương lý Tòa thượng thẩm (như Viện trưởng Viện Công tố), ủy viên Ban dự thảo Hiến pháp 1946 do cụ Hồ Chủ tịch đứng đầu. Trong thời Kháng chiến chống Pháp làm Giám đốc Tư pháp khu X. Năm 1954 tham gia tiếp quản Hải Phòng, làm Phó Chủ tịch UBHC đến tháng 4 năm 1961, mất năm 1996. Ông được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều huân chương cao quý khác.*

Cùng cảm tình con chuột (Nhâm Tý), nhưng tôi xuất thân bần nho, anh sinh ra trong một gia đình tiểu thương khá giả ở làng Cự Đà tập nập trên bên dưới thuyền, với tương nếp Cự Đà nổi tiếng, với những doanh nhân tư sản dân tộc lớp đầu, từng tạo ra các thương hiệu chữ “CỤ” Việt Nam lừng danh khắp Đông Dương: Cự Doanh, Cự Phát... Nhà có điều kiện nên anh được cho ăn học trường Tây Albert Sarraut từ nhỏ, suốt 10 năm, trong khi tôi phải chật vật kiếm sống, mẹ vay nợ trả góp, mới chen ngang vào được một năm học thi “tú tài Tây” ở ngôi trường danh tiếng nhất và cũng đắt nhất Đông Dương này.

Chúng tôi đã gặp nhau năm trung học cuối cùng, khi cả hai đã 21 tuổi, là những thanh niên trưởng thành, mỗi người một tính cách do hoàn cảnh sống. Nhưng điều này không cản trở chúng tôi kết bạn. Tôi nhớ một

Vũ Trọng Khánh hay cười, ít nói, khi nói thì chậm rãi, nhỏ nhẹ. Anh thường xuyên có mặt tại “Khách thỉnh” (một hình thức sinh hoạt câu lạc bộ văn hóa thời ấy) tại tư gia của tôi trong một ngõ phố Hàng Đẫy. Nhưng trong khi tôi, Thế Lữ, Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Đỗ Cung... tranh luận, đọc thơ, diễn kịch, cả đùa nghịch những khi không có phụ nữ tham dự, thì anh Khánh chỉ cười hiền lành ngồi nghe, thắng hoặc hai bên bàn cãi gay gắt quá, anh lại ôn tồn hòa giải. Anh tham gia hoạt động của Tổng hội sinh viên cũng như vậy, không tranh phần nổi, xuất đầu lộ diện, lảng lảng hoàn thành những phần việc được giao. Mãi sau này, được đọc bản thảo hồi ký chính tay anh đưa, tôi mới biết là sự kín đáo của anh có lý do: thời gian học ở trường Luật anh đã bí mật liên hệ với chiến sĩ cộng sản Nguyễn Thế Rục từng học ở Đại học Đông phương tại Nga, đã dự nhóm nghiên cứu chủ nghĩa Mác của Phan Tử Nghĩa, cùng sinh hoạt nhóm Thanh niên dân chủ với Đào Duy Kỳ, Vũ Đình Huỳnh... Thời còn cùng sinh hoạt “Khách thỉnh”, cùng hoạt động trong Tổng hội sinh viên, tôi gọi đùa anh trong nhóm bạn thân là “trang công tử phong lưu”, có cảm giác anh kín đáo, khó hiểu.

Sau khi tốt nghiệp Luật khoa, anh Khánh đi tập sự tại văn phòng của một luật sư người Pháp ở Hải Phòng, rồi được công nhận luật sư chính thức, hành nghề ở đó, nên chúng tôi ít gặp nhau.



"Khách thỉnh" 142 Rue Duvalier, nay là số 15 phố Thanh Báo (gần Nguyễn Thái Học), một hình thức câu lạc bộ văn học nghệ thuật tại nhà riêng VDH, 1935.  
 Ngồi cuối sân, trái sang: 1. Nguyễn Đỗ Cung, Đoàn Phú Tứ, Vũ Trọng Khánh  
 Ngồi ghế, phải sang: 1. nữ sĩ Vân Đài cùng nhóm bạn gái  
 Đứng, trái sang: Đoàn Phú Chiêm, Nguyễn Quang Đường, Nguyễn Nhuộc Pháp (nhũs), Trần Huy Đức (sau), Đoàn Phú Quân (sau bên bên), Thế Lữ (sau), Nguyễn Lương, VDH, Hoàng Cơ Thụy, Vũ Đình Liên

Ảnh: Album g/d VDH

(Chú ý: 6. Hết Luật qua văn nghệ, mục 1. Khách thỉnh, khoảng trang 588 - 590)

Đùng một cái, sau ngày Nhật đảo chính Pháp, chúng tôi nghe tin anh nhận lời đề nghị của chính phủ Trần Trọng Kim, ra làm Thị trưởng thành phố Hải Phòng. Bạn bè không hiểu. Tôi cũng thắc mắc, vì ngay trong nhóm *Thanh Nghị*, tôi cùng Đỗ Đức Dục, Nghiêm Xuân Yêm chủ trương ủng hộ nhưng giữ tư thế độc lập, nên phản đối việc Phan Anh, Vũ Văn Hiến tham gia nội các Trần Trọng Kim. Đến khi nổ ra Tổng khởi nghĩa và tất cả cơ cấu của chính phủ Trần Trọng Kim nhanh chóng bàn giao chính quyền cho Việt Minh, tôi mới hiểu ra ý đồ của họ và bạn mình: lấp một khoảng

trống quyền lực nguy hiểm, không cho thực dân Pháp lợi dụng để trở lại. Lần đầu tiên tôi nhận ra bản lĩnh của người bạn hiền lành: dám đi trên đe, dưới búa! Đương đầu với Nhật là kẻ thù đã đành, còn phải biết mềm dẻo ứng phó với không ít các "ông tướng Việt Minh con" quá khích ở cơ sở nữa chứ: họ coi toàn bộ chính phủ Trần Trọng Kim là "bù nhìn ôm chân Nhật lùn" mà. Xơi phát đạn từ sau lưng dễ như chơi! Đến ông Việt Minh cộng sản tầm cỡ như Lê Văn Hiến, còn bị dân quân Quảng Nam què mình bắt trời "dựa cột". May mà công văn giải thoát đến kịp!

- Có ai đảm bảo an toàn cho anh không? – Tôi hỏi ngót nửa thế kỷ sau, trong lần xuống Hải Phòng đến căn nhà cũ kỹ ở phố Lạch Tray thăm vợ chồng anh và kiểm thêm tài liệu viết hồi ký.

Anh cười hiền lành đáp:

- Cách mạng. Và cái trần nhà. – Anh chỉ ngón tay lên trần.

Tướng anh đùa, hóa ra là thật! Về đến Hà Nội tôi đọc được trong mấy trang hồi ký anh đưa: "kế hoạch tự bảo vệ khá ngây thơ của thị trưởng chỉ là chuẩn bị một chỗ trốn trên trần nhà"!

Trong tay không một tác sất, Vũ Trọng Khánh đã khôn khéo kết hợp cái danh vị hợp pháp là người của chính phủ "thân Nhật" với cái thế đang lên của cao trào Việt Minh để ép quân Nhật tôn trọng nhà đương cục Việt Nam nhằm đổi lấy an toàn cho bản thân họ,

mặt khác, lợi dụng được sự có mặt của lực lượng quân sự Nhật để ngăn giặc Pháp đổ bộ chiếm lại thành phố, tự mình tranh thủ chiếm lĩnh các vị trí chủ chốt trong bộ máy chính quyền, bảo vệ dân, bảo vệ lực lượng Việt Minh. Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hải Phòng không tốn một viên đạn, không đổ một giọt máu, phần công lao không nhỏ thuộc về Thị trưởng Vũ Trọng Khánh.

Ngay sau khi từ căn cứ Việt Bắc về đến Hà Nội, Hồ Chủ tịch đã mời Vũ Trọng Khánh vào Chính phủ cách mạng, giữ chức Bộ trưởng Tư pháp.



Từ phải sang: Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ trưởng Trần Huy Liệu (đeo kính đen), Bộ trưởng Đặng Thai Mai (complet trắng), cố vấn Vĩnh Thụy (sơ mi cộc tay trắng), Luật sư Vũ Trọng Khánh (complet đen)

(Nguồn ảnh: mạng Công an Nhân dân)

Phong cách làm việc ôn hòa, khôn khéo bảo vệ chính nghĩa của Bộ trưởng Vũ Trọng Khánh được anh Lê Giản, Tổng giám đốc Nha Công an những năm đầu cách mạng, kể lại với tôi như sau:

“Mấy tháng cuối năm 1945, thời gian Vũ Trọng Khánh làm Bộ trưởng Tư pháp, quân lính mình (tức cán bộ công an của anh Lê Giản) bắt giam bữa bãi bọn Việt Quốc, Việt Cách (chúng cũng quậy lăm cơ, ỷ vào quân Tàu Tưởng). Vũ Bộ trưởng – nguyên luật sư có khác, khôn khéo, mềm dẻo – tự thân sang mình giảng giải phải trái, lợi hại, bày cho mưu mẹo hợp thức hóa. Nhờ vậy không những mình làm “được việc” mà còn học thêm được những bài cơ bản về pháp lý công an tư pháp”.

Anh Vũ Trọng Khánh chỉ làm việc ở Bộ Tư pháp 181 ngày, sau đó do tình hình và nhiệm vụ chính trị, Hồ Chủ tịch điều tôi sang thay anh. Anh Khánh vui lòng rút lui theo sự xếp sếp của chính người đã mời anh từ Hải Phòng lên đảm nhiệm cương vị khó khăn đó trong những bước đầu xây dựng chính quyền cách mạng. Tôi tự thấy mình đuối sức, khó lòng gánh vác trọng trách mới, vì tuy tốt nghiệp cử nhân luật nhưng đã bao giờ hành nghề đâu! Tôi ngó ý mời anh Khánh ở lại giữ vai trò phù trợ cho tôi, nhưng anh cho rằng sẽ bất lợi cho cả hai, trước hết là cho công việc, vì lúc ấy một số phần tử QZD (Quốc dân đảng) trong Văn phòng Bộ đang chia mũi dùi vào anh, Cụ Hồ rút anh đi

chính là để khiến họ hụt mất mục tiêu. Anh xung phong giữ chức Chương lý Tòa thượng thẩm, giúp Bộ quản lý các Tòa án về mặt hành chính và để động viên tôi, anh còn vui vẻ nói đùa là tự nguyện làm “đầu chày đít thớt”, sẵn sàng chịu “trên đe dưới búa”:

- “49 ngày làm Thị trưởng Hải Phòng mình được tôi luyện rồi mà!”

Bắt tay vào việc ở Bộ Tư pháp, tôi thấy ngay là Vũ Trọng Khánh, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hồ Chủ tịch, đã bỏ nhiều tâm sức xây dựng nền tảng đầu tiên của *nhà nước pháp quyền* và chế độ tư pháp nhân dân: hơn ba chục sắc lệnh trong 181 ngày, trung bình 6 ngày 1 sắc lệnh. Tôi nhấn mạnh về thứ nhất vì một thời gian dài do những lý do “tế nhị” người ta nói nhiều đến những văn bản xây dựng cơ cấu tư pháp mà hầu như “quên” những sắc lệnh anh Khánh cùng Bộ Nội vụ đã chuẩn bị và trình Hồ Chủ tịch ký, mang tính chất đặt nền tảng cho nhà nước pháp quyền và trị nước bằng pháp luật: 18 ngày sau khi đọc Tuyên ngôn Độc lập đã ra Sắc lệnh lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp; mọi công dân, kể cả những công dân phạm pháp phải được bênh vực trước pháp luật, vậy phải quy định ngay về tổ chức và hoạt động của các đoàn luật sư (Sắc lệnh 46 ngày 10-10-1945); trong khi chờ đợi ban bố những luật mới, để các cơ quan chính quyền khỏi tùy tiện điều hành, ra Sắc lệnh (số 47 ngày 10-10-1945) tạm giữ lại các luật lệ hiện hành của chính quyền Pháp, “nếu

những luật ấy không trái với chính thể Việt Nam dân chủ cộng hòa và không phương hại đến nền độc lập” (luật tồi vẫn hơn không có luật!); tạo ngay căn cứ pháp lý để ngăn chặn sự lộng hành của các “quan cách mạng” (lời Hồ Chủ tịch) quá say mê quyền lực mới, bằng Sắc lệnh 64 ngày 23-11-1945 thành lập một Ban Thanh tra đặc biệt, “với nhiệm vụ giám sát tất cả các công việc và các nhân viên của các Ủy ban nhân dân và các cơ quan chính phủ. Ban Thanh tra đó có thẩm quyền đình chức, bắt giam bất cứ nhân viên nào trong Ủy ban nhân dân hay của Chính phủ đã phạm lỗi, trước khi mang ra Hội đồng Chính phủ hay Tòa án đặc biệt xét xử”.

Ôn hòa và dễ nhân nhượng trong những việc cụ thể, Vũ Trọng Khánh không thỏa hiệp trong những vấn đề nguyên tắc. Bằng chứng rõ ràng nhất là vụ tranh luận năm 1948 với ông Quang Đạm ở báo *Sự thật*, khi anh thay mặt các luật gia đang công tác trong các cấp chính quyền nhân dân kiên quyết bảo vệ trên trang báo *Độc lập* “*nguyên lý tư pháp độc lập với hành chính*”, có ghi trong Hiến pháp 1946 đã được Quốc hội khóa I thông qua. Việc này tôi không nhắc lại nữa vì đã thuật tỉ mỉ trong sách *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh* (tập I). Chính ông Quang Đạm bốn chục năm sau đã thừa nhận rằng quan điểm pháp lý của ông lúc ấy, về lý thuyết “có phần giản đơn và siêu hình”, còn trên thực tế phát triển cách mạng đã dẫn đến tình trạng

“quyền lực của tư pháp cũng như lập pháp xét cho cùng là hữu danh vô thực” và “bên trên của cả ba quyền lực (tức kể cả trên quyền hành pháp - VĐH) mọi người nghĩ đến một “siêu quyền lực” quyết định tất cả, là cấp ủy đảng lãnh đạo”. Bài viết của ông có người trong giới chuyên môn tư pháp cho là “sám hối”, tôi thiết nghĩ là một sự phục thiện đúng cảm. Bài đã đăng trên báo *Độc lập*, số ra ngày 17-8-1988, tôi có mạn phép in lại toàn văn ở phần Phụ lục (Phụ lục 4) sách *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh* (tập II), NXB Trẻ đã tái bản lần thứ 3, nhưng do sơ xuất vẫn không ghi tên ông là tác giả. Nhân đây xin tạ tội với vong linh ông Quang Đạm và cáo lỗi cùng bạn đọc.

Dưới ánh sáng của công cuộc Đổi mới hôm nay mà Đảng lãnh đạo khởi xướng năm 1986 và vẫn đang phần đầu thực hiện, quan điểm của luật sư Vũ Trọng Khánh không phải là “pháp lý tư sản” mà là chân lý và vẫn đang nóng bỏng tính thời sự.

## Luật sư Vũ Trọng Khánh, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đầu tiên

Phan Đăng Thanh, Trương Thị Hòa

- *Người chấp bút phác thảo Hiến pháp 1946.*
- *Người kiên quyết bảo vệ nền tư pháp Việt Nam độc lập.*

### Lai lịch xuất thân

Vũ Trọng Khánh sinh ngày 13-3-1912<sup>1</sup> trong một gia đình tiểu thương khá giả ở Hà Nội, nguyên quán tại làng Cự Đà, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Nội).

Từ năm 11 tuổi, Vũ Trọng Khánh học trường Tây (Lycée Albert Sarraut) ở Hà Nội – một trường danh giá ở Đông Dương lúc bấy giờ. Năm 1932, Vũ Trọng Khánh đỗ tú tài toàn phần.

Sau khi đỗ tú tài, Vũ Trọng Khánh theo học Khóa 2 trường Cao đẳng Luật Đông Dương (1933 - 1937) và nhận bằng Cử nhân Luật. Trong thời gian là sinh viên trường Luật, ông từng hăng hái tham gia nhiều sinh hoạt đấu tranh cách mạng tham gia Tổng hội sinh viên Hà Nội.

Sau khi tốt nghiệp ngành luật, ông xuống Hải Phòng xin tập sự luật sư.

<sup>1</sup> Có tài liệu khác ghi ngày 13-3-1913.

Từ một luật sư lên làm lãnh đạo thành phố, rồi đứng đầu một bộ của Chính phủ...

Vào đời, ngày 27-2-1938, ông được nhận làm thư ký rồi tập sự luật sư ở Văn phòng luật sư Laubiès tại số 7 phố Trần Hưng Đạo, Hải Phòng. Ngày 20-12-1941, Vũ Trọng Khánh tuyên thệ luật sư thực thụ tại Tòa Thượng thẩm Hà Nội. Thấy ông tháo vát, có tinh thần trách nhiệm cao, luật sư Laubiès giao cho điều hành văn phòng.

Sau cuộc đảo chính ngày 9-3-1945, Nhật lật đổ chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương và tuyên bố trao trả "nền độc lập" cho Việt Nam. Tháng 4-1945, vua Bảo Đại giao phó cho giáo sư Trần Trọng Kim lập chính phủ thân Nhật. Do bản thân nổi tiếng đạo đức, có tài hùng biện và sự hiểu biết sâu rộng, tháng 7-1945, luật sư Vũ Trọng Khánh được Chính phủ Trần Trọng Kim bổ nhiệm giữ chức vụ Đốc lý (Thị trưởng) thành phố Hải Phòng.

Cách mạng tháng Tám nổ ra. Với mối quan hệ cũ từ thời Mặt trận Bình dân, các cán bộ Việt Minh đến tiếp xúc vận động Vũ Trọng Khánh tham gia. Đêm 21-8-1945, Vũ Quốc Uy, cán bộ Việt Minh phụ trách Hải Phòng đến nhà ông ở số 9 ngõ Thuận Thái, đường Cát Dài, bàn kế hoạch chuyển giao chính quyền. Cả hai bên đi đến quyết định khởi nghĩa vào ngày 23-8-1945.

Sáng ngày 23-8, Hải Phòng giành chính quyền thành công trọn vẹn. Trong cuộc mít tinh mừng thắng

lợi tại Quảng trường Nhà hát thành phố với hơn một vạn quần chúng tham dự, Ủy ban nhân dân cách mạng thành phố Hải Phòng do ông Vũ Quốc Uy làm Chủ tịch ra mắt đồng bào, luật sư Vũ Trọng Khánh đang ở vị trí Đốc lý đã trở thành Ủy viên Hành chính của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời.

Cách mạng tháng Tám thành công, Vũ Trọng Khánh trở thành Bộ trưởng Bộ Tư pháp đầu tiên của nhà nước cách mạng. Trong cương vị này, ông đã có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng pháp luật và hệ thống tư pháp cho nền cộng hòa vừa mới ra đời.

Vũ Trọng Khánh làm Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ hơn 6 tháng với 181 ngày (từ 28-8-1945 đến 2-3-1946), sau đó do yêu cầu tình hình và nhiệm vụ chính trị, Vũ Đình Hòe được điều từ Bộ Giáo dục về thay thế Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong chính phủ liên hiệp kháng chiến và Vũ Trọng Khánh được chuyển sang giữ chức vụ Chương lý Tòa Thượng thẩm Bắc bộ, tức vị trí Viện trưởng Viện Công tố tại Tòa án tối cao.

Với vai trò Bộ trưởng Bộ Tư pháp đầu tiên của Chính phủ lâm thời rồi Chính phủ liên hiệp lâm thời, Vũ Trọng Khánh đã bỏ nhiều công lao tâm trí trong việc xây dựng nhà nước cách mạng và chế độ tư pháp mới với hơn 30 sắc lệnh được ban hành. Cụ thể như: Sắc lệnh số 47/SL ngày 10-10-1945 tạm giữ các luật lệ hiện hành trong cả nước, cho đến khi ban hành pháp

luật mới thống nhất. Cũng trong những ngày này, để đáp ứng yêu cầu cấp thiết của cách mạng nhằm bảo vệ quyền lợi cho mọi công dân, kể cả những công dân phạm tội được bảo vệ trước pháp luật, Sắc lệnh số 46/SL về tổ chức luật sư và hoạt động của các đoàn luật sư được Bộ Tư pháp chuẩn bị để Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành. *Ngày 10-10 đã đi vào lịch sử dân tộc, sau này được chọn làm Ngày Luật sư Việt Nam.*

Đầu tháng 7-1946, Chính phủ cử Vũ Trọng Khánh tham gia phái đoàn đàm phán ở Hội nghị Fontainebleau (Pháp). Sau hội nghị, ông về nước và tiếp tục công tác trong vai trò thành viên Hội đồng phúc thẩm.

Sau ngày Toàn quốc kháng chiến (19-12-1946) đến tháng 12-1948, Vũ Trọng Khánh giữ chức vụ Giám đốc Tư pháp khu X bao gồm địa bàn Trung du và Tây Bắc (gồm sáu tỉnh: Vĩnh Yên, Phúc Yên, Phú Thọ, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái).

Từ năm 1949 đến tháng 12-1951, ông được điều trở lại Bộ Tư pháp giữ chức vụ Trưởng ban Nghiên cứu pháp lý rồi Giám đốc Vụ Hành chính tư pháp (1952-1954). Trong suốt quá thời gian kháng chiến chống Pháp, ông tham gia soạn thảo nhiều văn bản pháp quy quan trọng trong hệ thống pháp luật của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

## Góp công đầu xây dựng Hiến pháp 1946

Ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, giành được chính quyền, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời (3-9-1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu việc lập hiến là một trong “những vấn đề cấp bách hơn cả”. Chính phủ lâm thời xúc tiến ngay việc khởi thảo Hiến pháp. Sắc lệnh số 34/SL ngày 20-9-1945 thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp gồm có bảy thành viên, do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, một trong sáu thành viên còn lại là Vũ Trọng Khánh, Bộ trưởng Bộ Tư pháp<sup>1</sup>.

Công việc trọng đại, mới mẻ lại vô cùng khó khăn, thời gian hết sức gấp gáp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban giao cho giáo sư Đặng Thai Mai và luật sư Vũ Trọng Khánh viết bản dự thảo đầu tiên. Hai ông tập trung thời gian, sức lực xây dựng đề cương trình Ủy ban góp ý thông qua rồi chia nhau chấp bút chi tiết. Theo giáo sư Đặng Thai Mai, “Vũ Trọng Khánh chịu trách nhiệm viết các phần quan trọng nhất, chiếm khoảng ba phần tư dự án. Tôi chỉ viết một phần tư còn lại. Sau đó, anh Khánh duyệt phần do tôi viết, rồi viết lại toàn bộ văn bản trước khi chuyển tới Võ Nguyên

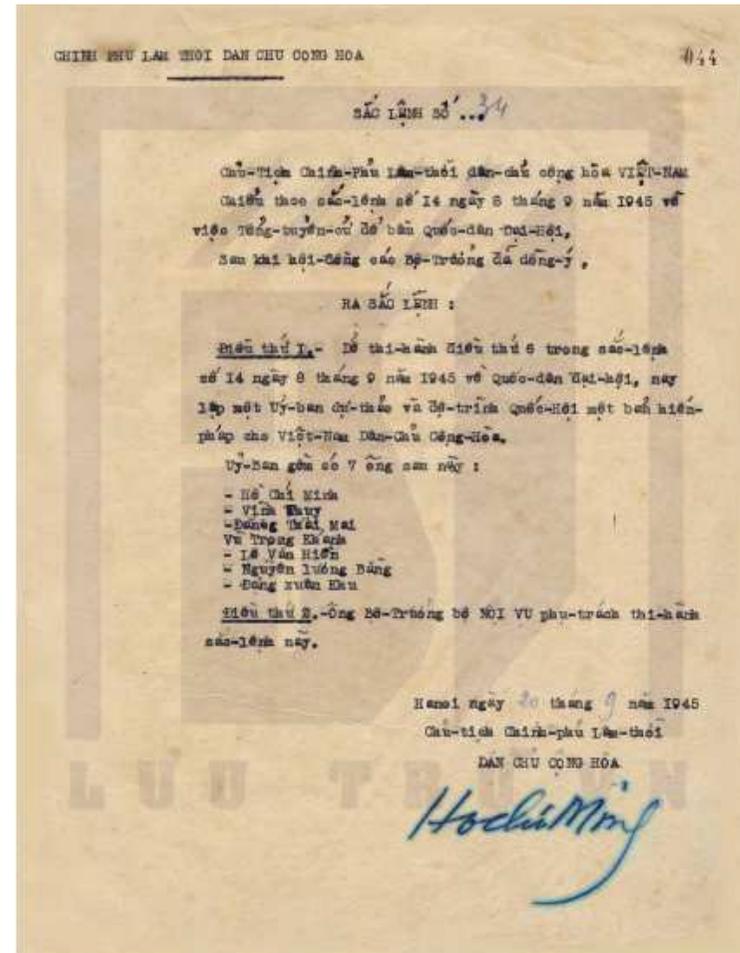
<sup>1</sup> Cụ thể bảy thành viên của Ủy ban dự thảo Hiến pháp gồm: Chủ tịch Hồ Chí Minh, Vĩnh Thụy, Đặng Thai Mai, Vũ Trọng Khánh, Lê Văn Hiến, Nguyễn Lương Bằng và Đặng Xuân Khu (tức Trường Chinh).

## LUẬT SƯ VŨ TRỌNG KHÁNH...

Giáp." Quá trình dự thảo, hai ông tranh thủ ý kiến đóng góp của luật gia Võ Nguyên Giáp<sup>1</sup>, hai cụ Bùi Bằng Đoàn, Phan Kế Toại, nhiều trí thức nổi tiếng như luật sư Phan Anh; luật sư Nguyễn Mạnh Tường còn cho mượn tất cả những văn kiện bằng tiếng Pháp (như Tuyên ngôn Độc lập Mỹ, Hiến pháp Mỹ, Hiến pháp Pháp...) mà Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu phải tìm để tham khảo. Khoảng 26-10-1945, dựa vào phần giáo sư Đặng Thai Mai và mình đã viết, luật sư Vũ Trọng Khánh tổng hợp thành một bản dự thảo hiến pháp do chính ông viết lại.

<sup>1</sup> Võ Nguyên Giáp (1911 - 2013) đã học luật tại Trường Cao đẳng Luật Đông Dương, nhận bằng Cử nhân luật (Licence en Droit) năm 1937.

## Những bài viết của người đương thời...



Sắc lệnh số 34 ngày 20-9-1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp

(Ảnh: Văn phòng Quốc hội)

## Trang ảnh màu

Khoảng 30-10-1945, sau khi đọc xong bản tổng hợp trên, Võ Nguyên Giáp làm việc lần cuối cùng với hai ông, tán thành về cơ bản, chỉ góp ý nên rút bớt khoảng một phần ba. Ngày 2-11-1945, luật sư Vũ Trọng Khánh chỉnh lý xong theo góp ý của Võ Nguyên Giáp, hai ông nhất trí chuyển bản dự thảo cuối cùng lên Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 6-11-1945, bản dự thảo được Chủ tịch Hồ Chí Minh thông qua. Người ký tắt rồi chuyển cho hai ông mỗi người một bản. Ngày 8-11-1945, Ủy ban dự thảo họp phiên cuối cùng do Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trưởng ban chủ trì. Người đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp Vũ Trọng Khánh đọc toàn văn bản dự thảo. Tất cả bảy thành viên biểu quyết tán thành. Chủ tịch Hồ Chí Minh kết luận: “Đây là một bản dự thảo đặc sắc, ông Vũ Trọng Khánh có công đầu”. Người yêu cầu cho công bố ngay để lấy ý kiến cả nước. Bản dự thảo Hiến pháp Việt Nam của Chính phủ lâm thời là nền tảng cho việc xây dựng Dự án Hiến pháp năm 1946 sau này được Quốc hội tiếp tục thảo luận thông qua ngày 9-11-1946. Nhận xét về Luật sư – Bộ trưởng Vũ Trọng Khánh, giáo sư Đặng Thai Mai nói: “Tôi phải thừa nhận Vũ Trọng Khánh là một luật sư biết cách làm việc khoa học, luôn luôn lo nghĩ đến nhiệm vụ được giao phó, luôn luôn lo nghĩ đến nhân dân. Anh vừa hiểu sâu sắc các vấn đề hiến pháp, vừa nắm vững

tiếng Pháp ngành luật, vừa sử dụng thành thạo tiếng Việt ngành luật”<sup>1</sup>.

### Xây nền kiến tạo Ngày 10-10 cho giới luật sư Việt Nam

Như đã nói ở trên, ngày 10-10-1945 thực sự là ngày lịch sử của toàn bộ hệ thống cơ quan pháp luật cả nước chứ không riêng đối với giới luật sư. Bởi vì vào cùng ngày này, Chính phủ lâm thời đã ban hành Sắc lệnh số 47/SL tạm giữ các luật lệ hiện hành cho đến khi ban hành pháp luật mới trong phạm vi cả nước; đồng thời với Sắc lệnh số 46/SL về việc tổ chức các đoàn thể luật sư. Đây là sự vận dụng sáng tạo học thuyết của Mác vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam, không “đập tan bộ máy nhà nước và hệ thống pháp luật cũ” khi mà lúc đó ta chưa có gì mới thay thế để quản lý nhà nước và xã hội sau Cách mạng tháng Tám 1945.

Cụ thể theo Sắc lệnh 46/SL, các đoàn thể luật sư trong nước Việt Nam đã có sẵn (dưới thời Pháp thuộc) được tạm giữ lại như cũ, vẫn tạm thi hành theo Sắc lệnh ngày 25-5-1930 của Tổng thống Pháp Gaston Doumargue đã được Toàn quyền Đông

<sup>1</sup> Ngô Đăng Lợi, Luật sư Vũ Trọng Khánh – Nhà trí thức yêu nước, Câu lạc bộ Hải Phòng học <<http://haiphonghoc.vnwebblogs.com/post/32644/425756>>

Dương P. Pasquier ban hành bởi Nghị định ngày 12-9-1931.

Sắc lệnh (Décret) của Tổng thống Pháp ngày 25-5-1930 gồm có 6 phần (Titre), 42 điều (Article), quy định về Danh biểu Đoàn luật sư (*Phần I*), Tổ chức và quản lý nhân sự (*Phần II*), Việc tập sự (*Phần III*), Về kỷ luật (*Phần IV*), Quy định chung (*Phần V*) và Điều khoản chuyển tiếp (*Phần VI*).

Về nội dung, Sắc lệnh năm 1930 này tiến bộ hơn Sắc lệnh áp dụng trước đó (Sắc lệnh năm 1911) rất nhiều, vì nó công nhận tính độc lập, tự quản của các đoàn luật sư (lúc đó cả năm xứ Đông Dương gồm: Nam kỳ, Bắc kỳ, Trung kỳ, Cao Miên và Lào chỉ có hai đoàn luật sư: Sài Gòn và Hà Nội). Sắc lệnh năm 1930 cho phép người Đông Dương được làm luật sư (avocat); chứ không như chế độ luật sư – bào chữa viên (avocat - défenseur) trước đó, theo Sắc lệnh năm 1911, chỉ dành cho công dân Pháp (gồm người dân gốc Pháp và người Đông Dương đã nhập quốc tịch Pháp) mới được làm luật sư. Và lại, theo Sắc lệnh 1911, tất cả luật sư - bào chữa viên đều mang tư cách công chức do Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm (trước Sắc lệnh năm 1911 lại do Thống đốc, Thống sứ đứng đầu các xứ bổ nhiệm).

Như vậy, so với trước (tức từ 1911 đến 1931), Sắc lệnh 1930 (được áp dụng ở Đông Dương từ năm 1931) đã có nhiều tiến bộ nên được Chủ tịch Hồ Chí Minh

cho áp dụng dưới chế độ cách mạng của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa với vài quy định mới thật cần thiết trước mắt mà thôi<sup>1</sup>.

Sắc lệnh 46/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 10-10-1945 cho áp dụng lại Sắc lệnh ngày 25-5-1930 của Pháp gồm chỉ vắn vện 7 điều, trong đó có chi tiết quy định cụ thể ở *Điều thứ hai* (về phạm vi bào chữa của luật sư), *Điều thứ ba* (về điều kiện đăng ký vào danh biểu đoàn luật sư, gọi là “Điều kiện để được liệt danh vào bảng luật sư”) và *Điều thứ tư, thứ năm* về tổ chức tự quản của các đoàn luật sư thông qua Hội đồng luật sư và các văn phòng hành nghề luật sư.

Nhìn chung, Sắc lệnh 46/SL ngày 10-10-1945 là sự sáng tạo kịp thời, đúng lúc của chính quyền cách mạng để phục vụ yêu cầu cần duy trì tổ chức luật sư sau Cách mạng tháng Tám, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của cách mạng nhằm bảo vệ quyền lợi cho mọi công dân, kể cả những công dân đã thực hiện hành vi phạm tội cũng được bảo vệ trước pháp luật.

<sup>1</sup> Vì nội dung tiền bộ của Sắc lệnh ngày 25-5-1930 mà dưới chế độ Quốc gia Việt Nam của Bảo Đại (1949-1955) và chế độ Việt Nam cộng hòa thời Ngô Đình Diệm và Nguyễn Văn Thiệu (1955-1975) tuy có ban hành các đạo luật về tổ chức luật sư mới, song về cơ bản vẫn mô phỏng theo Sắc lệnh ngày 25-5-1930 của thời Pháp thuộc ấy mà thôi.

## Kiên quyết bảo vệ sự độc lập của ngành tư pháp

Năm 1948, một cuộc tranh luận công khai trên diễn đàn báo *Sự thật* (Cơ quan của Đảng Cộng sản Đông Dương, sau này là báo *Nhân dân*) giữa một bên là nhà báo Quang Đạm – một biên tập viên của báo *Sự thật* và một bên là luật sư Vũ Trọng Khánh, nguyên Bộ trưởng Bộ Tư pháp, lúc đó là Giám đốc Tư pháp Chiến khu 10 và Lưu Anh, Vũ Ngọc Côn, Tần Dân (cũng đăng trên báo *Sự thật*), cùng với Vũ Đình Hòa, nguyên Bộ trưởng Giáo dục, lúc đó là Bộ trưởng Bộ Tư pháp, thể hiện trên tạp chí *Độc lập* (Cơ quan ngôn luận của đảng Dân chủ cùng trong Mặt trận Việt Minh).

Mở đầu, lập trường của Quang Đạm<sup>1</sup> thể hiện trên báo *Sự thật* ngày 15-4-1948 (bài “Tư pháp với nhà nước”) và ngày 19-5-1948 (bài “Tính chất chuyên môn trong tư pháp”). Sau đó, Quang Đạm còn có hai bài trao đổi thêm đăng trên báo *Sự thật* (bài “Vài điều căn bản về tư pháp”) ngày 15-11-1948 và bài “Nhiệm vụ của Tư pháp Việt Nam” ngày 19-12-1948. Mấy bài này đã tạo tiếng vang khá lớn ở một số địa phương trên miền Bắc, giới hành chính hưởng ứng tích cực. Nội dung nhấn mạnh vào ý nghĩa và nguyên tắc tập trung dân chủ (hồi đó gọi

<sup>1</sup> Lập trường này đã được Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương Trường Chinh tỏ ý đồng tình và giao cho Quang Đạm viết bài thể hiện trên báo (dẫn theo *Quang Đạm – Nhà báo học giả*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2002, tr 31).

là “dân chủ tập trung”) và phân công, đồng thời bài xích thuyết “độc lập và phân quyền”. Lập trường này đi đến khẳng định: “Tư pháp là một khí cụ riêng của tập đoàn thống trị”; “Nguyên tắc phục tùng sự chỉ đạo của tập đoàn nhân dân là một nguyên tắc tối cao phải được áp dụng triệt để đối với bất cứ người nào hay ngành nào”; “Nhân dân không thể cử ra các quan tòa mà gần như hoàn toàn phó thác công việc tư pháp cho những người do Chính phủ bổ nhiệm.” Những người đó lại phần nhiều chính là cán bộ tư pháp do thực dân Pháp đào tạo ra trước đây”; “Chỉ là sự phân công phụ trách để làm cho khoa học, chứ không thể là một sự phân quyền theo quan niệm”, “lấy quyền ngăn quyền” mà đấu tranh giữa quyền này với quyền khác”<sup>1</sup>. Trong khi đó, lập trường của Vũ Trọng Khánh cũng được thể hiện trên báo *Sự thật* (ngày 19-8 và 2-9-1948...) nhấn mạnh vào ý nghĩa “tư pháp độc lập”, phần nào thể hiện nguyên tắc tam quyền phân lập nhằm chống lại lập trường của Quang Đạm như nói ở trên.

Qua đó, Vũ Trọng Khánh viết: “Hễ luật bảo đen thì Tòa xử đen, dù có trái ý một cá nhân, một đoàn thể, một quyền hành nào đi chăng nữa, Tòa cũng không thể xử trắng”; “Cấm cơ quan nọ không được len vào cơ quan kia là một điều kiện bảo đảm cho người công dân khỏi

<sup>1</sup> Nguyễn Văn Khoan, Nguyễn Hồng Dung, *Quang Đạm – Nhà báo học giả*, Sđd, tr 56 – 85.

bị nhà cầm quyền ức hiếp trong bất cứ chính thể dân chủ nào”; “Khi một người nào muốn ra lệnh cho Tòa án phải xử thế này thế khác mà Tòa án không nghe theo thì chúng tôi cho rằng đây là giữ quyền độc lập...”<sup>1</sup>.

Đồng quan điểm với Vũ Trọng Khánh, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Vũ Đình Hòe cũng viết: “Quyền tư pháp phải tách hẳn ra với quyền hành chính. Thẩm phán phải được độc lập”; “Khi xử án thì xử theo pháp luật, công lý và lương tâm chứ không phải theo chỉ thị của một ai”; “Tòa án hoàn toàn độc lập chứ không phải phân công phụ trách dưới một sự chỉ huy tập đoàn”<sup>2</sup>...

Về sau, “tư pháp độc lập” đã trở thành nguyên tắc cơ bản của quản lý nhà nước. Tuy trong thực tiễn quản lý, hiện tượng cơ quan này lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan khác, dưới hình thức này hay hình thức khác vẫn còn tồn tại phổ biến nhưng các Hiến pháp thì đều minh thị quy định nguyên tắc: “Khi xét xử, Tòa án nhân dân có quyền độc lập và chỉ tuân theo pháp luật” (*Điều 100 Hiến pháp năm 1959...*). Hiến pháp 2013 càng nêu rõ: “Thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm các cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của thẩm phán, hội thẩm” (*khoản 2, Điều 103*).

<sup>1</sup> Vũ Đình Hòe, *Hồi ký Vũ Đình Hòe*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2004, tr 1.090 -1.091 1.098 – 1.104.

<sup>2</sup> Vũ Đình Hòe, *Hồi ký Vũ Đình Hòe*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2004, tr 1.090 -1.091 1.098 – 1.104.

### Sau ngày giải phóng 1954

Sau Hiệp định Genève 1954, giải phóng miền Bắc, Vũ Trọng Khánh tham gia tiếp quản thủ đô Hà Nội (tháng 10-1954) rồi thành phố Hải Phòng; là Ủy viên Hành chính Ủy ban hành chính thành phố Hải Phòng (từ tháng 8-1955 đến tháng 12-1956), Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban hành chính thành phố (từ tháng 12-1956 đến tháng 4-1961), Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hải Phòng (Từ 26-5-1961 đến 26-10-1971).

Trong lĩnh vực đoàn thể xã hội – nghề nghiệp, Vũ Trọng Khánh làm Chủ tịch Hội Luật gia Thành phố Hải Phòng từ lúc mới thành lập (1955) đến năm 1977.

Năm 1977, Vũ Trọng Khánh về nghỉ hưu.

Bất luận ở lĩnh vực công tác nào, cương vị gì, ông đều tận tình, nêu cao trách nhiệm, là trung tâm đoàn kết nội bộ với thái độ hòa nhã, khiêm nhường. Ông được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh (1994) và nhiều huân, huy chương cao quý khác.

Vũ Trọng Khánh qua đời tại Hải Phòng ngày 22-1-1996, thọ 84 tuổi.

\* \* \*  
\*

Luật sư Vũ Trọng Khánh là một trí thức yêu nước, tuy đã từng giữ trọng trách dưới chế độ cũ (ông đã là

Thị trưởng thành phố Hải Phòng dưới thời Chính phủ Trần Trọng Kim) nhưng trong chế độ cách mạng, ông đã đóng góp được nhiều công việc hệ trọng. Những công trình pháp lý đặc sắc của ông gây dựng từ những tháng ngày sau Cách mạng tháng Tám (1945) đã ngót 70 năm nay mà vẫn còn nguyên ý nghĩa và cả xã hội đang phấn đấu triển khai xây dựng cho tốt một chế độ pháp quyền dân chủ, văn minh.

Mỗi sự đóng góp của Vũ Trọng Khánh là một nét chấm phá khéo léo phác họa nên chân dung của luật sư Vũ Trọng Khánh khi đứng vào hàng ngũ cách mạng, trong thời kỳ đầu khai sinh nền cộng hòa dân chủ Việt Nam.

(Trích trong cuốn *Truyền thống luật sư Việt Nam* - trang 90 đến trang 106 - Tác giả Phan Đăng Thanh - Trương Thị Hòa - Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh - 2014)

### Tài liệu tham khảo

1. Ban chỉ đạo biên soạn lịch sử Chính phủ Việt Nam, *Lịch sử Chính phủ Việt Nam*, Tập 1: 1945-1955, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
2. Vũ Đình Hòe, *Hồi ký Vũ Đình Hòe*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2004.
3. Nguyễn Văn Khoan, Nguyễn Hồng Dung, *Quang Đạm – Nhà báo học giả*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2002.
4. Ngô Đăng Lợi, *Luật sư Vũ Trọng Khánh – Nhà trí thức yêu nước*, Câu lạc bộ Hải Phòng học.

## Vị Bộ trưởng Bộ Tư pháp đầu tiên - người đặt nền móng cho nền tư pháp vì công lý

**Thạc sĩ Nguyễn Xuân Tùng**

Phó Chánh văn phòng Bộ Tư pháp

(PLO) - Ngày 1-12-1945, Bộ trưởng Vũ Trọng Khánh ký Nghị định số 37, đặt cơ sở đầu tiên cho việc tổ chức Bộ Tư pháp. Tuy chỉ giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong 181 ngày nhưng Luật sư Vũ Trọng Khánh đã có những đóng góp quan trọng trong việc giữ gìn cơ sở, cán bộ cũng như xây dựng hệ thống tư pháp cho nền cộng hòa non trẻ.

### Từ luật sư danh tiếng...

Luật sư Vũ Trọng Khánh sinh ngày 13-3-1912, nguyên quán: thôn Cự Đà, xã Cự Khê, Thanh Oai, Hà Tây (nay là Hà Nội). Từ năm 1920, ông học tại “trường Tây” Lycée Albert Sarraut. Đây là một trong những ngôi trường trung học nổi tiếng nhất ở Đông Dương, được thành lập năm 1919 (hiện nay là trụ sở của trường Trung học phổ thông Trần Phú, Hoàn Kiếm, Hà Nội). Trường do Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut quyết định thành lập, với nhiệm vụ thu nhận học sinh người Pháp và học sinh con em quan chức người Việt, Miên, Lào nhằm đào tạo đội ngũ kế tiếp làm việc cho Pháp tại Đông Dương.

Tại trường, tinh thần hiếu học của học sinh Vũ Trọng Khánh được các giáo sư Pháp đánh giá rất cao. Tập Hồi ký của Luật sư Vũ Trọng Khánh (tháng 11-1994, bản viết tay do gia đình cố Luật sư Vũ Trọng Khánh cung cấp) ghi: Bà Giáo sư Gauthier, thạc sĩ văn học Pháp coi học sinh Khánh giỏi văn học Pháp thứ nhì trong lớp, còn giáo sư sử địa nhận xét: “Khánh học không vì điểm mà để hiểu biết”. Đồ tú tài Pháp xong, Vũ Trọng Khánh không ra làm quan tri huyện, tri phủ như ý muốn của cha bởi ông coi “các quan ta là kẻ hầu nhục nhã của các quan Pháp”.

Năm 1932, sau khi đồ tú tài, ông học Đại học Luật ở Hà Nội, chương trình do các giáo sư, thạc sĩ từ Paris đến giảng dạy. Hồi ký ghi: “Anh Võ Nguyên Giáp lúc đó học trên một lớp và đã được Giáo sư, thạc sĩ kinh tế chính trị học Kherian khen”. Tháng 7-1932, Vũ Trọng Khánh kết hôn với bà Trịnh Ngọc Lan, em gái ruột Luật sư nổi tiếng Trịnh Đình Thảo (1901-1986) - Bộ trưởng Bộ Tư pháp của Chính phủ Trần Trọng Kim sau này (1945).

Năm 1936, Vũ Trọng Khánh tốt nghiệp cử nhân luật. Từ ngày 7-2-1938, ông làm Thư ký Văn phòng Luật sư Laubiès. Ngày 26-12-1941, ông tuyên thệ Luật sư trước Tòa Thượng thẩm Hà Nội. Một thời gian ngắn sau đó, Vũ Trọng Khánh về Hải Phòng làm luật sư, “danh tiếng là một luật sư người Việt giỏi lan lên Tòa Thượng thẩm Hà Nội, được các đồng nghiệp người Pháp trọng nể vì là người Việt cãi bằng tiếng Pháp thành thạo”.

Giai đoạn 1943-1945 tại Hải Phòng, Luật sư Vũ Trọng Khánh đã sử dụng chuyên môn, nghiệp vụ và các mối quan hệ của mình để có nhiều hoạt động cụ thể hỗ trợ cho sự phát triển của phong trào cách mạng. Thậm chí, ông còn có ý định lên chiến khu hoạt động. Hồi ký của ông ghi: “Mấy tháng tiền khởi nghĩa, tôi đã lên Hà Nội tìm Hoàng Minh Chính để xin đi chiến khu, nhưng chưa kịp thực hiện thì Cách mạng tháng Tám đã nổ ra”.

Tháng 7-1945, Luật sư Vũ Trọng Khánh làm Thị trưởng Hải Phòng trong Chính phủ Trần Trọng Kim. Về việc này, Hồi ký của ông ghi: “Tháng 7-1945, hai bạn tôi là Vũ Văn Hiến và Phan Anh là hai Bộ trưởng trong Chính phủ Trần Trọng Kim rủ tôi ra làm Thị trưởng Hải Phòng. Tôi lên Hà Nội hỏi ý kiến anh Vũ Đình Huỳnh, cán bộ Việt Minh... Tôi nhận làm Thị trưởng Hải Phòng của Chính phủ Trần Trọng Kim từ ngày 25-7-1945 với dụng tâm giúp đỡ cách mạng, bảo vệ Việt Minh”.

### Đến Bộ trưởng Bộ Tư pháp đầu tiên

Trong không khí cách mạng sục sôi, chỉ trong vòng hai tuần lễ, từ ngày 14 đến ngày 28-8-1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn thể dân tộc và nhân dân Việt Nam đã giành thắng lợi trong cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền, giành độc lập dân tộc.

Sau tổng khởi nghĩa thành công, ngày 28-8-1945 tại Hà Nội, Ủy ban Dân tộc giải phóng được cải tổ thành Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam mới. Để mở rộng hơn nữa khối đại đoàn kết dân tộc, nhiều ủy viên của Việt Minh đã rút lui để các nhân sĩ, trí thức ngoài Đảng, ngoài Việt Minh tham gia Chính phủ lâm thời. Thành phần Chính phủ lâm thời có Bộ Tư pháp, ông Vũ Trọng Khánh giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Ngày 28-8 đã đi vào lịch sử ngành tư pháp và trở thành ngày truyền thống của ngành tư pháp (Quyết định số 715-TTg ngày 07-11-1995 của Thủ tướng Chính phủ) và Luật sư Vũ Trọng Khánh trở thành vị Bộ trưởng Bộ Tư pháp đầu tiên trong lịch sử ngành tư pháp. Hồi ký của ông ghi: “Tham gia cướp chính quyền ở Hải Phòng xong thì nhận được điện của anh Võ Nguyên Giáp, tôi lên Hà Nội ngày 26-8-1945 nhậm chức Bộ trưởng Bộ Tư pháp Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa”.

Ngày 20-9-1945, Bộ trưởng Vũ Trọng Khánh được cử tham gia Ủy ban Dự thảo Hiến pháp và là một trong bảy thành viên (Hồ Chí Minh, Vĩnh Thụy - tức Bảo Đại, Đặng Thai Mai, Vũ Trọng Khánh, Lê Văn Hiến, Nguyễn Lương Bằng, Đặng Xuân Khu - tức Trường Chinh).

Ngày 1-12-1945, Bộ trưởng Vũ Trọng Khánh ký Nghị định số 37 đặt cơ sở đầu tiên cho việc tổ chức Bộ Tư pháp. Tổ chức bộ máy của Bộ Tư pháp lúc đó gồm Phòng Sự vụ nội bộ, Phòng Viên chức và kế toán, Phòng

## LUẬT SƯ VŨ TRỌNG KHÁNH...

Giám đốc hộ vụ, Phòng Giám đốc hình vụ, Phòng Giám đốc việc quản trị các nhà lao và giáo dục tù nhân.

Để mở rộng hơn nữa khối đại đoàn kết dân tộc và nhu cầu của ngoại giao, Chính phủ Trung ương đã được mở rộng thành Chính phủ liên hiệp lâm thời. Ngày 1-1-1946, Chính phủ liên hiệp lâm thời ra mắt quốc dân, có thêm các gương mặt đại biểu cho các lực lượng, đảng phái, kể cả đảng phái đối lập như Việt cách, Việt quốc. Thành phần Chính phủ liên hiệp lâm thời có Bộ Tư pháp, ông Vũ Trọng Khánh tiếp tục giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Tuy chỉ giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong 181 ngày nhưng Luật sư Vũ Trọng Khánh đã có những đóng góp quan trọng trong việc giữ gìn cơ sở, cán bộ cũng như xây dựng hệ thống tư pháp cho nền cộng hòa non trẻ.

## Người đặt nền móng cho nền tư pháp vì công lý

Kháng chiến bùng nổ, từ tháng 12-1946 đến tháng 12-1948, Luật sư Vũ Trọng Khánh nhậm chức Giám đốc Tư pháp Chiến khu 10 gồm sáu tỉnh: Vĩnh Yên, Phúc Yên, Phú Thọ, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái. Từ năm 1949 đến tháng 12-1951, Luật sư Vũ Trọng Khánh là Trưởng ban Nghiên cứu pháp lý và từ năm 1951-1954 làm Giám đốc Vụ Hành chính tư pháp.

## Những bài viết của người đương thời...



Luật sư Vũ Trọng Khánh đứng thứ hai từ trái qua, mặc áo va – roi màu sáng

## Trang ảnh màu

Tháng 10-1954, ông tham gia thực hiện nhiệm vụ tiếp quản Hà Nội. Tháng 5-1955, ông tình nguyện tham gia tiếp quản Hải Phòng vì “ham muốn hoạt động trong thực tế thiết thực”; từ tháng 8-1955 đến tháng 12-1956, ông là Ủy viên Ủy ban hành chính Hải Phòng; từ tháng 12-1956 đến tháng 4-1961, ông làm Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính Hải Phòng.

Ngoài ra, Luật sư Vũ Trọng Khánh còn giữ các chức vụ: Đại biểu Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Hòa bình Hải Phòng, Hội trưởng Hội Phổ biến khoa học kỹ thuật Hải Phòng, Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Hải Phòng, Trưởng Tiểu ban Vận trù học, Tham gia Đoàn Luật sư và là bào chữa viên Hải Phòng, Chủ tịch Hội Luật gia Hải Phòng. Ông nghỉ hưu ngày 13-10-1977.

Trong tập hồi ký của mình, Luật sư Vũ Trọng Khánh viết: “Tôi đã xây dựng bốn sắc lệnh tổ chức tư pháp được Hồ Chủ tịch ký và tôi tiếp ký. Dựa vào kinh nghiệm tổ chức nhà nước của Pháp và khoa học pháp lý, bốn sắc lệnh đã được cấu tạo nhằm dựng lên một chính quyền mới thành lập mà có điều kiện để tự duy trì và phát triển... Bốn sắc lệnh kể trên và bản Hiến pháp là nền đá đầu tiên xây dựng nhà nước Việt Nam độc lập, tự chủ một cách thiết thực, cụ thể”.

Ông cũng còn những trăn trở về công tác xây dựng văn bản trong thời kỳ đó: “Trong tình hình rối ren, mới mẻ, lúc có nhiều ý kiến khác nhau, lúc không có ý kiến của các anh em, các tổ chức không chuyên về pháp luật

trong nước và quốc tế, tôi đã chịu trách nhiệm thảo ra các quy định cơ bản kể trên, được Hồ Chủ tịch và Trung ương chấp thuận. Những quy định này có giá trị lịch sử của thời kỳ đó và giá trị khoa học mang lại hiệu quả thực tế”.

Tại hồi ký, phần “Ngẫm lại cuộc đời”, Luật sư Vũ Trọng Khánh bộc bạch: “Từ nhỏ tôi đã chuộng lẽ phải... Tôi lấy làm hạnh phúc được sống trong thời đại có những chủ nghĩa, những phong trào mưu cầu chính nghĩa...”. Tình yêu công lý, lẽ phải và chính nghĩa đó cũng chính là lý do đã thôi thúc ông nhận chức Chương lý Tòa Thượng thẩm Bắc bộ. Hồi ký viết: “Về sau tôi nhận làm Chương lý Tòa Thượng thẩm Bắc bộ với dụng tâm sẽ bắt tay trực tiếp xây dựng cụ thể các Tòa án theo Sắc lệnh 13 “của tôi”...”

Luật sư Vũ Trọng Khánh mất vào đầu năm 1996. Trong điện chia buồn gửi gia đình cố Luật sư Vũ Trọng Khánh ngày 25-1-1996, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: “Anh là một trí thức yêu nước, có tâm huyết đối với vận mệnh của Tổ quốc, đã từng có đóng góp xứng đáng trong Chính phủ lâm thời đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Trong suốt những thập kỷ kháng chiến và những năm tiếp theo, anh đã hết lòng phục vụ nhân dân, có cống hiến xứng đáng đối với sự nghiệp đoàn kết toàn dân và xây dựng nền luật học của nước ta”.

Báo Pháp luật 1-8-2014

## Danh tài họ Vũ: luật sư Vũ Trọng Khánh – Nhà trí thức họ Vũ yêu nước

Ngô Đăng Lợi

Hội Sử học Hải Phòng

Vũ Trọng Khánh quê làng Cự Đà huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (nay thuộc thành phố Hà Nội) nhưng sinh năm 1912 ở Hà Nội vì gia đình làm nghề buôn bán nhỏ tại nội đô. Vốn thông minh ham học nên sau khi học xong bậc Thành chung, ông thi trúng vào trường Trung học Pháp Albert Sarraut, một trường danh giá ở xứ Đông Dương thuộc Pháp ngày ấy.

Năm 1932 đỗ tú tài toàn phần, Vũ Trọng Khánh trúng tuyển trường Luật thuộc Viện Đại học Đông Dương khóa 1933-1936. Thời gian học ở trường Luật, ông giao du với chiến sĩ cộng sản Nguyễn Thế Rục. Trong phong trào đấu tranh đòi thả nhà chí sĩ cách mạng Phan Bội Châu, để tang Phan Châu Trinh..., Vũ Trọng Khánh đều tham gia. Khi học luật, ông tham gia Tổng hội sinh viên. Thời kỳ Mặt trận Bình dân (1936-1939), ông viết báo *Le Travail* (tức báo *Lao động*) cơ quan công khai của Đảng Cộng sản Đông Dương và hoạt động trong tổ Thanh niên dân chủ với các chiến sĩ cách mạng Đào Duy Kỳ, Vũ Đình Huỳnh, Phan Tử Nghĩa...

Ông rất kính trọng các chiến sĩ cộng sản ông quen biết nhưng vẫn e ngại vì chưa rõ, chưa thật tin học

thuyết Mác - Lênin. Sau khi tốt nghiệp trường Luật, ông xuống Hải Phòng tập sự ở văn phòng luật sư Laubiès ở phố Trần Hưng Đạo, ngôi nhà khách thành phố số 7 – Khách sạn Hoàng Yến bây giờ.

Thấy ông tháo vát, có tinh thần trách nhiệm cao nên luật sư Laubiès rất tin cậy cho làm luật sư tập sự. Ngày 26-12-1941, ông tuyên thệ luật sư trước tòa Thượng thẩm rồi được Laubiès giao điều hành văn phòng.

Sau khi phát xít Nhật đảo chính lật đổ chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương ngày 9-3-1945 và tuyên bố trao trả “nền độc lập” cho Việt Nam, vua Bảo Đại ban đầu giao cho Thượng thư Phạm Quỳnh lập nội các mới. Nhưng đến ngày 17-4-1945, vua Bảo Đại lại ký Dụ số 1 “Cải tổ bộ máy triều đình cho phù hợp với tình hình mới” mời giáo sư Trần Trọng Kim đứng ra lập chính phủ mới. Thành phần chính phủ này có luật sư Trịnh Đình Thảo, anh vợ Vũ Trọng Khánh, luật sư Vũ Văn Hiến, người Hải Phòng; do sự hiểu biết sâu rộng của ông mà luật sư Vũ Trọng Khánh được mời giữ chức Thị trưởng thành phố Hải Phòng; nhà tư sản yêu nước Nguyễn Sơn Hà giữ chức Phó Thị trưởng. Tuy giữ chức vụ thời gian ngắn, nhưng hai ông cố làm một vài việc có ích cho dân, như dẹp bọn tay sai trung thành với đô hộ Pháp, cứu người cơ cực trong nạn đói khủng khiếp tháng 3 năm Ất Dậu (1945).

Bài báo nổi tiếng của ông về tổ chức vận động cứu đói có tiếng vang tốt. Trong cao trào kháng Nhật, ông

có liên hệ với các bạn là Vũ Đình Huỳnh, Hoàng Minh Chính, cán bộ Việt Minh ở Hà Nội. Khi được tin một số tỉnh, Việt Minh đã giành được chính quyền, ông muốn tìm cách bàn giao chính quyền nhưng tránh đổ máu. Đồng chí Ích và vài cán bộ Việt Minh rải truyền đơn bị bắt, ông ra lệnh tha. Lực lượng bảo an binh do Nhật tổ chức, kể cả trung đội do cai Hóa chỉ huy canh gác tòa Thị chính ông cũng cảm hóa được.

Ngày 14-8-1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện; ngày 15-8-1945, Chính phủ De Gaulle cử Đô đốc D' Argenlieu làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương kiêm Tổng tư lệnh hải lục không Pháp ở Viễn Đông. Hai ngày sau, Pháp triển khai lực lượng vũ trang nhằm khôi phục chính quyền thực dân ở Đông Dương. Hai tàu chiến Pháp lúc Nhật đảo chính trốn chạy ẩn núp ở đảo Cô Tô được lệnh tiến vào Hải Phòng. Lúc này, ông Vũ Đình Huỳnh xuống Hải Phòng gặp Vũ Trọng Khánh thông báo tình hình và bàn cách chuyển giao chính quyền.

Nhưng viên Đại tá chỉ huy Nhật ở Hải Phòng từ chối không giúp ông vũ khí để chống bọn Pháp nên ông phải cử chánh án Phan Huyền và ông Xuân cán bộ tòa án sang Thủy Nguyên tìm gặp Nguyễn Bình, vì ông biết tin Tri phủ Nguyễn Quang Tạo đã theo Việt Minh được Việt Minh trọng dụng. Sau khi nghe hai ông Huyền – Xuân tường trình, ông sang ngay chùa Phương Mỹ trực tiếp gặp Nguyễn Bình, chỉ huy trưởng

nghĩa quân Đệ tứ Chiến khu Đông Triều và được Nguyễn Bình tiếp đón thân mật hòa nhã. Hai ông bàn thống nhất kế hoạch chuyển giao chính quyền tránh đổ máu bằng cách trung lập hóa quân đội Nhật và kiên quyết chống bọn tàn quân Pháp muốn chiếm thành phố Hải Phòng làm đầu cầu cho quân đội viễn chinh Pháp đang tiến dần ra Bắc. Ông về ngay nội thành gặp Chỉ huy quân Nhật dọa nếu không giúp võ khí thì sẽ hạ lệnh giết kiều dân Pháp vì họ đang chuẩn bị phối hợp hành động khi hai tàu Pháp tiến vào sông Cấm.

Để tránh phiền phức với Pháp trong phe Đồng minh thắng Nhật, viên Đại tá chỉ huy Nhật hứa không can thiệp vào nội tình Việt Nam và đưa hai trọng liên chặn đánh nếu tàu chiến Pháp tiến vào cửa sông Cấm với điều kiện không sát hại kiều dân Pháp. Ông ta lại yêu cầu gặp đại diện Việt Minh Hải Phòng để bàn giao chính quyền.

Một cuộc họp khẩn cấp giữa Thị trưởng và Ủy ban khởi nghĩa Hải Phòng tại trụ sở Ủy ban ở phố Cát Dài được tổ chức để thống nhất kế hoạch. Sáng 22-8, Thị trưởng Vũ Trọng Khánh cùng hai đại diện Thành bộ Việt Minh Vũ Quốc Uy, Nguyễn Kiên Tuấn (Mạnh Ái) gặp Đại tá chỉ huy quân Nhật bàn thống nhất ngày 23-8 quân Nhật cắm trại, ông ta thả hết tù chính trị vào 17h ngày 23-8.

Sáng ngày 23-8-1945, nhân dân Hải Phòng, các đội tự vệ nội đô, Kiến An với đại quân Chiến khu Đông

Triều tiến vào nội thành biểu dương lực lượng, chào mừng Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời thành phố Hải Phòng do nhà cách mạng Vũ Quốc Uy làm Chủ tịch, luật sư Vũ Trọng Khánh giữ chức Ủy viên hành chính, vợ nhà tư sản Nguyễn Sơn Hà, phó thị trưởng là bà Nguyễn Thị Ngọc Mùi làm Ủy viên xã hội.

Ngày 27-8-1945, Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ cộng hòa thành lập và ra tuyên cáo. Ngày 28-8, danh sách thành viên Chính phủ lâm thời được công bố gồm: Hồ Chí Minh – Chủ tịch kiêm Bộ trưởng Ngoại giao; Võ Nguyên Giáp – Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Nguyễn Mạnh Hà – Bộ trưởng Bộ Kinh tế Quốc gia; Vũ Trọng Khánh – Bộ trưởng Bộ Tư pháp... Như vậy trong Chính phủ lâm thời, Hải Phòng có 2 bộ trưởng trong tổng số 14 bộ trưởng.

Ngày 13-9-1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Hồ Chủ tịch đã đề ra sáu nhiệm vụ cấp bách của nhân dân ta: Phát động tăng gia sản xuất cứu đói; Mở chiến dịch chống nạn mù chữ; Tổ chức càng sớm càng tốt cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, thực hiện quyền tự do dân chủ cho nhân dân; Mở phong trào giáo dục cần kiệm liêm chính, bài trừ thói hư tật xấu do chế độ cũ để lại; bãi bỏ ngay thuế thân, thuế chợ, thuế đò, nghiêm cấm việc hút thuốc phiện; tuyên bố tự do tín ngưỡng và đoàn kết lương giáo.

Mục đích tổ chức tổng tuyển cử bầu ra Nghị viện nhân dân, xây dựng Hiến pháp để bảo đảm quyền lợi

trách nhiệm công dân của một nhà nước của dân do dân vì dân. Ngày 20-9-1945, Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh số 34 “lập một Ủy ban dự thảo và đệ trình Quốc hội một bản Hiến pháp cho Việt Nam dân chủ cộng hòa...” gồm bảy vị: Hồ Chí Minh, Vĩnh Thụy, Đặng Thai Mai, Vũ Trọng Khánh, Lê Văn Hiến, Nguyễn Lương Bằng, Đặng Xuân Khu (Trường Chinh).

Công việc vô cùng khó khăn, thời gian hết sức gấp gáp, Hồ Chủ tịch đề nghị Ủy ban giao cho giáo sư Đặng Thai Mai cùng luật sư Vũ Trọng Khánh viết bản Dự thảo. Hai ông tập trung thời gian sức lực xây dựng Đề cương trình Ủy ban góp ý thông qua rồi chia nhau viết. Theo GS Đặng Thai Mai: “Vũ Trọng Khánh chịu trách nhiệm viết các phần quan trọng nhất, chiếm khoảng ba phần tư dự thảo. Tôi chỉ viết một phần tư còn lại. Sau đó, anh Khánh duyệt phần do tôi viết rồi viết lại toàn bộ văn bản trước khi chuyển tới Võ Nguyên Giáp”.

Quá trình Dự thảo, hai ông tranh thủ ý kiến đóng góp của luật gia Võ Nguyên Giáp, hai cụ Bùi Bằng Đoàn, Phan Kế Toại, nhiều trí thức nổi tiếng như các luật sư Phan Anh, Nguyễn Mạnh Tường, Vũ Đình Hòe, GS Nguyễn Văn Huyền được các vị tham góp nhiều ý kiến giá trị. GS Nguyễn Mạnh Tường còn cho mượn tất cả những văn kiện bằng tiếng Pháp (Tuyên ngôn Độc lập Mỹ, Hiến pháp Mỹ, Hiến pháp Pháp...) mà Hồ Chủ tịch yêu cầu phải tìm [để] Người và Ủy ban tham khảo. Khoảng 26-10-1945, dựa vào phần GS

Đặng và phần mình viết, luật sư Vũ Trọng Khánh tổng hợp thành một bản dự thảo Hiến pháp chính phủ lâm thời do chính ông viết lại. Khoảng 30-10-1945, sau khi đọc xong bản tổng hợp trên, luật gia Võ Nguyên Giáp làm việc lần cuối cùng với hai ông, tán thành về cơ bản, chỉ góp ý nên rút bớt khoảng một phần ba. Ngày 02-11-1945, luật sư Vũ Trọng Khánh chỉnh lý xong theo góp ý của Võ Nguyên Giáp, hai ông nhất trí chuyển bản dự thảo cuối cùng lên Hồ Chủ tịch. Ngày 06-11-1945, bản dự thảo được Hồ Chủ tịch thông qua, Người ký tắt rồi chuyển cho hai ông mỗi người một bản.

Ngày 08-11-1945, Ủy ban Dự thảo họp phiên cuối cùng do Hồ Chủ tịch, Trưởng ban chủ trì, Người đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp Vũ Trọng Khánh đọc toàn văn bản dự thảo. Tất cả bảy thành viên biểu quyết tán thành. Hồ Chủ tịch kết luận: “Đây là bản dự thảo đặc sắc”. Ông Vũ Trọng Khánh có công đầu. Người đề nghị dự thảo này mang tên Dự thảo Hiến pháp Việt Nam và yêu cầu Bộ trưởng Bộ Tư pháp Vũ Trọng Khánh, Bộ trưởng Nội vụ Võ Nguyên Giáp (đại diện pháp lý của Chủ tịch nước) cho công bố ngay. Bản Dự thảo được các báo đăng, hai nhà in Ngô Tử Hạ, Lê Văn Tân cùng nhiều nhà in giúp in ngay năm vạn bản phát không cho nhân dân để nhân dân tham gia góp ý. Những bản phát không đến nhân dân gồm hai phần: Thông cáo và Toàn văn Dự thảo hiến pháp.

Thông cáo nêu rõ: “Muốn cho tất cả nhân dân Việt Nam dựa vào việc lập Hiến pháp của nước nhà nên Chính phủ cho công bố bản Dự thảo Hiến pháp này để mọi người được đọc kỹ càng và được tự do bàn bạc, phê bình”. Thông cáo còn được in toàn văn dán khắp các nơi công cộng ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Hải Phòng và nhiều thành phố, thị trấn khắp cả nước. Khoảng từ 11-11-1945 đến 31-12-1945, diễn ra cuộc chào đón bàn bạc góp ý sôi nổi của các tầng lớp nhân dân toàn quốc. Bộ Tư pháp nhận được hàng ngàn thư góp ý, chưa kể những người trực tiếp gặp cán bộ Việt Minh trao đổi, đề nghị giải thích điểm này, chữ nọ trong Dự thảo. Đây thực sự là cuộc sinh hoạt chính trị rộng rãi, tự nguyện, thẳng thắn sôi nổi của nhân dân ta xây dựng dự thảo Hiến pháp thành văn đầu tiên của Chính phủ lâm thời, trong đó thể chế nghị viện nhân dân là cốt lõi. Bản Dự thảo Hiến pháp Việt Nam năm 1945 của Chính phủ lâm thời là nền tảng cho việc xây dựng Dự thảo Hiến pháp năm 1946 được Quốc hội biểu quyết thông qua ngày 09-11-1946 với 240/242 đại biểu dự họp.

Nhận xét về luật sư Bộ trưởng Tư pháp Chính phủ lâm thời, giáo sư Đặng Thai Mai nói: “Tôi phải thừa nhận Vũ Trọng Khánh là một luật sư biết cách làm việc khoa học, luôn luôn lo nghĩ đến nhiệm vụ được trao phó, luôn luôn lo nghĩ đến nhân dân. Anh vừa hiểu sâu sắc các vấn đề hiến pháp, vừa nắm vững tiếng

Pháp ngành luật, vừa sử dụng thành thạo tiếng Việt ngành luật”.

Ở cương vị Bộ trưởng Tư pháp Chính phủ lâm thời rồi Chính phủ Liên hiệp kháng chiến chỉ hơn năm tháng, ông đã đề xuất với Chính phủ ban hành bốn sắc lệnh quan trọng cần thiết để xây dựng ngành tư pháp cách mạng non trẻ của nước ta gồm:

- Sắc lệnh số 46 ngày 10-10-1945: Quy định các tổ chức luật sư.
- Sắc lệnh số 53 ngày 20-10-1945: Quy định quốc tịch Việt Nam.
- Sắc lệnh số 13 ngày 24-01-1946: Tổ chức các tòa án và ngạch thẩm phán.
- Sắc lệnh số 21 ngày 14-2-1946: Tổ chức các tòa án quân sự.

Nhưng sau Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, tình hình chính trị quân sự xã hội nước ta diễn biến rất phức tạp. Quân Pháp tấn công lan rộng khắp Nam bộ, Tây Nguyên, miền Trung Nam bộ. Ở miền Bắc, chúng từ Vân Nam trở lại chiếm Lai Châu, Điện Biên Phủ, Tuần Giáo và một số nơi khác ở Tây Bắc và Miền, Lào. Các đảng Việt Quốc, Việt Cách đã triệt để khai thác tình hình khó khăn phức tạp gây sức ép với chính quyền cách mạng.

Đảng và Hồ Chủ tịch với đường lối đại đoàn kết dân tộc, chống giặc ngoài thù trong để bảo vệ chính quyền non trẻ nên đồng ý thành lập Chính phủ kháng

chiến chính thức ngày 03-02-1946 gồm 10 bộ: các bộ Ngoại giao, Kinh tế, Xã hội, Canh nông do Việt Quốc, Việt Cách nắm, Nguyễn Hải Thần giữ chức Phó Chủ tịch nước. Luật sư Vũ Đình Hòe, đảng viên đảng Dân chủ giữ chức Bộ trưởng Tư pháp, luật sư Vũ Trọng Khánh chuyển giữ chức Chương lý Tòa Thượng thẩm Bắc bộ. Đầu tháng 7-1946, đồng chí Võ Nguyên Giáp gặp luật sư Khánh thông báo chính quyền cử ông tham gia phái đoàn đàm phán Phạm Văn Đồng và mang theo báo cáo tình hình trong nước trình Hồ Chủ tịch đang ở thăm Pháp theo lời mời của Chính phủ Pháp. Cuộc đàm phán Pháp - Việt đổ vỡ do thái độ ngoan cố ngạo ngược của Pháp, phái đoàn Phạm Văn Đồng về nước, Hồ Chủ tịch ở lại cố điều đình để kéo dài thời gian ta chuẩn bị lực lượng.

Sau ngày Toàn quốc kháng chiến 19-12-1946 đến tháng 12-1948, luật sư Khánh làm Giám đốc Tư pháp Chiến khu 10 bao gồm địa bàn trung du, Tây Bắc. Ông thành lập Tòa án cấp tỉnh, đào tạo cán bộ tư pháp cho tỉnh, huyện, chú ý cán bộ người dân tộc. Từ 1949 đến 12-1951, trên điều ông về Bộ Tư pháp giữ chức Trưởng ban Nghiên cứu pháp lý rồi Giám đốc Vụ hành chính (1952-1954).

Sau Hiệp định đình chiến 1954, ông tham gia tiếp quản thủ đô Hà Nội rồi thành phố Hải Phòng, từ tháng 8-1955 đến tháng 12-1956 là Ủy viên Ủy ban hành chính; từ tháng 12-1956 đến 1961 giữ chức Phó Chủ

tịch thường trực Ủy ban hành chính thành phố, phụ trách khối văn hóa xã hội, nhà đất.

Năm 1955, ông đã đấu tranh buộc Pháp phải trả tòa nhà của Pháp do Cao ủy Pháp xây dựng làm trụ sở trên khu nhượng địa cũ (nay là khách số 2 Bến Bính).

Luật sư Vũ Trọng Khánh còn tham gia nhiều tổ chức chính trị xã hội khoa học:

- Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố (từ 11-1975 đến 1977).
- Phó Chủ tịch UBMTTQVN thành phố ba khóa liên tục (26-5-1961 – 26-10-1971).
- Ủy viên Hội Luật gia Việt Nam, Chủ tịch Hội Luật gia Hải Phòng (1955-1977).
- Ủy viên Ban chấp hành Hội phổ biến khoa học kỹ thuật Việt Nam, Hội trưởng Hội Phổ biến khoa học kỹ thuật Hải Phòng...

Bất luận ở lĩnh vực công tác nào, cương vị gì, ông đều tận tình, trách nhiệm, là trung tâm đoàn kết nội bộ. Tuy là nhân sĩ nổi tiếng nhưng thái độ luôn hòa nhã, khiêm nhường nên ông được đồng bào, đồng chí yêu mến.

Do có nhiều công lao, ông được Đảng, Nhà nước tặng thưởng: Huân chương kháng chiến hạng nhất, Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất, Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều huy chương, bằng khen...

Nhà trí thức cách mạng đáng kính qua đời tại Hải Phòng, nơi ông gắn bó gần trọn đời vào 18 giờ ngày 22-01-1996, hưởng thọ 84 tuổi.

#### Tài liệu tham khảo:

1. Tự thuật của luật sư – hiện bảo quản tại gia đình và Hội Luật gia Hải Phòng.
2. Văn phòng Quốc hội – *Lịch sử Quốc hội Việt Nam – 1946-1968* – Nxb. Chính trị Quốc gia 1994.
3. *Lịch sử Chính phủ Việt Nam* – Nxb. Chính trị Quốc gia.
4. Công báo.
5. Nhật Hoa Khanh – “Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp và bản Hiến pháp đầu tiên” – *Tạp chí Sân khấu* số tháng 3 năm 2011.

Đăng trong tập báo *Vũ tộc tinh hoa Hải Phòng*,  
Xuân Nhâm Thìn 2012

## Ngày 23-8-1945 giành chính quyền ở thành phố Hải Phòng

Nguyễn Hùng Phong

Trên báo *Tiền phong chủ nhật*, số 34 ra ngày 22-08-2004, Lê Trọng Nghĩa có bài: “Nhớ anh Trần Tử Bình trong tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám”, có đoạn viết: “Giữa ngày bận rộn với Hà Nội, Hà Đông, anh Bình vẫn tranh thủ chủ động đóng góp cho cuộc khởi nghĩa của nhân dân Hải Phòng. Từ ngày 19, anh báo với tôi phái ngay anh Vũ Quốc Uy đang hoạt động trong Đảng Dân chủ Hà Nội xuống hỗ trợ cho cấp ủy địa phương Hải Phòng đang gặp khó khăn, để phát động nhân dân khởi nghĩa theo bài bản như ở Hà Nội, đúng với phương hướng Đảng và Việt Minh đã đề ra.

Ngày 21-8 khi anh Nguyễn Bình từ “Đệ tứ Chiến khu Đông Triều” về Hà Nội để tìm gặp Trung ương đã được Trần Tử Bình hướng dẫn trở lại vùng duyên hải và đưa ngay một đơn vị giải phóng quân về Hải Phòng làm lực lượng vũ trang hỗ trợ nhân dân nổi dậy lập chính quyền cách mạng...

Tôi, Nguyễn Hùng Phong là một cán bộ Chiến khu Đông Triều có tham chiến trận đánh chiếm tỉnh lỵ Quảng Yên và huyện lỵ Yên Hưng thời tiền khởi nghĩa, được xác nhận:

Sau trận đánh Quảng Yên, Nguyễn Bình đã chỉ huy Chiến khu Đông Triều và tiểu đội Bùi Sinh thuộc đơn vị Ký Con ở lại Quảng Yên sắp xếp chính quyền tỉnh và xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, đề phòng quân Nhật trở lại. Ngày 17-8 Nguyễn Bình về phủ Thủy Nguyên (hồi ấy thuộc tỉnh Kiến An) theo đề nghị của đồng chí Sư Lương (Hoàng Ngọc Lương, tên thật là Hoàng Thiệu Minh) lãnh đạo phong trào Việt Minh ở phủ và cố vấn cho tri phủ, để gặp luật sư Vũ Trọng Khánh, thị trưởng thành phố Hải Phòng, tại ngôi đền ở bến Kiềm, Thủy Nguyên. Ngày 16-8 hai tàu chiến Pháp: Crayssac và Frizoul đột nhập cảng Hải Phòng đòi Nhật trả Pháp kiều bị giam. Thị trưởng Vũ Trọng Khánh gặp Nhật đề xuất: nếu thả Pháp kiều, chúng tôi không đảm bảo an toàn cho họ được và các ông phải chịu trách nhiệm. Đồng thời ông phái chánh án thành phố sang Thủy Nguyên gặp tri phủ Nguyễn Quang Tạo giúp ông được gặp đại biểu Chiến khu Đông Triều. Tại ngôi đền ở bến Kiềm, ông Khánh đề nghị chiến khu hỗ trợ, nếu thủy quân Pháp lên bộ. Nguyễn Bình hứa nếu có sự việc ấy thì sẽ điều quân về Thủy Nguyên hỗ trợ.

Cho đến sớm 23-8-1945, Nguyễn Bình và tiểu đội Bùi Sinh rời Quảng Yên đi thuyền về tham gia giành chính quyền thành phố Hải Phòng, giữa đường được một canô thuê quan do Triều Ngọc Tràng, trưởng đồn

Hạ Lý, trưởng ban kiểm nội Hải Phòng, trưởng phòng thuyền vụ Bắc bộ, là một đồng chí Việt Minh hoạt động dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Bình, phái ra đón đoàn Nguyễn Bình. Canô tiếp bến Bính, Hải Phòng. Như vậy, Nguyễn Bình không thể về Hà Nội ngày 21-8 gặp anh Trần Tử Bình được.

Sáng 22-8 anh Hải Thanh, bí thư Chiến khu Đông Triều gọi Nguyễn Hùng Phong và Trần Sinh đến giao nhiệm vụ về Hải Phòng sắp xếp kế hoạch đưa quân về giành chính quyền thành phố. Vì hôm trước, Mạo Khê và phủ Kinh Môn, Trần Doãn Tông bận chỉ huy lực lượng tự vệ vũ trang Lạc Viên, Hải Phòng, Trần Thị Tuyết (em Tông)... đi xe đạp về Đông Triều báo cáo tình hình Hải Phòng và đề nghị được phổ biến tình hình mới của Hải Phòng, Hùng Phong vẫn ngại đồn núi Đèo cách Hải Phòng 7km có quân Nhật đóng, nên chờ chiều mới dám qua. Qua đò Bính sang Hải Phòng thì thấy nhiều cửa hàng may phố Hoàng Văn Thụ đang may gấp cờ đỏ sao vàng, xa xa nghe được nhiều tốp học hát bài Tiến quan ca. Sự chậm trễ này sẽ gặp nhiều khó khăn.

Hùng Phong và Trần Sinh vào nhà 9 ngõ Thuận Thái đường Cát Dài gặp thị trưởng luật sư Vũ Trọng Khánh, báo cáo nhiệm vụ, luật sư cho biết trong nhà hiện có hai đại biểu của trung ương: là các đồng chí Vũ Quốc Uy, Quách Duy Uyên phái viên hành chính và quân sự. Vũ Quốc Uy nói rất tiếc, bởi chiều nay chúng tôi và ông Khánh vừa gặp Bộ Tư lệnh Nhật, hai bên đã

nhất trí sáng ngày 23-8 sẽ về tổ chức cuộc mit tinh quần chúng không vũ trang đón ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời ra mắt, nay quân chiến khu về thì trái với thỏa thuận, e quần chúng sẽ bị tổn thương. Chúng tôi cùng bàn luận. Đồng chí đề nghị quân chiến khu chưa cần về vội Hùng Phong nói: “Có chính quyền thì phải có ngay lực lượng bảo vệ chính quyền, nếu các đồng chí đảm bảo được thì chúng tôi chưa cần về”. Sau có thể đồng chí Uy thấy tiếp tục thảo luận lại có mặt ông Khánh, e bất tiện, nên đề nghị 8 giờ tối sẽ tiếp tục gặp nhau tại góc một nhà phố Tám Gian (nay là phố Lê Lợi).

Hùng Phong và Trần Sinh đến điểm hẹn đúng giờ. Sau hai đồng chí Uy và Yên đi ô-tô đến. Đồng chí Uy đề nghị quân chiến khu về mang lựu đạn, chúng tôi đưa ô tô ra đón, các đồng chí bỏ lựu đạn vào xe rồi đi tay không vào. Hùng Phong nói lại: quân đội không thể rời vũ khí. Đồng chí Uy lại đề nghị quân chiến khu mang vũ khí về nhưng vẫn bỏ vũ khí vào xe. Lúc này Hùng Phong mới dứt khoát nói thêm: hãy còn thời gian, hai đồng chí nên gặp lại Bộ Tư lệnh Nhật, giải thích cho họ rõ quân Nhật đã đầu hàng Đồng minh, chúng tôi không đánh họ nữa và họ cũng không được can thiệp vào nội bộ của chúng tôi.

Hùng Phong phân công sớm mai 23-8, Trần Sinh đi xe đạp về Đông Triều, Hùng Phong sang đồn thuế quan Hạ Lý, gặp Trần Ngọc Tràng mượn canô ngược Đông Triều báo cáo tình hình.

Hùng Phong đi canô Thomas (sau thi sĩ Xuân Diệu đổi tên thành Tuấn Mã) kéo cờ đỏ sao vàng, vì ngại quân ta bắn. Đến gần Sở Dầu, nhìn thấy cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên tàu (đó là tàu vận tải Diamaut của sở than Mạo Khê mà chiến khu đã tịch thu để tuần tiễu và vận chuyển...), Hùng Phong vào buồng máy đánh tính hiệu V.M rồi áp mạn tàu. Nhảy lên bờ hỏi mấy đồng chí bảo vệ tàu thì quân ta đã kéo về Hải Phòng. Hùng Phong chạy bộ đuổi theo kiểu hướng đạo sinh: chạy 50 bước rồi lại đi 50 bước. Nửa đường gặp một ông đi xe đạp hướng thành phố, Hùng Phong mượn xe, may kịp quân ta đang nghỉ ở chân cầu Toffre (Hạ Lý).

Tìm gặp Hải Thanh và Nguyễn Hiền trong ủy ban quân sự cách mạng để báo cáo. Vừa lúc hai đồng chí Uy và Yên đi ô tô đến, quân chiến đấu đi tay không vào dự mit tinh. Nguyễn Hiền liền kéo hai đồng chí vào xe đi gặp Bộ Tư lệnh Nhật, đồng thời quân ta chỉnh đốn hàng ngũ nghiêm chỉnh tiến vào thành phố.

Đến phố Điện Biên Phủ (tên gọi hiện nay), ngang cửa hàng ăn, thì Nguyễn Bình và tiểu đội Bùi Sinh vừa kịp tới. Lê Phú đại đội trưởng đơn vị Ký Con nhường bước để Nguyễn Bình dẫn đầu sau lá cờ đỏ sao vàng lớn.

Sáng 23-8 Trần Ngọc Tràng đã rủ anh em thuế quan đứng bên đường, dẫn vào nhà hát thành phố. Một đơn vị thuế quan vũ trang tập trung ở quảng trường nhà hát cùng với một đơn vị cảnh sát. Trần

Doãn Tông, Phạm Khang, Nguyễn Chính... điều lực lượng tự vệ vũ trang khu Lạc Viên Hải Phòng đột nhập Caserue Bonat (trại khổ đỏ, nay là bản doanh Bộ Tư lệnh Hải Quân) có sự đồng thuận của hai thiếu úy Phạm Đức Hòa và Núi chiếm nhà băng Năm Sao (cơ quan công ty than Bắc Kỳ), sau là bản doanh của Ủy ban quân sự miền duyên hải. Từ giữa tháng 9-1945, chiến khu Đông Triều đổi tên.

Triều Đình Thành cán bộ thuế quan, đưa ô tô đến cầu Hạ Lý đón Hùng Phong, Trần Sinh ra Đồ Sơn thu nạp đồn bảo an binh và sở sen đầm (hồi này Đồ Sơn thuộc tỉnh Kiến An), kéo cờ đỏ sao vàng.

Mit tinh ở quảng trường nhà hát thành phố có quân chiến khu gồm những đại đội Hoàng Văn Thụ, Ký Con, Hoàng Hoa Thám, Phạm Hồng Thái, tự vệ vũ trang các huyện lân cận: Hải An, An Dương, An Lão và đông đảo nhân dân. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời thành phố ra mắt.

Thật êm ả! Rồi các đơn vị vũ trang cùng nhân dân chia nhau điểu hành trên nhiều đường phố lớn. Nhân dân nhiệt liệt hoan nghênh.

Giành chính quyền thành phố đã diễn ra như vậy. Không có đơn vị giải phóng quân nào của trung ương tham gia cả.



Hai anh em ông Vũ Trọng Khánh và Vũ Trọng Tổng, năm 1960 tại Hà Nội

## Nét chữ, tính người<sup>1</sup>

**Vũ Trọng Tổng**

Khải,

Chẳng có gì lưu lại cho đời để viết hồi ký. Chú chỉ có ý định ghi theo dòng tự truyện những cảm nhận về đời người về cuộc sống mà từ trước vô tư không nghĩ đến nên nay ngỡ ngàng.

Chú tặng Khải cuốn sổ tay này

<sup>1</sup> Thư gửi Vũ Trọng Khải, con trai út của luật sư Vũ Trọng Khánh.

## Về nét chữ

Nhiều người nhìn thấy nét chữ của chú là liên tưởng ngay đến ba cháu. Ngày tang lễ ba cháu, đại diện ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng đến viếng, gợi ý chú viết vài chữ để thấy tận mắt điều đã từng nghe. Với chú, nét chữ phản ánh một sự gắn bó như hình với bóng của chú với ba cháu. Khi chú ở tuổi 12, ba đưa chú đến ông Hoàng Đạo Thúy, xin cho chú vào đoàn Hướng đạo. Việc làm này có ý nghĩa vô cùng quan trọng, giúp chú qua lành mạnh tuổi vị thành niên với những trò chơi mà học, học mà chơi, hấp dẫn mang tính giáo dục cao. Đến tuổi 16, một lần ba nói đến những người yêu nước, nói nhiều đến ông Nguyễn Ái Quốc. Rồi nhiều lần khác, năm nào cũng vậy. Chuyện kể của ba hướng dẫn vào những hoạt động yêu nước chống Pháp của dân ta, hình thành dần ở chú ý thức dân tộc. Nhờ đó, chú đã có một lựa chọn đúng, quyết định hướng đi của đời mình: Theo Việt Minh mà không theo phong trào thanh niên Ducouroy là tổ chức của Pháp nhằm thu hút thanh niên phục vụ cho chúng. Tổ chức này tồn tại ở thời Nhật, tiếp tục phục vụ Chính phủ Trần Trọng Kim.

Thế là chú tham gia hoạt động Việt Minh từ năm 1943. Để che mắt bọn mật thám tay sai cho Nhật, hoạt động ráo riết khắp nơi, nhiều người bị chúng nộp cho Nhật, ba bố trí cho chú làm thư ký văn phòng luật sư, chỉ là trên danh nghĩa. Thời gian này, ba là Thị trưởng

thành phố Hải Phòng. Chú thường thấy có những cuộc tiếp xúc giữa ba với cán bộ Việt Minh ngay tại nhà. Sau này chú được biết, đó là những đảng viên cấp lãnh đạo phong trào Việt Minh tại Hải Phòng, trong đó có đồng chí Vũ Quốc Uy là đại diện trung ương. Những cuộc tiếp xúc giữa ba và cán bộ Đảng gia tăng khi càng gần đến ngày khởi nghĩa. Ngày 23-08-1945, ba và chú đều có mặt trên lễ đài của buổi mít tinh được tổ chức để nhân dân đón chính quyền cách mạng. Một kỷ niệm khó quên là, khi chú bắn súng ngắn để mở đầu cuộc mít tinh theo sự phân công của tổ chức, đạn không nổ, ba đứng cạnh đưa chú khẩu súng của ba. Chú bắn tiếp, đạn nổ ròn, tăng khí thế buổi lễ. Chính quyền cách mạng được nhân dân đón tiếp nồng nhiệt qua cuộc diễu hành ngay sau đó. Quân Nhật còn trong thành phố, án binh bất động, bởi trước đó đại diện tổ chức khởi nghĩa Hải Phòng cùng với ba là thị trưởng thành phố đã làm việc với quân Nhật cam kết bảo đảm an toàn cho chúng.

Tháng 9 năm 1945, chú được tổ chức giới thiệu vào học trường Quân chính mở ngay tại Hà Nội. Từ đó, chú trở thành cán bộ quân sự của lực lượng vũ trang Vệ quốc đoàn. Ít lâu sau, ba lên Hà Nội tham gia Chính phủ Cách mạng lâm thời ở cương vị Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Thời gian kháng chiến chống Pháp, mỗi khi có dịp là chú lại về sum họp cùng ba mẹ cháu tại châu Tự Do (huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang thuộc ATK Việt Bắc), căn cứ địa kháng chiến chống Pháp. Có lần

ba đến đơn vị tìm chú, đưa chú đến gặp các bạn là thẩm phán với mục đích nếu chú phạm pháp thì được sự giúp đỡ. Thật ra, tòa án dân sự đâu có liên quan gì đến quân nhân phạm pháp. Thời ấy, biện pháp hành chính là cách xử lý duy nhất đối với người mắc lỗi. Chẳng qua chỉ là ba lo cho chú.

Đời lính của chú đã có lần làm một việc thiếu thận trọng, vô ý thức, nghiêm trọng, bởi mình là quân nhân. Khi nghĩ đến việc này, lại liên tưởng đã có lần ba đưa chú đến làm quen với các bạn thẩm phán, càng thấy khi chú ở tuổi trưởng thành, ba vẫn lo cho chú.

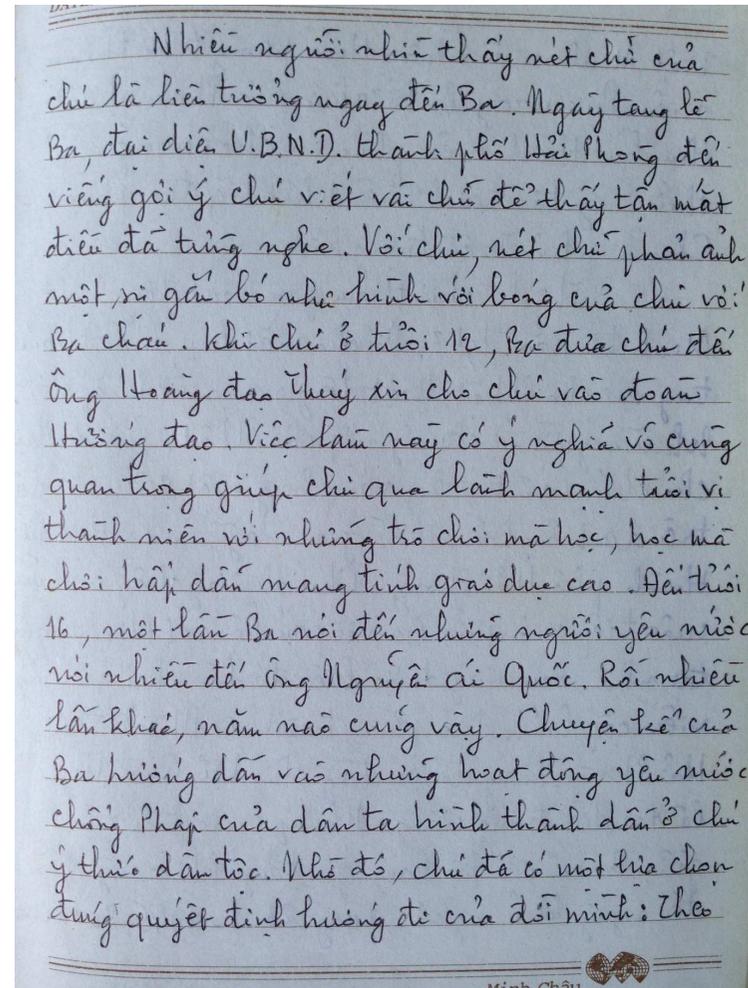
Chỉ nét chữ mới thể hiện được sự gắn bó của chú với ba và tình cảm của ba đối với chú.

Ba được nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh về những cống hiến cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và những đóng góp cho thành công khởi nghĩa Hải Phòng ngày 23 tháng 8 năm 1945.

Chú được nhà nước tặng thưởng huân chương Độc lập, huân chương dành cho lão thành cách mạng, những người hoạt động mách mạng trước 1945.

Nghỉ hưu ở thời bao cấp, lo kiếm sống không khác gì một keo vật khiến con người như lâm vào trạng thái vô cảm, quan hệ tình cảm bị gián đoạn, lo cho mình không xong. Con người ở thời bình, kinh tế phát triển, thay đổi khác trước nhiều quá, chú bắt đầu suy ngẫm về cuộc sống, về đời người để hiểu đời, biết làm chủ cuộc sống.

Hà Nội, 12-2006



## Nhớ về luật sư Vũ Trọng Khánh một nhân vật tiêu biểu của giới luật gia Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh

**GS. Luật sư Lưu Văn Đạt**

Nguyên Phó Chủ tịch, Tổng thư ký Hội Luật gia Việt Nam,  
Phó Giám đốc Tư pháp Liên khu X (1948)

Chúng tôi (Luật sư Vũ Trọng Khánh và tôi) thuộc cùng một thế hệ, thế hệ luật gia được đào tạo trong một trường Đại học Luật của Pháp, đã chứng kiến và tham gia cuộc Cách mạng tháng Tám vĩ đại của dân tộc và đã tập trung dưới lá cờ vinh quang của Hồ Chủ tịch, nhằm góp phần xây dựng chính quyền cách mạng, chính quyền của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa – Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Luật sư Vũ Trọng Khánh là bậc đàn anh của tôi về tuổi đời, gần cùng tuổi với Luật sư Phan Anh, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ và học trường Đại học Luật Đông Dương trước tôi bảy khóa.

Tôi không có điều kiện gặp Luật sư Vũ Trọng Khánh khi ông giữ chức Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Do một sự tình cờ của lịch sử - hiểu một cách dân dã là do có duyên - tôi được gặp và làm việc với ông sau ngày Toàn quốc Kháng chiến chống thực dân Pháp, vào đầu năm 1947 tại Việt Trì, khi ông nhận chức

Giám đốc Tư pháp Liên khu X và tôi được cử làm Phó Giám đốc.

Việt Trì vào thời điểm đó là một thị xã nhỏ bên bờ sông Lô, mang dáng dấp nông thôn, dân cư thưa thớt. Đội ngũ cán bộ của cơ quan chủ yếu là Giám đốc và Phó Giám đốc. Chúng tôi sống và làm việc ở nhà dân và được dân giúp đỡ và thu xếp. Trong bối cảnh đó, hầu như không có sự cách biệt giữa Giám đốc và Phó Giám đốc về sinh hoạt và tổ chức làm việc. Chúng tôi gặp gỡ nhau thường ngày và nhanh chóng gắn bó với nhau.

Theo sự phân công, sau khi nhất trí về chủ trương, trên cơ sở bàn bạc dân chủ, tôi được giao nhiệm vụ tổ chức việc thực hiện. Công tác tư pháp Liên khu X lúc đầu tập trung vào việc xây dựng hệ thống tổ chức tòa án tỉnh và huyện.

Lúc đó Liên khu X gồm sáu tỉnh: Vĩnh Yên, Phúc Yên, Phú Thọ, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai) chỉ có ba tỉnh có tòa án cấp tỉnh. Đề nghị của Luật sư Vũ Trọng Khánh xây dựng hoàn chỉnh các tòa án cấp tỉnh và huyện được Ủy ban Kháng chiến Liên khu X và Bộ Tư pháp chấp nhận và được thực hiện trong thời gian ông làm Giám đốc Tư pháp Liên khu.

Thành tựu này có một ý nghĩa rất quan trọng. Nó đã góp phần xây dựng một nền tư pháp mới, xây dựng một nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh, trong bối cảnh đất nước vừa phải kháng chiến, vừa phải kiến quốc.

Từ nếp sống cùng ăn, cùng ở, cùng làm việc, cùng chia sẻ những niềm vui nỗi buồn, nhất là cùng chịu các rủi ro của chiến tranh, giữa ông và tôi, sớm hình thành sự đồng cảm trong công việc; và mối quan hệ bạn bè thân tình đặc biệt. Thời gian tôi phụ tá cho ông tuy không dài (khoảng ba tháng), nhưng để lại cho tôi nhiều kỷ niệm tốt đẹp.

Tháng 4 năm 1947, theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Kinh tế, Luật sư Phan Anh (được sự chuẩn y của Hồ Chủ tịch), một số cán bộ được điều động về Bộ Kinh tế công tác. Tôi được giao nhiệm vụ Giám đốc Nha Thương mại kiêm Cục trưởng Cục Ngoại thương thuộc Bộ Kinh tế.

Từ đó, chúng tôi không có điều kiện gặp gỡ nhau thường xuyên do hai ngành hoạt động của chúng tôi vào thời điểm đó ít có vấn đề cần phải trao đổi, bàn bạc.

Mối quan hệ giữa Luật sư Vũ Trọng Khánh và tôi được nối lại vào năm 1980. Lúc đó, ông ở tại Hải Phòng, đã nghỉ hưu về mặt chính quyền nhưng vẫn hoạt động xã hội, trong Hội Luật gia Việt Nam, với tư cách là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam, Chủ tịch Thành hội Luật gia Hải Phòng. Cũng vào thời điểm đó, tôi được bầu vào Ban Thường vụ Hội Luật gia Việt Nam và sau đó làm Phó Chủ tịch, Tổng thư ký Hội.

Trong bối cảnh đó, chúng tôi có điều kiện thường xuyên gặp gỡ nhau để bàn bạc, trao đổi ý kiến về công tác

của Hội ở Trung ương và ở địa phương (mỗi tháng một lần). Khi ông lên Hà Nội, ông thường đến nhà riêng để trao đổi với tôi về công việc và tình hình đất nước về ba lĩnh vực: lập pháp, hành pháp, tư pháp. Ông rất trần trụi những vụ/ việc bất công vi phạm pháp luật.

Trong Hồi ký của mình, Luật sư Vũ Trọng Khánh không nói nhiều về hoạt động của ông trong Hội Luật gia Việt Nam. Theo tôi, đóng góp của ông đối với Hội rất lớn, ngay từ những ngày thành lập Hội, nhất là trong việc xây dựng, phát triển hoạt động của Hội Luật gia Hải Phòng.

Chúng tôi đối xử với nhau rất thân tình, như những người bạn tâm giao, thực sự tôn trọng nhau, nhất là trong các trường hợp có ý kiến khác nhau.

Luật sư Vũ Trọng Khánh là một trí thức lớn thời đại Hồ Chí Minh, do chính Bác Hồ đích thân lựa chọn giúp Bác trong thời kỳ dựng nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Ông là một luật gia tiêu biểu của giới luật gia Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh, với nhiều đức tính đáng quý. Ông thuộc đội ngũ luật gia Việt Nam không ham danh vọng, tiền tài, bổng lộc. Cuộc đời ông đã minh chứng nhận xét đó. Ông thực sự là một cán bộ trong sạch.

Khi còn trẻ, ông vào trường Đại học Luật không vì mục đích làm quan như mong muốn của gia đình. Ông đã chọn nghề luật sư, một nghề tự do, đòi hỏi phải có một trình độ chuyên môn cao, có tinh thần yêu nước,

tôn trọng pháp luật bảo vệ công lý và nhất là có tư tưởng giúp dân, giúp người nghèo khó, người bị áp bức trong xã hội. Ông cũng không quan tâm đến chức tước, địa vị trong xã hội.

Từ người đứng đầu Bộ Tư pháp, ông đã chấp nhận giúp một địa phương, Ủy ban kháng chiến một Chiến khu xây dựng ngành tư pháp ở địa phương rồi lại trở về Bộ Tư pháp với cương vị Vụ trưởng một Vụ của Bộ trong nhiều năm. Suốt đời ông chỉ một ước mong làm được việc có ích cho xã hội. Điều mong muốn ấy đã được thực hiện.

Qua những cuộc họp, hội nghị, hội thảo mà chúng tôi cùng có mặt, đặc biệt qua những buổi nói chuyện thân tình tại nhà riêng, tôi cảm nhận ông cũng rất quan tâm đến vấn đề học thuật trong khoa học pháp lý, đặc biệt các vấn đề dân trí, dân chủ, nhà nước pháp quyền của dân, vì dân, tính độc lập của thẩm phán trong công tác xét xử...

Tháng 4 năm 1994, Luật sư Vũ Trọng Khánh được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, với ghi nhận: “Đã có nhiều công lao góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc”. Trước đó, ngày 6 tháng 10 năm 1992, Luật sư Vũ Trọng Khánh được Thành ủy Hải Phòng công nhận là lão thành cách mạng, cán bộ hoạt động cách mạng trước năm 1945.

Ông chưa từng gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam mà lại được công nhận là lão thành cách mạng. Sự việc

hiếm có đó được lý giải như sau (trong Hồi ký của Luật sư Vũ Trọng Khánh): Ngày 19 tháng 3 năm 1957, ông làm đơn xin gia nhập Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Theo ý kiến của Hồ Chủ tịch: “Luật sư Vũ Trọng Khánh để ở ngoài Đảng có lợi cho cách mạng hơn”.

Kết thúc bài viết này, tôi bồi hồi nhớ lại một người bạn quý, một nhân vật lỗi lạc của giới luật gia Việt Nam mà tôi đã vĩnh biệt gần 20 năm nay và tôi muốn khẳng định: Luật sư Vũ Trọng Khánh rất xứng đáng với nhận xét và lời khen của Bác Hồ, với tín nhiệm mà Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc dành cho ông. Ông rất xứng đáng với sự mến yêu, quý trọng của bạn bè và đồng nghiệp và sự biết ơn của những người ông đã giúp đỡ.

Hà Nội, tháng 3 năm 2015



Luật sư Vũ Trọng Khánh và chủ tịch Hồ Chí Minh  
ở Paris năm 1946

## Chuyện về lá thư riêng của Bác Hồ

Trần Quân Ngọc

Hội Quốc tế ngữ Việt Nam

Bước vào phòng khách của Tiến sĩ Vũ Trọng Hùng, tôi chú ý ngay tới tấm ảnh luật sư Vũ Trọng Khánh, thân sinh của anh Hùng chụp với Bác Hồ tại Paris năm 1946, Bác Hồ trong bộ đồ dạ màu thẫm kiểu Tôn Trung Sơn, ngồi phía trước. Luật sư Vũ Trọng Khánh mặc com-ple đen, đứng sau. Thoáng nhìn tưởng như bức ảnh chụp hai cha con: ông già tuy râu tóc còn đen nhưng nét mặt gầy gò, khắc khổ, đôi hố mắt lõm sâu. Người đàn ông đứng phía sau chừng ngoài 30 tuổi, nét mặt thanh tú, đôi mắt sáng và vàng trán cao. Tôi hỏi ngay anh Hùng: ngoài tấm ảnh này, gia đình còn giữ được tấm ảnh nào khác ông cụ nhà ta chụp chung với Bác Hồ không?

- Còn một số tấm nữa, để tôi lấy anh xem!

Anh Hùng lên gác mang xuống một cuốn an-bom nhỏ, dày với rất nhiều tấm ảnh đen trắng quý hiếm, một số bức đã bị bạc màu, ố vàng. Dù sao vẫn nhận được nét mặt của nhiều nhân vật, nay mới tận mắt được nhìn thấy, thật thú vị!

Xem xong những tấm ảnh quý hiếm đó, tôi hỏi anh Hùng thêm một câu nữa: Ông cụ nhà ta có bao giờ nhận được thư riêng của Bác Hồ không anh?

- Gia đình nhà tôi chỉ còn giữ được một lá thư Bác viết cho cha tôi vào tháng 5 năm 1948.

Anh Hùng đã cho tôi đọc lá thư đó. Nhưng trước khi giới thiệu về lá thư, xin được nói đôi lời về người được nhận lá thư.

Luật sư Vũ Trọng Khánh là một trí thức lớn của đất nước ta. Ông thuộc thế hệ "trí thức vàng" mà Bác Hồ đã quy tụ được quanh mình sau Cách mạng tháng Tám như Hoàng Minh Giám, Tạ Quang Bửu, Phan Anh, Nguyễn Văn Huyền, Hồ Đắc Di, Tôn Thất Tùng, Vũ Đình Hòe, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Văn Tố...

Ông sinh năm 1912 tại Hà Nội, quê gốc tại Cự Đà, Hà Đông. Ông là một trong những luật sư đầu tiên được đào tạo tại trường đại học Hà Nội. Sau khi nhận bằng cử nhân luật, Vũ Trọng Khánh về Hải Phòng thực tập luật sư và sau đó ông mở văn phòng luật sư tại thành phố này để hành nghề. Luật sư Vũ Trọng Khánh rất tích cực tham gia các công tác xã hội, có uy tín lớn trong xã hội, đặc biệt là phong trào đấu tranh đòi quyền tự do, dân chủ, thời kỳ Mặt trận Bình dân 1936-1939. Cùng với nhiều trí thức trẻ khác, như Dương Đức Hiền, Phan Tử Nghĩa..., Vũ Trọng Khánh đã tham gia nhóm nghiên cứu chủ nghĩa Mác do Nguyễn Thế Dục đứng ra tổ chức. Trong giai đoạn điều hành ngắn ngủi của Chính phủ Trần Trọng Kim, luật sư Vũ Trọng Khánh được cử làm đốc lý (như chức thị trưởng) thành phố Hải Phòng.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông đã bí mật bắt liên lạc với lực lượng du kích của Chiến khu

Đông Triều do Nguyễn Bình chỉ huy. Sau Cách mạng tháng Tám, ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời tham gia Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa với tư cách là Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Sau Tổng tuyển cử ngày 6 tháng Giêng năm 1946, Chính phủ Liên hiệp lâm thời ra đời, ông vẫn hoạt động bên cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh trên cương vị cố vấn pháp luật của Người. Sau đó, ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ định tham gia Phái đoàn Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa do đồng chí Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn sang đàm phán với Pháp tại Fontainebleau năm 1946.

Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954) bùng nổ, luật sư Vũ Trọng Khánh được cử làm Giám đốc Tư pháp khu X, sau là Liên khu X. Hòa bình lập lại, cuối năm 1954, luật sư Vũ Trọng Khánh tham gia công tác tiếp quản thành phố Hà Nội, và sau đó, năm 1955 ông lại được giao tiếp quản thành phố cảng Hải Phòng. Ít lâu sau, ông được cử giữ chức Phó Chủ tịch UBHC thành phố Hải Phòng.

Sau nhiều năm tham gia công tác cách mạng, giờ đây, trên cương vị là một trong những người lãnh đạo chủ chốt của một thành phố lớn thứ hai miền Bắc, ông đề đạt nguyện vọng gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam (thời kỳ đó còn gọi là Đảng Lao động Việt Nam). Biết được nguyện vọng chính đáng này của ông, Bác Hồ đã khuyên luật sư Vũ Trọng Khánh: "Chính ở

cương vị này mà chú vẫn là người ngoài Đảng thì sẽ có lợi hơn cho Đảng. Dù thế nào thì từ lâu, Đảng vẫn coi chú là một trí thức của Đảng".

Luật sư Vũ Trọng Khánh mất năm 1996, thọ 84 tuổi. Ông đã được Đảng và Nhà nước ta tặng thưởng nhiều huân chương, huy chương cao quý, trong đó có Huân chương Hồ Chí Minh. Bây giờ xin trở lại với bức thư riêng của Bác Hồ gửi luật sư Vũ Trọng Khánh vào tháng 5-1948.

Bức thư được đánh máy trên giấy khổ nhỏ như vở học sinh, màu nâu nhạt, trong thư, chỉ có chữ "Thư riêng" và chữ ký của Hồ Chí Minh là do Bác tự viết tay, còn toàn bộ nội dung lá thư do Bác tự đánh máy. Có thể khẳng định điều này vì nhiều từ viết theo kiểu tiếng Việt cải tiến (do chính Bác đề xướng) như: zan nan, dân tộc, thực zân, zụ zỗ, zám đốc, zải thích, fải, fáp, nghèo... hoặc kiểu viết tắt mà Bác quen dùng như: ngh, ng, Khg, chg' ta ...

Bức thư có gần 600 từ (chính xác là 582 từ) nhưng chứa đựng một nội dung rất phong phú: có lời thăm hỏi, động viên, dặn dò, tâm sự, có câu trả lời về việc riêng mà luật sư Vũ Trọng Khánh hỏi Bác. Qua những dòng thư đó, có thể thấy Bác Hồ của chúng ta là con người rất ân cần, chu đáo. Đầu thư, Bác chia buồn về việc thân mẫu của luật sư từ trần. Cuối thư, Bác gửi lời thăm vợ và các con của luật sư (Tôi để ý là trong những lá thư gửi cho nhiều người khác, bao giờ Bác cũng gửi lời hỏi thăm các người thân của họ).

Bác viết thư cho một luật sư, nên tất nhiên một phần quan trọng của lá thư được nhắc đến những người làm việc trong lĩnh vực pháp luật. Qua đó chúng ta cũng hiểu thêm tư tưởng của Người về một nhà nước pháp quyền, về vai trò của những người giữ gìn pháp luật dân chủ. Bác đánh giá rất cao vai trò của những người làm pháp luật. Người viết: "Trong cuộc kháng chiến cứu nước, toàn dân tộc ta đã trở nên một dân tộc anh hùng. Anh em tư pháp là những người học thức, lại là những người giữ gìn pháp luật dân chủ, lẽ tất nhiên, anh em phải anh hùng hơn một bước, để làm kiểu mẫu cho quốc dân".

Bác còn viết: "... những cán bộ cao cấp như chú và các vị giám đốc khác có nhiệm vụ luôn luôn giải thích và khuyên gắng các anh em tư pháp, sao cho xứng đáng với lòng tin cậy của Chính phủ, xứng đáng với lịch sử, với đồng bào, với Tổ quốc."

Nói tới kinh nghiệm kháng chiến để giữ gìn Tổ quốc, giải phóng quê hương, kể cả của ông cha lẫn của các nước khác, Người luôn nhắc tới lòng quyết tâm và ý chí quật cường, sự nhẫn nại và đặc biệt là sự đoàn kết toàn dân. Chỉ riêng điều đoàn kết dân tộc để đem lại thắng lợi đã được Bác nhắc tới ba lần.

Nhiều lời dặn dò của Bác viết trong thư thật giản dị, có thể coi như những châm ngôn dạy về cách sống. Bác viết: "Ai chẳng muốn no cơm, ấm áo. Nhưng sinh hoạt vật chất, hết đời người đó là hết. Còn tiếng tăm xấu hay tốt sẽ truyền đến ngàn đời về sau." Hoặc: "Có

gian nan nguy hiểm, thì mới có hạnh phúc lâu dài. Lẽ đó rất rõ ràng, dễ hiểu"...

Ở đoạn cuối bức thư, trả lời một câu hỏi của luật sư Vũ Trọng Khánh về việc gì đó ông đang (hoặc sẽ) giúp cho nhà thơ Cù Huy Cận (lúc này đang giữ cương vị Bộ trưởng Tổng thư ký Chính phủ), Bác dí dỏm viết mấy câu văn vần như sau:

"Trọng Khánh giúp Cù Huy  
 Làm được, cứ làm đi  
 Chúc các chú thành công  
 Ta không ngăn cản gì".

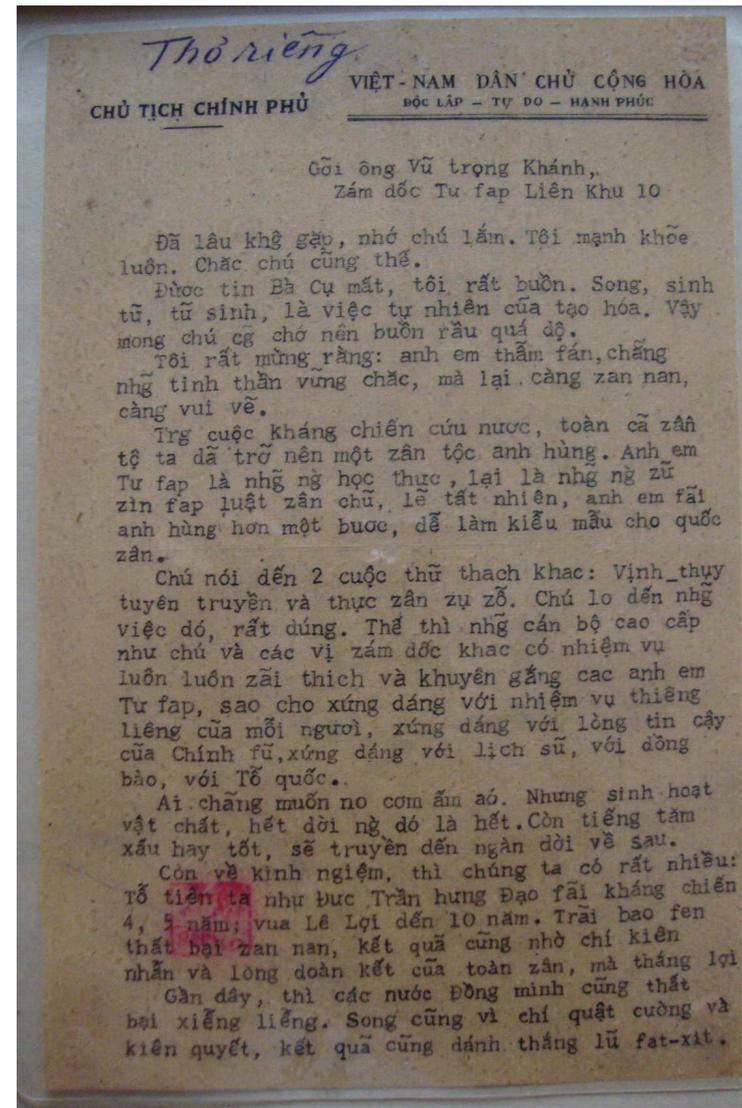
Rất tiếc cho tới nay, cả ba người trong cuộc là Bác, luật sư Vũ Trọng Khánh và nhà thơ Cù Huy Cận đều đã lần lượt ra đi. Do đó chúng ta chưa biết nội dung công việc mà luật sư Vũ Trọng Khánh xin ý kiến của bác. Hy vọng rằng những người thân, những nhà lưu trữ, những nhà Hồ Chí Minh học... một ngày nào đó có thể cho chúng ta những thông tin có liên quan tới sự kiện này.

Cách đây mười năm, khi sưu tầm tài liệu để biên soạn cuốn "Thư riêng của Bác Hồ", chúng tôi đã được đọc khá nhiều lá thư riêng Bác Hồ gửi cho các vị Bộ trưởng, các cộng sự, bạn bè... nhưng chưa bao giờ chúng tôi được đọc những dòng thư của Bác tâm sự về cuộc đời hoạt động của chính mình với người bạn thư. Có lẽ đây là điều đặc biệt độc đáo, đặc biệt quý báu mà chúng ta được đọc trong lá thư này.

Người viết như sau: "Như già Hồ của chú, trong mấy mươi năm, mấy lần vào tội ra tù, mấy lần chết treo bên cổ. Nhưng chỉ vì lòng tin tưởng vào vận mệnh của Tổ quốc, tin tưởng vào lực lượng của nhân dân, cho nên dù gian nan nguy hiểm mấy tinh thần cũng không bao giờ lay động.

Chúng ta có tinh thần vững vàng, tin tưởng chắc chắn, thì phú quý không dụ dỗ được ta, nghèo khổ không lay động được ta, oai lực không dọa nạt được ta. Mà khó khăn gì chúng ta cũng vượt qua được, việc gì chúng ta cũng làm được".

Bây giờ, được sự đồng ý của Tiến sĩ Vũ Trọng Hùng, chúng tôi xin được giới thiệu lá thư riêng của Bác Hồ gửi luật sư Vũ Trọng Khánh để bạn đọc được biết.



## Phong cách luật sư Vũ Trọng Khánh ngoài đời và trong gia đình

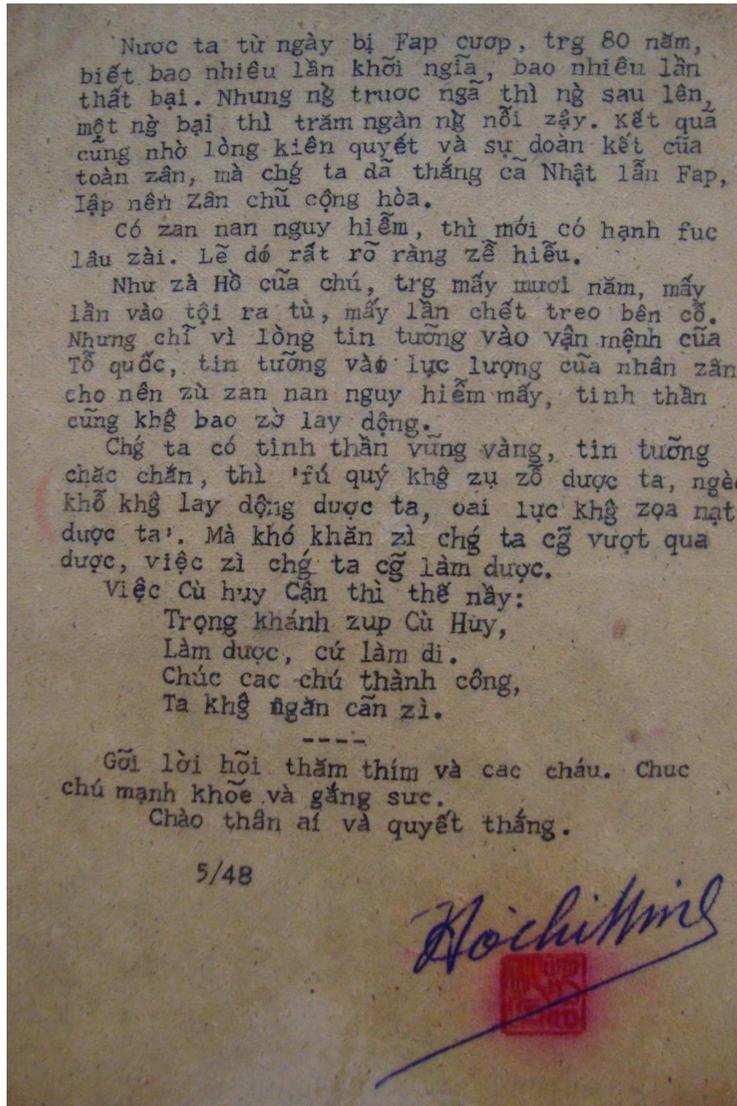
Nguyễn Hữu Nghĩa

Tôi là con rể luật sư, được sống gần ông trên 20 năm kể từ năm 1973, tôi từ Bộ Nông nghiệp chuyển về công tác ở Ban khoa học kỹ thuật Hải Phòng cho đến khi ông qua đời năm 1996. May mắn hơn nữa tôi lại được công tác cùng ông ở cơ quan khoa học kỹ thuật thành phố, được tiếp xúc nhiều với ông, tôi đã nhận thấy nhiều nét đẹp mẫu mực trong sáng trong phong cách sống của ông.

Ở ngoài đời:

Ai đã có lần tiếp xúc với ông đều nhận thấy vẻ đôn hậu, hòa nhã, nét mặt tươi tỉnh, có nụ cười dễ hòa đồng thân thiện. Mỗi khi đi ra ngoài hoặc đi làm ở cơ quan, quần áo ông bao giờ cũng chỉnh tề, được là phẳng phiu gấp nếp, dáng đi đứng khoan thai.

Trong các cuộc họp ở cơ quan, kể cả cuộc họp nhỏ vài người ở tổ công đoàn, bao giờ cũng thấy trước mặt ông có cuốn sổ tay, ông tập trung lắng nghe mọi người phát biểu và ghi chép với thái độ tôn trọng, trong khi nhiều người khác rì rầm nói chuyện. Đặc biệt với các hội thảo khoa học hoặc tổng kết đánh giá tình hình có nhiều ý kiến trái ngược bàn luận sôi nổi, tranh nhau phát biểu, tôi chưa khi nào thấy ông vội vàng ngắt ngang lời người khác mà chờ



họ phát biểu xong mới xin phát biểu với phong thái điềm đạm.

Ông tham gia Hội Luật gia Việt Nam và Chủ tịch Hội Luật gia Hải Phòng, ông đã dự nhiều vụ xét xử phạm pháp ở địa phương cảm thông với người lao động nghèo, ông đã nhận bào chữa công minh cho nhiều vụ thoát khỏi vòng tù tội. Điển hình như vụ Ngô Thanh Phương, chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp An Thắng huyện An Lão thành phố Hải Phòng, anh rất năng động dám nghĩ dám làm, là lá cờ đầu thực hiện cơ khí hóa trong nông nghiệp; vào thập kỷ 70, gặp năm mất mùa thất bát, xã viên thiếu đói, anh vận động bà con góp tiền được 3.000 đồng, tổ chức lên Sơn La mua sắn về cứu đói cho bà con, sau vụ mua sắn anh đã bị bắt giam, kết tội vi phạm chính sách lương thực của nhà nước, vì theo nghị định 84 CP của Chính phủ, nhà nước đặc quyền phân phối lương thực, xóa bỏ thị trường tự do về lương thực. Ông đã bào chữa cãi cho anh được tha bổng, cả gia đình anh vô cùng sung sướng biết ơn ông và đi lại thăm nom hai ông bà như người con trong gia đình; hoặc ông bào chữa giải oan cho vụ anh Mảng, bộ đội phục viên, làm công nhân bốc vác ở Cảng Hải Phòng, bị nghi là ăn cắp hàng hóa khi bốc xếp, v.v...

Làm người là khó, qua thăng trầm ông đã để lại một gương sáng mẫu mực, sống liêm khiết không vụ lợi bon chen, từ chức vụ cao nhất là Bộ trưởng Tư pháp đến Phó Chủ tịch thành phố, rồi Hội trưởng Hội phổ biến khoa học kỹ thuật, rồi Trưởng tiểu ban Vận trù

học trong Ban khoa học kỹ thuật Hải Phòng..., ở công việc nào ông cũng đều tận tâm làm việc, cống hiến hiệu quả. Thời kỳ làm hội trưởng Hội phổ biến khoa học kỹ thuật, ông và cộng sự thường xuyên đi xuống cơ sở, nhà máy, xí nghiệp phổ biến về sơ đồ mạng vận trù học với ví dụ dễ hiểu, hợp với anh em công nhân... Ông xuống các hợp tác xã nông nghiệp phổ biến về kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt, về vệ sinh phòng bệnh cho bà con; tổ chức nói chuyện đầu bờ sát thực tế, vừa vui vừa sinh động, rất có hiệu quả.

Có nhiều cán bộ trí thức gặp tôi, trong lúc vui chuyện hỏi: “Bác Khánh đang từ làm rất to Bộ trưởng, xuống Phó Chủ tịch, rồi Trưởng tiểu ban vận trù học..., lúc nào cũng thấy bác vui, nhiệt tình hào hứng trong công việc, anh có thấy bác buồn bao giờ không? Còn chúng em khi ở cấp phó lâu không lên cấp trưởng, bầu không trúng cấp ủy, trượt lao động tiên tiến, trượt chiến sĩ thi đua là đã mất ăn mất ngủ! Sao bác lại vô tư thế?” Tôi trả lời: khi người ta tìm được mục đích của sự cống hiến thì vượt qua được tất cả, không còn hám danh lợi nữa và cảm thấy yên bình! Ngay từ khi tốt nghiệp đại học luật, bác đã không ra làm quan như nhiều người, mà hành nghề luật, nhằm đem tài học bảo vệ công lý, làm việc hữu ích cho xã hội.

Trong gia đình:

Năm 1932, ông lập gia đình, lấy em gái luật sư Trịnh Đình Thảo là Trịnh Ngọc Lan. Trên 60 năm chung sống, hai ông bà đã trải qua đám cưới vàng (50 năm), đám cưới

kim cương (60 năm), lúc nào tình cảm cũng nồng hậu, thuận hòa; tận tình chăm sóc lẫn nhau vượt qua mọi khó khăn thiếu thốn trong những năm kháng chiến, trong những năm dài thời bao cấp, lúc nào cũng ân cần dịu dàng, vẫn xưng anh em với nhau khi đã cao tuổi.

Ông bà sinh hạ được bốn người con: ba trai, một gái. Các con của ông bà đều có khả năng tự lập cao và đã lập gia đình riêng, con nào cũng được ông bà thương yêu, anh chị em trong đại gia đình hòa thuận, chưa khi nào thấy ông bà nặng lời với con cái.

Các con ở Hà Nội xa ông bà, mỗi khi nhận được tin con đau yếu, ông bà lên thăm hỏi, gửi thuốc men, động viên về tinh thần.

Gương lao động cần mẫn của ông bà, làm các con cháu rất xúc động: trong thời bao cấp cuộc sống khó khăn, ông đã nhờ mua một mô-tơ nhỏ, nhờ anh em công nhân lắp ráp một máy xay bột cho trẻ em; được cấp điện ưu tiên, ông bà thay nhau ngồi xay bột cả ngày khi khách đưa hàng tới, có khi thức tới 11 giờ đêm xay bột để kịp trả hàng, bột bay trắng xóa cả mặt mũi phát ho hen..., song ông bà vẫn thấy vui vì nhận được tiền công ít ỏi từ lao động chân chính của mình.

Ông đặc biệt tôn trọng giấc ngủ nghỉ của mọi người, đi lại nhẹ nhàng không kéo lê dép, không gây tiếng động, không đóng cửa mạnh; ban đêm khi cần dậy, ông dùng đèn pin không bật đèn sáng làm thức giấc người khác.

Các con cháu có thời gian ở cùng ông bà, được tiếp thu một nền giáo dục tốt:

- Trung thực, thẳng thắn.
  - Biết quý trọng lao động, không nề hà bất cứ việc gì lành mạnh để thêm thu nhập trong thời bao cấp như: chăn nuôi lợn, vỡ đất trồng rau muống, làm bột sắn dây v.v...
  - Học tập sự ngăn nắp, trật tự: vật nào dùng xong để đúng chỗ cũ.
  - Tôn trọng chữ tín, hẹn ai phải giữ đúng hẹn.
  - Đi học, về học phải theo đúng giờ quy định, không được la cà. Cháu ngoại Nguyễn Hồng Anh bị ông phạt về tội về học không đúng giờ quy định, đứng ngoài cửa hàng tiếng không được vào nhà<sup>1</sup>.
- Ông đã biên thư hỏi thầy giáo cháu, nguyên văn thư:

Thưa thầy

Cho chúng tôi biết giờ giấc các lớp học của cháu Hồng Anh để chúng tôi tiện quản lý

Cảm ơn thầy  
Vũ Trọng Khánh  
19-2-1971

Dưới đây là ảnh chụp bút tích thư của ông ngoại gửi thầy giáo và chữ viết trả lời của thầy giáo cùng ngày 19-2-1971.

<sup>1</sup> Thời gian học lớp 2 tại trường cấp 1 Lý Tự Trọng, Hồng Anh ở cùng với ông bà ngoại.

Thưa thầy,  
Cho chúng tôi biết giờ giấc các lớp  
học của cháu Hồng Anh để chúng  
tôi tiện quản lý. Cảm ơn thầy.  
Khánh 19.2.71  
Học thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm  
thứ sáu - buổi chiều từ 5 giờ đến 5 giờ  
bảy phút.  
Khánh

Trang ảnh màu

Ông chẳng những quan tâm bên nội mà còn quan tâm cả bên ngoại. Thời kỳ Mỹ đánh phá ác liệt ở miền Bắc, tôi ở Bộ Nông nghiệp thường đi công tác các cơ sở nông nghiệp miền Bắc, để tôi đỡ lo lắng cho việc sơ tán của gia đình, ông đã viết thư động viên an tâm, nói rõ kế hoạch sơ tán của gia đình hai bên nội ngoại, khuyên tôi giữ gìn cẩn thận, đi công tác tránh xa các vùng trọng điểm đánh phá của giặc Mỹ. Tôi vô cùng cảm động, tôi xin trích một đoạn từ bút tích thư ông biên cho tôi (kèm ảnh chụp bút tích bức thư đó):

HP 9-10-67

Nghĩa con

Việc nhà Châm đã tin cho con biết rồi. Mẹ con và Hồng Anh đã sang Thủy Nguyên với P.Khanh, thế là ổn. Nhà ở Đông Khê chưa việc gì, nhưng đạn xuyên qua xung quanh.

Mẹ đang xin nghỉ dưỡng sức dài hạn và sẽ đi sơ tán với ba.

Tình hình là nó đã đánh gãy các cầu và thả bom nổ chậm ở các ngã đường...

Lúc này HP đang thử lửa dữ dội, nên tránh được càng nhiều càng tốt. Con đi công tác cẩn thận nhé, bọn Mỹ oanh tạc lúc này trọng điểm là Hải Phòng, nhưng đường khác không nhẹ, phải cẩn thận.

Ba  
V.T.K

Bức thư này đối với tôi vô cùng quý giá, vô cùng cảm động trước tình cảm thương yêu, ân cần động viên kịp thời của ba với con.

Vẻ đẹp trong phong cách sống ở ngoài đời và trong gia đình của ông, sẽ mãi mãi ngời sáng trong người đời, và trong nhiều thế hệ con cháu của ông bà.

HP. 9.10.57  
 Nghĩa, con.  
 Việc nhà, Chăm sóc tin cho con biết rồi:  
 Mả con và H.Suy Anh đã sang Thụy Nguyễn với P. Khang,  
 thế là ổn. Nhà ở: Đập Khê chưa việc gì nhưng  
 đang xuyên qua xung quanh.  
 Mẹ đang xin nghỉ? đường về gần hơn,  
 và về đi số tiền với Ba.  
 Tổng hợp là mả đặt tạm ở cái căn,  
 và thả bốn mả chôn ở cái nghĩa đường.  
 Nếu đi là cần trả vào chuyện của ta.  
 Sau đó mả có thể đặt các bãi với kho mả:  
 thị trấn. Cái đường sông mả cũng thả bốn

## Những ấn tượng không bao giờ nhạt phai

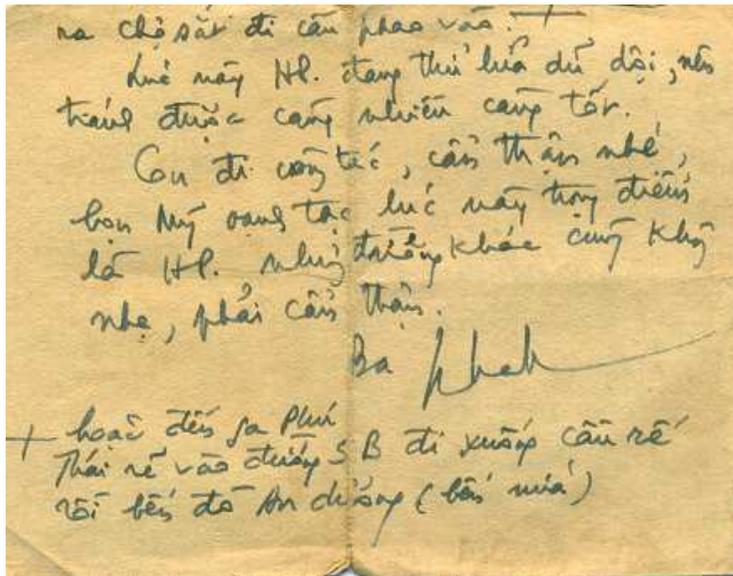
Nữ nhà giáo Đàm Lê Đức

Mỗi khi nhớ lại những kỷ niệm về Luật sư Vũ Trọng Khánh, lòng tôi lại bồi hồi xúc động, vì đối với tôi, cụ Vũ Trọng Khánh thân quý như một người cha khả kính, một người thầy giáo và một đồng sự lớn trong thời gian tôi công tác tại Hải Phòng.

Tôi tốt nghiệp Đại học Tổng hợp, khoa Toán khóa đầu tiên của trường và được cử về Hải Phòng giảng dạy ở trường cấp 3 Ngô Quyền. Tôi và Vũ Trọng Huỳnh, con trai cả của cụ cùng dạy một trường và đó chính là cơ duyên may mắn để tôi được gặp cụ Vũ Trọng Khánh.

Năm sau, tôi về dạy ở trường cấp 3 Thái Phiên vừa mới được thành lập ở Hải Phòng và làm chủ nhiệm lớp của Vũ Trọng Khải, con trai út của cụ, sau này trở thành Phó giáo sư, Tiến sĩ Kinh tế học Nông nghiệp, nguyên hiệu trưởng Trường Cán bộ Quản lý Nông nghiệp và phát triển nông thôn 2, tại thành phố Hồ Chí Minh.

Vừa dạy ở trường Thái Phiên, tôi vừa được cử đi học Toán kinh tế ở Viện Toán Hà Nội với thầy Hoàng Tụy, mỗi tuần cả một ngày thứ bảy. Tôi học đều đặn, sau này theo cả đến những nơi mà Viện đi sơ tán, vì hồi đó các trường Đại học sơ tán ra các nơi khác, không



ở Hà Nội. Sau mấy năm dạy và học, tôi đã hoàn thành xong 13 chuyên đề về Toán kinh tế và lên Bắc Thái một tháng hè để làm luận văn sơ đồ mạng. Trong thời gian đó, tôi được điều về dạy ở Phân hiệu Đại học Bách khoa Hải Phòng mới được thành lập, vài năm sau trở thành trường Đại học tại chức Hải Phòng.

Lần nào đến nhà chơi, cụ Vũ Trọng Khánh đều hỏi tôi về việc tôi đi học. Cụ rất thương quý tôi về việc ham học, nhất là môn học Vận trù học có lợi cho việc phát triển kinh tế, rồi sau đó cụ đã coi tôi như một người con, cụ với tôi chuyển sang xưng hô “bố”, “con” thân thiết vô cùng.

Thế rồi bố tôi (từ đây, tôi xin phép gọi cụ Vũ Trọng Khánh bằng bố như tôi vẫn thường gọi) đã trình bày với Ủy ban hành chính thành phố Hải Phòng để lập ra tiểu ban Vận trù học Thành phố do bố tôi là Trưởng tiểu ban còn quân chỉ có một mình tôi.

Bố tôi bận nhiều công việc nhưng cụ rất chú ý tới công tác của tiểu ban này. Đầu tiên là bố tôi đề nghị Thành ủy, Ủy ban sắp xếp một buổi nghe tôi trình bày về vận trù học để nắm được vấn đề này.

Sau đó là các nhà máy mời tiểu ban Vận trù học đến nói chuyện với Ban Giám đốc, Trưởng, Phó phòng ban về ích lợi của vận trù học.

Mỗi lần tôi lên nói chuyện, bố tôi đều chú ý lắng nghe và góp ý cho tôi cả nội dung, cách diễn đạt tránh dùng nhiều từ chuyên môn để bài giảng hoàn hảo, rõ

ràng hơn hơn. Đối với tôi, một nữ giáo viên trẻ mới vào nghề, những lời ân cần của bố thấm vào tôi như những lời dạy bảo chân tình của người thầy, tôi bỗng thấy mình lớn lên và tự tin hơn, vững bước khi theo đuổi một công việc mà mình thấy có ích. Lại một điều, tôi đã biết bố tôi là một luật sư có tài, đã từng là Bộ trưởng Tư pháp của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, là thị trưởng thành phố Hải Phòng trước Cách mạng tháng Tám, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính Thành phố Hải Phòng sau 1955, vậy mà khi nói về vận trù học, bố tôi lại có nhiều tâm huyết và kiến thức đầy tính thuyết phục đến thế. Sau này tôi còn biết, trên lĩnh vực nào, bố tôi cũng có những ý kiến rất sâu sắc, nếu không nói là uyên bác.

Sau một thời gian đi phổ biến Vận trù học ở các nơi thì bố tôi bảo bây giờ là lúc ta nhận một đề tài của thành phố, để làm sao mọi người thấy tác dụng của môn học. Tôi chọn làm đề tài “Quét rác thành phố”. Ban ngày dạy học ở trường Đại học tại chức, ban đêm hết đi theo tổ quét rác này lại sang tổ quét rác khác để bám giờ, biết thời gian từng đội; sau đó lại đi theo tổ hốt rác và cuối cùng ngồi trên xe lấy rác. Khi có số liệu, tôi mài miết làm và cuối cùng tôi đã tìm được phương án tối ưu.

Khi trình bày thì phương án tôi đề ra đã rút được 1/3 nhân lực quét rác sang công việc khác, và cũng rút ngắn được 1/3 thời gian ô nhiễm môi trường. Do đó, phương án được thực thi và đưa vào áp dụng. Đó là

phần thưởng lớn nhất đem lại niềm vui vô bờ bến cho bố con tôi. Tôi nhớ rất rõ nụ cười và ánh mắt hài lòng của bố tôi khi bố nói: “Thế là bố con mình còn có ích cho đời đấy nhi!”. Từ thành công này, bố con tôi lại đến nhà máy đóng tàu Bạch Đằng và các nhà máy, xí nghiệp khác để triển khai vận trù học. Vì làm cật lực như vậy nên khi lên lớp dạy Đại học tại chức, tôi đã ngất đi và sau này lúc họp tổ, tôi đã bị tổ phê bình không phân phối hợp lý thời gian và giữ sức khỏe để ảnh hưởng năng suất dạy học và năm đó, lần đầu tiên tôi không được nhận lao động tiên tiến. Trong lúc vui vui, tôi kể chuyện với bố là “năm nay con mất lao động tiên tiến vì vận trù học đó bố ạ”. Bố tôi không nói gì và có vẻ rất thông cảm với tôi. Tôi đâu có biết bố tôi vẫn hậm hực về việc này và năm đó hai bố con tôi lên Hà Nội họp hội nghị Vận trù học toàn miền Bắc ở ngay phòng họp của Ủy ban hành chính và đích thân thủ tướng Phạm Văn Đồng dự cả buổi. Sau những lời hỏi han với sự quan tâm đặc biệt về đề tài Vận trù học, Thủ tướng đã động viên chúng tôi rất nhiều. Trong câu chuyện trao đổi rất thân mật, gần gũi với vị đứng đầu Chính phủ, bố tôi chỉ vào tôi và nói: “Chính sự say mê Vận trù học mà cô Đàm Lê Đức dạy ở Đại học tại chức Hải Phòng đã mất lao động tiên tiến đấy ạ”. Thủ tướng nhìn tôi và nói: “Về trường Đại học tại chức Hải Phòng tôi nói được”. Tôi ngượng chín người vội đứng lên thưa với Thủ tướng: “Xin Thủ tướng không cần bận

lòng về việc nhỏ này, lỗi ở cháu đã sắp xếp thời gian không hợp lý nên hiện đã rút kinh nghiệm để làm tốt cả hai việc. Xin cảm ơn Thủ tướng đã quan tâm đến công việc mà chúng cháu đang làm”.

Năm sau, bố tôi xin thành phố cho đăng cai hội nghị Vận trù học toàn miền Bắc tại Đồ Sơn để các thành viên vừa được nghỉ mát vừa làm việc. Bố tôi giao cho tôi đi lo các loại thủ tục và hậu cần cho hội nghị. Máy lần đạp xe đạp từ Hải Phòng ra Đồ Sơn, với giấy giới thiệu của Ủy ban hành chính Hải Phòng cấp, nên mọi chỗ ăn ở cũng như hội trường được chuẩn bị chu đáo và hội nghị thành công tốt đẹp. Anh chị em đều có những ấn tượng tốt và thoải mái trong những ngày làm việc ở Đồ Sơn. Bố tôi thấy tôi lúc nào cũng tất bật, bận bịu thì thương lắm. Mỗi lần đến báo cáo có gì ngon, bố đều bắt tôi ăn cho lại sức và câu nói của bố mà tôi còn nhớ: “Có thực mới vực được đạo con à”.

Và năm sau nữa, bố tôi bàn với tôi mở một cuộc triển lãm Vận trù học tại Hải Phòng để các địa phương đến xem và hiểu thế nào là Vận trù học. Lại một lần nữa tôi chạy đôn chạy đáo và rồi thì triển lãm thu hút được lượng khách tham quan đông đảo. Tôi phải huấn luyện cho một số sinh viên tôi đang dạy ở trường Đại học tại chức để giới thiệu từng nội dung chi tiết.

Tôi thấy thật hạnh phúc khi làm việc dưới trướng của bố tôi vì bố tôi, vừa có nhiều sáng kiến, vừa năng động và rất tâm lý. Sau này bố tôi xin được một người

chuyên trách cho việc này, cũng là con nhà toán có năng lực và bố tôi cũng dìu dắt để làm ngày một tốt hơn. Người dân Hải Phòng còn biết bố tôi là một nhà hoạt động xã hội, có nhiều công sức đóng góp cho Hội Luật gia, Hội nghiên cứu giáo dục gia đình trực thuộc Mặt trận Tổ quốc thành phố. Trên lĩnh vực nào, bố tôi cũng có nhiều ý kiến rất sâu sắc, thiết thực, hiệu quả. Bây giờ, bố mẹ tôi đều đã qua đời. Mỗi lần đến ăn giỗ các cụ, tôi vẫn rưng rưng nước mắt khi nhìn gương mặt phúc hậu của các cụ trong di ảnh trên bàn thờ, tôi gọi thầm: “Bố ơi, mẹ ơi”. Nhớ ngày nào, khi ba mẹ ruột tôi mất, thấy tôi khóc quá, bố mẹ tôi đã vỗ về an ủi: “Còn bố đây con”, “Còn mẹ đây con”, vậy mà bây giờ tất cả đã ra đi. Tôi tự nhủ mình hãy sống xứng đáng để có thể tự hào được làm con của những người cha, người mẹ như thế.

Tôi hoàn toàn tin rằng cuộc đời hoạt động phong phú, sôi nổi đầy tính nhân văn của bố tôi đã để lại ấn tượng sâu sắc, lòng biết ơn và là những bài học quý giá cho đội ngũ đồng nghiệp và bạn bè, học trò cũng như các tầng lớp nhân dân Hải Phòng. Bản thân tôi đã trưởng thành và vững bước trên đường đời với sự nghiệp trồng người là có sự chỉ bảo, dìu dắt từ bàn tay của bố tôi, một người cha, một người thầy, một con người chân chính mà tôi muốn nói lên muôn ngàn lần lòng kính trọng, khâm phục.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2014

## Tiểu ban vận trù học và luật sư Vũ Trọng Khánh

Nguyễn Vũ Phong

Kể từ ngày bác Vũ Trọng Khánh qua đời đến nay đã 18 năm (1996-2014). Thời gian trôi qua thật là nhanh. Nhưng đến nay hình ảnh bác Khánh vẫn gợi cho tôi những kỷ niệm khó quên - kỷ niệm của một thời hoạt động sôi nổi, nhiệt huyết với công việc của Tiểu ban Vận trù học thuộc Hội Phổ biến Khoa học Kỹ thuật Hải Phòng (nay là Sở Khoa học & Công nghệ Hải Phòng). Tôi xin kể qua những ngày làm việc với bác Khánh trong thời gian từ năm 1968 đến khi bác mất.

Tôi nguyên là một giáo viên toán lý cấp 3, tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội khóa 1961-1963, thời kỳ GS.TS Phạm Huy Thông là Hiệu trưởng, TS Nguyễn Cảnh Toàn là Trưởng khoa Toán Lý.

Ra trường và đến năm 1968, Bộ Giáo dục có quyết định chuyển tôi từ trường Bổ túc Văn hóa Công nông tỉnh Quảng Ninh về Sở Giáo dục Hải Phòng.

Trong khi chờ đợi chuyển công tác, anh Nguyễn Văn Anh Đoàn gợi ý cho tôi là Hội Phổ biến Khoa học Kỹ thuật Hải Phòng đang cần một cán bộ Toán chuyên trách thường trực Tiểu ban Vận trù học Hải Phòng.

Chỉ sau một tuần, ông Vũ Trọng Khánh đã vận động với Ban Tổ chức chính quyền thành phố (nay là Sở Nội vụ) ra quyết định chính thức chuyển tôi về Hội.

Đây chính là cơ duyên mà tôi có những bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời hoạt động tại ngành Khoa học Kỹ thuật Hải Phòng cho đến khi tôi về hưu trí.

Trước đó, bác Vũ Trọng Khánh đã có cuộc kiểm tra vốn kiến thức của tôi bằng việc tổ chức một sự kiện: Trình bày với các giám đốc, cán bộ, kỹ sư của thành phố Hải Phòng về ứng dụng lập tiến độ và điều khiển công trình thông qua phương pháp Sơ đồ mạng lưới (P.E.R.T).

Với vốn kiến thức cơ bản của tôi, thì việc trình bày học thuật, các thuật toán tìm đường găng của P.E.R.T chẳng phải là vấn đề khó khăn gì.

Tôi chính thức được làm công tác thường trực Tiểu ban Vận trù học của thành phố Hải Phòng. Khi đó, tôi mới 27 tuổi đời; bác Vũ Trọng Khánh đã 58 tuổi. Vậy là về tuổi đời, bác là bậc cha chú của tôi.

Quá trình cộng sự với bác Vũ Trọng Khánh chúng tôi triển khai hai mặt công tác của Tiểu ban:

1. Về mặt lý thuyết: Chúng tôi trang bị những kiến thức cơ bản, hệ thống của Bộ Giao thông Vận tải, Viện Toán học, Ủy ban Khoa học Nhà nước... về những chuyên đề toán, như Phương pháp Sơ đồ mạng lưới, Phương pháp Tiếp cận hệ thống, Lý thuyết tập hợp, Các bài toán vận tải để tìm đường đi, hành trình với chi phí tối ưu, Lý thuyết tuyến tính với tập hợp lồi để tìm lời giải tối ưu về chi phí sản xuất của những hàm số có mục tiêu để đạt hiệu quả tối ưu...

Đối tượng bồi dưỡng là các anh chị em trong Tiểu ban gồm các ngành Giao thông Vận tải, Ủy ban Kế hoạch, Sở Nhà đất Đô thị... theo một kế hoạch từng quý, từng năm...

2. Về mặt thực tế ứng dụng: Trên cơ sở lý thuyết đã học được và những vấn đề thực tế yêu cầu không nằm trong những mô hình toán học, chúng tôi đã phát hiện những bài toán lập tiến độ điều khiển cho một công trình theo Phương pháp Sơ đồ mạng lưới, như sửa chữa, hoán cải một con tàu, lắp ráp đóng thành một con tàu ở nhà máy đóng tàu thuộc Xí nghiệp đóng tàu 1 Bạch Đằng, sửa chữa các con tàu của Xí nghiệp sửa chữa thủy, thi công một công trình cảng bến B12...

Các công trình chỉ đạo thi công theo Sơ đồ mạng đã chủ động để hoàn thành theo yêu cầu đúng hạn, chi phí tiết kiệm...

Sau khi tập hợp những công trình điều khiển trên, chúng tôi đã mở hội nghị tổng kết để chỉ đạo và rút bài học kinh nghiệm ứng dụng trên toàn thành phố.

Trong quá trình tiến tới tổng kết, bác Vũ Trọng Khánh đã vạch ra một mẫu chung để tôi căn cứ vào đó mà tổng kết. Đó là:

- Xuất xứ của công trình
- Quá trình triển khai với những điều kiện như thế nào.
- Những vấn đề cần lưu ý hay những bài học kinh nghiệm về học thuật, về thực tế.

Sau khoảng hơn 10 công trình triển khai, chúng tôi đã có một hội nghị tổng kết. Trên cơ sở đó để nhân rộng ra các ngành trong toàn thành phố. Một phong trào sôi nổi lại được bùng phát sau khi hội nghị thành công.

Đây chính là món quà mà chúng tôi đã tích cực triển khai để có một nề nếp làm việc trong các công trình. Đó là lối làm ăn khoa học, có tính dự đoán sắp xếp logic rồi tính toán phân tích tìm các công việc trọng tâm, có tính quyết định khi thi công một công trình (đường Gant). Trên cơ sở đó điều chỉnh tiến độ cho thích hợp để hoàn thành với thời gian ít nhất mà hiệu quả cao.

Bên cạnh đó, có những vấn đề anh em cộng tác viên của Tiểu ban phát hiện như bài toán quét rác ở thành phố Hải Phòng đặt ra là ít công vận chuyển tập kết mà thời gian nhanh nhất nhằm giảm sức lao động và thời gian ít nhất nhằm tránh những tác động xấu của môi trường.

Tuy chưa có mô hình toán học nhưng bằng những tư duy logic, Tiểu ban đã tìm ra phương pháp tốt nhất để triển khai đạt hiệu quả.

Trong quá trình hoạt động, bác Vũ Trọng Khánh đã cùng chúng tôi tổ chức nhiều cuộc họp tại hiện trường ngay trong từng đêm để rút kinh nghiệm và động viên anh em đóng góp tìm lời giải. Sự nhiệt tình sẵn sàng động viên của bác đã giúp chúng tôi tăng thêm sức mạnh tập thể để hoàn thành công trình.

Qua hoạt động của Tiểu ban, sự tập hợp đội ngũ trí thức làm toán đã hình thành một Tiểu ban hoạt động có nội dung và hiệu quả.

Công tác ứng dụng của Hội – một hội quần chúng – không có chỉ tiêu nào áp đặt nhưng sự phấn đấu vươn lên, chủ động tiến công có thể nói là một đặc điểm của Hội Phổ biến Khoa học Kỹ thuật Hải Phòng.

Đây cũng chính là lối suy nghĩ, lối sống của bác Vũ Trọng Khánh đã truyền cảm cho chúng tôi.

Có thể nói không có bác Vũ Trọng Khánh thì không có Tiểu ban Vận trù học Hải Phòng mà khắp nơi trên toàn miền Bắc (chưa giải phóng miền Nam) không có.

Ngoài ra, đối với bác Vũ Trọng Khánh, tôi bỏ nghề dạy học để sang một ngành khác, tôi có được may mắn học thêm được các chuyên đề về toán kinh tế tại Viện Toán học Bộ Giao thông Vận tải để có thêm kiến thức hoạt động. Đối với tôi còn có một phương pháp làm việc là chủ động tiến công với sự hướng dẫn của bác.

Món quà về kiến thức cũng như về lối sống đã giúp tôi trưởng thành từng bước và đạt được thành công như ngày hôm nay.

Ôn cố tri tận thấy được cái đã qua luôn luôn vận động là lối sống giúp tôi thanh thản và tồn tại đến ngày nay.

Tháng 3 năm 2014

## Vài ký ức về ba tôi

Vũ Trọng Khải

Có lẽ, hầu như mọi người đều có cảm giác hối tiếc, ân hận sau cái chết của cha, mẹ mình. Tại sao lúc cha, mẹ còn sống, mình đã không làm điều này hay điều kia để chăm sóc báo hiếu cha, mẹ mình. Giá mình đã làm điều này thì cha, mẹ mình sẽ vui hơn, hay có thể sống thêm được ít năm tháng nữa cùng con, cháu...! Nhưng lịch sử làm gì có chữ “nếu” hay “giá như”. Thế là, mỗi người chúng ta tiếp tục sống sau khi cha, mẹ qua đời trong niềm hối hận sâu sắc, cho đến khi mình chết và “nhường” lại niềm hối hận ấy cho con cái mình. Phải chăng điều này là muôn thuở? Là như ông bà ta đã dạy “nước mắt chảy xuôi”, “một mẹ nuôi được trăm con, nhưng trăm con không nuôi được một mẹ”...? Để bù lại, người ta lại tìm cách gặp lại cha, mẹ mình bằng cách “gọi hồn”. Người ta thường hỏi hồn cha, mẹ mình rằng cha, mẹ có điều gì buồn lòng vì con, cháu không? Chúng con có thể làm gì bây giờ để cha, mẹ được vui vẻ hạnh phúc hơn ở thế giới bên kia? Hầu như mọi người đều nhận được câu trả lời rằng: Cha, mẹ không có gì buồn phiền về con, cháu và cũng không cần con, cháu phải làm gì cho cha mẹ, ngoài việc cúng giỗ gia tiên, cứu huyền thất tổ cho tử tế!

Riêng tôi, ngoài cảm nghĩ như mọi người, tôi còn một điều ân hận là đã không hỏi ba tôi nhiều điều

trong lịch sử hoạt động đầy sóng gió của ông. Đến bây giờ, ngồi nghĩ lại, nhiều vấn đề của gia tộc mình, của cha, mẹ mình mà cuộc đời của họ gắn với sự ra đời và phát triển của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, vẫn không được giải đáp thỏa đáng.

Cũng như nhiều người khác, cuộc đời cứ xô đẩy tôi mãi miết chạy theo sự nghiệp riêng, đến mức tôi đã không có thời gian để ngồi cùng ba tôi đàm đạo đầy đủ về mọi vấn đề cần thiết, để hiểu ba tôi hơn, hiểu lịch sử nước mình hơn qua quãng thời gian hoạt động của ông.

Ba tôi chỉ làm Bộ trưởng Bộ Tư pháp của Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa 181 ngày. Trong Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa do Quốc hội bầu ra năm 1946, cụ Vũ Đình Hòe, đảng viên Đảng Dân chủ, có bằng cử nhân luật, nhưng lại hành nghề dạy học và làm báo “Thanh Nghị”, là Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục trong Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa, được cử giữ chức Bộ trưởng Bộ Tư pháp, cho đến năm 1960, khi bộ này “bị” hay “được” giải thể.

Thưa ba, lúc sinh thời ba có lần kể cho con nghe lý do ba thất cử nghị viên (đại biểu quốc hội) trong cuộc bầu cử Nghị viện (Quốc hội) của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa năm 1946. Ba nói rằng, ba không nhận sự giới thiệu và cổ động bầu cử của Mặt trận Việt Minh, mà ra ứng cử tự do, không thuộc đảng phái nào, vì ba rất tin vào uy tín của cá nhân mình trước cử tri Hải

Phòng. Sau khi thất cử nghị viên ở Hải Phòng, cụ Hồ Chí Minh có nói với ba rằng, Việt Minh sẽ giới thiệu ba ra ứng cử nghị viên tại quê nhà Hà Đông trong đợt bầu cử bổ sung. Nhưng ba đã từ chối vì tự ái cá nhân. Do đó, ba không thể tiếp tục làm Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong chính phủ chính thức do nghị viện bầu. Vì theo Hiến pháp 1946, Bộ trưởng trong chính phủ phải là nghị viên. Bác Vũ Đình Hòe lại nói với con là, Quốc dân đảng muốn nắm ghế Bộ trưởng Bộ Tư pháp nên đã cho người của họ bôi lên các áp-phích cổ động bầu cử, chuyển tên ứng viên Vũ Trọng Khánh thành Vũ Hồng Khanh, một lãnh tụ gạo cội của Quốc dân đảng. Do vậy ba đã thất cử. Con nghĩ điều bác Hòe nói chỉ là một phần của lý do ba thất cử nghị viên thôi. Bởi vì người ta có thể thay tên đổi họ các ứng viên trên áp-phích cổ động, chứ không thể làm thế trên phiếu bầu; lý do chủ yếu vẫn là do ba quá tự tin, không để cho Mặt trận Việt Minh giới thiệu và cổ động bầu cử cho ba, như ba đã nói với con lúc còn sống. Còn trong hồi ký, ba viết rằng Việt Minh muốn dành ghế Bộ trưởng Bộ Tư pháp cho Đảng Dân chủ, nhưng ba đã không hiểu ý đồ này, nên đã từ chối lời mời vào Đảng Dân chủ của bác Vũ Đình Hòe và Phan Anh. Điều này có lẽ chỉ xảy ra trong thời kỳ chính phủ lâm thời mà thôi. Vì Mặt trận Việt Minh muốn có một chính phủ đa đảng để thuyết phục các thành phần khác không nằm trong Mặt trận Việt Minh. Khi đã có Quốc hội (Nghị

viện), Hiến pháp 1946 đã quy định Bộ trưởng phải là đại biểu quốc hội (nghị viên) nên ba cũng không thể được bầu là thành viên chính phủ chính thức. Còn việc soạn thảo Hiến pháp 1946, vai trò của ba thế nào? Trong giai đoạn Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa, theo sắc lệnh số 34 ngày 20-09-1945 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký và ba tiếp ký về việc thành lập ban soạn thảo Hiến pháp, ba là thành viên duy nhất (trong bảy thành viên) được đào tạo chính quy về luật học và đã có kinh nghiệm hành nghề luật sư được 5 năm. Nhưng khi có nghị viện, năm 1946, một ủy ban soạn thảo Hiến pháp do nghị viện cử ra bao gồm các nghị viên. Ông Nguyễn Đình Thi, nghị viên trẻ tuổi nhất (lúc đó ông mới 22 tuổi), tác giả bài ca “Diệt phát xít” nổi tiếng, là người được ban soạn thảo cử ra trình bày trước nghị viện bản dự thảo Hiến pháp 1946. Trong giai đoạn này, ba có vai trò gì trong soạn thảo Hiến pháp 1946 nữa không? Con thấy các bản Hiến pháp của các nước văn minh theo tam quyền, phân lập, thông thường, chỉ có Chủ tịch hay Thủ tướng Chính phủ mới phải là nghị viên (nghị sĩ quốc hội), còn các bộ trưởng trong chính phủ, nhất thiết không thể là nghị viên. Điều đó đảm bảo sự phân quyền, trách nhiệm rõ ràng giữa cơ quan lập pháp là Quốc hội (nghị viện) và hành pháp là chính phủ để chống lại việc lạm quyền.

Lúc soạn thảo Hiến pháp năm 1946, khi đã có Quốc hội chính thức, ba có ý kiến gì về điều này

không? Nếu ba cũng đồng ý thì ba đã rơi vào hoàn cảnh của Tế tướng nước Tần là Thương Ưởng ở bên Tàu cách đây hơn 2000 năm: Kẻ làm ra luật lại bị chính luật ấy trị mình! Còn giữa năm 1946, ba sang Pháp để làm cố vấn pháp lý cho Chủ tịch Hồ Chí Minh, ba đã làm được gì? Bây giờ, đọc lại tư liệu, con thấy ba đã soạn thảo rất nhiều các sắc lệnh về tư pháp, trình Chủ tịch Hồ Chí Minh ký và ba tiếp ký. Trong giai đoạn chính phủ lâm thời, chưa có Nghị viện và Hiến pháp, thì sắc lệnh là hình thức luật lệ cần thiết để quản lý xã hội. Do vậy, người ta vẫn thường nói chỉ trong 181 ngày ngồi trên ghế Bộ trưởng Bộ Tư pháp, ba đã đặt nền móng cho hệ thống pháp luật của thể chế dân chủ cộng hòa của nước Việt Nam. Ba cũng thường nói là trong các sắc lệnh ấy, bốn sắc lệnh quan trọng nhất là:

1. Sắc lệnh về tổ chức đoàn thể luật sư (số 46 ngày 10-10-1945)
2. Sắc lệnh về quốc tịch Việt Nam (số 53 ngày 20-10-1945)
3. Sắc lệnh về tổ chức tòa án và ngạch thẩm phán (số 13, ký ngày 24-01-1946)
4. Sắc lệnh tổ chức toàn án quân sự (số 21, ngày 14-02-1946)

Nhưng con nghĩ, sắc lệnh quan trọng nhất, được đánh giá cao trong thời khắc lịch sử còn đang “trúng nước” của chế độ Việt Nam dân chủ cộng hòa là sắc lệnh số 47 ngày 10-10-1945 về việc “Tạm thời áp dụng

luật lệ hiện hành ở Bắc, Trung, Nam bộ, nếu không trái với những điều thay đổi được ấn định, cho đến khi ban hành những bộ luật pháp duy nhất cho toàn nước Việt Nam”. Một đất nước, một xã hội của bất kỳ dân tộc nào theo thể chế nhà nước pháp quyền, không thể không có luật pháp, dù chỉ một ngày. Còn bác Hòe thì nói: Thà luật xấu còn hơn không có luật.

Con nghĩ 181 ngày này là thời gian “hoành tráng” nhất trong cuộc đời hoạt động của ba với tư cách là một luật gia sắc sảo được đào tạo chính quy, tuy lúc đó ba mới chỉ 33-34 tuổi đời.

Ba, trong đời thường, con vẫn nhớ ba là người cư xử nhẹ nhàng, mềm dẻo, nhưng lập luận chặt chẽ, logic. Trong công việc, bác Vũ Đình Hòe cũng nói vậy. Trong hồi ký của mình, bác Hòe có viết bài: “Vũ Trọng Khánh – ôn hòa khôn khéo bảo vệ chính nghĩa”. Bác Hòe đã viết trong bài này là “ông Lê Giản, Tổng Giám đốc công an có nói: “mấy tháng cuối năm 1945, thời gian ông Vũ Trọng Khánh làm Bộ trưởng Tư pháp, quân lính mình (tức cán bộ công an của ông Lê Giản) bắt giam bừa bãi bọn Việt Quốc, Việt Cách (chúng cũng quậy lăm cơ, ý vào quân Tàu Tưởng), Vũ bộ trưởng – nguyên luật sư có khác – khôn khéo, mềm dẻo, tự thân mình giảng giải phải – trái, lợi – hại, bày cho mưu mẹo hợp thức hóa. Nhờ vậy, không những mình làm “được việc”, mà còn học thêm được những bài cơ bản về pháp lý công an tư pháp”.

Ba cư xử mềm dẻo nhưng lý lẽ sắc bén trong mọi tình huống. Nhưng ba lại quá cả nể cả tin vào người đời. Ba nghĩ ai cũng tốt bụng như ba. Dễ tin người, cả nể, nên con nghĩ ba chỉ làm luật sư giỏi, không thể làm chính trị gia được. Đúng không ba? Cũng vì dễ tin người, tin vào xã hội, nên ba đã phó thác con cho nhà trường dạy dỗ. Và ba không hề dạy con tiếng Pháp, tại sao ba? Mặt khác, ba đã giáo dục con tính tự lập, không dựa vào vị thế của ba trong xã hội để giải quyết vấn đề của mình, như chọn ngành học hay đi làm nghiên cứu sinh ở nước ngoài. Con nghĩ, chỉ có một lần duy nhất trong đời con buộc phải dựa vào uy tín của ba để giải quyết vấn đề của con. Đó là lần nhờ ba viết thư cho bác Bùi Quang Tạo, Bộ trưởng Bộ Kiến trúc để xin mua vật liệu làm nhà ở làng Mọc Chính Kinh (nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội), quê mẹ con, trước khi con lấy vợ (năm 1973). Vì thế, sự thành công trong sự nghiệp khoa học của con hầu như do nỗ lực và sự nhạy bén với thực tiễn của bản thân. Con cảm ơn ba. Trong tranh luận học thuật, ba thường rất nhẹ nhàng nhưng sâu sắc. Trong cuộc tranh luận với ông Quang Đạm về tư pháp trong các năm 1948-1949, ba đã mở đầu một bài viết như thế này: “Ở đây tôi sẽ trình bày lý lẽ một cách điềm đạm và cụ thể, cố tránh lối văn hùng hồn và trừu tượng, nó chỉ khô gợt cảm tình mà không làm cho người đọc hiểu được rõ, cũng cố tránh những lời châm biếm, nó chỉ sưng mồm kẻ

nói, mất lòng người nghe mà chẳng giúp thêm lý lẽ, cho trí phán đoán của độc giả”. (Báo *Sự thật* số 115, ngày 10-7-1949). Ông Quang Đạm không thừa nhận quan điểm tam quyền phân lập và tư pháp độc lập với hành pháp. Nhưng sau, ông Quang Đạm đã thấy sự sai lầm của mình và ba đã đúng. Bác Hồ viết trong hồi ký: “chính ông Quang Đạm, 40 năm sau, đã thừa nhận quan điểm pháp lý của ông lúc ấy, về lý thuyết “có phần giản đơn và siêu hình”; “Còn trên thực tế phát triển cách mạng đã dẫn đến tình trạng “quyền lực của tư pháp cũng như lập pháp, xét cho cùng chỉ là “hữu danh vô thực” và bên trên cả ba quyền lực (tức là trên cả hành pháp), mọi người nghĩ đến một “siêu quyền lực” quyết định tất cả, là cấp ủy đảng lãnh đạo” và “giới chuyên môn tư pháp cho là ông Quang Đạm đã “sám hối”; còn bác Vũ Đình Hòe coi “đó là sự phục thiện đúng cảm”. Ấy vậy mà trong cuộc chỉnh huấn năm 1953 ở ATK (An toàn khu), ba phải thừa nhận quan điểm của mình khi tranh luận với ông Quang Đạm là sai lầm, do đã thụ hưởng nền giáo dục của thực dân Pháp. Mặt khác, con nghĩ, chính vì quan điểm tư pháp của ba thể hiện qua cuộc tranh luận với ông Quang Đạm, nên người ta đã không để ba làm giám đốc tư pháp liên khu X nữa, và điều ba về làm ở Bộ Tư pháp giữ cương vị “trưởng ban nghiên cứu pháp lý”, rồi vụ trưởng vụ hành chính tư pháp, từ đầu năm 1949 đến đầu năm 1955, trước khi ba đi tiếp quản thành phố Hải Phòng.

Con thừa hưởng năng khiếu hùng biện, lập luận logic của ba nhưng lại tiếp nhận sự nóng nảy, phản ứng linh hoạt của mẹ. Nên lúc còn trẻ, con vẫn bị ba và cả mẹ phê bình là “hấp tấp”. Ở trường, nhất là khi học đại học và ra công tác, con đã tham dự nhiều cuộc tranh luận với những “sắc thái di truyền” từ cả ba và mẹ. Ba, lẽ ra con phải học luật để làm nghề luật sư, nối nghiệp ba và chắc con sẽ thành công ba nhỉ? Vì con ăn nói hùng biện mà. Nhưng lúc ấy (1963), miền Bắc nước ta không có trường luật, hay khoa luật, mà chỉ có trường Cán bộ Tư pháp. Lúc đó Miền Bắc cũng không có nghề “luật sư”. Con còn nhớ, có lần ba đi bào chữa ở tòa án về, đưa cho mẹ một phong bì tiền thù lao do tòa án thành phố Hải Phòng trả. Mẹ mở phong bì ra chỉ thấy có 20 đồng, liền kêu lên “ông nghiên cứu hồ sơ cả tháng trời mà chỉ được trả công 20 đồng à?”. Thân chủ không được phép trả thù lao cho luật sư bào chữa cho mình. Mà hồi ấy, ba toàn bào chữa cho những người bị oan sai và nghèo túng, nên nhiều khi ba mẹ còn phải giúp đỡ họ ít nhiều. Khi cháu nội đích tôn của ba vào đại học (1992), con muốn nó nối nghiệp ba nên cho đi học luật ở Matxcova (Liên bang Nga). Và ba đã rất hy vọng ở nó, viết thư hướng dẫn nó học luật, đặc biệt chú ý nghiên cứu án lệ. Nhưng thằng Vũ Trọng Minh, cháu nội đích tôn của ông, học luật nhưng lại có năng khiếu đi buôn do thừa hưởng gene của bà ngoại nó. Bây giờ nó là một international trader khá thành công.

Trong khi đó, hai đứa chắt gái ngoại của ông đi theo nghề luật sư của cụ ngoại. Chắt Hồng Trang đang là luật sư tập sự ở thành phố Hồ Chí Minh; chắt Thu Hương đang học năm thứ 4, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh. Con có hỏi hai đứa rằng: Trường Luật có dạy tư tưởng tam quyền phân lập của Jean Jacques Rousseau và Montesquieu không thì chúng đều trả lời là không. Con nghĩ học hành như vậy làm sao chúng có thể theo được nghề luật của ba.

Sau khi Nhật đảo chính Pháp, Chính phủ Trần Trọng Kim ra đời, Hải Phòng rơi vào khoảng trống quyền lực. Ba đã ra nhận làm Đốc lý (Thị trưởng) vì sợ kẻ xấu nắm vị trí này có hại cho đời sống người dân và cho Việt Minh. Ba đã liên hệ với Việt Minh và trao chính quyền Hải Phòng cho Việt Minh ngày 23-08-1945 trong hòa bình. Nhưng trong cuộc chinh huấn năm 1953, ba lại bị phê bình và cũng tự nhận khuyết điểm là việc nhận chức đốc lý Hải Phòng chỉ làm tăng uy tín của Chính phủ Trần Trọng Kim, gây khó khăn cho Việt Minh khi giành chính quyền ở Hải Phòng năm 1945.

Không hiểu lúc đó, trong thâm tâm ba nghĩ gì? Một bên là những giáo điều của tổ chức, một bên là những gì thuộc bản chất lương thiện, mềm dẻo và tri thức, tình cảm được tiếp nhận từ văn minh và văn hóa Pháp, ba đã sống thế nào?

Khổ tâm bao giờ cũng làm người ta đau đớn hơn gấp nhiều lần khổ vì thiếu ăn, thiếu mặc. Nhưng ba đã

vượt qua, nên chúng con mới có cuộc đời tuy không hơn ai nhưng còn sướng hơn nhiều bạn cùng trang lứa. Con thấy ba quá cần trọng trong công việc. Ba lưu trữ hồ sơ công việc rất đầy đủ, tỉ mỉ. Vì thế, bây giờ con mới có cái để đọc và để hiểu thêm về cuộc đời ba.

Trong kháng chiến chống Pháp, cuộc sống rất thiếu thốn, nhưng lúc đó con còn nhỏ, không cảm nhận được. Cho nên giờ đây, đọc lại những suy nghĩ dần vật, trần trọc của ba được ghi chép trong cuốn nhật ký bốn tháng chính huấn ở Việt Bắc năm 1953, con muốn khóc vì thương ba quá chừng. Mẹ thì ốm yếu mà vẫn phải kiếm sống bằng đủ nghề, từ may quần áo cho bà con trong thôn xã, đến làm tương, nuôi dê, gà, trồng rau..., ba thì đi công tác vắng nhà thường xuyên, chỉ hưởng phụ cấp, không có lương. Đời sống chật vật, nhưng trong chính huấn ba cứ phải nhận khuyết điểm là cá nhân, quá lo lắng đến đời sống vật chất của mình và gia đình, gây ảnh hưởng xấu đến việc cống hiến cho công cuộc kháng chiến. Khuyết điểm này là do mình được giáo dục dưới chế độ thực dân, thấm nhuần quan điểm, lối sống tư sản, không thông cảm với đời sống của giới cần lao. Có lần ba kể với con rằng, ba đến thăm anh Huỳnh đang học phổ thông ở Tuyên Quang, thấy anh Huỳnh vừa bị hen nặng vừa đói ăn, người lả đi không còn sức sống. Ba đèo (chở) anh đến tiệm phở, sau khi ăn xong anh mới tỉnh lại. Trong nhật ký chính huấn, ba cứ tự trách bản thân, lên

án mình sống theo lối tư sản do nhà trường thực dân giáo dục, cố tìm ra bằng được những khuyết điểm cá nhân chủ nghĩa như ích kỷ, tham ô vật, để viết cho đủ bốn trang. Ba còn viết thư hỏi mẹ xem ba có khuyết điểm gì không? Không ngờ, mẹ lại còn “giác ngộ” lập trường giai cấp công – nông hơn cả ba. Ba bảo chị Hòa phải đấu tranh đòi quyền lợi thừa kế gia tài nhà chồng, vì luật pháp không phân biệt con bà cả hay con bà hai. Mẹ lại viết thư phê bình ba là của địa chủ (mẹ chồng chị Hòa) phải trả cho nông dân, chứ sao chị Hòa lại có thể nhận thừa kế?! Hay là vì mẹ sợ thư bị kiểm duyệt nên mới viết như vậy?

Ba, con lại đọc được lá thư ông Hoàng Mậu, Phó Bí thư, Trưởng ban Tổ chức Thành ủy Hải Phòng viết cho ba về việc ba không được giới thiệu ứng cử HĐND thành phố tháng 4-1961, vì lý do rất mơ hồ: “để tăng thêm đại biểu công nhân và nông dân trong cơ cấu HĐND”. Vì thế, đương nhiên, ba sẽ không còn là Phó Chủ tịch UBND Hải Phòng khi mới 49 tuổi. Bây giờ ở tuổi 49, cán bộ được coi là trẻ, được “quy hoạch” tạo nguồn cán bộ lãnh đạo. Ba vẫn bình thản, nhận làm mọi việc mà tổ chức phân công, như Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, Hội trưởng Hội Phổ biến Khoa học Kỹ thuật, Chủ tịch Hội Luật gia Hải Phòng. Con nghĩ, với các chức vụ ấy, ba chẳng có nhiều việc hữu ích để làm. Nhưng ba đã tạo ra việc làm hữu ích thiết thực cho xã hội. Đó là áp dụng vận trù học (toán kinh tế hay kinh

tế lượng) vào quản lý sản xuất của các xí nghiệp và hợp tác xã. Ba đã chấp nhận làm trưởng tiểu ban vận trù học thuộc Ban khoa học kỹ thuật (tiền thân của Sở Khoa học và Công nghệ) thành phố. Quả thực chỉ có ba mới có thể tập hợp được các giáo viên dạy toán ở các trường phổ thông và đại học tại chức Hải Phòng, như cô giáo Đàm Lê Đức, anh Nguyễn Vũ Phong... để áp dụng vận trù học trong quản lý sản xuất ở nhà máy đóng tàu thủy Bạch Đằng... và hợp tác xã nông nghiệp An Thắng ở huyện An Lão do anh Ngô Thanh Phương làm chủ nhiệm.

Cuộc sống thời bao cấp quá khó khăn, khi ở nơi sơ tán, lúc trở về nhà ở thành phố, không hiểu sao ba mẹ vượt qua được, mà con thật vô tình, chẳng giúp gì được. Sau khi nước nhà thống nhất, ba vào Sài Gòn chơi, và đã nảy sinh ra sáng kiến làm nghề xay bột cho trẻ em, ba mua được mô-tơ điện đem về gắn với máy xay bột do máy “đệ tử” là công nhân cơ khí chế tạo giúp. Con còn nhớ, điện lúc có lúc không, nên việc xay bột cũng bấp bênh. May nhờ có ông Đoàn Duy Thành (Chủ tịch, rồi Bí thư thành ủy của Hải Phòng) lệnh cho Sở Điện lực “câu” một đường điện ưu tiên cho nhà mình, ba chỉ dùng cho máy xay bột, còn cả nhà vẫn tối om với ánh sáng đèn dầu. Ba và mẹ thay nhau xay bột, nhiều hôm phải làm đến tận 12 giờ đêm. Hồi ấy mà có công nghiệp thực phẩm như bây giờ chắc ba mẹ mất nghề. Thật khôi hài và kỳ lạ, một vị luật sư “Tây học”

đã thành danh không biết nấu cơm, không biết tiêu tiền nhưng lại biết và phải biết xay bột cho trẻ em để kiếm sống! Thành Cao Thiệu Tường, bạn cùng học với con hồi phổ thông, lúc đó là trưởng phòng Vật tư, thuộc Ủy ban Kế hoạch Hải Phòng, có kể với con rằng: Ba lên gặp nó xin mua một mô-tơ điện (và mua xi-măng làm nhà vệ sinh). Hồi đó, mô-tơ điện và cả xi-măng, không bán cho cá nhân thu tiền mặt, mà phân phối theo kế hoạch, thanh toán bằng séc, nhưng nó nhận ra ba và tự giới thiệu với ba là bạn học với con. Rồi nó viết và cầm lệnh phân phối mô-tơ điện lên trình ông Trịnh Thái Hưng, Phó Chủ tịch UBND, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Thành phố, ông ấy ký ngay. Khi ba đến cửa hàng mua máy, cô bán hàng ngạc nhiên không hiểu sao lại có trường hợp bán cho cá nhân, thu tiền mặt một loại vật tư quý hiếm, chỉ bán theo kế hoạch phân phối?

Nhớ lại kỷ niệm này, con thấy mình vô tích sự quá, cứ mãi mê theo những chuyện đầu đầu. Bây giờ nghĩ lại, con cũng không hiểu rằng ba lại có thể sống trong căn phòng 48m<sup>2</sup> không có phòng ngủ riêng và không có cả nhà vệ sinh, bếp riêng. Trong khi đó, trên cương vị Phó Chủ tịch UBHC TP phụ trách nhà đất, trong những năm cuối thập kỷ 50, đầu thập kỷ 60 của thế kỷ 20, ba hoàn toàn có thể nhận được một căn nhà tiện nghi, như những người lãnh đạo khác cùng thời với ba. Mãi nhiều năm sau, ba mới cải tạo gầm cầu thang

vốn là kho để xe đạp, thành nhà vệ sinh dùng riêng, ở ngôi nhà 40 Lạch Tray (số cũ là 42). Mà lúc ấy, xi-măng cũng chỉ phân phối theo kế hoạch. Đích thân ba lại phải lên UBND thành phố xin mua mấy bao xi-măng để xây nhà vệ sinh và thằng Tường bạn học phổ thông với con lại tích cực giúp ba có phiếu mua xi-măng. Ba ơi, sao ba giữ mình cẩn thận quá vậy? Rồi ba tham gia cái nhiều vụ án, cứu được nhiều dân oan. Con còn nhớ HTX An Thắng, huyện An Lão là điển hình tiêu biểu của ngành nông nghiệp Hải Phòng. Anh Ngô Thanh Phương là chủ nhiệm của hợp tác xã này, rất năng động, nhiệt tình xây dựng nên hợp tác xã, kể cả việc ứng dụng vận trù học trong quản lý sản xuất. Nhưng tai họa đã đến với cuộc sống của anh. Khoảng những năm 1970, xã viên hợp tác xã thiếu đói do mất mùa lúa và do chính sách lương thực của nhà nước lúc đó. Anh Phương vận động bà con gom được 3.000 đồng và do quan hệ rộng, anh đã thuê máy bay trực thăng của quân đội, lên Sơn La mua sắn (khoai mì) về cho xã viên. Thế là anh bị bắt giam và kết tội vi phạm chính sách lương thực của nhà nước (nhà nước độc quyền phân phối lương thực, xóa bỏ thị trường tự do về lương thực theo nghị định 84 CP của Chính phủ). Ba đã cãi cho anh được tha bổng. Thấy nhà anh Phương quá nghèo, ba mẹ còn giúp đỡ vật chất cho anh, giúp mấy đứa con của anh Phương ra Hải Phòng học nghề. Rồi anh Phương tự nhận làm con nuôi của ba mẹ. Anh

Phương và các con của anh đã làm nhiều việc không tên nhưng lại rất cấp thiết phục vụ cho cuộc sống của ba mẹ, mà đáng lẽ chúng con phải làm. Con rất biết ơn anh ấy. Ba hành nghề luật sư lúc đó không có thù lao từ thân chủ, mà nếu có thì tất cả thân chủ của ba lại quá nghèo. Ba mẹ còn phải giúp đỡ họ, tuy không nhiều, nhưng cũng khiến họ thêm nghị lực để vượt qua lúc hoạn nạn. Con còn nghe nhiều vụ án oan nữa, nhờ ba mà họ được giải oan, như vụ ông giám đốc nhà máy cơ khí kiến thiết Hải Phòng, thầy giáo Doãn Đông Giao, quyền hiệu trưởng trường cấp 3 Thái Phiên, thời con là học sinh của trường này, bị nghi tham ô, vụ anh bộ đội phục viên, làm công nhân bốc vác ở Cảng Hải Phòng bị nghi là ăn cắp hàng hóa khi bốc xếp...

Con không hiểu khi phải về "hưu non" ở tuổi 49, ba đã vượt lên nỗi đau bằng nghị lực như thế nào để vẫn say sưa làm việc cống hiến thiết thực cho xã hội. Con thương ba quá. Và cả mẹ nữa. Nếu không có cái máy xay bột cho trẻ em lại được ông Đoàn Duy Thành cấp cho dòng điện ưu tiên, chắc ba mẹ khó có thể vượt qua thời bao cấp. Đổi lại, và trên hết tất cả, ba được sự quý mến, kính trọng của người dân Hải Phòng, kể cả những người không quen. Con còn nhớ, có lần ba đi bộ trên phố Cầu Đất, bị tụt huyết áp, ngất xỉu, một ông đạp xích lô đã chở ba về nhà, không nhận thù lao. Mà trong túi lúc đó chắc ba cũng chẳng có tiền trả công cho người đạp xe xích lô. Rồi đám "đệ tử" hay đến nhà

dầm đạo với ba đủ mọi chuyện trên đời. Họ đã tự nguyện chữa máy xay bột, máy bơm nước, xe gắn máy... cho ba, mẹ, mà không nhận thù lao. Trong khi đó, chúng con lại chả giúp gì cho ba mẹ. Cuộc sống thời bao cấp quá khó khăn, lại ở xa, đó là lý lẽ hay nhất để ngụy biện cho chúng con, ba mẹ ạ.

Khi chuyển sang kinh tế thị trường, cuộc sống dễ thở hơn, chế độ đãi ngộ của nhà nước tốt hơn cho ba, thì ba lại ra đi (22 tháng 1 năm 1996, tức ngày 3 tháng Chạp, năm Bính Tí), rồi năm sau (ngày 5 tháng 6 năm 1997, tức ngày 1 tháng 5 năm Đinh Sửu) mẹ cũng theo ba.

Không ai làm thay đổi được lịch sử, nhưng người ta đã và sẽ viết nhiều lần về một sự kiện lịch sử. Tuy quê ở làng Cự Đà, Hà Đông, nhưng toàn bộ cuộc đời của ba hầu như gắn với thành phố cảng Hải Phòng từ năm 1938 cho đến tháng 1 năm 1996, trừ những năm 1945, 1946 ba làm việc ở Hà Nội và 8 năm kháng chiến chống Pháp, ba ở Việt Bắc. Chắc chắn những nhà làm sử chân chính, đến một lúc nào đó khi viết về giai đoạn Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa lâm thời và lịch sử tư pháp Việt Nam (1945-1954), về lịch sử Hải Phòng, giai đoạn tiền khởi nghĩa và ngày 23 tháng 8 năm 1945 và từ 1955 cho đến trước khi “đổi mới”, sẽ đánh giá đúng sự cống hiến của ba, khôi phục lại đúng vị trí của ba trong chính sử. Nhưng dù chính sử có viết thế nào, con nghĩ phần thưởng lớn nhất mà ba xứng đáng có được là sự kính trọng của

đồng nghiệp, của họ hàng, của người dân Hải Phòng sống cùng thời với ba.

Con viết mấy dòng này trong những ngày Vu Lan báo hiếu năm 2014 để tỏ lòng ân hận vì đã không làm được gì để làm giảm khó khăn trong đời sống vật chất và tinh thần của ba mẹ. Con ngàn lần xin lỗi ba mẹ và xin được ba mẹ tha thứ.

(Viết trong những ngày Vu Lan báo hiếu  
tháng 7 năm Giáp Ngọ 2014)

## Niên biểu Vũ Trọng Khánh

13-3-1912	Sinh ra tại Hà Nội
1923-1932	Học sinh trường Lycée Albert Sarraut, đỗ tú tài Tây.
1932-1936	Học Đại học Luật
1936	Tốt nghiệp cử nhân Luật
1938-1941	Làm thư kí và tập sự luật sư
26-12-1941	Gia nhập Đoàn luật sư Tòa Thượng thẩm thành phố Hà Nội. Điều hành Văn phòng luật sư ở phố Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng.
Tháng 7-1945	Đốc lý (Thị trưởng) thành phố Hải Phòng.
23-8-1945	Ủy viên Hành chính của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời thành phố Hải Phòng.
28-8-1945	Bộ trưởng Bộ Tư pháp (Từ 28-8-1945 đến 1-3-1946).
Tháng 3 năm 1946	Chương lý Tòa Thượng thẩm Bắc bộ.
Tháng 7-1946	Thành viên phái đoàn Chính phủ Việt Nam dự Hội nghị Fontainebleau.
Tháng 12-1946	Tham gia Toàn quốc kháng chiến. Giám đốc Tư pháp Chiến khu 10.
1950-1954	Học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin tại An

toàn khu Việt Bắc.

Trở lại công tác tại Bộ Tư pháp.

1955-1977

Tiếp quản và phụ trách Ủy viên hành chính Ủy ban hành chính thành phố Hải Phòng (1955 - 1956).

Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban hành chính thành phố Hải Phòng (1956 - 1961).

Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố Hải Phòng (1961 – 1971).

Chủ tịch Hội Luật gia thành phố Hải Phòng (1955 - 1987).

Trưởng tiểu ban Vận trù học, thuộc Ban Khoa học và Kỹ thuật (tiền thân của Sở Khoa học và Công nghệ), tp Hải Phòng (1-1972 đến 6-1977).

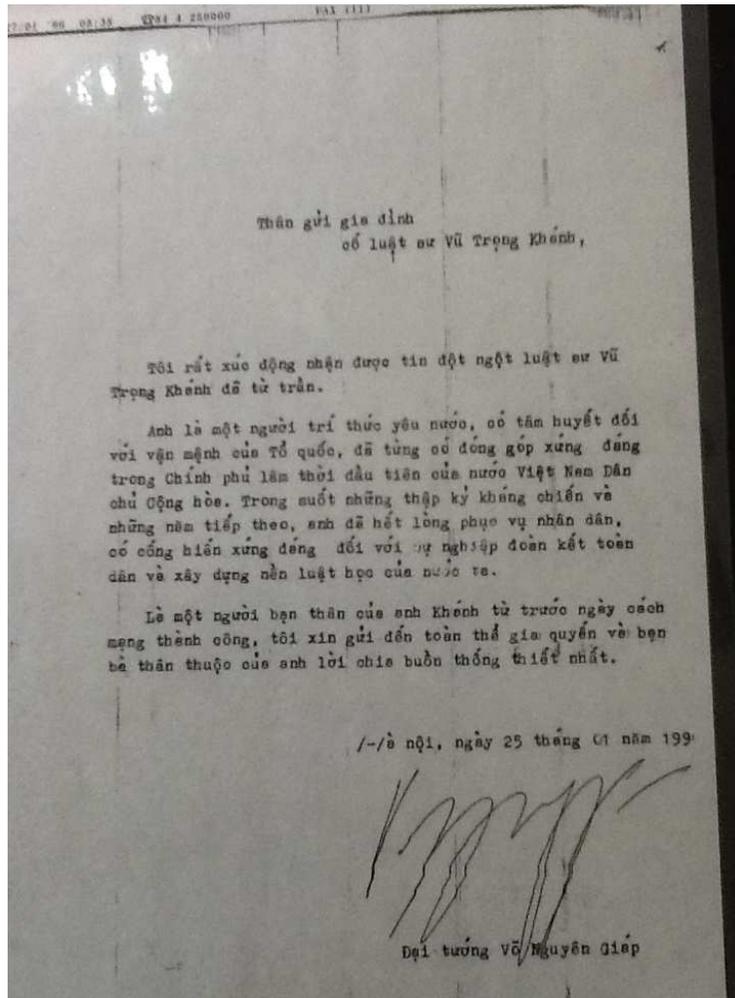
10-1977

Nghỉ hưu

22-1-1996

Qua đời tại Hải Phòng.

## LUẬT SƯ VŨ TRỌNG KHÁNH...



## Phụ lục

### Danh mục những sắc lệnh do Bộ trưởng Vũ Trọng Khánh trình chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký, Bộ trưởng Vũ Trọng Khánh tiếp ký

Ban hành (1945-1946)

1. Sắc lệnh số 29b-SL ngày 10-9-1945 trả lại ngạch quan cho các ông Lê Đình Trân (Tổng đốc), Hoàng Gia Đức (Tổng đốc), Đặng Trinh Kỳ (Tuần phủ), Phan Cao Đoán được về nghỉ việc.
2. Sắc lệnh số 33a-SL ngày 13-9-1945 về việc bắt những người có nguy hiểm cho nền dân chủ cộng hòa Việt Nam để đưa đi an trí.
3. Sắc lệnh số 33b-SL ngày 13-9-1945, ấn định thủ tục và thẩm quyền giải quyết khi Sở Liêm phóng và Sở Cảnh sát bắt người.
4. Sắc lệnh số 33c-SL ngày 13-9-1945, thành lập Tòa án Quân sự ở một số tỉnh thuộc Bắc bộ, Trung bộ và Nam bộ.
5. Sắc lệnh số 33d-SL ngày 19-9-1945, phóng thích cho các tội nhân bị kết án trước ngày 19-8-1945.

6. Sắc lệnh số 37-SL ngày 26-9-1945, ấn định thẩm quyền của các Tòa án Quân sự địa phương.
7. Sắc lệnh 40-SL ngày 29-9-1945, đặt thêm một Tòa án Quân sự ở Nha Trang.
8. Sắc lệnh 41 - SL (3-10-1945), v/v bãi bỏ tất cả các công sở và các cơ quan trước thuộc phủ toàn quyền Đông Dương hoặc các nơi khác thuộc địa hạt Bắc bộ, Trung bộ và Nam bộ nước Việt Nam.
9. Sắc lệnh số 46-SL ngày 10-10-1945, cách tổ chức các đoàn thể Luật sư của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.
10. Sắc lệnh số 47-SL ngày 10-10-1945, v/v tạm thời sử dụng bộ luật cũ, trừ một số điểm thay đổi được ấn định trong sắc luật này.
11. Sắc lệnh số 50-SL ngày 9-10-1945, cấm hẳn việc xuất cảng ra ngoài quốc thóc, gạo, ngô, đỗ, hoặc các chế phẩm từ ngũ cốc.
12. Sắc lệnh số 52-SL ngày 20-10-1945, xá tội cho các phạm nhân của thời Pháp thuộc.
13. Sắc lệnh số 53-SL ngày 20-10-1945, quy định về Quốc tịch Việt Nam.
14. Sắc lệnh số 59-SL ngày 15-11-1945, ấn định về quyền thị thực các giấy tờ.
15. Sắc lệnh số 60-SL ngày 16-11-1945, sửa đổi điều 2 Sắc lệnh ngày 10-10-1945, tạm thời giữ các luật lệ hiện hành ở Bắc – Trung – Nam bộ cho đến khi ban hành những bộ luật pháp duy nhất cho toàn quốc.
16. Sắc lệnh số 64-SL ngày 23-11-1945, thiết lập một Ban Thanh tra đặc biệt.
17. Sắc lệnh số 68-SL ngày 30-11-1945, ấn định việc trưng dụng bất động sản, trưng dụng và trưng thu động sản, trưng tập người.
18. Sắc lệnh số 73-SL ngày 7-12-1945, quy định điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam của những người ngoại quốc.
19. Sắc lệnh số 77b-SL ngày 24-12-1945, Chủ tịch Chính phủ lâm thời ủy quyền cho Ủy ban nhân dân Nam bộ xét ân giảm cho tội nhân.
20. Sắc lệnh số 77c-SL ngày 28-12-1945, đặt thêm một Tòa án Quân sự tại tỉnh Phan Thiết.
21. Sắc lệnh số 80-SL ngày 31-12-1945, cử ông Bùi Bằng Đoàn và ông Cù Huy Cận vào Ban Thanh tra đặc biệt.
22. Sắc lệnh số 13 (24-01-1946), cách tổ chức các tòa án và các ngạch thẩm phán trong nước gồm 114 điều.
23. Sắc lệnh số 21 ngày 14-02-1946, v/v tổ chức tòa án quân sự.
24. Sắc lệnh số 22 B/ SL (18-02-1946) để quyền tư pháp cho Ủy ban hành chính ở những nơi chưa đặt được Tòa án biệt lập.

## LUẬT SƯ VŨ TRỌNG KHÁNH...

25. Sắc lệnh số 6 ngày 15-01-1946, định hình phạt đối với các tội trộm cắp, phá hủy, cắt dây điện thoại và điện tín.
26. Sắc lệnh số 7 ngày 15-01-1946, bổ sung chức năng và nhiệm vụ của Tòa án quân sự.
27. Sắc lệnh số 25 ngày 25-02-1946, sửa đổi quy định quốc tịch Việt Nam.
28. Sắc lệnh số 26 ngày 25-02-1946, quy định những hành vi phá hoại tài sản công bị coi là trọng tội, sẽ bị truy tố và phạt tù hoặc xử tử.
29. Sắc lệnh số 27 ngày 28-02-1946, quy định những hành vi bắt cóc tổng tiền, ám sát sẽ bị truy tố và phạt tù hoặc xử tử.

## Nội dung một số sắc lệnh quan trọng nhất

Sắc lệnh số 47 ngày 10-10-1945 "tạm thời giữ các luật pháp hiện hành ở Bắc, Trung, Nam bộ"

**SẮC LỆNH**  
**CỦA CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ LÂM THỜI**  
**Số: 47 Ngày 10 Tháng 10 Năm 1945**  
**CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ LÂM THỜI VIỆT NAM**  
**DÂN CHỦ CỘNG HÒA**

*Chiếu theo lời đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;*

*Chiếu theo lời tuyên bố của Chính phủ lâm thời ngày 2 tháng 9 năm 1945 huỷ bỏ tất cả các hiệp ước giữa nước Việt Nam và nước Pháp;*

*Sau khi Hội đồng Chính phủ đã thỏa luận ngày 4-10-1945;*

**SẮC:**  
**CHƯƠNG THỨ NHẤT – NGUYÊN TẮC**

**Điều thứ 1:** Cho đến khi ban hành những bộ luật pháp duy nhất cho toàn cõi nước Việt Nam, các luật lệ hiện hành ở Bắc, Trung và Nam bộ vẫn tạm thời giữ nguyên như cũ, nếu những luật lệ ấy không trái với những điều thay đổi ấn định trong sắc lệnh này.

Từ nay đến khi ban hành những bộ luật pháp duy nhất nói trên, những điều sửa đổi cần kíp sẽ do sắc lệnh ban bố sau.

## CHƯƠNG THỨ II – LUẬT HỘ

**Điều thứ 2:** Bộ Dân luật ban bố tại Bắc bộ do nghị định của nguyên Thống sứ Bắc kỳ ngày 30 tháng 3 năm 1931 và nghị định của nguyên Toàn quyền Đông Dương ngày 1 tháng 4 năm 1931, cùng những nghị định và Dự sửa đổi bộ Dân luật ấy sẽ thi hành trong toàn cõi Bắc bộ kể cả Hà Nội và Hải Phòng.

**Điều thứ 3:** Bộ Dân luật ban bố tại Trung bộ do những Dự ngày 13 tháng 7 năm 1936, 8 tháng 1 năm 1938, 28 tháng 9 năm 1939, và những Dự sửa đổi Bộ dân luật ấy, sẽ thi hành trong toàn cõi Trung bộ kể cả Đà Nẵng.

**Điều thứ 4:** Tại Nam bộ các luật hộ vẫn giữ nguyên như cũ.

**Điều thứ 5:** Trái với điều thứ 2 và 3, các sắc lệnh ngày 21 tháng 7 năm 1925, 23 tháng 11 năm 1926, 29 tháng 3 năm 1939 và Dự ngày 22 tháng 11 năm 1940 vẫn thi hành ở những nơi nào mà việc quản thủ bảo thủ điền thổ đã tổ chức rồi.

## CHƯƠNG THỨ III - LUẬT THƯƠNG MẠI

**Điều thứ 6:** Điều thứ 114 sắc lệnh ngày 16 tháng 2 năm 1921 vẫn thi hành ở Bắc bộ và Nam bộ.

**Điều thứ 7:** Bộ Thương luật ban bố tại Trung bộ do Dự ngày 12 tháng 6 năm 1942 sẽ thi hành trong toàn cõi Trung bộ kể cả Đà Nẵng.

## CHƯƠNG THỨ IV – LUẬT HÌNH

**Điều thứ 8:** Bộ "Luật Hình An Nam" ban bố tại Bắc bộ do Dự ngày 25 tháng 8 năm 1921 và nghị định của nguyên Toàn quyền Đông Dương ngày 2 tháng 12 năm 1921 cùng những Dự và nghị định sửa đổi bộ luật ấy sẽ thi hành trong toàn cõi Bắc bộ kể cả Hà Nội và Hải Phòng.

**Điều thứ 9:** Bộ "Hoàng Việt Hình Luật" ban bố tại Trung bộ do Dự ngày 3 tháng 7 năm 1933 và nghị định của nguyên Toàn quyền Đông Dương ngày 4 tháng 7 năm 1933 cùng những Dự và nghị định sửa đổi Bộ luật ấy sẽ thi hành trong toàn cõi Trung bộ kể cả Đà Nẵng.

**Điều thứ 10:** Bộ hình luật pháp tu chính do sắc lệnh ngày 31 tháng 12 năm 1912 cùng những sắc lệnh sửa đổi sắc lệnh ấy vẫn thi hành ở Nam bộ.

## CHƯƠNG THỨ V – TỔ TỤNG THỦ TỤC

**Điều thứ 11:** Trước các tòa án ở Nam bộ và ba thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng sẽ áp dụng thủ tục ấn định trong nghị định ngày 16 tháng 3 năm 1910 của nguyên Toàn quyền Đông Dương và những nghị định sửa đổi nghị định ấy. Bộ luật dân sự tổ tụng thủ tục Pháp (Code de Procédure civile française) không thi hành nữa.

## CHƯƠNG THỨ VI – KHOẢN CHUNG

**Điều thứ 12:** Những điều khoản trong các luật lệ cũ được tạm giữ lại do sắc luật này, chỉ thi hành khi

nào không trái với nền độc lập của nước Việt Nam và chính thể dân chủ cộng hòa.

**Điều thứ 13:** Các điều luật ban bố sẽ đăng vào Công báo và thi hành:

Ở các thị xã, hai ngày sau khi tòa thị chính nhận được số Công báo có đăng những điều luật ấy;

Ở các tỉnh, ba ngày sau khi nhà chức trách tỉnh lý nhận được số Công báo nói trên.

**Điều thứ 14:** Trong những trường hợp khẩn cấp, những điều luật có thể thi hành ngay trước khi đăng vào Công báo.

Gặp những trường hợp ấy, Chính phủ sẽ dùng cách nào nhanh chóng nhất (điện tín, hoá bài, v.v...) để gửi sắc-văn đến các Ủy ban Bắc, Trung và Nam bộ.

Sau khi tiếp được sắc-văn, các Ủy ban nói trên phải lập tức chuyển cho các Ủy ban địa phương (tỉnh và thành phố) để thi hành ngay sau khi đã niêm yết cho nhân dân đều biết.

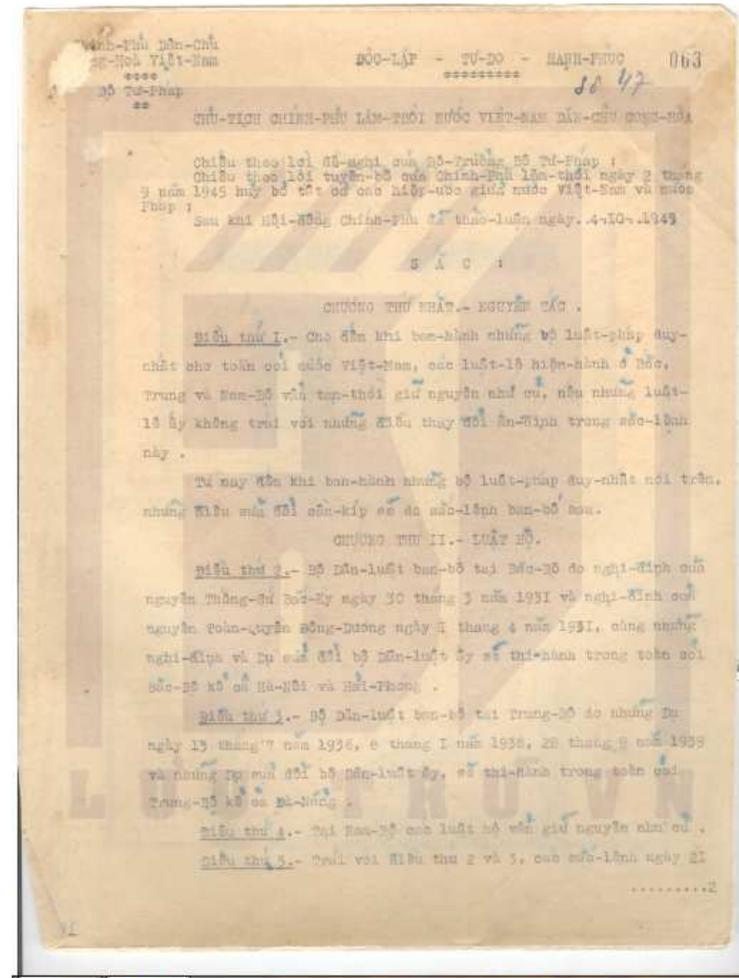
**Điều thứ 15:** Sắc lệnh này sẽ công bố và thi hành theo thủ tục khẩn cấp đã định ở điều thứ 14.

**Điều thứ 16:** Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Nội vụ chiếu sắc lệnh thi hành.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 1945

Bộ trưởng Bộ Tư pháp  
Vũ Trọng Khánh  
(Đã tiếp ký và đóng dấu)

Chủ tịch Chính phủ lâm thời  
Hồ Chí Minh (đã ký)



Sắc lệnh số 46 ngày 10-10-1945: về "tổ chức đoàn thể luật sư"

SẮC LỆNH

CỦA CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ LÂM THỜI SỐ 46

NGÀY 10 THÁNG 10 NĂM 1945

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ LÂM THỜI

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Chiếu theo lời đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Sau khi Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã hỏi ý kiến của ông Chánh nhất, ông Chương lý Tòa Thượng thẩm và các luật sư Hà Nội;

Sau khi Hội đồng Chính phủ đã thỏa luận ngày mồng 4 tháng 10 dương lịch năm 1945;

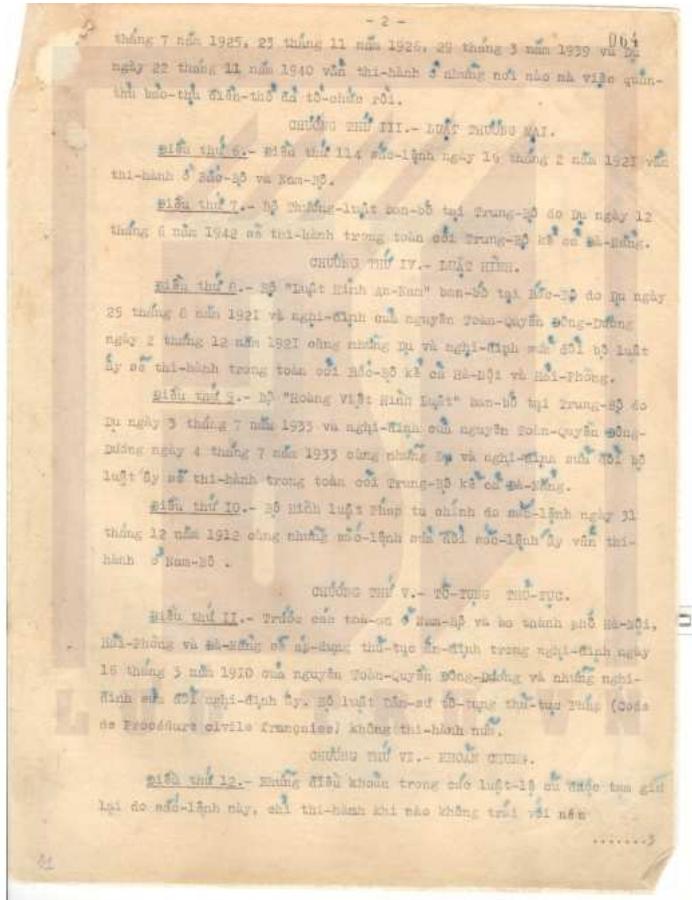
RA SẮC LỆNH:

Điều thứ 1: Các tổ chức các đoàn thể luật sư trong nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vẫn tạm giữ như cũ.

Sắc lệnh ngày 25 tháng 5 năm 1930 quy định sự tổ chức ấy vẫn tạm thi hành với các điều sửa đổi sau này.

Điều thứ 2: Các luật sư có quyền bào chữa ở trước tất cả các tòa án hàng tỉnh trở lên và trước các tòa án quân sự.

Điều thứ 3: Điều thứ 5 sắc lệnh ngày 25 tháng 5 năm 1930 nay bãi bỏ và thay bằng điều sau đây:



"Muốn được liệt danh vào bảng luật sư tại Tòa Thượng thẩm Hà Nội hay Sài Gòn phải có đủ những điều kiện sau này:

- 1- Có quốc tịch Việt Nam, bất luận nam nữ;
  - 2- Có bằng cử nhân luật;
  - 3- Đã làm luật sư tập sự trong ba năm (kể từ ngày tuyên thệ) ở một Văn phòng luật sư thực thụ trong nước Việt Nam.
- Những người đã làm luật sư tập sự ở Pháp có thể xin tính thời hạn tập sự ở Pháp nhưng chỉ được trừ nhiều nhất là 12 tháng.
- 4- Có hạnh kiểm tốt;
  - 5- Được bằng chứng rằng đã hết hạn tập sự và đủ tư cách làm luật sư thực thụ.

Bằng chứng ấy sẽ do Hội đồng kỷ luật luật sư cấp cho sau khi đã xét tài năng và đức hạnh của vị luật sư tập sự ấy.

Nếu xét ra rằng luật sư tập sự chưa đủ tư cách, Hội đồng kỷ luật sau khi hỏi vị luật sư tập sự có thể gia hạn tập sự thêm một năm. Hội đồng kỷ luật chỉ có quyền gia hạn thêm tập sự ấy hai lần là cùng (mỗi lần một năm).

Hết hạn hai năm ấy, Hội đồng kỷ luật phải cấp bằng chứng hay từ chối hẳn.

Nếu từ chối thì bản quyết nghị của Hội đồng phải nói rõ nguyên do.

Hội đồng phải gửi bản sao bản quyết nghị của mình cho ông Chương lý Tòa Thượng thẩm và cho vị luật sư tập sự.

Trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản sao ấy, ông Chương lý và vị luật sư tập sự có quyền kháng cáo lên Tòa Thượng thẩm theo Điều thứ 13 Sắc lệnh ngày 25 tháng 5 năm 1930 sửa đổi do Sắc lệnh ngày 24 tháng 7 năm 1931.

**Điều thứ 4:** Đoàn thể luật sư thuộc Tòa Thượng thẩm Sài Gòn hay Tòa Thượng thẩm Hà Nội sẽ bầu một Hội đồng Luật sư nếu trong thuộc hạt có mười Văn phòng trở lên.

Nếu không đủ số mười Văn phòng thì các luật sư thực thụ sẽ họp lại thành "Ban luật sư thực thụ" để tạm giữ nhiệm vụ của một Hội đồng luật sư. Ban ấy sẽ tự bầu lấy Chủ tịch và tổ chức lấy công việc.

**Điều thứ 5:** Những luật sư đã tập sự được mười tám tháng thì Hội đồng luật sư có thể cho phép tạm quản lý một Văn phòng.

**Điều thứ 6:** Những điều lệ nào trái với sắc lệnh này đều bãi bỏ.

**Điều thứ 7:** Bộ trưởng Bộ Tư pháp chiếu sắc lệnh thi hành.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 1945

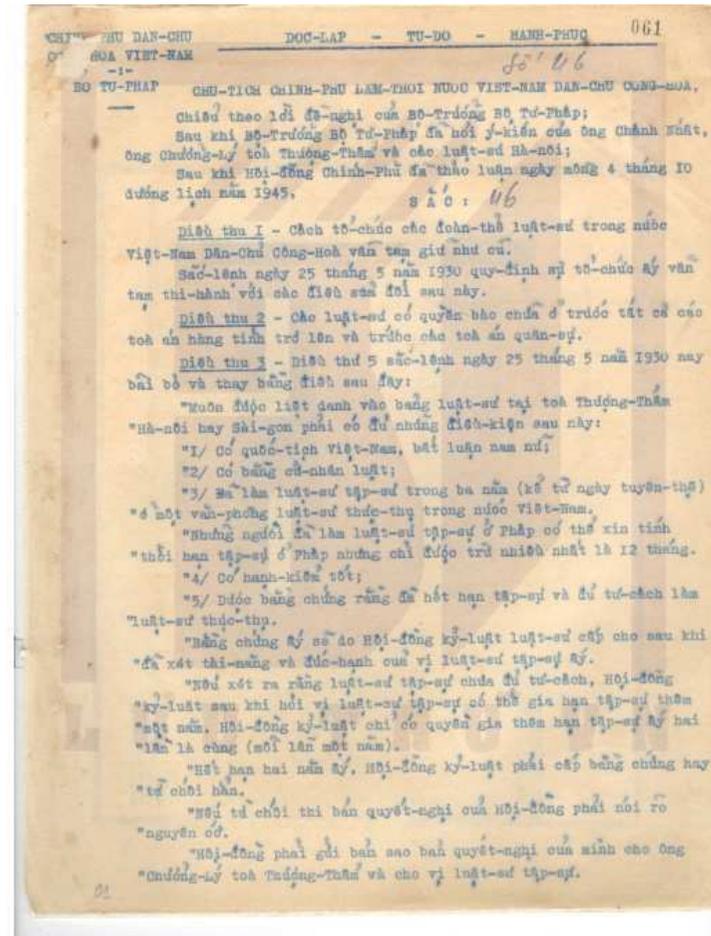
Bộ trưởng Bộ Tư pháp

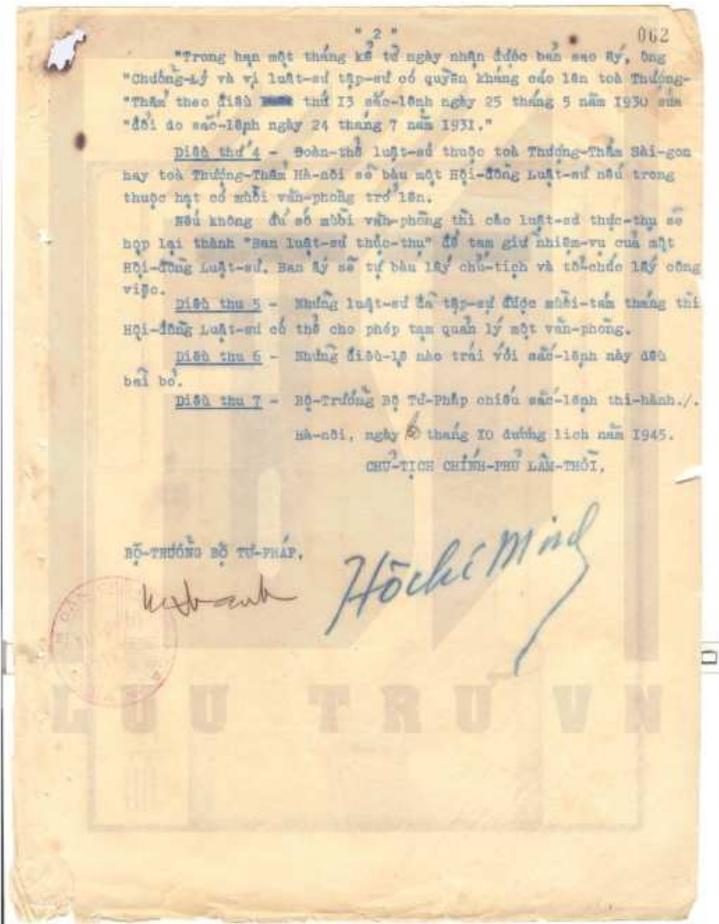
Chủ tịch Chính phủ lâm thời

Vũ Trọng Khánh

Hồ Chí Minh (đã ký)

(Đã tiếp ký và đóng dấu)





Sắc lệnh số 53 ngày 20-10-1945: về "quốc tịch Việt Nam"

**SẮC LỆNH**

**CỦA CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ LÂM THỜI**

**SỐ 53 NGÀY 20 THÁNG 10 NĂM 1945**

**CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA**

*Sau khi Hội đồng Chính phủ đã thỏa thuận,*

**SẮC LỆNH:**

**Điều thứ nhất:** Từ nay đến khi ban bố Bộ dân luật duy nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, quốc tịch Việt Nam sẽ quy định theo như sắc lệnh này.

**Điều thứ 2:** Những người thuộc một trong các hạng kể sau đây đều là công dân Việt Nam:

- 1- Cha là công dân Việt Nam;
- 2- Cha không rõ là ai hay không thuộc quốc tịch nào mà mẹ là công dân Việt Nam;
- 3- Đẻ ở trên lãnh thổ nước Việt Nam mà cha mẹ không rõ là ai hay không thuộc một quốc tịch nào.

**Điều thứ 3:** Những dân tộc thiểu số ở nước Việt Nam như Thổ, Mán, Mường, Nùng, Kha, Lolo, v.v... có trụ sở nhất định trên lãnh thổ nước Việt Nam, đều là công dân Việt Nam.

**Điều thứ 4:** Kể từ ngày ban hành sắc lệnh này, những người Việt Nam đã vào dân Pháp, sẽ coi là công dân Việt Nam.

Những người ấy phải đến khai bỏ quốc tịch Pháp ở phòng Hộ tịch Tòa Thị chính của một trong những thành phố sau này: Hà Nội, Hải Phòng, Vinh, Huế, Nha Trang, Sài Gòn, Biên Hòa hay ở một trong những nơi mà Ủy ban Bắc bộ, Trung bộ hay Nam bộ sẽ định sau.

Cha hoặc mẹ sẽ khai thay cho các con vị thành niên.

Những người nào không ra khai sẽ mất quyền bầu cử và ứng cử.

**Điều thứ 5:** Đàn bà ngoại quốc lấy chồng Việt Nam, muốn trở nên công dân Việt Nam thì lúc làm giá thú phải khai ý muốn như thế.

Những đàn bà ngoại quốc lấy chồng Việt Nam trước ngày ban hành sắc lệnh này, muốn trở nên công dân Việt Nam thì phải đệ đơn xin tại phòng Hộ tịch nơi họ đã khai giá thú hay nơi họ đang ở bây giờ, trong một thời hạn là ba tháng sau khi ban hành sắc lệnh này.

**Điều thứ 6:** Đàn bà Việt Nam lấy chồng ngoại quốc thì theo quốc tịch của người chồng, trừ khi lúc khai giá thú, người đàn bà ấy khai xin giữ quốc tịch Việt Nam.

Về trường hợp những người đàn bà Việt Nam lấy chồng ngoại quốc trước khi ban hành sắc lệnh này, nếu muốn trở nên công dân Việt Nam, phải đến khai ở phòng Hộ tịch nơi mà họ đã khai giá thú khi trước, hay

nơi họ đang ở, trong một thời hạn là ba tháng kể từ ngày ban hành sắc lệnh này.

**Điều thứ 7:** Những công dân Việt Nam thuộc một trong các hạng kể sau đây sẽ mất quốc tịch Việt Nam:

- 1- Nhập một quốc tịch ngoại quốc;
- 2- Giữ một chức vụ gì ở ngoại quốc mà không chịu thôi, tuy đã được Chính phủ cảnh cáo;
- 3- Làm một việc gì phạm đến nền độc lập và chính thể dân chủ cộng hòa của nước Việt Nam.

Việc tước quốc tịch Việt Nam của những người nói trên, do Chính phủ định đoạt bằng sắc lệnh.

**Điều thứ 8:** Các luật lệ trái với sắc lệnh này đều bãi bỏ.

**Điều thứ 9:** Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp chiếu sắc lệnh thi hành.

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 1945

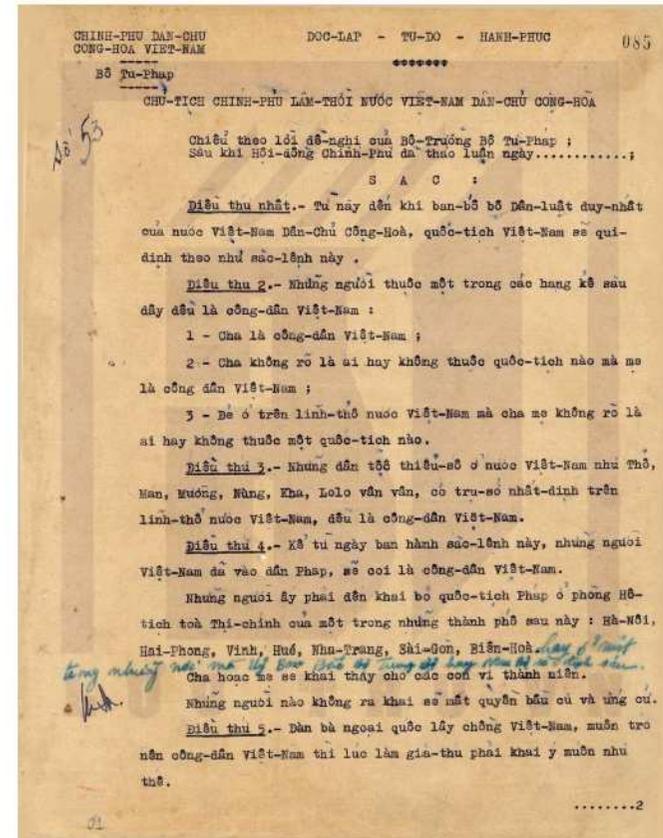
Bộ trưởng Bộ Tư pháp

Chủ tịch Chính phủ lâm thời

Vũ Trọng Khánh

Hồ Chí Minh (đã ký)

(Đã tiếp ký và đóng dấu)



Sắc lệnh số 13 ngày 24-01-1946 về "tổ chức tòa án và ngạch thẩm phán"

*Ngày 24 tháng giêng năm 1946*

**Tổ chức các tòa án và các ngạch thẩm phán.**

**Chủ tịch chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa**

*Chiếu theo lời đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;*

*Sau khi Hội đồng Chính phủ đã thỏa thuận.*

**Ra sắc lệnh**

**Điều thứ nhất:** Cách tổ chức các tòa án và các ngạch thẩm phán trong nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ấn định như sau này:

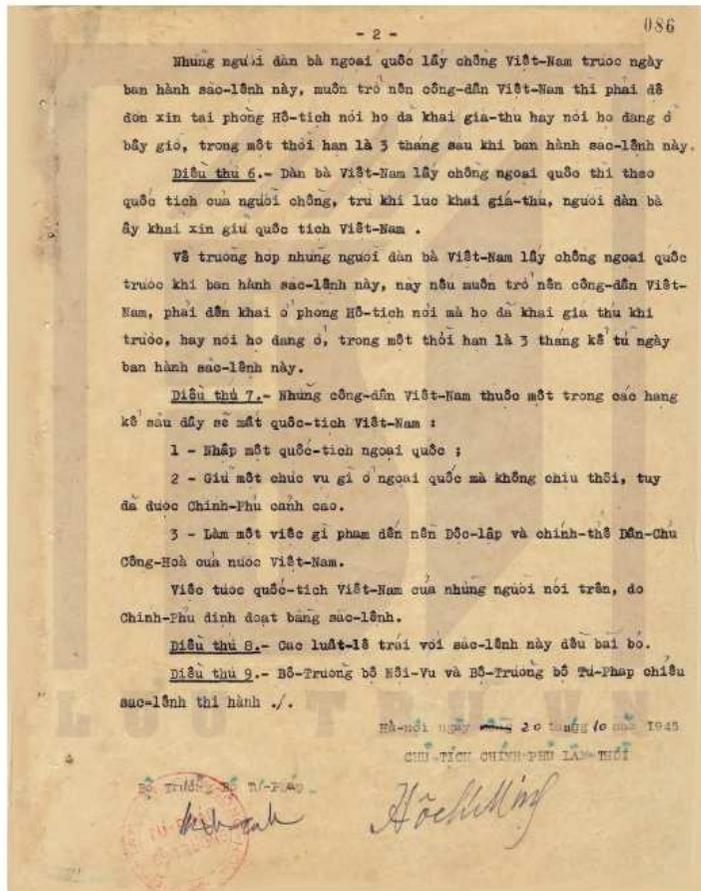
**CHƯƠNG THỨ NHẤT: TỔ CHỨC CÁC TÒA ÁN**

**TIẾT THỨ NHẤT: BAN TƯ PHÁP XÃ**

**Điều thứ 2:** Ở mỗi xã, ban thường vụ của Ủy ban hành chính cấp xã, gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thư ký (theo Điều số 75 sắc lệnh số 63 ngày 22-11-1945 tổ chức chính quyền nhân dân) sẽ kiêm cả việc tư pháp.

Cả ba ủy viên trong ban tư pháp ấy đều có quyền quyết nghị. Thư ký giữ công việc lục sự: lưu giữ công văn, làm các giấy tờ, biên bản.

Khi một trong ba ủy viên vắng mặt, Chủ tịch sẽ lấy một nhân viên khác ở Ủy ban hành chính vào thay.



Mỗi tuần lễ, ban tư pháp phải họp ít nhất là một lần, họp công khai ở trụ sở của Ủy ban.

**Điều thứ 3:** Ban tư pháp xã có quyền:

1- Hòa giải tất cả các việc dân sự và thương sự.

Nếu hòa giải được, ban tư pháp có thể lập biên bản hòa giải có các ủy viên và những người đương sự ký.

2- Phạt các việc vi cảnh, nhưng chỉ có quyền phạt tiền từ năm hào đến sáu đồng bạc.

Các tiền phạt sẽ do thủ quỹ nhận và phát biên lai. Tiền phạt sẽ bỏ vào quỹ làng tiêu dùng.

Nếu người phạm tội không chịu nộp phạt, thì ban tư pháp lập biên bản đệ lên tòa án sơ cấp xét xử.

3- Thi hành những mệnh lệnh của các thẩm phán cấp trên.

**Điều thứ 4:** Ban tư pháp xã không có quyền tịch thu tài sản của ai. Cũng không có quyền bắt bớ, giam giữ ai trừ khi có trát nã của một thẩm phán, hay khi thấy người phạm tội quả tang.

**Điều thứ 5:** Khi bắt người trong hai trường hợp kể trên, ban Tư pháp phải lập biên bản hỏi cung, và giải bị can lên ngay Tòa án trên, trong hạn 24 giờ là cùng.

**Điều thứ 6:** Nếu cần, ban tư pháp có thể khám xét nhà các tư nhân, để thu giữ tang vật, song phải lập biên bản minh bạch và không được xâm phạm đến các đồ vật khác. Các tang vật thu giữ phải bao gói cẩn thận và niêm phong rồi đệ ngay lên tòa án trên.

## TIẾT THỨ NHÌ: TÒA ÁN SƠ CẤP (Ở CÁC QUẬN)

**Điều thứ 7:** Ở mỗi quận (phủ, huyện, châu) có một Tòa án sơ cấp, quản hạt là địa hạt quận.

Nếu cần, một nghị định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp có thể thay đổi quản hạt được.

**Điều thứ 8:** Tuỳ theo sự quan trọng, các Tòa án sơ cấp sẽ chia ra làm bốn hạng do nghị định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

**Điều thứ 9:** Tòa án sơ cấp gồm có: một Thẩm phán, một Lục sự và một hay nhiều Thư ký giúp việc.

**Điều thứ 10:** Mỗi tuần lễ, ít ra phải có hai phiên tòa công khai: một phiên hộ và một phiên hình. Tại phiên tòa, Thẩm phán xét xử một mình, lục sự giữ bút ký, lập biên bản án từ.

Thẩm phán sơ cấp có thể ngày nào cũng xử kiện, dù là ngày chủ nhật hay là ngày lễ cũng được. Lại có thể, nếu cần đến, mở phiên tòa ngoài trụ sở ngoài tòa án, ở các nơi xa cách Tòa.

**Điều thứ 11:** Ở các thành phố và thị xã, Bộ trưởng Bộ Tư pháp có thể đặt Tòa án sơ cấp tổ chức theo các nguyên tắc nói trên.

## TIẾT THỨ BA: TÒA ÁN ĐỆ NHỊ CẤP (Ở CÁC TỈNH)

### MỤC A - CÁCH TỔ CHỨC

**Điều thứ 12:** Ở mỗi tỉnh và ở các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, và Sài Gòn - Chợ Lớn, có một tòa án

đệ nhị cấp. Quản hạt của Tòa này theo giới hạn của địa hạt tỉnh hay thành phố. Nếu cần, một nghị định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp có thể thay đổi quản hạt được.

**Điều thứ 13:** Tùy theo sự quan trọng, các Tòa án đệ nhị cấp sẽ chia ra làm bốn hạng do nghị định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

**Điều thứ 14:** Ngoài các thành phố kể trên, Bộ trưởng Bộ Tư pháp có thể đặt thêm Tòa án đệ nhị cấp ở các thành phố khác.

**Điều thứ 15:** Tòa án đệ nhị cấp gồm có:

Một Chánh án, một Biện ký, một Dự thẩm.

Một Chánh Lục sự và những Thư ký giúp việc.

Tùy nơi nhiều việc hay ít việc, có thể tăng thêm số Thẩm phán và Lục sự, hay để một Thẩm phán kiêm nhiều chức vụ.

**Điều thứ 16:** Mỗi tuần lễ, ít ra cũng phải có hai phiên họp công khai: một phiên hộ và một phiên hình.

Tại phiên tòa, Chánh án ngồi xử, Biện lý ngồi ghế công tố viên, Chánh lục sự hay Lục sự ngồi ghế Lục sự.

## MỤC B - XỬ VIỆC TIỂU HÌNH

**Điều thứ 17:** Về dân sự và thương sự, Chánh án xử một mình. Những khi xử các việc tiểu hình, phải có thêm hai viên Phụ thẩm nhân dân góp ý kiến.

**Điều thứ 18:** Cách thức lập danh sách các Phụ thẩm:

Danh sách các Phụ thẩm nhân dân, do Ủy ban hành chính tỉnh hay thành phố lập vào hồi đầu năm, gồm tất cả các hội viên chính thức và dự khuyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hay thành phố, trừ các ủy viên hành chính và các hội viên nào làm thẩm phán hay luật sư; và nếu cần, sẽ thêm từ 10 đến 30 Phụ thẩm nữa do Ủy ban hành chính chọn trong những người ở tỉnh hay thành phố mà có đủ điều kiện để được ứng cử vào Hội đồng nhân dân.

Danh sách số Phụ thẩm thêm này phải tư sang ông Biện lý để hỏi ý kiến rồi đệ lên Hội đồng nhân dân tỉnh hay thành phố duyệt y.

**Điều thứ 19:** Hai Phụ thẩm dự phiên tòa sẽ chọn theo cách rút thăm.

**Điều thứ 20:** Không thể cùng làm Phụ thẩm trong một Tòa án:

1- Các người thân thuộc hay thích thuộc với nhau cho đến bậc thứ ba.

2- Các người thân thuộc hay thích thuộc với các Thẩm phán hoặc với các người đương sự cho đến bậc thứ ba.

**Điều thứ 21:** Không ai có thể làm Phụ thẩm trong một việc mà mình là người đương sự, hoặc đã điều tra, hoặc đã làm chứng hay làm giám định.

**Điều thứ 22:** Hôm phiên tòa, hai Phụ thẩm đã chọn bắt buộc phải đến dự. Người nào vắng mặt, nếu

không có duyên cớ chính đáng, sẽ bị phạt lần đầu từ 20 đồng đến 50 đồng; lần thứ nhì thì từ 50 đồng đến 100 đồng; lần thứ ba từ 100 đồng đến 200 đồng; ngoài ra lại có thể mất chức Phụ thẩm.

Án phạt sẽ do ông Chánh án tuyên công khai.

**Điều thứ 23:** Các Phụ thẩm có thể xin hỏi tị với ông Chánh án, nếu có lý do chính đáng. Ông Chánh án có toàn quyền quyết định việc có nên cho hỏi tị hay không.

**Điều thứ 24:** Các Phụ thẩm nhân dân có bổn phận là lấy trí sáng suốt và lương tâm ngay thẳng ra xét mọi việc rồi phát biểu ý kiến một cách công bằng không vị nể, vì sợ một thế lực nào, vì riêng hay tư thù, mà bênh vực hay làm hại ai.

Các Phụ thẩm nhân dân phải giữ kín các điều bàn bạc trong lúc nghị án. Nếu tiết lộ bí mật ấy ra sẽ bị Tòa Thượng thẩm phạt từ sáu tháng đến hai năm tù.

**Điều thứ 25:** Khi các Phụ thẩm nhậm chức, tại phiên tòa đầu, ông Chánh án sẽ đọc điều thứ 22 nói trên, rồi mời các Phụ thẩm tuyên thệ rằng:

"Tôi thề trước Công lý và nhân dân rằng tôi sẽ suy xét cẩn thận những án đem ra xử, không hề ăn hối lộ, vị nể, vì sợ hãi, vì tư lợi hay thù oán riêng mà bênh vực hay làm hại một bị can nào. Tôi sẽ cứ công bằng mà xét định mọi việc.

"Tôi thề sẽ không bao giờ tiết lộ ra ngoài những điều bàn bạc trong lúc nghị án".

**Điều thứ 26:** Các Phụ thẩm không được xem hồ sơ trước khi phiên tòa. Nhưng trong phiên tòa có quyền yêu cầu ông Chánh án hỏi thêm các bị can và cho biết giấy tờ ở hồ sơ.

**Điều thứ 27:** Ông Chánh án phải hỏi ý kiến các Phụ thẩm về tội trạng các phạm nhân và về hình phạt, rồi tự mình quyết định.

Nhưng về thủ tục, tạm tha và các vấn đề khác liên can đến hộ hay thương mại, ông Chánh án không phải hỏi ý kiến các Phụ thẩm.

### MỤC C - XỬ VIỆC ĐẠI HÌNH

**Điều thứ 28:** Khi xử các việc đại hình, Tòa đệ nhị cấp gồm có năm vị cùng ngồi xử và đều có quyền quyết nghị:

1- Chánh án Tòa đệ nhị cấp ghế Chánh án.

2- Hai Thẩm phán làm Phụ thẩm chuyên môn, chọn trong các Thẩm phán đệ nhị cấp hay sơ cấp trong quản hạt, do ông Chánh nhất Tòa Thượng thẩm chỉ định mỗi năm một lần.

Tuy nhiên trong năm, ông Chánh nhất có thể quyết định thay đổi hai vị Phụ thẩm chuyên môn.

3- Hai Phụ thẩm nhân dân rút thăm ở danh sách định trong điều thứ 18.

Ông Biện lý ngồi ghế công tố viên và Chánh Lục sự ngồi ghế lục sự.

**Điều thứ 29:** Các phiên xử đại hình không được trùng với các phiên tiểu hình.

**Điều thứ 30:** Các điều thứ 20, 21, 22, 23, 24, 25 và 26 nói trên đều áp dụng với các Phụ thẩm nhân dân xử việc đại hình.

**Điều thứ 31:** Sau khi nghe các bị can, các người chứng, cáo trạng của ông Biện lý, và sau cùng nghe lời cãi của các bị can, ông Chánh án, hai Thẩm phán và hai Phụ thẩm nhân dân lui vào phòng nghị xử để cùng xét xử về tất cả các vấn đề thuộc về tội trạng, hình phạt, trường hợp tăng tội và trường hợp giảm tội.

Nghị án xong, Tòa lại họp và ông Chánh án tuyên đọc công khai bản án.

**Điều thứ 32:** Những vấn đề bàn trong phòng nghị xử giải quyết theo đa số. Một người không biểu quyết sẽ coi như là có ý kiến lợi cho bị can.

**Điều thứ 33:** Về các vấn đề liên can đến thủ tục, tạm tha, đòi bồi thường, việc hộ và thương mại, ông Chánh án và hai Thẩm phán chuyên môn quyết định lấy, các Phụ thẩm nhân dân không tham dự.

**Điều thứ 34:** Tòa đại hình xử sơ thẩm. Ông Biện lý, bị can và nguyên đơn có quyền chống án lên Tòa Thượng thẩm.

## TIẾT THỨ TƯ - TÒA THƯỢNG THẨM

### MỤC A - CÁC TỔ CHỨC

**Điều thứ 35:** Ở mỗi kỳ có một Tòa Thượng thẩm.

Tòa Thượng thẩm Bắc kỳ đặt ở Hà Nội.

Tòa Thượng thẩm Trung kỳ đặt ở Thuận Hoá (Huê).

Tòa Thượng thẩm Nam kỳ đặt ở Sài Gòn.

**Điều thứ 36:** Mỗi Tòa Thượng thẩm gồm có:

Một Chánh nhất.

Các Chánh án phòng.

Các Hội thẩm.

Một Chương lý.

Một hay nhiều Phó Chương lý.

Những Tham lý.

Một Chánh Lục sự.

Các Lục sự.

Những Tham tá và Thư ký.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp sẽ ấn định cách tổ chức các Tòa Thượng thẩm và số các Chánh án, Hội thẩm, Phó Chương lý, Tham lý và Lục sự ở mỗi Tòa.

**Điều thứ 37:** Tại phiên tòa, ngồi xử sẽ có Chánh nhất hay một Chánh án phòng chủ tọa, và hai Hội thẩm. Chương lý, Phó Chương lý hay Tham lý, ngồi ghế công tố viên. Chánh Lục sự hay Lục sự ngồi ghế Lục sự.

### MỤC B - XỬ CÁC VIỆC HÌNH

**Điều thứ 38:** Khi phúc lại các án tiểu hình và đại hình, ngoài ông Chánh án và hai Hội thẩm, phải có thêm hai Phụ thẩm nhân dân có quyền quyết nghị, và chọn bằng cách rút thăm trong danh sách nói ở điều số 39 sau này.

**Điều thứ 39:** Danh sách các Phụ thẩm nhân dân tại Tòa Thượng thẩm có từ 50 đến 100 người chọn trong nhân dân Kỳ, và sẽ do Ủy ban hành chính Kỳ lập vào hội đầu năm sau khi hỏi ý kiến ông Chương lý.

**Điều thứ 40:** Các điều thứ 20, 21, 22, 23, 24, 25 và 26 nói trên đều áp dụng với các Phụ thẩm nhân dân ở Tòa Thượng thẩm.

**Điều thứ 41:** Sau khi nghe các bị can, các người chứng, cáo trạng của ông Chương lý, và sau cùng, nghe lời cãi của các bị can, ông Chánh án, hai Hội thẩm và hai Phụ thẩm nhân dân lui vào phòng nghị xử để cùng quyết nghị về tất cả các vấn đề thuộc về tội trạng, hình phạt, trường hợp tăng tội và trường hợp giảm tội.

Nghị án xong, Tòa lại họp và ông Chánh án tuyên đọc công khai bản án.

**Điều thứ 42:** Điều thứ 32 cũng áp dụng ở Tòa Thượng thẩm.

**Điều thứ 43:** Về các vấn đề liên can đến thủ tục, tạm tha, đòi bồi thường, việc hộ và thương mại, ông Chánh án và hai Hội thẩm quyết nghị lấy, các Phụ thẩm nhân dân không tham dự.

**Điều thứ 44:** Trong việc đại hình, nếu trước Tòa Thượng thẩm một bị can không có ai bên vực, ông Chánh án sẽ cử một Luật sư để bào chữa cho hắn.

## TIẾT THỨ NĂM - ĐIỀU KHOẢN CHUNG

**Điều thứ 45:** Các Tòa án tổ chức trong sắc lệnh này sẽ do nghị định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp thiết lập dần dần ở các nơi, tùy điều kiện thuận tiện.

**Điều thứ 46:** Các Luật sư có quyền biện hộ trước tất cả các Tòa án trừ những Tòa sơ cấp.

**Điều thứ 47:** Tòa án Tư pháp sẽ độc lập đối với các cơ quan hành chính.

Các vị Thẩm phán sẽ chỉ trọng pháp luật và công lý. Các cơ quan khác không được can thiệp vào việc Tư pháp.

## CHƯƠNG THỨ HAI - TỔ CHỨC CÁC NGẠCH THẨM PHÁN TIẾT THỨ NHẤT: NGẠCH THẨM PHÁN MỤC A - CÁC NGẠCH THẨM PHÁN

**Điều thứ 48:** Sẽ đặt hai ngạch Thẩm phán: ngạch Sơ cấp và ngạch Đệ nhị cấp.

Thẩm phán Sơ cấp làm việc ở tòa Sơ cấp. Thẩm phán Đệ nhị cấp làm việc ở các tòa Đệ nhị cấp và tòa Thượng thẩm.

**Điều thứ 49:** Các Thẩm phán Đệ nhị cấp chia ra làm hai chức vị: các Thẩm phán xử án do ông Chánh nhất tòa Thượng thẩm đứng đầu, và các Thẩm phán của Công tố viên (Thẩm phán buộc tội) do ông Chương lý đứng đầu.

**Điều thứ 50:** Mỗi Thẩm phán xử án quyết định theo pháp luật và lương tâm của mình. Không quyền lực nào được can thiệp trực tiếp hay gián tiếp vào công việc xử án.

**Điều thứ 51:** Trong quản hạt một tòa Thượng thẩm thì tất cả các Thẩm phán buộc tội họp thành một đoàn thể độc lập đối với các Thẩm phán xử án, và duy nhất, đặt dưới quyền ông Chương lý.

Ông Chương lý hoàn toàn giữ quyền truy tố và hành động; các Thẩm phán trong Công tố viện coi như được ủy quyền hành động của ông Chương lý. Một Thẩm phán buộc tội sau khi đệ bản kết luận viết theo lệnh trên có thể kết luận miệng theo ý riêng của mình.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp có thể ra lệnh cho ông Chương lý phải hành động hay không được hành động, nhưng không có quyền thế vào ông Chương lý mà hành động.

## MỤC B - CÁC PHẨM TRẬT TRONG NGẠCH THẨM PHÁN

**Điều thứ 52:** Các phẩm trật trong các ngạch Thẩm phán ấn định theo bảng sau này:

### I- Ngạch Thẩm phán Đệ nhị cấp

Hạng	Thẩm phán xử án	Thẩm phán buộc tội
Nhất	Chánh nhất Tòa Thượng thẩm	Chương lý Tòa Thượng thẩm

Hai	Bạc nhất Chánh án phòng Tòa Thượng thẩm Bạc nhì Chánh án Tòa Đệ nhị cấp Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn.	Bạc nhất Phó Chương lý Tòa Thượng thẩm Bạc nhì Biện lý Tòa Đệ nhị cấp Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn.
Ba	Hội thẩm Tòa Thượng thẩm.	Thẩm lý Tòa Thượng thẩm.
Bốn	Chánh án Tòa Đệ nhị cấp hạng nhất. Dự thẩm và Thẩm phán các Tòa Đệ nhị cấp Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn.	Biện lý Tòa Đệ nhị cấp hạng nhất. Phó Biện lý các Tòa Đệ nhị cấp Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn.
Năm	Chánh án Tòa Đệ nhị cấp hạng nhì. Dự thẩm và Thẩm phán Tòa Đệ nhị cấp hạng nhất.	Biện lý Tòa đệ nhị cấp hạng nhì. Phó Biện lý Tòa Đệ nhị cấp hạng nhất.
Sáu	Chánh án Tòa Đệ nhị cấp hạng ba và hạng tư. Dự thẩm Tòa Đệ nhị cấp hạng nhì.	Biện lý Tòa Đệ nhị cấp hạng ba và hạng tư.
Bảy	Thẩm phán dự khuyết. Dự thẩm Tòa Đệ nhị cấp hạng ba và hạng tư. Thẩm phán tập sự.	Tham lý Tòa Đệ nhị cấp.

## II- Ngạch Thẩm phán Sơ cấp

Hạng	Chức việc
Hạng ngoại	Chánh Tòa sơ cấp các thành phố to
Nhất	Chánh Tòa sơ cấp hạng nhất.
Nhì	Chánh Tòa sơ cấp hạng nhì.
Ba	Chánh Tòa sơ cấp hạng ba.
Tư	Chánh Tòa sơ cấp hạng tư.
Năm	Thẩm phán tập sự.

### TIẾT THỨ NHÌ: TUYỂN BỐ CÁC THẨM PHÁN MỤC A - CÁCH TUYỂN BỐ VỀ SAU NÀY

**Điều thứ 53:** Vào ngạch Thẩm phán, phải đủ ba điều kiện chung:

- 1- Có quốc tịch Việt Nam, không phân biệt đàn ông, đàn bà.
- 2- Hạnh kiểm tốt.
- 3- Chưa can án bao giờ.

**Điều thứ 54:** Vào ngạch Thẩm phán Sơ cấp (hạng năm) phải ít nhất 21 tuổi, có bằng tú tài, và trúng tuyển một kỳ thi.

Các người có bằng Luật khoa tú tài (tức là có hai phần cử nhân) có thể bổ thẳng vào hạng ba không phải thi. Nếu có Luật khoa Cử nhân, thì có thể bổ thẳng vào hạng nhất.

**Điều thứ 55:** Vào ngạch Thẩm phán Đệ nhị cấp (hạng bảy), phải ít nhất 24 tuổi, có bằng Luật khoa cử nhân, và trúng tuyển một kỳ thi.

Những Thẩm phán Sơ cấp hạng nhất, tuy không có bằng Cử nhân luật, cũng có thể dự kỳ thi để lên ngạch Thẩm phán Đệ nhị cấp; song chỉ tuyển những người ấy vào một phần năm số khuyết.

**Điều thứ 56:** Một Hội đồng do Bộ trưởng Bộ Tư pháp cử sẽ xét hạnh kiểm và năng lực các người xin làm Thẩm phán.

Danh sách các người được ứng thi hay được bổ dụng thẳng sẽ do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ấn định theo lời đề nghị của Hội đồng.

**Điều thứ 57:** Các Thẩm phán đệ nhị cấp sẽ do một sắc lệnh của vị Chủ tịch nước Việt Nam bổ nhiệm, còn các Thẩm phán Sơ cấp sẽ do nghị định Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm.

### MỤC B - CÁCH TUYỂN BỐ TẠM THỜI

**Điều thứ 58:** Tạm thời, cách tuyển bổ các Thẩm phán định như sau này:

**Điều thứ 59:** Có thể bổ dụng làm Thẩm phán Sơ cấp, nhưng phải đủ điều kiện chung nói trong điều thứ 53 trên đây, và phải ít nhất 21 tuổi:

- 1- Các người tốt nghiệp năm thứ nhất trường Luật, khoa Đại học (một phần Cử nhân luật).
- 2- Các Tham tá lục sự.

- 3- Các Tham tá thông ngôn ngạch tư pháp.
- 4- Các quan lại cũ đã từng làm Thẩm phán.
- 5- Các Lục sự Tòa Nam án Đệ nhị cấp cũ.
- 6- Các Viên chức ngạch trung đẳng có bằng Cao đẳng tiểu học mà đã làm chuyên môn về Tư pháp được 5 năm.
- 7- Các người có bằng tú tài.
- 8- Các Viên chức ngạch cao đẳng không chuyên môn về tư pháp.

Nếu cần sẽ mở một kỳ thi, hay những lớp huấn luyện chuyên môn để bổ khuyết học vấn của các Thẩm phán ngạch này.

**Điều thứ 60:** Ngoài các hạng người kể trong điều thứ 59 trên này, các Thẩm phán sơ cấp sẽ tuyển trong những người đã qua một trường "Tư pháp" do nghị định Bộ trưởng Bộ Tư pháp tổ chức.

**Điều thứ 61:** Có thể bổ dụng làm Thẩm phán Đệ nhị cấp, nhưng phải ít nhất 21 tuổi, và có đủ điều kiện chung nói trong điều thứ 53 trên đây:

- 1- Các người có bằng Luật khoa cử nhân.
- 2- Các người tốt nghiệp trường Pháp chính (Ecole de Droit et d'administration); trường Cao đẳng cũ (Ecole des Hautes Etudes Indochinoises); hay có bằng Luật học Đông Dương (Certificat d'Etudes Juridiques Indochinoises), mà đã làm việc Nhà nước ít nhất là 5 năm.

- 3- Các Tham tá lục sự đã làm việc được 5 năm.
- 4- Các quan lại cũ có bằng tú tài mà đã từng làm Thẩm phán trong 5 năm.

5- Các tham tá thông ngôn và các Lục sự tòa Nam án Đệ nhị cấp đã làm việc được 10 năm.

**Điều thứ 62:** Một Hội đồng, gồm có các hội viên do Bộ trưởng Bộ Tư pháp cử sau khi hỏi ý kiến Hội đồng Chính phủ, sẽ xét các đơn xin vào ngạch Thẩm phán, và lập danh sách các người đáng được bổ.

Danh sách ấy sẽ mang ra Hội đồng Chính phủ duyệt y.

**Điều thứ 63:** Một Hội đồng xét về phương diện chuyên môn, do Bộ trưởng Bộ Tư pháp cử sau khi hỏi ý kiến Hội đồng Chính phủ, sẽ ấn định phẩm trật và nơi làm việc của các Thẩm phán được bổ dụng.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp sẽ theo quyết nghị của Hội đồng mà ra nghị định bổ nhiệm.

**Điều thứ 64:** Các người được tuyển bổ có thể phải qua một thời kỳ tập sự.

Một nghị định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sẽ tổ chức việc tập sự ấy.

### MỤC C - BẮT NẴNG KIÊM NHIỆM

**Điều thứ 65:** Các người thân thuộc, thích thuộc cho đến bậc chú cháu, bác cháu, hay cậu cháu, không thể cùng làm Thẩm phán trong một tòa, trừ phi vị Chủ tịch nước Việt Nam cho phép miễn trừ riêng.

Dù có miễn trừ, các người ấy cũng không thể làm cùng một phòng trong Tòa Thượng thẩm.

**Điều thứ 66:** Một Thẩm phán không thể xét xử một việc mà người thay mặt hay Luật sư của người đương sự là thân thuộc hay thích thuộc của mình cho đến bậc thứ ba.

**Điều thứ 67:** Chức vụ Thẩm phán không thể kiêm nhiệm được với một nghề nghiệp hay nhiệm vụ công tư nào khác, trừ chức giáo sư trường Đại học hay trường Trung học của Nhà nước.

**Điều thứ 68:** Các Thẩm phán có thể làm hội viên các Hội đồng nhân dân.

Nhưng nếu được bầu vào một Ủy ban hành chính, thì phải hoặc từ chối không vào, hoặc từ chức Thẩm phán.

### TIẾT THỨ BA -

### ĐẶC QUYỀN CÁC THẨM PHÁN

#### MỤC A - THĂNG CHỨC

**Điều thứ 69:** Thẩm phán ở một hạng chỉ có thể thăng lên hạng ngay ở trên.

Trong ngạch Đệ nhị cấp, các Thẩm phán hạng ba có thể lên ngay bậc nhất trong hạng nhì, và trong hạng nhì, Thẩm phán bậc nhì có thể lên bậc nhất, hoặc lên thẳng hạng nhất.

**Điều thứ 70:** Muốn được thăng lên trật trên, các Thẩm phán phải ít nhất đã được hai năm thâm niên trong trật hiện tại, và phải được ghi tên vào bảng thăng thưởng.

**Điều thứ 71:** Cách lập bảng thăng thưởng cho các Thẩm phán Đệ nhị cấp:

Cuối năm, Chánh nhất và Chương lý tòa Thượng thẩm, mỗi vị trong phạm vi quyền hạn của mình, lập danh sách các Thẩm phán xử án và buộc tội trong quản hạt Tòa Thượng thẩm đáng được thăng trật.

Danh sách này sẽ đệ lên một Hội đồng thăng thưởng chung cho cả ba Kỳ mà cách tổ chức sẽ định sau.

Hội đồng thăng thưởng, họp vào cuối năm, sẽ xét danh sách các Thẩm phán được tư thăng và xem cả hồ sơ lý lịch các Thẩm phán đủ điều kiện mà không được tư, rồi lập bảng thăng thưởng theo thứ tự hơn kém.

Vị Chủ tịch nước Việt Nam sẽ căn cứ vào bảng thăng thưởng ấy mà ra sắc lệnh thăng bổ.

**Điều thứ 72:** Cách lập bảng thăng thưởng cho các Thẩm phán Sơ cấp:

Cuối năm, Chánh án và Biện lý các Tòa Đệ nhị cấp lập danh sách các Thẩm phán Sơ cấp trong quản hạt đáng được thăng trật rồi đệ lên Tòa Thượng thẩm. Chương lý sẽ từ danh sách ấy và các hồ sơ ra một Hội đồng thăng thưởng của Kỳ gồm có:

- Chánh nhất Tòa Thượng thẩm Kỳ, Chủ tịch
- Chương lý Tòa thượng thẩm Kỳ, Hội viên
- Một vị đại diện cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Hội viên

- Một Hội thẩm Tòa Thượng thẩm, Hội viên
- Hai Chánh án Tòa Đệ nhị cấp hạng nhất, Hội viên
- Một Biện lý Tòa Đệ nhị cấp hạng nhất, Hội viên

Hội đồng thăng thưởng sẽ xét danh sách các Thẩm phán được tư thăng, cùng hồ sơ các Thẩm phán đủ điều kiện nhưng không được tư, lập bảng thăng thưởng theo thứ tự hơn kém.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp sẽ theo thứ tự bảng ấy mà ra nghị định thăng bổ.

**Điều thứ 73:** Phạm Thẩm phán nào đã được ghi tên vào bảng mà chưa được thăng ngay thì đến năm sau, lại có quyền được tự nhiên ghi tên vào bảng năm ấy.

**Điều thứ 74:** Hội đồng thăng thưởng có thể xoá tên đã ghi vào bảng, khi có duyên cớ chính đáng.

### MỤC B - ĐẶC QUYỀN TÀI PHÁN

**Điều thứ 75:** Không ai có thể bắt bớ, giam cầm một Thẩm phán bất cứ vì lẽ gì, nếu không được Bộ trưởng Bộ Tư pháp thỏa thuận trước.

**Điều thứ 76:** Nếu một Thẩm phán can trọng tội hay khinh tội thì Chương lý Tòa Thượng thẩm tự mình, hay giao cho một Thẩm phán trong Công tố viện, đi điều tra, rồi đệ trình hồ sơ lên Bộ trưởng Bộ Tư pháp để vị này quyết định có nên hay không nên truy tố.

Nếu nên truy tố, thì Chương lý thừa lệnh Bộ trưởng, đưa thăng viên chức can tội ra trước Tòa Thượng thẩm. Tòa này sẽ xử chung thẩm.

**Điều thứ 77:** Phạm các đơn kiện hay cáo giác các Thẩm phán, can trọng tội hay khinh tội, mà do các cơ quan hành chính hay tư pháp nhận được, thì sẽ gửi thẳng lên Chương lý Tòa Thượng thẩm.

**Điều thứ 78:** Nếu người phạm tội là Chánh nhất hay Chương lý thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp xét có nên truy tố hay không. Nếu phải truy tố thì việc sẽ do một Thẩm phán của Công tố viện Tòa Thượng thẩm thừa lệnh Bộ trưởng Bộ Tư pháp đưa ra xử chung thẩm tại Tòa Thượng thẩm họp tất cả các phòng.

### MỤC C - LƯƠNG BỔNG

**Điều thứ 79:** Lương bổng các Thẩm phán sẽ do một nghị định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ấn định sau khi thỏa hiệp với Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### TIẾT THỨ TƯ: NGHĨA VỤ CÁC THẨM PHÁN

#### MỤC A - NGHĨA VỤ VỀ CHỨC NGHIỆP

**Điều thứ 80:** Các Thẩm phán không thể lấy cơ gì, ngoài trường hợp cáo tị và hồi tị, mà từ chối không xét xử một việc nào.

**Điều thứ 81:** Các Thẩm phán không được tự đặt ra luật lệ mà xử đoán.

**Điều thứ 82:** Các Thẩm phán không thể bào chữa các việc bằng miệng hay bằng giấy nếu không phải việc của mình, việc của vợ con, hay của thân thuộc, thích thuộc về trực hệ của mình, hay của một đứa trẻ vị thành niên mà mình làm giám hộ.

**Điều thứ 83:** Các Thẩm phán phải làm đầy đủ bổn phận, dự đều các phiên tòa, xét xử thật nhanh chóng và thật công minh.

Thanh liêm là một đức tính thiêng liêng của các Thẩm phán Việt Nam ngày nay.

**Điều thứ 84:** Trong đời tư cũng như đời công, các Thẩm phán phải cư xử đúng mực và biết tự trọng để giữ thanh danh và phẩm cách một vị quan tòa.

**Điều thứ 85:** Các Thẩm phán phải tôn trọng Chính phủ và trung thành với chính thể dân chủ cộng hòa.

#### MỤC B - NGHĨA VỤ VỀ CƯ SỞ VÀ NGHỈ PHÉP

**Điều thứ 86:** Các Thẩm phán bắt buộc phải ở nơi có trụ sở của tòa án mình làm việc.

**Điều thứ 87:** Các Thẩm phán tòa Sơ cấp, và các Thẩm phán tòa Đệ nhị cấp (trừ Chánh án và Biện lý) nếu nghỉ dưới một tuần lễ phải xin phép Chánh án và Biện lý Tòa Đệ nhị cấp.

Nếu nghỉ trên một tuần lễ và dưới một tháng, thì phải xin phép các ông Chánh nhất hay Chương lý Tòa Thượng thẩm.

Nếu nghỉ trên một tháng, phải được ông Bộ trưởng Bộ Tư pháp cho phép.

**Điều thứ 88:** Các Chánh án và Biện lý các Tòa Đệ nhị cấp, và các Thẩm phán Tòa Thượng thẩm (trừ Chánh nhất và Chương lý) nếu nghỉ 15 ngày trở xuống thì phải xin phép ông Chánh nhất hay Chương lý Tòa Thượng thẩm.

Nếu nghỉ trên 15 ngày, phải được ông Bộ trưởng Bộ Tư pháp cho phép.

**Điều thứ 89:** Các Chánh nhất và Chương lý Tòa Thượng thẩm nghỉ, phải xin phép ông Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

#### MỤC C - TUYÊN THỆ

**Điều thứ 90:** Khi bắt đầu nhậm chức, các Thẩm phán phải tuyên thệ. Về sau, lúc chuyển, không cần phải tuyên thệ lại. Duy từ tòa cấp dưới lên tòa cấp trên, phải tuyên thệ lần nữa.

Vị nào được bổ làm Chánh nhất hay Chương lý Tòa Thượng thẩm bao giờ cũng tuyên thệ lại.

**Điều thứ 91:** Các Thẩm phán Tòa Thượng thẩm tuyên thệ trước tòa ấy họp công khai đủ các phòng do Chánh nhất chủ tọa, Chương lý ngồi ghế Công tố viện và Chánh Lục sự giữ bút ký.

Các Thẩm phán Tòa Đệ nhị cấp tuyên thệ trước phòng hộ Tòa Thượng thẩm.

Các Thẩm phán Sơ cấp tuyên thệ trước Tòa Đệ nhị cấp.

**Điều thứ 92:** Các Thẩm phán Tòa Đệ nhị cấp nếu vì xa xôi hay ngăn trở mà không thể đến thề trước Tòa Thượng thẩm được, thì có thể viết nhờ thề ra giấy gửi về Tòa Thượng thẩm. Tòa này sẽ xác nhận lời thề ấy và lập biên bản.

**Điều thứ 93:** Các ông Chánh nhất và Chương lý đầu tiên của nước Việt Nam sẽ tuyên thệ trước ông Bộ

trưởng Bộ Tư pháp thay mặt Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Hai vị này nếu ở xa có thể tuyên thệ bằng thư gửi về ông Bộ trưởng xác nhận.

Các vị Thẩm phán đầu tiên khác của nước Việt Nam trong Tòa Thượng thẩm sẽ tuyên thệ trước các ông Chánh nhất và Chương lý.

**Điều thứ 94:** Lời thề của các Thẩm phán:

"Tôi thề sẽ trung thành với Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa. Tôi thề sẽ mang hết sức và công tâm ra phụng sự chức vụ của tôi, sẽ giữ kín mật những cuộc thẩm nghị, và luôn luôn cứ xử cho xứng đáng là một vị Thẩm phán cương trực và đũ tư cách".

### TIẾT THỨ NĂM: KỶ LUẬT

**Điều thứ 95:** Trong quản hạt Tòa Đệ nhị cấp, Chánh án và Biện lý kiểm soát các Thẩm phán sơ cấp và cảnh cáo các viên ấy khi họ phạm lỗi.

**Điều thứ 96:** Trong quản hạt Tòa Thượng thẩm, Chánh nhất đối với các Thẩm phán xử án, và Chương lý đối với các Thẩm phán buộc tội có quyền kiểm soát và cảnh cáo.

**Điều thứ 97:** Bộ trưởng Bộ Tư pháp có quyền giám sát tất cả các Thẩm phán các ngạch, khiển trách các viên ấy khi họ phạm lỗi, và đòi hỏi đến để chất vấn, về các hành vi của họ.

**Điều thứ 98:** Khi một Thẩm phán sơ cấp phạm lỗi nặng thuộc về kỷ luật, Chánh án hay Biện lý tòa án tỉnh sẽ trình với Chương lý Tòa Thượng thẩm. Vị này, sau khi nghe viên Thẩm phán phạm lỗi biện bạch, xét có nên truy tố hay không. Nếu cần phải truy tố, thì Chương lý làm tờ trình và tư việc ra trước một Hội đồng kỷ luật gồm có:

Chánh nhất Tòa Thượng thẩm, Chủ tịch

Chương lý Tòa Thượng thẩm (hay Phó Chương lý thay mặt), Hội viên

Một hội thẩm Tòa thượng thẩm, Hội viên

Một Chánh án Tòa Đệ nhị cấp hạng nhất, Hội viên

Một Biện lý Tòa Đệ nhị cấp hạng nhất, Hội viên

và hai Thẩm phán ngang chức với viên Thẩm phán bị truy tố, Hội viên.

Hội đồng, kể cả ông Chương lý, sẽ quyết nghị kín, sau khi nghe tờ trình của Chương lý và hội viên Thẩm phán bị cáo.

**Điều thứ 99:** Khi một Thẩm phán Đệ nhị cấp phạm lỗi nặng, Chánh nhất hay Chương lý Tòa Thượng thẩm, tùy theo viên Thẩm phán phạm lỗi thuộc vào ngạch xử án hay buộc tội, sẽ xem xét có nên truy tố hay không.

Nếu việc cần phải truy tố, các vị ấy, sau khi hỏi viên Thẩm phán, làm một tờ trình rồi tư việc ra Hội đồng kỷ luật gồm có tất cả các Thẩm phán xử án và buộc tội trong Tòa Thượng thẩm, thêm một Chánh án và một Biện lý Tòa Đệ nhị cấp do ông Chánh nhất cử ra.

**Điều thứ 100:** Các ông: Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chánh nhất, và Chương lý Tòa Thượng thẩm đều có quyền truy tố một Thẩm phán phạm lỗi ra trước Hội đồng kỷ luật.

**Điều thứ 101:** Nếu Thẩm phán phạm lỗi lại là Chánh nhất hay Chương lý Tòa Thượng thẩm, thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp nếu xét cần, làm một tờ trình rồi tư việc ra Hội đồng Chính phủ xét xử.

**Điều thứ 102:** Các Hội đồng kỷ luật nói trên có thể quyết định cách trừng phạt sau này, theo thứ tự nặng, nhẹ:

- 1) Khiển trách không.
- 2) Khiển trách ghi vào lý lịch.
- 3) Đổi vì kỷ luật.
- 4) Tạm huyền chức và trừ nửa hay cả lương.
- 5) Bắt buộc phải về hưu trí.
- 6) Cách chức.

**Điều thứ 103:** Hai trừng phạt trên (1 và 2) sẽ do Chương lý ra mệnh lệnh thi hành.

Còn bốn trừng phạt dưới (3, 4, 5, và 6) sẽ do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra nghị định duyệt y, nếu Thẩm phán phạm lỗi thuộc vào ngạch sơ cấp, hay do vị Chủ tịch nước Việt Nam ra sắc lệnh duyệt y, nếu Thẩm phán phạm lỗi thuộc ngạch Đệ nhị cấp.

**Điều thứ 104:** Trước khi duyệt y, vị Chủ tịch hay Bộ trưởng Bộ Tư pháp có thể giao lại việc cho Hội đồng

kỷ luật xét lại lần thứ hai. Quyết nghị của Hội đồng lần này sẽ không thay đổi.

### TIẾT THỨ SAU:

#### TẠM QUYỀN, ĐỔI CHỨC VỊ, Y PHỤC MỤC A - TẠM QUYỀN

**Điều thứ 105:** Nếu khuyết một chức Thẩm phán dưới một tháng, Chánh nhất hay Chương lý Tòa Thượng thẩm, mỗi vị trong phạm vi quyền hạn của mình, sẽ ra mệnh lệnh bổ người đi tạm quyền.

**Điều thứ 106:** Nếu khuyết một chức Thẩm phán trên một tháng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp sau khi hỏi ý kiến Đại hội đồng Tòa Thượng thẩm (nếu người khuyết là một Thẩm phán đệ nhị cấp) hay hỏi ý kiến Chánh nhất và Chương lý (nếu người khuyết là một Thẩm phán sơ cấp) sẽ ra nghị định cử người đi tạm quyền, chọn trong các Thẩm phán bằng trật hay kém trật người khuyết, và thuộc quản hạt Tòa Thượng thẩm.

**Điều thứ 107:** Nếu khuyết chức Chánh nhất hay Chương lý Tòa Thượng thẩm, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra nghị định bổ người tạm quyền, sau khi hỏi ý kiến Đại Hội đồng Tòa Thượng thẩm và Hội đồng Chính phủ.

**Điều thứ 108:** Trong việc bổ đi tạm quyền, một Thẩm phán sơ cấp có thể tạm thay một Thẩm phán đệ nhị cấp. Một Thẩm phán buộc tội có thể tạm thay một Thẩm phán xử án hay trái lại.

## MỤC B - ĐỔI CHỨC VỊ

**Điều thứ 109:** Một Thẩm phán xử án có thể xin sang chức vị Thẩm phán buộc tội, và trái lại, một Thẩm phán buộc tội có thể sang bên Thẩm phán xử án.

Hội đồng thăng thưởng nói ở điều thứ 71 trên đây, sẽ xét các đơn xin đổi chức vị. Ngoài trường hợp có đơn xin, Hội đồng còn có thể quyết nghị việc đổi chức vị theo lời đề nghị của một hội viên.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp căn cứ vào quyết nghị của Hội đồng thăng thưởng, sẽ ra nghị định cho đổi chức vị.

## MỤC C - Y PHỤC

**Điều thứ 110:** Y phục các Thẩm phán Tòa Thượng thẩm và Tòa Đệ nhị cấp sẽ, theo quốc tế, là áo dài đen tay rộng, giải trắng có nếp ở trước ngực, giải đen có lông trắng quàng trên vai bên trái.

Các Thẩm phán sơ cấp không có y phục riêng, nhưng sẽ đeo một dấu hiệu, do nghị định Bộ trưởng Bộ Tư pháp ấn định.

## TIẾT THỨ BẢY: TỔNG LỆ

**Điều thứ 111:** Các khoản luật lệ trái với Sắc lệnh này đều bãi bỏ.

**Điều thứ 112:** Các sắc lệnh, các nghị định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, và của các Ủy ban nhân dân, bổ dụng các Thẩm phán trước ngày ban hành Sắc lệnh này, đều có tính cách tạm thời.

**Điều thứ 113:** Sắc lệnh này sẽ do nghị định Bộ trưởng Bộ Tư pháp thi hành tùy tiện, và áp dụng dần dần trong nước.

**Điều thứ 114:** Bộ trưởng Bộ Tư pháp chịu ủy nhiệm thi hành Sắc lệnh này.

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 1946

Bộ trưởng Bộ Tư pháp

Chủ tịch Chính phủ lâm thời

Vũ Trọng Khánh

Hồ Chí Minh (đã ký)

(Đã tiếp ký và đóng dấu)

Sắc lệnh số 21 ngày 14-02-1946, tổ chức tòa án quân sự".

**SẮC LỆNH**

CỦA CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ LÂM THỜI  
NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA  
SỐ 21 NGÀY 14 THÁNG 2 NĂM 1946

**CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ LÂM THỜI  
VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA**

*Chiếu chi Sắc lệnh ngày 13-9-1945, 26-9-1945, 29-9-1945, 28-12-1945, 15-1-1946 về tòa án quân sự;*

*Xét cần phải tổng hợp các sắc lệnh kể trên và bỏ khuyết mấy điều;*

*Theo lời đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;*

*Sau khi Hội đồng Chính phủ đã thỏa thuận;*

**RA SẮC LỆNH:**

Điều 1: Trong tình thế đặc biệt hiện thời, những tòa án quân sự thiết lập tại Bắc bộ, Trung bộ và Nam bộ tổ chức theo quy tắc định trong sắc lệnh này.

Điều 2: Tòa án quân sự xử tất cả các người nào phạm một việc gì, sau hay trước ngày 19 tháng 8 dương lịch năm 1945, có phương hại đến nền độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Trừ những việc nào mà phạm nhân là binh sĩ, dù là tòng phạm hay chính phạm, thì thuộc về nhà binh tự xử lấy.

Điều 3: Tòa án quân sự xử cả những tội phạm khác do sắc lệnh ấn định sau.

Điều 4: Tòa án quân sự sẽ thiết lập ở những nơi cần thiết do nghị định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Nghị định ấy sẽ ấn định quản hạt của mỗi tòa.

Điều 5: Tòa án quân sự lập thành như sau:

Ngồi xử có Chánh án và hai Hội thẩm. Ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ chỉ định một ủy viên quân sự giữ chức Chánh án và một ủy viên chính trị ngồi ghế Hội thẩm. Ông Bộ trưởng Bộ Tư pháp sau khi thỏa hiệp với Bộ trưởng Bộ Nội vụ chỉ định một thẩm phán chuyên môn ngồi ghế hội thẩm thứ nhì. Ở Trung kỳ và Nam kỳ, quyền chỉ định ấy ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ có thể ủy cho ông Chủ tịch Ủy ban hành chính Kỳ, ông Bộ trưởng Bộ Tư pháp có thể ủy cho ông Chánh nhất Tòa Thượng thẩm.

Đứng buộc tội là một Công cáo ủy viên do hai ông Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ làm một nghị định chỉ định. Ở Trung kỳ và Nam kỳ, hai ông Bộ trưởng có thể ủy quyền chỉ định ấy cho hai ông Chương lý Tòa Thượng thẩm và Chủ tịch Ủy ban hành chính. Ủy viên Chính phủ ngồi ghế công cáo có thể lấy ở trong quân đội, trong Ban trình sát hay trong các thẩm phán chuyên môn.

Bị cáo có quyền tự bênh vực lấy hay nhờ luật sư hoặc một người khác bênh vực cho.

Một viên lục sự ngồi chép các điều tranh luận, giữ án từ và giấy má.

Điều 6: Các thẩm phán của Tòa án quân sự xét xử theo luật pháp và lương tâm mình.

Các công cáo ủy viên trực tiếp đặt dưới quyền kiểm soát của hai ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp và phải tuân theo mệnh lệnh do hai ông Bộ trưởng này cùng ký. Tại Trung kỳ và Nam kỳ, quyền ấy ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ có thể ủy cho ông Chủ tịch Ủy ban hành chính ký, ông Bộ trưởng Bộ Tư pháp có thể ủy cho ông Chương lý Tòa thượng thẩm.

Điều 7: Tòa án quân sự xử công khai và có thể họp ngoài trụ sở. Nếu có duyên cớ đặc biệt, tòa có thể quyết định xử kín được.

Nhưng dù vào trường hợp nào tòa án cũng thẩm nghị trong phòng kín và tuyên bố bản án trước công chúng.

Điều 8: Tòa án quân sự có thể tuyên án

- 1 - Tha bổng
- 2 - Tịch thu một phần hay tất cả tài sản
- 3 - Phạt tù từ một năm đến 10 năm
- 4 - Phạt khổ sai từ 5 năm đến 20 năm
- 5 - Xử tử

Tòa án có thể vừa tuyên phạt giam hay phạt tử hình, vừa xử tịch thu một phần hay tất cả tài sản của tội nhân.

Tòa án có thể tuyên rằng mình không có thẩm quyền.

Điều 9: Tài sản tịch thu của các tội nhân sẽ cho vào quỹ của toàn quốc.

Điều 10: Khi phạt tù, tòa có thể cho tội nhân được hưởng án treo nếu có những lý do đáng khoan hồng. Bản án xử treo sẽ tạm đình việc thi hành. Nếu trong 5 năm bắt đầu từ ngày tuyên án, tội nhân không bị tòa án quân sự làm tội một lần nữa về một việc mới, thì bản án đã tuyên sẽ hủy đi, coi như không có. Nếu trong 5 năm ấy, tội nhân bị kết án một lần nữa trước một tòa án quân sự thì bản án treo sẽ đem thi hành.

Điều 11: Những quyết nghị của tòa án quân sự sẽ đem thi hành ngay, không có quyền chống án, trừ trường hợp sau này:

Nếu bản án tuyên xử tử, thì tội nhân có quyền đệ đơn lên Chủ tịch Chính phủ xin ân giảm. Bản án sẽ hoãn thi hành chờ quyết nghị của ông Chủ tịch Chính phủ.

Mỗi khi tòa án quân sự kết án xử tử, ông Chánh án bắt buộc phải báo cho tội nhân biết rằng có quyền xin Chủ tịch Chính phủ ân giảm và hỏi hấn có muốn đệ đơn xin không.

Câu trả lời của tội nhân phải ghi vào bản án; nếu không bản án thành vô giá trị.

Điều 12: Sắc lệnh ngày 24-12-1945 của Chủ tịch Chính phủ ủy quyền ân giảm cho Ban thường vụ của Ủy ban nhân dân Nam bộ vẫn còn hiệu lực.

Điều 13: Các chi tiết về thủ tục thi hành tại các tòa án quân sự sẽ do nghị định ông Bộ trưởng Tư pháp ấn định.

Điều 14: Sắc lệnh này sẽ áp dụng ngay 48 giờ sau khi ký.

Điều 15: Nay hủy bỏ các Sắc lệnh về tòa án quân sự ngày 13-9-1945, 26-9-1945, 29-9-1945, 28-12-1945, 15-1-1946.

Điều 16: Các Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp chiếu Sắc lệnh thi hành.

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 1946

Bộ trưởng Bộ Tư pháp  
Vũ Trọng Khánh  
(Đã tiếp ký và đóng dấu)

Chủ tịch Chính phủ lâm thời  
Hồ Chí Minh (đã ký)

Sắc lệnh số 60 ngày 16-11-1945, "Sửa đổi điều 2 của sắc lệnh ngày 10-10-1945 về tạm thu giữ các luật hiện hành ở Bắc, Nam bộ"

**SẮC LỆNH  
CỦA CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ LÂM THỜI  
SỐ 60 NGÀY 16 THÁNG 11 NĂM 1945**

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA  
*Chiếu lời yêu cầu của Ủy ban nhân dân Trung bộ,  
Theo lời đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,  
Sau khi Hội đồng Chính phủ đã thảo luận ngày 16-11-1945,*

**RA SẮC LỆNH:**

**Điều thứ nhất:** Điều thứ II sắc lệnh ngày 10 tháng 10 năm 1945 nay đổi như sau:

Trước các tòa án ở Nam bộ và hai thành phố Hà Nội, Hải Phòng, sẽ áp dụng thủ tục ấn định trong nghị định ngày 16 tháng 3 năm 1910 của nguyên Toàn quyền Đông Dương và những nghị định sửa đổi nghị định ấy. Trước Tòa án Đà Nẵng sẽ áp dụng thủ tục ấn định trong hai bộ Hình sự tố tụng thủ tục và dân sự, thương sự tố tụng thủ tục Trung bộ, do Dự ngày 12 tháng 6 năm 1942 và Nghị định của nguyên Toàn quyền Đông Dương ngày 27-8-1943 ban bố.

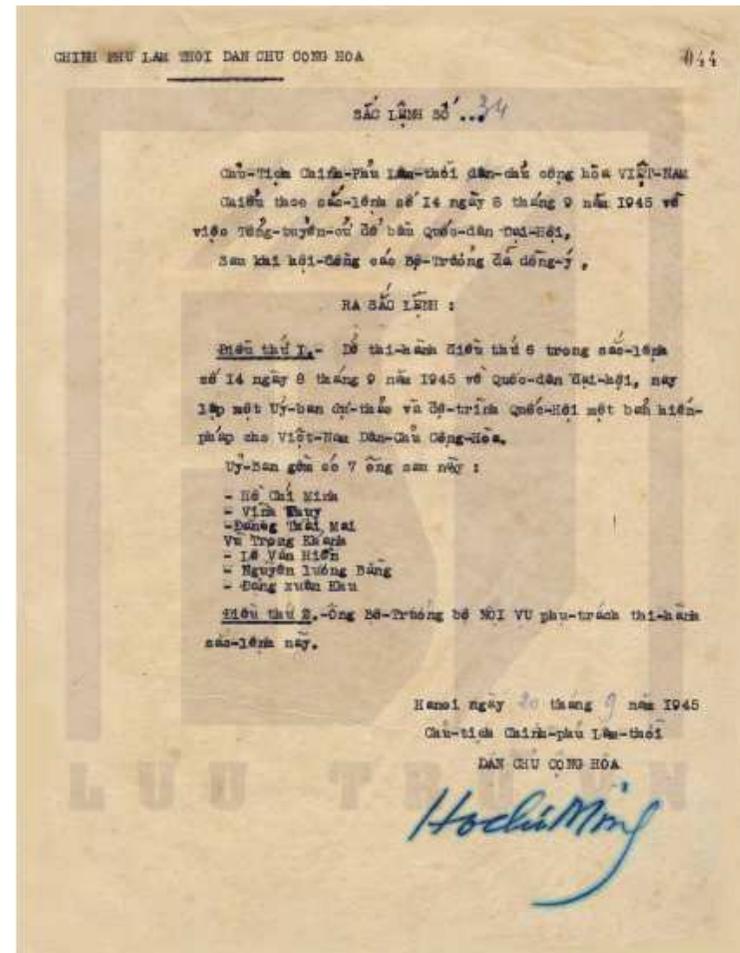
**Điều thứ hai:** Bộ trưởng Bộ Tư pháp chiếu sắc lệnh thi hành.

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 1945

Bộ trưởng Bộ Tư pháp  
Vũ Trọng Khánh  
(Đã tiếp ký và đóng dấu)

Chủ tịch Chính phủ lâm thời  
Hồ Chí Minh (đã ký)

7. Sắc lệnh số 34-SL ngày 20-9-1945, "Thành lập một ủy ban dự thảo và đệ trình quốc hội một bản hiến pháp cho Việt Nam dân chủ cộng hòa"





LUẬT SƯ VŨ TRỌNG KHÁNH...

**NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC**

53 Nguyễn Du - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội  
ĐT: (84-4) 3944 7279 - (84-4) 3945 4661 | Fax: (84-4) 3945 4660  
E-mail: lienhe@nxbtrithuc.com.vn  
Website: www.nxbtrithuc.com.vn  
www.nxbtrithuc.vn

---

Nhiều tác giả

**Luật sư Vũ Trọng Khánh,  
Bộ trưởng Bộ tư pháp đầu tiên**

Chịu trách nhiệm xuất bản:  
CHU HẢO

Biên tập: TRƯƠNG ĐỨC HÙNG  
NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY  
Bìa: TRẦN THỊ TUYẾT  
Trình bày: NGUYỄN NGUYỆT LINH

---

In 500 bản, khổ 13 x 20.5 cm.

Tại Xí nghiệp in Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc.

Giấy đăng ký KHXB số 2331-2015/CXBIPH/3-31/TrT.

Quyết định xuất bản số 46/QĐ-NXBTrT ngày 17/9/2015.

In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2015.